

BỘ CÔNG AN
CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ



TÀI LIỆU TẬP HUẤN CHUYÊN SÂU
LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ
CỨU NẠN, CỨU HỘ
(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Hà Nội, năm 2025

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN:
Trung tướng Nguyễn Tuấn Anh,
Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

THAM GIA BIÊN SOẠN:

1. Đại tá **Hoàng Ngọc Huynh**, Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
2. Đại tá **Nguyễn Văn Bình**, Trưởng phòng Tham mưu tổng hợp, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
3. Thượng tá **Lê Minh Hải**, Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
4. Thượng tá **Đoàn Tự Lập**, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
5. Đại tá **Phan Mạnh Hà**, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
6. Thượng tá **Đào Mạnh Hà**, Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học – công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
7. Thượng tá **Trần Hải Nam**, Phó Trưởng phòng Tham mưu tổng hợp, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
8. Thượng tá **Trần Tiến Minh**, Phó Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
9. Trung tá **Hoàng Thị Thu Hà**, Cán bộ Phòng Tham mưu tổng hợp, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
10. Thiếu tá **Hoàng Văn Hà**, Cán bộ Phòng Tham mưu tổng hợp, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
11. Thiếu tá **Bùi Thiên Hương**, Cán bộ Phòng Tham mưu tổng hợp, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
12. Thiếu tá **Lê Thanh Văn**, Cán bộ Phòng Tham mưu tổng hợp, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	1
PHẦN THỨ NHẤT. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH	3
I. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ.....	3
1. Sự cần thiết ban hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.....	3
2. Quá trình xây dựng Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	5
3. Bố cục và nội dung cơ bản của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ... ..	13
4. Những điểm mới của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	68
II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ.....	72
1. Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	72
2. Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.....	93
3. Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân.....	96
4. Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.....	101
PHẦN THỨ HAI. CÁC CHUYÊN ĐỀ TẬP HUẤN CHUYÊN SÂU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ.....	113
Chuyên đề 1. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, KIỂM TRA VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY; CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ	113
Chuyên đề 2. CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ, KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY	147

Chuyên đề 3. CÔNG TÁC CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ.....	177
Chuyên đề 4. CÔNG TÁC CẤP PHÉP LƯU THÔNG PHƯƠNG TIỆN PCCC, CNCH	210
Chuyên đề 5. CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ	224
Chuyên đề 6. CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, GIẢI QUYẾT VỤ CHÁY CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ	242
PHẦN THỨ BA. TOÀN VĂN LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH.....	277
1. LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ.....	278
3. NGHỊ ĐỊNH Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	320
4. NGHỊ ĐỊNH Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	395
5. THÔNG TƯ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.....	427
6. THÔNG TƯ Quy định về nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân	439

LỜI NÓI ĐẦU

Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy (PCCC) và cứu nạn, cứu hộ (CNCH) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được đặt ra tại Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư khoá XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC và Kết luận số 02-KL/TW ngày 18/5/2021 của Ban Bí thư khoá XIII về việc tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 47-CT/TW. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy cũng đã đặt ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy và chữa cháy, trong đó có nhiệm vụ tổng kết, rà soát, nghiên cứu trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Phòng cháy và chữa cháy và các quy định của pháp luật có liên quan; chủ động rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật. Như vậy, việc xây dựng và ban hành Luật PCCC và CNCH không chỉ có ý nghĩa quan trọng và cấp bách, tiếp tục thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực PCCC, CNCH mà còn khắc phục những tồn tại, hạn chế trong hệ thống pháp luật hiện hành, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC, CNCH.

Luật PCCC và CNCH được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Luật PCCC và CNCH có 08 chương và 55 Điều. Để triển khai thi hành Luật PCCC và CNCH, Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định gồm: Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH; Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH; Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành 03 Thông tư gồm: Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH, Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 quy định nhiệm vụ công tác PCCC và CNCH của lực lượng Công an nhân dân, Thông tư số 38/2025/TT-BCA quy định về thực hiện dân chủ trong công tác PCCC và CNCH của lực lượng Công an nhân dân.

Để phục vụ việc nghiên cứu, triển khai tổ chức thi hành Luật PCCC và CNCH

và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành, Cục Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức biên soạn “*Tài liệu tập huấn chuyên sâu Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*”. Nội dung tài liệu gồm ba phần:

Phần thứ nhất: Nội dung cơ bản của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các văn bản hướng dẫn thi hành

Phần thứ hai: Các chuyên đề tập huấn chuyên sâu về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Phần thứ ba: Toàn văn Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các văn bản hướng dẫn thi hành

CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

PHẦN THỨ NHẤT
NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY
VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ VÀ CÁC VĂN BẢN
HƯỚNG DẪN THI HÀNH

I. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY
VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

1. Sự cần thiết ban hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật PCCC và CNCH được xây dựng và ban hành nhằm tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước trong công tác phòng cháy, chữa cháy, CNCH, cụ thể:

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: tăng cường công tác phòng, chống cháy, nổ và tìm kiếm CNCH; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các đe dọa an ninh phi truyền thống, nhất là nhiệm vụ CNCH, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người.

- Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC; trong đó yêu cầu chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực PCCC và CNCH; kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về PCCC ở các cấp; đẩy mạnh xã hội hoá công tác PCCC; ưu tiên đầu tư ngân sách để xây dựng cơ sở vật chất, trang bị phương tiện và các điều kiện bảo đảm PCCC và CNCH; nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ PCCC và CNCH ở trong nước.

- Kết luận số 02-KL/TW ngày 18/5/2021 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 47-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC, trong đó nhấn mạnh tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCCC, CNCH; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, công tác thanh tra, kiểm tra về PCCC. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác PCCC; xây dựng chế độ, chính sách thu hút các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu và chuyển giao công nghệ sản xuất, lắp ráp trang thiết bị về PCCC và CNCH; huy động nguồn lực xã hội, nguồn lực từ bảo hiểm cháy, nổ để đầu tư, xây dựng và phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, kỹ thuật, phương tiện, thiết bị, hóa chất phục vụ công tác PCCC, CNCH; tập trung xây dựng, kiện toàn lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH cách mạng, chính quy, tinh nhuệ tiến lên hiện đại; kiện toàn, củng cố mô hình lực lượng bán chuyên trách PCCC tại cơ sở, có chế độ, chính

sách phù hợp để phát huy vai trò của lực lượng này trong PCCC tại chỗ; thực hiện hiệu quả hợp tác quốc tế về PCCC và CNCH.

- Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về việc tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy (PCCC), trong đó tổng kết, rà soát, nghiên cứu trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Phòng cháy và chữa cháy và các quy định của pháp luật có liên quan; chủ động rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật; bảo đảm ngân sách nhà nước cho hoạt động PCCC và lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy ở các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; thực hiện quy định về hỗ trợ thường xuyên cho đội trưởng, đội phó đội dân phòng và đội PCCC cơ sở không chuyên trách; đẩy mạnh xã hội hóa công tác PCCC.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Bổ sung quy định về hoạt động cứu nạn, cứu hộ đối với những sự cố, tai nạn xảy ra trong đời sống hằng ngày có tác động trực tiếp, làm hạn chế quyền con người, quyền công dân và theo quy định của Hiến pháp năm 2013 phải được quy định trong văn bản luật

- Hoạt động CNCH của lực lượng PCCC và CNCH có tác động trực tiếp, làm hạn chế quyền con người, quyền công dân như thực hiện các biện pháp y tế tác động đến người bị nạn; phá dỡ nhà, công trình, phương tiện, chướng ngại vật để mở lối tiếp cận, lối thoát nạn, bố trí phương tiện, dụng cụ, lực lượng CNCH; ngăn chặn, loại bỏ các yếu tố nguy hiểm đe dọa an toàn phương tiện, tài sản, sức khỏe, tính mạng lực lượng CNCH và thực hiện các biện pháp khác trong quá trình CNCH... và theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 thì “*quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật*”. Tuy nhiên, chỉ có hoạt động PCCC được quy định trong Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2013; qua rà soát các luật trước đây cho thấy mới chỉ có quy định về hoạt động tìm kiếm, CNCH khi xảy ra sự cố, tai nạn do thiên tai, thảm họa, xảy ra trên quy mô lớn, diện rộng hoặc trong các lĩnh vực chuyên ngành đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa, hàng không dân dụng, trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, phòng thủ dân sự, năng lượng nguyên tử, hóa chất, biển, hải đảo, môi trường..., hoạt động CNCH đối với những tai nạn, sự cố thông thường xảy ra trong đời sống hằng ngày mà lực lượng PCCC và CNCH đang thực hiện như sự cố, tai nạn cháy, nổ, sập, đổ nhà, công trình, sạt lở đất, đá, có người

bị mắc kẹt, tai nạn đuối nước và những sự cố, tai nạn thông thường khác lại chưa được quy định cụ thể trong văn bản luật là chưa bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, không bảo đảm cơ sở pháp lý để lực lượng PCCC và CNCH thực hiện nhiệm vụ (các sự cố, tai nạn xảy ra trong đời sống hằng ngày được quy định trong Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác CNCH của lực lượng phòng cháy và chữa cháy).

- Thực tiễn cho thấy, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH vẫn đang triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới quản lý nhà nước về CNCH và là lực lượng giữ vai trò nòng cốt, thường trực trong công tác CNCH, có đầy đủ các điều kiện, khả năng để thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó, qua tham khảo kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới cho thấy, nhiệm vụ CNCH đều được giao cho lực lượng PCCC và CNCH chuyên trách đảm nhiệm; các lực lượng khác ở cơ sở tham gia phối hợp để đem lại hiệu quả cao trong công tác CNCH khi xảy ra các tình huống tai nạn, sự cố.

1.2.2. Đáp ứng yêu cầu thực tiễn khách quan và khắc phục hạn chế, vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật

Trong thời gian qua, tình hình cháy, nổ còn diễn biến phức tạp, nhất là tại các thành phố lớn, các khu đô thị tập trung đông dân cư với nhiều loại hình cơ sở mới xuất hiện đã và đang gây ra những thiệt hại về người và tài sản, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, đời sống xã hội, môi trường ổn định để phát triển kinh tế, xã hội... Thực tế này đòi hỏi cấp thiết phải tăng cường các giải pháp, biện pháp, yêu cầu để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC và việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về PCCC là để kịp thời tạo cơ sở pháp lý nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về PCCC trong thực tiễn.

Mặt khác, qua giám sát tối cao của Quốc hội về “*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy giai đoạn 2014 - 2018*” đã chỉ ra một số hạn chế, bất cập chưa được khắc phục triệt để như: trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong PCCC và CNCH; việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC; việc đảm bảo an toàn trong sử dụng điện; việc xây dựng lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành, PCCC và CNCH cơ sở và lực lượng dân phòng; việc tổ chức PCCC tình nguyện... Việc xây dựng, ban hành Luật PCCC và CNCH là cần thiết để khắc phục triệt để những hạn chế, bất cập nêu trên, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và tăng cường công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH trong tình hình mới.

2. Quá trình xây dựng Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

2.1. Mục đích, quan điểm xây dựng Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

2.1.1. Mục đích

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC; cụ thể hóa và tạo cơ sở pháp lý để bảo đảm thi hành quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân.

- Đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác bảo đảm an ninh, trật tự; bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người, tài sản của nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân; tạo môi trường an toàn phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường giải pháp phòng ngừa, phân công, phân cấp gắn trách nhiệm trong hoạt động PCCC, CNCH.

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ trong hoạt động PCCC, CNCH; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật; khắc phục hạn chế, vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật và bổ sung quy định đáp ứng yêu cầu thực tiễn khách quan trong tình hình mới.

2.1.2. Quan điểm xây dựng Luật

- Tuân thủ Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật; bảo đảm các quy định của Luật được cụ thể và có tính khả thi.

- Đảm bảo nguyên tắc nhà nước thống nhất quản lý về PCCC, CNCH; phân công, phân cấp gắn với trách nhiệm trong quản lý, thực hiện quy định về PCCC, CNCH.

- Tổng kết đầy đủ, toàn diện thực tiễn thi hành pháp luật về PCCC, CNCH; kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục những hạn chế, vướng mắc, bất cập và bổ sung quy định mới để nâng cao hiệu quả công tác PCCC, CNCH đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

- Tham khảo có chọn lọc pháp luật của một số nước về PCCC, CNCH để vận dụng quy định cho phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.

2.2. Các chính sách của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

2.2.1. Chính sách 1: Quy định bao quát, thống nhất hoạt động PCCC; phân loại cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC; phân công, phân cấp, tăng cường giải pháp phòng ngừa, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong hoạt động PCCC

- Quy định bao quát, cụ thể các loại hình cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC; điều chỉnh các quy định còn chưa cụ thể, chưa rõ ràng hoặc bổ sung các nội dung mới để đảm bảo thực thi quy định về hoạt động PCCC như quy định về điều kiện an toàn PCCC đối với cơ sở, các công trình đặc thù, các cơ sở thuộc diện quản lý; điều động, huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong kiểm tra, giám sát, đầu tư, xây dựng, bảo đảm an toàn PCCC, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCCC.

- Nghiên cứu bổ sung các quy định về phân công trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong quản lý về PCCC theo hướng Bộ Xây dựng xem xét các giải pháp liên quan đến thoát nạn, ngăn cháy, bậc chịu lửa; Bộ Công thương xem xét giải pháp công nghệ sản xuất; Bộ Giao thông vận tải xem xét giải pháp đường giao thông chữa cháy; Bộ Công an xem xét các giải pháp hệ thống PCCC...; phân công trách nhiệm của các cơ quan liên quan đến giao thông, cấp điện, nước, cơ sở y tế trong hoạt động chữa cháy; phân công trách nhiệm trong tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về PCCC; phân cấp gắn với trách nhiệm trong công tác quản lý, phê duyệt phương án chữa cháy, quản lý về PCCC.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về PCCC cũng như trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đơn vị, cơ sở, chủ hộ gia đình và cá nhân trong việc tổ chức thực hiện công tác PCCC. Phân định rõ trách nhiệm thực hiện quy hoạch hạ tầng PCCC, trách nhiệm đầu tư xây dựng các công trình liên quan đến PCCC giữa các bộ, ngành và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, kỹ năng về PCCC cho mọi tầng lớp nhân dân.

- Phát triển hạ tầng PCCC thân thiện với môi trường trên cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại, tăng cường công tác chuyển giao công nghệ trong xây dựng, quản lý, vận hành hạ tầng PCCC; xây dựng chính sách khuyến khích liên kết và chuyển giao công nghệ trong phát triển hạ tầng PCCC; nghiên cứu sản xuất, ứng dụng các loại phương tiện, thiết bị, vật liệu mới trong xây dựng, bảo trì hạ tầng PCCC; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, phần mềm và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng PCCC.

- Đẩy mạnh việc phân công, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong công tác đầu tư, quản lý hoạt động PCCC; tập trung giải quyết những bất cập về cấp nước, giao thông phục vụ PCCC.

2.2.2. Chính sách 2: Quy định cụ thể các hoạt động CNCH có tác động trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân mà chưa được quy định trong văn bản Luật

Bổ sung các quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động CNCH, phạm vi hoạt động CNCH, các điều kiện bảo đảm và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác CNCH; quy định phòng ngừa sự cố, tai nạn; huấn luyện kỹ năng, nghiệp vụ CNCH; xây dựng phương án sẵn sàng xử lý các tình huống CNCH; công tác tuyên truyền, hướng dẫn kiến thức về CNCH; chế độ chính sách đối với lực lượng thực hiện nhiệm vụ CNCH và những vấn đề khác có liên quan tới công tác CNCH.

2.2.3. Chính sách 3: Quy định thực hiện xã hội hóa công tác PCCC đối với một số nội dung quản lý nhà nước về PCCC

Sửa đổi, bổ sung các quy định để đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực PCCC. Bên cạnh đó, có chính sách ưu đãi thuế đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp phương tiện PCCC; hoàn trả bồi thường thiệt hại phương tiện, tài sản được huy động để chữa cháy; chính sách đối với người tham gia chữa cháy; chính sách khuyến khích đầu tư cho hoạt động PCCC...

2.2.4. Chính sách 4: Xây dựng, bố trí lực lượng, nhiệm vụ của lực lượng PCCC và CNCH

- Điều chỉnh quy định việc xây dựng, bố trí lực lượng phù hợp với từng địa phương, địa bàn và linh động để các địa phương được chủ động căn cứ vào yêu cầu công tác bảo đảm PCCC, CNCH ở từng địa bàn, cơ sở.

- Quy định cụ thể, toàn diện nhiệm vụ của lực lượng PCCC và CNCN trong văn bản luật, nhất là những nhiệm vụ có liên quan trực tiếp đến việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, qua đó bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc thực thi nhiệm vụ của lực lượng PCCC và CNCN cũng như bảo đảm quyền con người, quyền công dân được thực hiện theo đúng quy định của Hiến pháp năm 2013.

- Đổi mới và đa dạng hóa hình thức, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện để nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH.

- Củng cố, phát triển lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành và dân phòng; đẩy mạnh hoạt động PCCC và CNCH tình nguyện để tăng cường nguồn nhân lực, nâng cao phục vụ công tác PCCC và CNCH.

2.2.5. Chính sách 5: Bảo đảm điều kiện đối với hoạt động PCCC, CNCH

- Huy động nguồn lực đầu tư cho hoạt động PCCC và CNCH từ các nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn ODA, nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ, nguồn

đóng góp tự nguyện, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài và các nguồn lực khác theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển PCCC thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, Hiệp hội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Việt Nam và các tổ chức xã hội khác; bổ sung, hoàn thiện chế độ, chính sách nhằm thu hút nhân lực phục vụ chuyên nghiệp trong lực lượng Cảnh sát PCCC, CNCH và các lực lượng PCCC ở cơ sở.

2.3. Quá trình xây dựng Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

2.3.1. Quá trình lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCCC, CNCH là nhiệm vụ trọng tâm được đặt ra tại Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC và Kết luận số 02-KL/TW ngày 18/5/2021 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 47-CT/TW. Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy cũng đã đặt ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy và chữa cháy, trong đó có nhiệm vụ tổng kết, rà soát, nghiên cứu trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Phòng cháy và chữa cháy và các quy định của pháp luật có liên quan; chủ động rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật. Thực hiện chủ trương của Đảng cũng như nhiệm vụ Quốc hội đặt ra, Bộ Công an đã chủ động tham mưu Chính phủ lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật PCCC và CNCH trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, bổ sung vào chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội năm 2024.

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công an đã tổ chức tổng kết thực tiễn 10 năm triển khai thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2013; từ đó rút ra những hạn chế, vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật, những yêu cầu cấp thiết của thực tiễn để xây dựng hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật PCCC và CNCH. Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật PCCC và CNCH đã được gửi xin ý kiến các bộ, ban ngành, các đối tượng chịu sự tác động và đăng Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Công an để lấy ý kiến rộng rãi từ nhân dân. Trên cơ sở ý kiến góp ý từ các cơ quan, tổ chức và cá nhân, Bộ Công an đã nghiêm túc tiếp thu và

nhANH chóng hoàn thiện hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật PCCC và CNCH báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tại Phiên họp thứ 32 (ngày 15/4/2024), Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đánh giá cao tầm quan trọng, sự cần thiết của các chính sách lớn về PCCC và CNCH được thể hiện trong Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật PCCC và CNCH và biểu quyết thông qua Nghị quyết số 45/2024/UBTVQH15, bổ sung dự án Luật PCCC và CNCH vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024). Qua đó cho thấy, việc xây dựng, ban hành Luật PCCC và CNCH là thực sự cần thiết để khắc phục kịp thời những hạn chế, bất cập nêu trên, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và tăng cường công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH trong tình hình mới.

2.3.2. Quá trình xây dựng Hồ sơ dự án Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trình Quốc hội khoá XV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7

Ngày 15/4/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có Nghị quyết số 45/2024/UBTVQH15 về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trong đó có nội dung bổ sung dự án Luật PCCC và CNCH vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024) và xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024). Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Công an đã báo cáo Chính phủ về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật PCCC và CNCH. Các thành viên của Ban soạn thảo gồm đại diện các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan, tổ chức có liên quan. Ban soạn thảo đã tiến hành các hoạt động triển khai nghiên cứu xây dựng hồ sơ dự án Luật theo đúng quy định, bao gồm: (1) Tờ trình; (2) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (3) Báo cáo tổng kết thi hành Luật PCCC; (4) Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về CNCH; (5) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật; (6) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (7) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương; (8) Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; (9) Dự thảo Luật PCCC và CNCH, dự thảo Nghị định, Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật PCCC và CNCH và các tài liệu khác.

Hồ sơ dự án Luật PCCC và CNCH đã được gửi lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Công an các đơn vị, địa phương và gửi lấy ý kiến của các Thành viên Ban soạn thảo, Tổ

biên tập dự án Luật. Hồ sơ dự án Luật cũng đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định. Các ý kiến tham gia đã được tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật gửi Bộ Tư pháp thẩm định, trình Chính phủ thống nhất thông qua để trình Quốc hội.

Chỉ trong một thời gian ngắn, hồ sơ dự án Luật PCCC và CNCH đã được xây dựng đúng quy trình theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo chất lượng, được các cơ quan thẩm tra của Chính Phủ, Quốc hội đánh giá cao, đủ điều kiện trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7. Tại Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV, các vị đại biểu Quốc hội đã thảo luận, cho ý kiến về dự án Luật PCCC và CNCH. Đã có 124 lượt ý kiến phát biểu, trong đó 107 lượt ý kiến tại tổ và 17 lượt ý kiến tại Hội trường. Trên cơ sở ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh chủ trì, phối hợp với Cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật PCCC và CNCH trình Quốc hội xem xét, thông qua vào Kỳ họp thứ 8.

2.3.3. Quá trình tiếp thu, chỉnh lý Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trình Quốc hội khoá XV xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 8

Để phục vụ việc tiếp thu, chỉnh lý Luật PCCC và CNCH, Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh đã chủ trì, phối hợp với Cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan tổ chức nhiều cuộc họp để nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật PCCC và CNCH theo ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7. Bên cạnh đó, tổ chức 03 Đoàn khảo sát và 02 buổi Toạ đàm về dự án Luật PCCC và CNCH để nghiên cứu, đánh giá tình hình thực tiễn công tác PCCC và CNCH; cung cấp thông tin phục vụ hoạt động tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật PCCC và CNCH và cung cấp thông tin để các đại biểu Quốc hội nghiên cứu trong quá trình xem xét, cho ý kiến về dự án Luật. Dự thảo Luật PCCC và CNCH sau khi được tiếp thu, chỉnh lý và dự thảo Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý đã được báo cáo UBTVQH tại Phiên họp chuyên đề pháp luật (tháng 8/2024), trình Hội nghị ĐBQH hoạt động chuyên trách lần thứ 6 (tháng 8/2024), gửi xin ý kiến các Đoàn ĐBQH, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan hữu quan liên quan theo quy định. So với dự thảo Luật do Chính phủ trình tại Kỳ họp thứ 7, dự thảo Luật đã được chỉnh lý có 59 điều (giảm 06 điều do chỉnh lý, ghép các nội dung quy định có tính tương đồng và lược bỏ 01 điều về xã hội hóa hoạt động kinh doanh dịch vụ PCCC). Dự thảo Luật sau khi được tiếp thu, chỉnh lý đạt được

sự đồng thuận giữa Cơ quan thẩm tra và Cơ quan soạn thảo, đủ điều kiện trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 8.

Tại Kỳ họp thứ 8 (ngày 01/11/2024), Quốc hội đã thảo luận tại Hội trường về dự thảo Luật PCCC và CNCH; có 10 lượt ý kiến Đại biểu Quốc hội phát biểu và 01 đại biểu gửi ý kiến góp ý bằng văn bản. Cơ bản ý kiến của các vị Đại biểu Quốc hội tán thành với dự thảo Luật PCCC và CNCH đã được tiếp thu, chỉnh lý; đồng thời đánh giá Báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật được chuẩn bị chu đáo, giải trình đầy đủ, toàn diện các ý kiến tham gia. Quán triệt Nghị quyết số 27-NQ/TW, chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm và chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội (tại Công thư số 15/CTQH ngày 29/10/2024 và Công thư số 17/CTQH ngày 11/11/2024) về thực hiện các giải pháp đổi mới trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật, nghị quyết tại Kỳ họp thứ 8; trên cơ sở ý kiến của các vị Đại biểu Quốc hội, thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo Thường trực Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội chủ trì, phối hợp với Cơ quan soạn thảo (Bộ Công an) và các cơ quan hữu quan tiếp tục nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật PCCC và CNCH trước khi Quốc hội xem xét thông qua. Trong đó, đặc ra yêu cầu việc tiếp thu, chỉnh lý phải bảo đảm các quy định của dự thảo Luật được rõ ràng, thực chất, ngắn gọn, nhưng không quy định chung chung, phải quy định những nội dung đúng thẩm quyền của Quốc hội, bám sát thực tiễn, bảo đảm tính khả thi; bảo đảm phân cấp, phân quyền gắn với quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước, nâng cao năng lực thực thi; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp; không quy định trong luật những nội dung về thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ mà giao Chính phủ, các Bộ quy định theo thẩm quyền để linh hoạt, kịp thời sửa đổi, bổ sung khi cần thiết, tạo thuận lợi cho việc phân cấp phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính; xây dựng, chỉnh lý các điều luật rõ ràng, thực chất, cụ thể, không trùng lặp với nội dung đã được quy định trong các dự luật khác góp phần đơn giản, gọn nhẹ nội dung của luật, bảo đảm dễ hiểu, dễ thực hiện.

So với dự thảo Luật trình Quốc hội cho ý kiến đầu Kỳ họp thứ 8 thì dự thảo Luật trình Quốc hội thông qua có 55 Điều (giảm 04 điều do lược bỏ và ghép nội dung các Điều cho phù hợp hơn). Ngày 29/11/2024, tại Kỳ họp thứ 8, 448/450

Đại biểu Quốc hội khoá XV đã đồng ý thông qua Luật PCCC và CNCH, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

3. Bộ cục và nội dung cơ bản của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Luật PCCC và CNCH gồm 08 Chương, 55 Điều, cụ thể như sau:

3.1. Các quy định chung (Chương I)

Chương I gồm 14 Điều (từ Điều 1 đến Điều 14), quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; áp dụng pháp luật về PCCC và CNCH; chính sách của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, CNCH; nguyên tắc phòng cháy, chữa cháy, CNCH; báo cháy, báo tình huống CNCH; trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, CNCH; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH; trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH; xây dựng, thực tập các phương án chữa cháy, CNCH; kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy; ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy, CNCH; hợp tác quốc tế về phòng cháy, chữa cháy, CNCH; các hành vi bị nghiêm cấm. Cụ thể như sau:

3.1.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật PCCC năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2013 chỉ quy định về phòng cháy, chữa cháy, xây dựng lực lượng, trang bị phương tiện, chính sách cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy; chưa đề cập đến hoạt động CNCH của lực lượng PCCC và CNCH. Hoạt động CNCH đối với những tai nạn, sự cố thông thường xảy ra trong đời sống hằng ngày mà lực lượng PCCC và CNCH đang thực hiện như sự cố, tai nạn cháy, nổ, sập, đổ nhà, công trình, sạt lở đất, đá, có người bị mắc kẹt, tai nạn đuối nước và những sự cố, tai nạn thông thường khác mới chỉ được quy định tại Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác CNCH của lực lượng phòng cháy và chữa cháy. Như vậy là chưa bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và không phù hợp với Hiến pháp năm 2013, không bảo đảm cơ sở pháp lý đúng quy định để lực lượng PCCC và CNCH thực hiện nhiệm vụ. Bởi hoạt động CNCH của lực lượng PCCC và CNCH có tác động trực tiếp, làm hạn chế quyền con người, quyền công dân như thực hiện các biện pháp y tế tác động đến người bị nạn; phá dỡ nhà, công trình, phương tiện, chướng ngại vật để mở lối tiếp cận, lối thoát nạn, bố trí phương tiện, dụng cụ, lực lượng CNCH; ngăn chặn, loại bỏ các yếu tố nguy hiểm đe dọa đến an toàn của phương tiện, tài sản, sức khỏe, tính mạng lực lượng CNCH và thực hiện các biện pháp khác trong quá trình CNCH... và theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp

năm 2013 thì “*quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật*”. Thực tiễn cho thấy, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH vẫn đang triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới quản lý nhà nước về CNCH và là lực lượng giữ vai trò nòng cốt, thường trực trong công tác CNCH, có đầy đủ các điều kiện, khả năng để thực hiện nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đã nêu rõ biện pháp hàng đầu để nâng cao hiệu quả công tác PCCC và CNCH trong giai đoạn hiện nay là phải tăng cường trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội trong thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH. Vì vậy, Chính phủ đã thống nhất báo cáo và được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất thông qua 05 chính sách như sau:

- Quy định bao quát, thống nhất hoạt động PCCC; phân loại cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC; phân công, phân cấp, tăng cường giải pháp phòng ngừa, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong hoạt động PCCC
- Quy định cụ thể các hoạt động CNCH có tác động trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân mà chưa được quy định trong văn bản Luật
- Quy định thực hiện xã hội hóa công tác PCCC đối với một số nội dung quản lý nhà nước về PCCC
- Xây dựng, bố trí lực lượng, nhiệm vụ của lực lượng PCCC và CNCH
- Bảo đảm điều kiện đối với hoạt động PCCC, CNCH

Theo đó, Luật PCCC và CNCH đã xác định phạm vi điều chỉnh như sau: “*Luật này quy định về phòng cháy, chữa cháy, CNCH; lực lượng, phương tiện, bảo đảm điều kiện hoạt động và quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH.*”

3.1.2. Về giải thích từ ngữ (Điều 2)

Để khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật PCCC 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) và giúp quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về PCCC và CNCH được rõ ràng, dễ hiểu và thống nhất, Luật PCCC và CNCH năm 2024 đã chỉnh lý, bổ sung việc giải thích nhiều từ ngữ để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn. Cụ thể như sau:

- Sửa đổi khái niệm “cơ sở”: Thực hiện khoản 3 Điều 3 Luật PCCC, Chính phủ ban hành quy định danh mục tên loại hình cơ sở cụ thể để phân công, phân cấp quản lý. Tuy nhiên, trên thực tế các loại hình cơ sở này thường xuyên thay

đổi, phát sinh mới dẫn đến bỏ lọt địa bàn, cơ sở. Đồng thời, thực tế cho thấy, một cơ quan, tổ chức có thể có 1 hoặc nhiều cơ sở ở các địa điểm khác nhau, đồng thời trong phạm vi một cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức thuê, mua mặt bằng để tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH. Để khắc phục, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, Luật PCCC và CNCH đã xác định *“Cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy (sau đây gọi là cơ sở) là nhà, công trình, địa điểm được sử dụng để ở, sản xuất, kinh doanh, hoạt động thương mại, làm việc hoặc mục đích khác, được xây dựng, hoạt động theo quy định của pháp luật, thuộc danh mục do Chính phủ quy định. Trong một cơ quan, tổ chức có thể có một hoặc nhiều cơ sở; trong một cơ sở có thể có một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức.”*

- Chính lý khái niệm “cháy”, “chữa cháy”, “khu vực chữa cháy”, “cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ” đảm bảo tính khoa học, đầy đủ và phù hợp hơn với tình hình thực tiễn. Cụ thể như sau:

+ Cháy là phản ứng hóa học có tỏa nhiệt, phát ra ánh sáng hoặc khói, gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại về người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng đến kinh tế, môi trường, an ninh, trật tự.

+ Chữa cháy là tổng hợp các hoạt động chống cháy lan, dập tắt đám cháy và các hoạt động khác để giảm thiểu thiệt hại do cháy gây ra.

+ Khu vực chữa cháy là khu vực được giới hạn trong một phạm vi nhất định, ở đó diễn ra các hoạt động chữa cháy của các lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật.

- Thay thế khái niệm “chất nguy hiểm về cháy, nổ” bằng khái niệm “hàng hoá nguy hiểm về cháy, nổ” để bảo đảm tính bao quát, đầy đủ của đối tượng quản lý; thay thế khái niệm “đội dân phòng”, “đội PCCC cơ sở” bằng “lực lượng dân phòng”, “lực lượng PCCC và CNCH cơ sở” để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy mô của các lực lượng này. Cụ thể như sau:

+ Hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ là hàng hóa có chứa các chất, vật phẩm có nguy cơ cháy, nổ ở dạng khí, dạng lỏng hoặc dạng rắn mà khi quản lý, vận chuyển, sử dụng có khả năng gây cháy, nổ, làm nguy hại đến tính mạng, sức khỏe con người, gây thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng đến môi trường, an ninh, trật tự, thuộc danh mục do Chính phủ quy định.

+ Lực lượng dân phòng là lực lượng do chính quyền địa phương thành lập để thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, CNCH ở thôn, làng, ấp, bản, buôn,

bon, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (sau đây gọi chung là tổ dân phố).

+ Lực lượng PCCC và CNCH cơ sở là lực lượng kiêm nhiệm do người đứng đầu cơ sở thành lập để thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, CNCH tại cơ sở.

- Bổ sung giải thích các khái niệm “phòng cháy”, “tai nạn, sự cố”, “cứu nạn”, “cứu hộ”, “phương tiện giao thông có yêu cầu về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy”, “người đứng đầu cơ sở”, “khu vực CNCH”, “thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy”, “nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy”, “kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy”, “cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, CNCH”, “hạ tầng phòng cháy và chữa cháy”, “cơ quan quản lý chuyên ngành”. Đây là những nội dung mới trong công tác PCCC và CNCH, đòi hỏi phải được giải thích để đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng thống nhất. Cụ thể như sau:

+ Phòng cháy là tổng hợp các hoạt động, biện pháp, giải pháp để hạn chế, loại trừ nguyên nhân, điều kiện, nguy cơ xảy ra cháy nhằm bảo đảm an toàn, giảm thiểu thiệt hại do cháy gây ra.

+ Tai nạn, sự cố là tình huống quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật PCCC và CNCH gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại về người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân cần phải CNCH.

+ Cứu nạn là hoạt động cứu người thoát khỏi nguy hiểm đang đe dọa đến tính mạng, sức khỏe trong các vụ cháy, tai nạn, sự cố và hoạt động tìm kiếm nạn nhân.

+ Cứu hộ là hoạt động cứu phương tiện, tài sản thoát khỏi nguy hiểm trong các vụ cháy, tai nạn, sự cố.

+ Phương tiện giao thông có yêu cầu về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy (gọi tắt là phương tiện giao thông) là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện thủy nội địa, tàu biển được sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải để vận tải hành khách, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; trường hợp là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vận tải hành khách thì phải trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe).

+ Người đứng đầu cơ sở là người chịu trách nhiệm trước pháp luật trong tổ chức thực hiện, duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy, CNCH tại cơ sở, bao gồm: người đại diện theo pháp luật của cơ sở hoặc người được giao trực tiếp quản lý cơ sở; chủ hộ gia đình trực tiếp sử dụng nhà ở đối với nhà ở là cơ sở thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 2 Luật PCCC và CNCH.

+ Khu vực CNCH là khu vực được giới hạn trong một phạm vi nhất định, ở đó diễn ra các hoạt động CNCH của các lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật.

+ Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là việc xem xét, đánh giá sự tuân thủ các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng đối với thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trong dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông.

+ Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là việc kiểm tra, đối chiếu thực tế thi công dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định.

+ Kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là việc cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông.

+ Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, CNCH là cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phục vụ quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, CNCH và các mục đích khác; được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

+ Cơ quan quản lý chuyên ngành là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một lĩnh vực nhất định liên quan đến phòng cháy, chữa cháy, bao gồm: cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan đăng kiểm.

+ Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy bao gồm mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình, hệ thống cung cấp nước, hệ thống giao thông và hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

3.1.3. Về áp dụng pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Điều 3)

PCCC và CNCH là một hoạt động phức tạp, có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Vì vậy, khi áp dụng pháp luật trong lĩnh vực PCCC và CNCH vừa phải bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, vừa phải phân định rõ phạm vi áp dụng với các quy định của pháp luật khác có liên quan, đặc biệt là Luật Lâm nghiệp (đã quy định về PCCC rừng), Luật Phòng thủ dân sự (có quy định về hoạt động CNCH). Luật PCCC và CNCH đã bổ sung 01 Điều về áp dụng pháp luật về PCCC và CNCH. Trong đó khẳng định: *“Hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật này và quy định của pháp*

luật có liên quan.”

Để phân định rõ phạm vi áp dụng của Luật PCCC và CNCH với phạm vi áp dụng của các luật khác có liên quan trong hệ thống pháp luật, Luật PCCC và CNCH đã xác định cụ thể tại khoản 2 Điều 3 “*Hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng, trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.*”; khoản 3 Điều 3 “*Trường hợp sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh đã được ban bố tình trạng khẩn cấp, ban bố cấp độ phòng thủ dân sự thì hoạt động CNCH thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp, pháp luật về phòng thủ dân sự, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan*”. Quy định này đã phân định rõ phạm vi hoạt động PCCC và CNCH do Luật PCCC và CNCH điều chỉnh, bảo đảm không chồng chéo với hoạt động PCCC rừng theo Luật Lâm nghiệp, hoạt động phòng, chống, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa theo quy định của Luật Phòng thủ dân sự, Luật Phòng chống thiên tai, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

3.1.4. Về chính sách của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 4)

Để thể chế hoá triệt để các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực PCCC và CNCH, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác PCCC và CNCH trong tình hình mới, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung 01 Điều về các chính sách của Nhà nước về PCCC và CNCH. Trong đó nhấn mạnh các chính sách mới, có tính đột phá như xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phòng cháy, chữa cháy, CNCH trong mọi tình huống; khuyến khích việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH, đầu tư, xây dựng, chuyển giao hệ thống, phương tiện, thiết bị phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH và xây dựng hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, CNCH và truyền tin báo cháy.

3.1.5. Về nguyên tắc phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 5)

Trên cơ sở kế thừa các quy định của Luật PCCC năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2013), Luật PCCC và CNCH đã bổ sung, phát triển các nội dung nguyên tắc trong hoạt động PCCC, CNCH, làm nền tảng để thực hiện các hoạt động PCCC và CNCH được thống nhất, hiệu quả. Bên cạnh các nội dung mang tính cốt lõi, bền vững như: huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tham gia hoạt động PCCC, CNCH; chủ động phòng ngừa, lấy phòng ngừa là chính; chuẩn bị sẵn sàng

lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện cần thiết để kịp thời chữa cháy, CNCH; phát huy vai trò của lực lượng, phương tiện, hậu cần tại chỗ khi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố; Luật PCCC và CNCH đã bổ sung các nguyên tắc nhằm tăng cường và củng cố việc tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực PCCC và CNCH, cụ thể như: Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế thì hoạt động PCCC, CNCH được thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại hoặc yêu cầu đối ngoại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế; mọi hành vi vi phạm pháp luật về PCCC và CNCH phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật; bảo đảm tính nhân đạo, công bằng, bình đẳng giới trong hoạt động PCCC.

3.1.6. Về báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ (Điều 6)

Cháy, nổ, tai nạn, sự cố là những tình huống mang tính khẩn nguy, có thể gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của con người và tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Khi có cháy, nổ, tai nạn, sự cố, hoạt động chữa cháy, CNCH được triển khai càng sớm thì hiệu quả càng cao, hạn chế được thiệt hại xảy ra. Theo đó, Luật PCCC và CNCH đã quy định về việc báo cháy, báo tình huống CNCH như sau:

Người phát hiện cháy, tình huống CNCH thì báo ngay cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và CNCH, cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gần nhất.

Thông tin báo cháy, báo tình huống CNCH được thực hiện bằng hiệu lệnh, điện thoại hoặc tín hiệu từ thiết bị truyền tin báo cháy hoặc báo trực tiếp cho các cơ quan, lực lượng nêu trên.

Số điện thoại báo cháy, báo tình huống CNCH được quy định thống nhất trong cả nước là 114.

Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và CNCH, cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được tin báo phải thông tin ngay cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và CNCH có thẩm quyền để giải quyết.

3.1.7. Về trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 7)

Quán triệt Nghị quyết số 27-NQ/TW, chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm và chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội (tại Công thư số 15/CTQH ngày 29/10/2024 và Công thư số 17/CTQH ngày 11/11/2024) về thực hiện các giải pháp

đổi mới trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật, nghị quyết tại Kỳ họp thứ 8, các quy định tại Luật PCCC và CNCH được xây dựng bảo đảm rõ ràng, thực chất, ngắn gọn, nhưng không quy định chung chung, phải quy định những nội dung đúng thẩm quyền của Quốc hội, bám sát thực tiễn, bảo đảm tính khả thi; bảo đảm phân cấp, phân quyền gắn với quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước, nâng cao năng lực thực thi. Theo đó, tại Luật PCCC và CNCH chỉ quy định khái quát về trách nhiệm quản lý nhà nước về PCCC, CNCH theo đúng thẩm quyền của Quốc hội; trách nhiệm cụ thể của các bộ, ban ngành trong quản lý nhà nước về PCCC và CNCH thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ theo Luật Tổ chức Chính phủ.

Kế thừa quy định tại Luật PCCC năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2013, Luật PCCC và CNCH giao Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về PCCC, CNCH; giao Bộ Công an là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất thực hiện quản lý nhà nước về PCCC, CNCH; Bộ Quốc phòng, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về PCCC, CNCH; Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về PCCC, CNCH tại địa phương. Tại huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong hoạt động quản lý nhà nước về PCCC, CNCH.

Quy định như vậy là phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước cũng như tình hình thực tiễn khi Luật PCCC và CNCH được ban hành trong thời điểm bộ máy nhà nước đang được sắp xếp, tinh gọn để hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Chính phủ sẽ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng bộ, ban ngành để quy định chi tiết trách nhiệm trong quản lý nhà nước về PCCC, CNCH tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCCC và CNCH.

3.1.8. Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 8)

Nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân vào việc thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH, tăng cường trách nhiệm của lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện pháp luật về PCCC và CNCH tại các cơ sở thuộc quyền quản lý, phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Đảng: “Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra cháy, nổ gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản trong phạm vi

lãnh đạo, quản lý của mình” (Chỉ thị số 47 - CT/TW của Ban Bí thư) và khắc phục tối đa hạn chế trong thực hiện chế độ tự kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH của người đứng đầu cơ sở trong thời gian qua; Luật PCCC và CNCH đã quy định PCCC, CNCH là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động, sinh sống trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo đó, mỗi cá nhân có trách nhiệm chấp hành quy định, nội quy, biện pháp, yêu cầu về PCCC, CNCH của cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền; chủ động tìm hiểu kiến thức về PCCC, CNCH và kỹ năng thoát nạn, sử dụng dụng cụ, phương tiện PCCC, CNCH thông dụng; bảo đảm an toàn trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất dễ cháy, nổ; phát hiện, ngăn chặn nguy cơ trực tiếp gây cháy, nổ và các hành vi vi phạm quy định an toàn về PCCC, CNCH trong điều kiện, khả năng cho phép; tham gia chữa cháy, CNCH khi được cơ quan, người có thẩm quyền huy động; chấp hành yêu cầu, quyết định của người chỉ huy chữa cháy, người chỉ huy CNCH khi tham gia chữa cháy, CNCH. Đối với công dân từ đủ 18 tuổi trở lên, đủ sức khỏe còn có trách nhiệm tham gia vào Đội PCCC và CNCH cơ sở, Đội PCCC và CNCH hoặc Đội dân phòng khi có yêu cầu.

Mặt khác, Luật PCCC và CNCH đã quy định chi tiết trách nhiệm của các đối tượng là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp để tăng cường nhận thức, ý thức trách nhiệm của họ trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCCC và CNCH tại cơ sở thuộc quyền quản lý. Cụ thể:

- Đối với người đứng đầu cơ sở, bên cạnh những nhiệm vụ đã và đang thực hiện như: tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH; ban hành hoặc tham mưu người có thẩm quyền ban hành nội quy PCCC, CNCH; thành lập, duy trì hoạt động Đội PCCC và CNCH cơ sở hoặc Đội PCCC và CNCH chuyên ngành hoặc phân công người thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý; xây dựng, tổ chức thực tập phương án chữa cháy, CNCH; tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý về việc thực hiện quy định, nội quy, biện pháp, yêu cầu và duy trì điều kiện an toàn về PCCC, CNCH; trang bị, duy trì tính năng sử dụng của phương tiện PCCC, CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH; khắc phục hậu quả do cháy, tai nạn, sự cố gây ra; người đứng đầu cơ sở còn có trách nhiệm tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; lập, quản lý hồ sơ về PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý; khai báo, cập nhật dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và thực hiện nhiệm vụ khác về PCCC, CNCH

theo quy định của pháp luật.

- Đối với chủ phương tiện giao thông, để đáp ứng yêu cầu quản lý đối với các phương tiện giao thông có yêu cầu về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy, chủ phương tiện giao thông có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; ban hành nội quy PCCC, CNCH; tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, giám sát cá nhân thuộc phạm vi quản lý về việc thực hiện quy định, nội quy, biện pháp, yêu cầu và duy trì điều kiện an toàn về PCCC, CNCH; trang bị, duy trì tính năng sử dụng của phương tiện PCCC, CNCH; tổ chức chữa cháy, CNCH; khắc phục hậu quả do cháy, tai nạn, sự cố gây ra; xây dựng, tổ chức thực tập phương án chữa cháy, CNCH theo quy định của pháp luật và thực hiện nhiệm vụ khác về PCCC, CNCH theo quy định của pháp luật.

- Đối với chủ hộ gia đình, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung các quy định để phân định rõ trách nhiệm của chủ hộ gia đình trong các trường hợp cụ thể. Trường hợp chủ hộ gia đình trực tiếp sử dụng nhà ở đối với nhà ở là cơ sở thì chủ hộ gia đình là người đứng đầu cơ sở và thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở. Trường hợp chủ hộ gia đình trực tiếp sử dụng nhà ở mà không phải là người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm thực hiện quy định về các điều kiện an toàn về phòng cháy đối với nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; tuyên truyền, đôn đốc, nhắc nhở thành viên khác trong gia đình thực hiện pháp luật về PCCC và CNCH; thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục kịp thời nguy cơ gây cháy, nổ, tai nạn, sự cố và thực hiện các nhiệm vụ khác về PCCC, CNCH theo quy định của pháp luật. Trường hợp thuê, mượn, ở nhờ nhà ở thì người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ nhà ở có trách nhiệm tuyên truyền, đôn đốc, nhắc nhở người thuê, mượn, ở nhờ thực hiện quy định của pháp luật về PCCC và CNCH; người thuê, mượn, ở nhờ nhà ở có trách nhiệm như chủ hộ gia đình trực tiếp sử dụng nhà ở, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người cho thuê, mượn, ở nhờ nhà ở. Trường hợp thuê, mượn, ở nhờ nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh thì người thuê, mượn, ở nhờ còn có trách nhiệm bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh.

- Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc xác định trách nhiệm của các chủ thể trong hoạt động đầu tư xây dựng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung trách nhiệm của các đối tượng này, cụ thể: người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở

hữu công trình, chủ phương tiện giao thông, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư xây dựng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoàn cải phương tiện giao thông có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về PCCC trong việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thẩm định, thi công, giám sát thi công, nghiệm thu về PCCC.

3.1.9. Về trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Điều 9)

Để nâng cao hiệu quả công tác PCCC, CNCH thì việc thay đổi nhận thức về tầm quan trọng và trách nhiệm của mỗi người dân trong công tác PCCC và CNCH, trong đó trang bị kiến thức, kỹ năng về PCCC, CNCH là giải pháp trọng tâm, nền tảng và quan trọng hàng đầu cần phải được thực hiện bằng các hoạt động giáo dục - đào tạo từ sớm, từ xa. Nhằm “tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức về PCCC, CNCH” theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, Luật PCCC và CNCH đã quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH. Cụ thể như sau:

- Cơ quan quản lý nhà nước về PCCC, CNCH chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH.

- Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Công an tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật và kỹ năng PCCC, CNCH vào nội dung đào tạo lái xe.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH vào chương trình giảng dạy và bảo đảm điều kiện thực hiện trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học phù hợp với từng cấp học, ngành học.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH, có hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục phù hợp với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

- Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục có

trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật, hướng dẫn kỹ năng về PCCC, CNCH cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

Như vậy, việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH đã được xác định là trách nhiệm của tất cả các cơ quan, ban ngành trong bộ máy nhà nước. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý mà các cơ quan, ban ngành thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH cho phù hợp. Nội dung tuyên truyền không chỉ gồm kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH mà còn có các kỹ năng quan trọng như thoát nạn, xử lý đám cháy ban đầu, sơ cấp cứu ban đầu... Bên cạnh đó, để tạo chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của mọi công dân trong công tác PCCC, CNCH, Luật PCCC và CNCH đã quy định cụ thể việc tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH vào chương trình giáo dục phù hợp với từng cấp học, ngành học và vào nội dung đào tạo lái xe. Theo đó, học sinh, sinh viên các cấp, người điều khiển phương tiện giao thông trên toàn quốc sẽ được giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH ngay trong quá trình đào tạo, khiến việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH trở thành ý thức trách nhiệm và thói quen của mọi công dân trong xã hội.

3.1.10. Xây dựng, thực tập các phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 10)

Việc xây dựng, thực tập các phương án chữa cháy, CNCH có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác phòng ngừa, giúp kịp thời ứng phó và khắc phục hậu quả khi có cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra. Để tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác PCCC và CNCH nói chung, công tác xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, CNCH nói riêng; đồng thời cắt giảm thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ pháp luật cho người dân, Luật PCCC và CNCH đã quy định cụ thể về trách nhiệm xây dựng, thực tập các phương án chữa cháy, CNCH như sau:

- Người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện thủy nội địa, tàu biển vận tải hành khách, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ có trách nhiệm tổ chức xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, CNCH sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ của cơ sở, phương tiện giao thông trong phạm vi quản lý.

- Cơ quan Công an có trách nhiệm tổ chức xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, CNCH đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ; tổ chức xây dựng, thực tập phương án CNCH đối với các tình huống tai nạn, sự cố thuộc phạm vi chức

năng, nhiệm vụ (có người đuối nước; sập, đổ nhà, công trình, cây cối; tai nạn, sự cố do phương tiện, thiết bị gây ra; sạt lở đất, đá; tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; các tai nạn, sự cố khác khi có yêu cầu) cần huy động lực lượng, phương tiện của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Người đứng đầu cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Công an trong xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, CNCH đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Công an xây dựng, thực tập phương án CNCH của cơ quan Công an.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trong phương án chữa cháy, CNCH hoặc phương án CNCH do cơ quan Công an xây dựng có trách nhiệm bố trí lực lượng, người, phương tiện tham gia thực tập phương án.

- Cơ quan Quân sự, Biên phòng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cơ quan Công an tổ chức xây dựng, diễn tập phương án chữa cháy, CNCH đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc phạm vi quản lý.

Nội dung, thời gian thực tập phương án chữa cháy, CNCH và phương án CNCH được quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3.1.11. Kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy (Điều 11)

Để thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện, Luật PCCC và CNCH đã quy định cụ thể về đối tượng kiểm tra về PCCC bao gồm: cơ sở; nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; phương tiện giao thông quy định và công trình xây dựng trong quá trình thi công. Bên cạnh đó, quy định khái quát nội dung, thẩm quyền kiểm tra, cụ thể:

- Nội dung kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy bao gồm: việc thực hiện trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy, CNCH của người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông theo quy định; việc bảo đảm và duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình xây dựng trong quá trình thi công, nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh, phương tiện giao thông, cơ sở theo quy định tại các điều 19, 20, 21, 22 và 23 của Luật PCCC và CNCH; việc thực hiện, duy trì giải pháp kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy đối với các cơ sở quy định tại khoản 6 Điều 55 của Luật PCCC và CNCH.

- Thẩm quyền kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy được quy định như sau: người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông, chủ đầu tư tự

tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy; Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan đăng kiểm, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định kiểm tra về PCCC tại Luật PCCC và CNCH, Chính phủ quy định chi tiết nội dung, thẩm quyền kiểm tra; quy định trình tự, thủ tục kiểm tra về PCCC tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3.1.12. Về “Ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ” (Điều 12)

Kế thừa quy định của Luật PCCC năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2013 đồng thời mở rộng phạm vi điều chỉnh, Luật PCCC và CNCH quy định ngày 04 tháng 10 hằng năm là “Ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ”.

3.1.13. Về hợp tác quốc tế về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 13)

Để tăng cường tiềm lực cho hoạt động PCCC, CNCH, Luật PCCC và CNCH đã quy định về hoạt động hợp tác quốc tế về PCCC, CNCH; trong đó khẳng định Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện hợp tác quốc tế về PCCC, CNCH trên cơ sở bảo đảm những nguyên tắc sau đây:

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan về phòng cháy, chữa cháy, CNCH;
- Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế hợp tác về phòng cháy, chữa cháy, CNCH;
- Mở rộng, phát triển đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; phối hợp tìm kiếm, cứu nạn; đầu tư, xây dựng hạ tầng, công trình PCCC, CNCH;
- Ưu tiên hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH.

Luật PCCC và CNCH đã quy định cụ thể nội dung hợp tác quốc tế về phòng cháy, chữa cháy, CNCH bao gồm: trao đổi thông tin, học tập, tham khảo kinh nghiệm về phòng cháy, chữa cháy, CNCH; hỗ trợ chữa cháy, tìm kiếm, cứu nạn; đào tạo, huấn luyện, diễn tập, đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ PCCC, CNCH; xây dựng hạ tầng, công trình PCCC, CNCH và trang bị phương tiện PCCC, CNCH.

Trên cơ sở nguyên tắc và các nội dung cơ bản như trên, Luật PCCC và CNCH giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan giúp Chính phủ đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về PCCC, CNCH; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện hợp tác quốc tế về PCCC CNCH.

3.1.14. Về các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 14)

Để tăng cường ý thức, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác PCCC và CNCH, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung nhiều hành vi bị nghiêm cấm làm cơ sở để xử lý các hành vi nguy hiểm có thể gây ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố. Cụ thể gồm những hành vi sau:

- Cố ý gây cháy, nổ, tai nạn, sự cố hoặc kích động, xúi giục, dụ dỗ người khác gây cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại về người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng đến kinh tế, môi trường, an ninh, trật tự.

- Xúc phạm, đe dọa, cản trở, chống đối lực lượng thực hiện nhiệm vụ và người tham gia PCCC, CNCH.

- Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, những nhiễu, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Lợi dụng việc tham gia chữa cháy, CNCH để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Làm giả, làm sai lệch kết quả thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

- Báo cháy giả; báo tình huống CNCH giả.

- Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hàng hóa, chất, vật phẩm nguy hiểm về cháy, nổ.

- Chuyển đổi, bổ sung công năng sử dụng công trình, hạng mục công trình không bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

- Kinh doanh phương tiện phòng cháy, chữa cháy, CNCH có chất lượng không đúng với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Chiếm đoạt, hủy hoại, cố ý làm hư hỏng phương tiện PCCC, CNCH; tự ý thay đổi, di chuyển, che khuất phương tiện PCCC, CNCH, biển báo, biển chỉ dẫn đã được trang bị theo quy định; cản trở lối thoát nạn; làm mất tác dụng của lối thoát nạn, đường thoát nạn, ngăn cháy lan.

- Lấn chiếm, bố trí vật cản gây cản trở hoạt động của phương tiện chữa cháy, CNCH cơ giới.

Việc vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm nêu trên có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC, CNCH hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật về hình sự.

3.2. Các quy định về công tác phòng cháy (Chương II)

Chương II gồm 10 Điều (từ Điều 15 đến Điều 24), quy định về: yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn; yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy khi lập, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế công trình, cải tạo, thay đổi công năng sử dụng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông; thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; phòng cháy đối với công trình xây dựng trong quá trình thi công; phòng cháy đối với nhà ở; phòng cháy đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; phòng cháy đối với phương tiện giao thông; phòng cháy đối với cơ sở; phòng cháy trong lắp đặt, sử dụng điện cho sinh hoạt, sản xuất. Cụ thể như sau:

3.2.1. Yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn (Điều 15)

Một trong những nội dung lớn, quan trọng hàng đầu, có tính nền tảng và quyết định đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ PCCC mà Đảng đã xác định tại Chỉ thị số 47-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC là “*Từng bước thực hiện đồng bộ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương gắn với quy hoạch hệ thống hạ tầng bảo đảm cho công tác PCCC và CNCH theo quy định của pháp luật*”. Luật Quy hoạch đã xác định Quy hoạch hạ tầng phòng cháy, chữa cháy là một quy hoạch ngành quốc gia. Trên thực tiễn, công tác quy hoạch về PCC còn nhiều tồn tại, hạn chế, chưa tạo điều kiện để hoạt động PCCC, CNCH phát triển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Vì vậy, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung một điều về quy hoạch hạ tầng PCCC để quy định nội dung, yêu cầu cụ thể đối với quy hoạch hạ tầng PCCC, mối quan hệ với các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phù hợp với pháp luật về quy hoạch để bảo đảm tính đồng bộ trong việc bảo đảm các điều kiện về PCCC. Theo đó, khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp và các khu chức năng theo quy

định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phải có giải pháp, thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng cấp độ quy hoạch và được quy định như sau:

- Quy hoạch chung phải có nội dung phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.

- Quy hoạch phân khu đô thị, khu chức năng có yêu cầu lập quy hoạch phân khu phải có: Nguồn nước và phương án tổ chức mạng lưới cấp nước chữa cháy; Mạng lưới giao thông phục vụ chữa cháy, CNCH; Vị trí, quy mô của trụ sở đơn vị PCCC và CNCH trong khu vực lập quy hoạch.

- Quy hoạch chi tiết đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp và các khu chức năng phải có: Đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống bảo đảm cho xe chữa cháy và phương tiện chữa cháy cơ giới triển khai hoạt động; Nguồn nước chữa cháy từ bồn, bể, ao, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo hoặc hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà; Nguồn điện phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy; Địa điểm cho đơn vị PCCC và CNCH bảo đảm diện tích xây dựng và yêu cầu đã được xác định tại quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị, khu chức năng có yêu cầu lập quy hoạch phân khu.

Như vậy, yêu cầu về PCCC đã trở thành một trong những tiêu chí bắt buộc để cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp và các khu chức năng, góp phần bảo đảm an toàn PCCC, CNCH ngay từ bước đầu của quá trình quy hoạch hạ tầng nói chung.

3.2.2. Yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy khi lập, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế công trình, cải tạo, thay đổi công năng sử dụng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông (Điều 16)

Việc xác định yêu cầu về PCCC khi lập, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế công trình, cải tạo, thay đổi công năng sử dụng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông là nội dung quan trọng làm cơ sở để triển khai các hoạt động thẩm định, nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC nhằm đảm bảo an toàn PCCC, CNCH cho công trình, phương tiện giao thông. Theo đó, Luật PCCC và CNCH đã quy định:

- Đối với công trình là cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy thì khi lập, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế công trình, cải tạo, thay đổi công năng sử dụng của công trình và xây dựng công trình tạm theo quy định của pháp luật về xây dựng phải có giải pháp, thiết kế về phòng cháy và

chữa cháy phù hợp với công năng, đặc điểm của công trình và bảo đảm các yêu cầu về khoảng cách phòng cháy, chữa cháy; đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH; giải pháp thoát nạn; dự kiến bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp chống khói; hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy; phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

- Đối với phương tiện giao thông có yêu cầu về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy thì khi sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông phải có giải pháp, thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của phương tiện giao thông và bảo đảm các yêu cầu về giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy cho hệ thống cung cấp năng lượng, nhiên liệu và động cơ; hệ thống, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí, chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ; phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

3.2.3. Về thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (Điều 17)

Luật PCCC và CNCH đã thay thế hoạt động thẩm duyệt thiết kế về PCCC bằng hoạt động thẩm định thiết kế về PCCC để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với pháp luật về xây dựng và các pháp luật chuyên ngành khác. Đồng thời phân định rõ thẩm quyền thực hiện công tác thẩm định thiết kế về PCCC cho các cơ quan chuyên môn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; cụ thể giao cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC đối với nội dung thuộc chuyên môn về xây dựng như khoảng cách PCCC, đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động PCCC, CNCH, giải pháp thoát nạn, dự kiến bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan, giải pháp chống khói; cơ quan đăng kiểm thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC đối với các phương tiện có yêu cầu bảo đảm an toàn PCCC như giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan, giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy cho hệ thống cung cấp năng lượng, nhiên liệu và động cơ, hệ thống, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí, chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ; cơ quan Công an thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC đối với hệ thống điện phục vụ PCCC và phương tiện, hệ thống PCCC. Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông chỉ được tổ chức thi công xây dựng, cải tạo công trình, hạng mục công trình và sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình và phương tiện giao thông thuộc diện thẩm định thiết kế về PCCC của các cơ quan chuyên môn, Luật PCCC và CNCH giao trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế về PCCC cho người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, cụ thể như sau:

- Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 16 Luật PCCC và CNCH đối với báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật PCCC và CNCH đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng không thuộc diện thẩm định dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

- Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 16 Luật PCCC và CNCH đối với thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của công trình không thuộc diện phải thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an; tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều 16 Luật PCCC và CNCH đối với thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của công trình không thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an.

- Công trình thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi điều chỉnh thiết kế mà làm thay đổi một trong các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật PCCC và CNCH hoặc trong quá trình sử dụng mà thay đổi công năng hoặc cải tạo làm thay đổi điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy phải thực hiện điều chỉnh thiết kế, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Việc điều chỉnh thiết kế, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 17 Luật PCCC và CNCH.

Để thuận lợi cho quá trình triển khai thi hành, Luật PCCC và CNCH đã giao Chính phủ quy định chi tiết về việc thẩm định thiết kế về PCCC; quy định danh mục công trình, phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan đăng kiểm; quy định nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; quy định trách nhiệm phối hợp trong thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Những nội dung trên đã được quy

định cụ thể tại các Điều 6, 7, 8, 9 và Điều 11 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

3.2.4. Nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (Điều 18)

Luật PCCC và CNCH quy định chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông có trách nhiệm tổ chức thi công, nghiệm thu công trình, phương tiện giao thông theo thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm định và bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong suốt quá trình thi công công trình, phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý của mình.. Việc tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy được thực hiện theo từng phần, từng giai đoạn, từng hạng mục, từng hệ thống và nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng công trình. Đối với các bộ phận của công trình, bộ phận phương tiện giao thông bị che khuất thì phải nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy trước khi tiến hành các bước thi công tiếp theo. Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông quyết định việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy từng phần công trình, từng hạng mục công trình trong trường hợp phần công trình, hạng mục công trình đó đủ điều kiện vận hành độc lập, bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình, phương tiện giao thông.

Công trình, phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy sau khi tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy phải được cơ quan quản lý chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; chỉ được đưa công trình, phần công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông vào khai thác, sử dụng sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy được quy định như sau:

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy trước khi đưa công trình, phần công trình, hạng mục công trình vào sử dụng đối với công trình, phần công trình, hạng mục công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trước đó và thuộc đối tượng phải kiểm tra công tác nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Cơ quan đăng kiểm tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông đã được cơ quan đăng kiểm thẩm

định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trước đó khi kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Cơ quan Công an tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình, phần công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông đã được cơ quan Công an thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trước đó.

Để thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện, Luật PCCC và CNCH giao Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức nghiệm thu công trình, phương tiện giao thông của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông; quy định nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; quy định trách nhiệm phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. Những nội dung trên đã được quy định cụ thể tại các Điều 6, 7, 8, 10 và Điều 11 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3.2.5. Về phòng cháy đối với công trình xây dựng trong quá trình thi công (Điều 19)

Để khắc phục những thiếu sót trong công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH, nhất là việc đảm bảo an toàn PCCC và CNCH đối với các công trình xây dựng trong quá trình thi công, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung quy định về điều kiện an toàn về phòng cháy đối với các công trình xây dựng trong quá trình thi công và giao chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, đơn vị thi công công trình xây dựng có trách nhiệm thực hiện, duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy. Cụ thể, công trình xây dựng trong quá trình thi công phải bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

- Có nội quy PCCC, CNCH phù hợp với tính chất, đặc điểm của công trình xây dựng;
- Có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn theo quy định;
- Trang bị phương tiện hoặc hệ thống phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của công trình xây dựng theo quy định về an toàn trong thi công xây dựng;
- Có phân công người thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

3.2.6. Về phòng cháy đối với nhà ở (Điều 20)

Để tăng cường các điều kiện an toàn về phòng cháy đối với loại hình nhà

ở, góp phần kiểm soát số vụ và thiệt hại do cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra tại các hộ gia đình, Luật PCCC và CNCH đã quy định các điều kiện an toàn về phòng cháy và các điều kiện về chữa cháy, thoát nạn sau đây:

- Lắp đặt, sử dụng thiết bị điện bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 của Luật PCCC và CNCH

- Bố trí bếp đun nấu, nơi thờ cúng, đốt vàng mã bảo đảm an toàn; không để vật, chất dễ cháy, nổ gần nguồn lửa, nguồn nhiệt.

- Có phương tiện phòng cháy, chữa cháy phù hợp với khả năng, điều kiện thực tế để sẵn sàng chữa cháy, thoát nạn;

- Bố trí, duy trì lối thoát nạn, lối ra khẩn cấp hoặc lối đi bảo đảm việc thoát nạn.

Đối với nhà ở có quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật hoặc trong quy chuẩn kỹ thuật về PCCC và CNCH thì thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó; nhà ở trong danh mục cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật PCCC và CNCH.

Đối với nhà ở tại thành phố trực thuộc trung ương thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động PCCC thì phải trang bị bình chữa cháy, thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy theo lộ trình do Chính phủ quy định. Đối với nhà ở tại khu vực khác thì khuyến khích trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy.

Luật PCCC và CNCH giao Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương xác định khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy; lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH có trách nhiệm hướng dẫn việc kết nối thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy khi có yêu cầu.

3.2.7. Về phòng cháy đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh (Điều 21)

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra tại các nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh diễn biến rất phức tạp, không chỉ gây ra thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng đến tính mạng của con người mà còn tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội. Để đáp ứng yêu cầu công tác PCCC và CNCH, Luật PCCC và CNCH đã quy định riêng một điều về các điều kiện an toàn phòng cháy đối với loại hình nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh. Cụ thể như sau:

- Nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh ngoài việc phải phải bảo đảm các điều

kiện an toàn về phòng cháy đối với nhà ở thông thường (quy định tại Điều 20 Luật PCCC và CNCH) còn phải có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn theo quy định; khu vực sản xuất, kinh doanh hàng hóa có nguy cơ cháy, nổ phải có giải pháp ngăn cách hoặc ngăn cháy với khu vực để ở.

- Nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ ngoài việc phải phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh nói chung còn phải có phương tiện báo cháy, giải pháp thông gió, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí nguy hiểm về cháy, nổ phù hợp với công năng, đặc điểm của nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; không bố trí chỗ ngủ trong khu vực sản xuất, kinh doanh; khu vực sản xuất, kinh doanh hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ phải được ngăn cháy với lối thoát nạn của khu vực để ở.

3.2.8. Về phòng cháy đối với phương tiện giao thông (Điều 22)

Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vận tải hành khách, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ khi tham gia giao thông phải bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

- Có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn theo quy định;
- Có giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy cho hệ thống cung cấp năng lượng, nhiên liệu và động cơ;
- Có hệ thống, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí, chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ;
- Có phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

Phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện thủy nội địa, tàu biển vận tải hành khách, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ ngoài việc phải đáp ứng các điều kiện an toàn về phòng cháy như phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật về hàng hải và phải có phương án chữa cháy, CNCH.

Phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện thủy nội địa, tàu biển vận tải hành khách, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phải có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

Phương tiện giao thông được sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy chỉ được cấp Giấy chứng

nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường khi có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

Phương tiện giao thông thủy của tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài khi tham gia hoạt động đường thủy nội địa Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chủ sở hữu, thuyền trưởng, trưởng tàu, người điều khiển phương tiện giao thông trong phạm vi quản lý có trách nhiệm bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình hoạt động của phương tiện giao thông.

3.2.9. Về phòng cháy đối với cơ sở (Điều 23)

Cơ sở là đối tượng quản lý cơ bản trong công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH. Vì vậy, Luật PCCC và CNCH đã quy định rất cụ thể về các điều kiện bảo đảm an toàn về phòng cháy đối với cơ sở. Theo đó, cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

- Có nội quy phòng cháy, chữa cháy, CNCH phù hợp với từng loại hình cơ sở; có phương án chữa cháy, CNCH
- Trang bị phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, CNCH theo quy định của pháp luật;
- Trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, CNCH và truyền tin báo cháy; khai báo, cập nhật dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, CNCH theo lộ trình do Chính phủ quy định;
- Thực hiện các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, bao gồm: khoảng cách phòng cháy, chữa cháy; đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH; giải pháp thoát nạn; dự kiến bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp chống khói; hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy;
- Thành lập lực lượng PCCC và CNCH cơ sở hoặc lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành theo quy định hoặc phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, CNCH.

Luật PCCC và CNCH cũng đã bổ sung quy định đối với trường hợp cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở để quản lý chặt chẽ, đầy đủ hơn đối với đối tượng này. Theo đó, cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

- Có nội quy phòng cháy, chữa cháy, CNCH phù hợp với tính chất hoạt động của cơ quan, tổ chức;
- Bảo đảm an toàn trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ

sinh lửa, sinh nhiệt, chất dễ cháy, nổ trong phạm vi quản lý;

- Cử người tham gia lực lượng PCCC và CNCH cơ sở hoặc lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện, duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý.

3.2.10. Về phòng cháy trong lắp đặt, sử dụng điện cho sinh hoạt, sản xuất (Điều 24)

Theo thống kê từ năm 2013 đến năm 2022, có 45,5% các vụ cháy có nguyên nhân là do sự cố hệ thống, thiết bị điện. Thực tế hiện nay nhận thức về trách nhiệm cụ thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong sử dụng, lắp đặt, kiểm soát an toàn điện sau công tơ còn hạn chế, dẫn đến việc chấp hành các quy định của pháp luật về điện lực còn chưa nghiêm, gây ra nguy cơ cháy, nổ do điện. Thực tiễn đó đã đặt ra yêu cầu phải quy định về các biện pháp bảo đảm an toàn phòng cháy cơ bản trong việc lắp đặt, sử dụng điện cho sản xuất, kinh doanh.

Luật PCCC và CNCH đã quy định 01 Điều về phòng cháy trong lắp đặt, sử dụng điện cho sinh hoạt, sản xuất, trong đó quy định cụ thể các điều kiện an toàn về phòng cháy trong lắp đặt, sử dụng điện cho sinh hoạt và sản xuất.

Trong lắp đặt, sử dụng điện cho sinh hoạt phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

- Chấp hành quy định về an toàn trong sử dụng điện cho sinh hoạt theo quy định của pháp luật về điện lực;
- Đơn vị bán lẻ điện khi đấu nối điện sinh hoạt phải tư vấn việc lắp đặt, sử dụng đối với hệ thống, thiết bị điện để bảo đảm an toàn về phòng cháy;
- Việc lắp đặt, sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện trong nhà phải bảo đảm yêu cầu về an toàn điện theo quy định của pháp luật; thường xuyên kiểm tra, kịp thời sửa chữa, thay thế dây dẫn điện, thiết bị điện không bảo đảm an toàn về phòng cháy;
- Chỉ được sử dụng thiết bị sạc điện cho xe động cơ điện bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; nơi sạc điện cho xe động cơ điện trong nhà phải có giải pháp bảo đảm an toàn về phòng cháy; khu vực sạc điện cho xe động cơ điện tập trung trong nhà còn phải có giải pháp ngăn cháy và trang bị phương tiện chữa cháy phù hợp, bảo đảm tiêu chuẩn.

Trong lắp đặt, sử dụng điện cho sản xuất phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

- Chấp hành quy định về an toàn trong sử dụng điện cho sản xuất theo quy định của pháp luật về điện lực;

- Đơn vị bán lẻ điện khi đấu nối điện sinh hoạt phải tư vấn việc lắp đặt, sử dụng đối với hệ thống, thiết bị điện để bảo đảm an toàn về phòng cháy;

- Việc lắp đặt, sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện trong nhà phải bảo đảm yêu cầu về an toàn điện theo quy định của pháp luật; thường xuyên kiểm tra, kịp thời sửa chữa, thay thế dây dẫn điện, thiết bị điện không bảo đảm an toàn về phòng cháy;

- Thiết bị điện được sử dụng trong môi trường nguy hiểm về cháy, nổ phải là thiết bị chuyên dụng theo quy định của pháp luật.

Để tăng cường nhận thức về trách nhiệm cụ thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong lắp đặt, sử dụng điện, Luật PCCC và CNCH đã quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, thiết bị điện phải tư vấn, cung cấp thông tin về chất lượng, thông số kỹ thuật của sản phẩm, thiết bị điện phù hợp với mục đích sử dụng; đơn vị bán lẻ điện có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn về bảo đảm an toàn sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn sử dụng điện theo quy định của pháp luật về điện lực.

3.3. Về hoạt động chữa cháy (Chương III)

Chương III gồm 07 Điều (từ Điều 25 đến Điều 31), quy định về Trách nhiệm chữa cháy; Huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy; Nguồn nước chữa cháy; Người chỉ huy chữa cháy; Khắc phục hậu quả vụ cháy; Bảo vệ hiện trường, điều tra vụ cháy; Chữa cháy trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và nhà ở của thành viên các cơ quan này.

3.3.1. Về trách nhiệm chữa cháy (Điều 25)

Nhằm tăng cường nhận thức về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tham gia chữa cháy, Luật PCCC và CNCH đã quy định cụ thể về trách nhiệm chữa cháy như sau:

- Người phát hiện cháy, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gần nơi xảy ra cháy có trách nhiệm tham gia chữa cháy trong điều kiện, khả năng cho phép.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên có trách nhiệm tổ chức chữa cháy thuộc phạm vi quản lý; huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản theo thẩm quyền tham gia chữa cháy theo đề nghị của người chỉ huy chữa cháy.

- Cơ quan y tế, điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, giao thông và cơ

quan, tổ chức, đoàn thể khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp tham gia chữa cháy ngay khi có yêu cầu của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền hoặc người chỉ huy chữa cháy; điều động người và phương tiện thuộc phạm vi quản lý đến nơi xảy ra cháy để tham gia, hỗ trợ chữa cháy khi được huy động.

- Lực lượng PCCC và CNCH khi nhận được tin báo cháy thuộc phạm vi quản lý hoặc nhận được mệnh lệnh, quyết định huy động phải kịp thời đến chữa cháy.

- Lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm tổ chức bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ khu vực chữa cháy; tham gia chữa cháy; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lực lượng, phương tiện đi chữa cháy được lưu thông nhanh nhất.

- Ủy ban nhân dân địa phương giáp ranh với địa phương nơi xảy ra cháy có trách nhiệm huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy khi người chỉ huy chữa cháy đề nghị.

- Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác trực sẵn sàng chữa cháy, tổ chức chữa cháy của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về trách nhiệm chữa cháy đối với công trình, cơ sở, phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng phục vụ mục đích quân sự, quốc phòng; phối hợp với Bộ Công an tổ chức chữa cháy đối với công trình lưỡng dụng theo quy định của Chính phủ. Công tác phối hợp giữa Bộ Quốc phòng với Bộ Công an trong tổ chức chữa cháy đối với công trình lưỡng dụng được quy định cụ thể tại Điều 18 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

3.3.2. Về huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy (Điều 26)

Để nâng cao hiệu quả công tác chữa cháy, góp phần hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do cháy, nổ gây ra, Luật PCCC và CNCH đã quy định khi có cháy thì lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đều có thể được huy động để tham gia chữa cháy; trường hợp cần thiết, người chỉ huy chữa cháy đề nghị cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam bố trí lực lượng, người, phương tiện để hỗ trợ, giúp đỡ chữa cháy.

Khi được huy động tham gia chữa cháy, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm bố trí ngay lực lượng, người, phương tiện, tài sản để tham

gia chữa cháy. Lực lượng, người được huy động làm nhiệm vụ chữa cháy được ưu tiên khi đi trên các phương tiện giao thông công cộng.

Phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được huy động tham gia chữa cháy phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc chữa cháy; trường hợp bị mất, hư hỏng, bị thiệt hại do việc huy động trực tiếp gây ra thì được bồi thường. Người có thẩm quyền quyết định huy động có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường. Mức bồi thường và việc chi trả bồi thường được thực hiện như đối với người có tài sản trưng dụng theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

Thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy được quy định như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và người đứng đầu cơ quan, tổ chức được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình;
- Trưởng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc phạm vi quản lý của mình; Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC và CNCH được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trong phạm vi cả nước;
- Giám đốc Công an cấp tỉnh được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý của mình; Bộ trưởng Bộ Công an được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi cả nước.

Thủ tục huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản để chữa cháy; việc huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của Quân đội để tham gia chữa cháy được quy định cụ thể tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

3.3.3. Về nguồn nước chữa cháy (Điều 27)

Luật PCCC và CNCH quy định nguồn nước chữa cháy được lấy từ trụ nước chữa cháy thuộc hệ thống cấp nước tập trung, hệ thống cấp nước chữa cháy, bồn, bể, ao, hồ, sông, suối, kênh hoặc nguồn nước sẵn có khác. Trên hệ thống cấp nước tập trung bố trí các trụ nước chữa cháy theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm yêu cầu cấp nước phục vụ chữa cháy. Chi phí sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung do cơ quan Công an sử dụng để chữa cháy và thực tập phương án

chữa cháy, CNCH được chi trả từ ngân sách nhà nước.

Tại khu vực bồn, bể, ao, hồ, sông, suối, kênh trong đô thị, khu dân cư tập trung bố trí các điểm, bến để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy.

Để đảm bảo nguồn nước phục vụ chữa cháy, Luật PCCC và CNCH giao Chính phủ quy định trách nhiệm đầu tư, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy; đầu tư, quản lý các điểm, bến để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy. Nội dung này được quy định cụ thể tại Điều 19 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

3.3.4. Về người chỉ huy chữa cháy (Điều 28)

Người chỉ huy chữa cháy có vai trò rất quan trọng trong công tác chữa cháy; quyết định của người chỉ huy chữa cháy là một trong các yếu tố quyết định đến hiệu quả của công tác chữa cháy trên thực tế. Luật PCCC và CNCH đã quy định cụ thể về người chỉ huy chữa cháy. Cụ thể như sau:

Người có chức vụ cao nhất của lực lượng Công an nhân dân được phân công chỉ huy chữa cháy có mặt tại nơi xảy ra cháy là người chỉ huy chữa cháy. Trường hợp tại nơi xảy ra cháy, lực lượng Công an nhân dân chưa đến thì người chỉ huy chữa cháy được quy định như sau:

- Cháy tại cơ sở thì người đứng đầu cơ sở là người chỉ huy chữa cháy; trường hợp người đứng đầu cơ sở vắng mặt thì Đội trưởng Đội PCCC và CNCH cơ sở hoặc Đội trưởng Đội PCCC và CNCH chuyên ngành hoặc người được ủy quyền là người chỉ huy chữa cháy;

- Cháy phương tiện giao thông đang lưu thông thì người chỉ huy phương tiện, chủ phương tiện là người chỉ huy chữa cháy; trường hợp người chỉ huy phương tiện, chủ phương tiện vắng mặt thì người điều khiển phương tiện là người chỉ huy chữa cháy;

- Cháy tại thôn, tổ dân phố không thuộc các trường hợp nêu trên thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người chỉ huy chữa cháy; trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố vắng mặt thì Đội trưởng Đội dân phòng hoặc người được ủy quyền là người chỉ huy chữa cháy.

Người chỉ huy chữa cháy thuộc lực lượng Công an nhân dân thực hiện quyền chỉ huy bằng mệnh lệnh, chịu trách nhiệm về quyết định của mình và có các quyền sau đây:

- Sử dụng lực lượng, phương tiện của cơ quan Công an thuộc phạm vi quản

lý tham gia chữa cháy;

- Huy động theo thẩm quyền hoặc đề nghị người có thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia chữa cháy theo quy định của pháp luật;

- Xác định, quyết định khu vực chữa cháy, các biện pháp chữa cháy, việc sử dụng địa hình, địa vật lân cận để chữa cháy;

- Cấm người và phương tiện không có nhiệm vụ vào khu vực chữa cháy;

- Quyết định việc di chuyển, phá dỡ chướng ngại vật, tài sản để CNCH, ngăn chặn nguy cơ cháy lan theo quy định của pháp luật.

Người chỉ huy chữa cháy được xác định trong trường hợp lực lượng CAND chưa đến nơi xảy ra cháy chịu trách nhiệm về quyết định của mình và có các quyền sau đây:

- Sử dụng lực lượng, phương tiện thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy;

- Đề nghị người có thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia chữa cháy theo quy định của pháp luật;

- Quyết định việc di chuyển, phá dỡ chướng ngại vật, tài sản để CNCH, ngăn chặn nguy cơ cháy lan theo quy định của pháp luật.

3.3.5. Về khắc phục hậu quả vụ cháy (Điều 29)

Việc khắc phục hậu quả vụ cháy bao gồm các hoạt động sau đây:

- Tổ chức cấp cứu ngay người bị nạn; cứu trợ, giúp đỡ người bị thiệt hại ổn định đời sống;

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, trật tự, an toàn xã hội;

- Phục hồi kịp thời hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động khác.

Luật PCCC và CNCH giao người đứng đầu cơ sở, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có cơ sở bị cháy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, chủ phương tiện giao thông có phương tiện bị cháy, chủ hộ gia đình có nhà bị cháy có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc khắc phục hậu quả vụ cháy trong điều kiện, khả năng cho phép.

3.3.6. Về bảo vệ hiện trường, điều tra vụ cháy (Điều 30)

Công tác bảo vệ hiện trường, điều tra vụ cháy có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định nguyên nhân cháy, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa cháy, nổ cũng như công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có liên quan đến cháy, nổ, tai nạn, sự cố. Luật PCCC và CNCH quy định cơ quan Công an có trách nhiệm tổ chức bảo vệ hiện trường vụ cháy, khám nghiệm hiện trường vụ

cháy, điều tra vụ cháy theo quy định của pháp luật; cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nơi xảy ra cháy có trách nhiệm tham gia bảo vệ hiện trường vụ cháy, cung cấp thông tin xác thực về vụ cháy cho cơ quan Công an.

3.3.7. Về chữa cháy trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và nhà ở của thành viên các cơ quan này (Điều 31)

Việc chữa cháy trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và nhà ở của thành viên các cơ quan này có liên quan đến nhiều quy định của pháp luật về đối ngoại cũng như các điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Theo đó, Luật PCCC và CNCH quy định lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH của Việt Nam khi được phép vào trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và nhà ở của thành viên các cơ quan này để chữa cháy thì phải tuân theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và quy định của pháp luật Việt Nam.

Lực lượng PCCC và CNCH của Việt Nam có trách nhiệm chống cháy lan bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và nhà ở của thành viên các cơ quan này.

Như vậy, trường hợp xảy ra cháy ở trụ sở ngoại giao thì chỉ cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH được vào trụ sở trên để chữa cháy khi được sự đồng ý của người đứng đầu trụ sở ngoại giao đó; các lực lượng PCCC và CNCH khác như dân phòng, PCCC cơ sở, PCCC chuyên ngành chỉ có trách nhiệm tổ chức chống cháy lan bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao để bảo đảm nguyên tắc đối ngoại.

3.4. Về hoạt động cứu nạn, cứu hộ (Chương IV)

Chương IV gồm 04 Điều (từ Điều 32 đến Điều 35), quy định về tình huống CNCH; trách nhiệm CNCH; người chỉ huy CNCH; huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia CNCH. Cụ thể như sau:

3.4.1. Về tình huống cứu nạn, cứu hộ (Điều 32)

Hoạt động CNCH của lực lượng PCCC và CNCH có tác động trực tiếp, làm hạn chế quyền con người, quyền công dân như thực hiện các biện pháp y tế tác động đến người bị nạn; phá dỡ nhà, công trình, phương tiện, chướng ngại vật để mở lối tiếp cận, lối thoát nạn, bố trí phương tiện, dụng cụ, lực lượng CNCH; ngăn chặn, loại bỏ các yếu tố nguy hiểm đe dọa an toàn phương tiện, tài sản, sức khỏe, tính mạng lực lượng CNCH và thực hiện các biện pháp khác trong quá trình

CNCH... và theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 thì “quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật”. Để tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho lực lượng PCCC và CNCH thực hiện có hiệu quả hoạt động CNCH, Luật PCCC và CNCH đã quy định cụ thể các hình huống CNCH bao gồm:

- CNCH trong đám cháy;
- CNCH trong tình huống tai nạn, sự cố bao gồm: có người đuối nước; sập, đổ nhà, công trình, cây cối; tai nạn, sự cố do phương tiện, thiết bị gây ra; sạt lở đất, đá; tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; các tai nạn, sự cố khác khi có yêu cầu;
- Tìm kiếm nạn nhân.

Đây là những tình huống CNCH đối với những tai nạn, sự cố thông thường xảy ra trong đời sống hằng ngày mà lực lượng PCCC và CNCH đang thực hiện. Việc quy định cụ thể các tình huống CNCH nhằm phân định rõ phạm vi hoạt động CNCH do Luật PCCC và CNCH điều chỉnh, bảo đảm không chồng chéo với hoạt động phòng, chống, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa theo quy định của Luật Phòng thủ dân sự, Luật Phòng chống thiên tai, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

Lực lượng PCCC và CNCH chủ trì thực hiện hoạt động CNCH trong các tình huống CNCH nêu trên; phối hợp thực hiện hoạt động CNCH, phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố khác, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

3.4.2. Về trách nhiệm cứu nạn, cứu hộ (Điều 33)

Hoạt động CNCH có tính chất khẩn nguy, đòi hỏi sự tham gia phối hợp của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân. Vì vậy, Luật PCCC và CNCH đã quy định về trách nhiệm CNCH, cụ thể như sau:

- Người phát hiện tình huống CNCH, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gần nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố tham gia CNCH trong điều kiện, khả năng cho phép.
- Cơ quan y tế, điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, giao thông và cơ quan, tổ chức, đoàn thể khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp tham gia CNCH ngay khi có yêu cầu của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền hoặc người chỉ huy CNCH; điều động người và phương tiện thuộc phạm vi quản lý đến nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố để tham gia, hỗ trợ CNCH khi được huy động.
- Lực lượng PCCC và CNCH khi nhận được tin báo tai nạn, sự cố cần phải

CNCH thuộc phạm vi quản lý hoặc nhận được mệnh lệnh, quyết định huy động phải kịp thời đến CNCH.

- Lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm tổ chức bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ khu vực CNCH; tham gia CNCH; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lực lượng, phương tiện đi CNCH được lưu thông nhanh nhất.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tham gia CNCH thuộc phạm vi quản lý.

- Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác trực sẵn sàng CNCH, tổ chức CNCH của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

3.4.3. Về người chỉ huy cứu nạn, cứu hộ (Điều 34)

Người chỉ huy CNCH có vai trò rất quan trọng trong công tác CNCH; quyết định của người chỉ huy CNCH là một trong các yếu tố quyết định đến hiệu quả của công tác CNCH trên thực tế. Luật PCCC và CNCH đã quy định cụ thể về người chỉ huy CNCH, cụ thể như sau:

- Khi xảy ra cháy cần phải CNCH, người chỉ huy chữa cháy thuộc lực lượng Công an nhân dân là người chỉ huy CNCH.

- Khi xảy ra tai nạn, sự cố cần phải CNCH, người có chức vụ cao nhất của lực lượng Công an nhân dân được phân công chỉ huy CNCH có mặt tại nơi xảy ra tai nạn, sự cố là người chỉ huy CNCH đối với các tai nạn, sự cố sau: có người đuối nước; sập, đổ nhà, công trình, cây cối; tai nạn, sự cố do phương tiện, thiết bị gây ra; sạt lở đất, đá; tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; các tai nạn, sự cố khác khi có yêu cầu.

Người chỉ huy CNCH nêu trên thực hiện quyền chỉ huy bằng mệnh lệnh, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và có các quyền sau đây:

- Sử dụng lực lượng, phương tiện của cơ quan Công an thuộc phạm vi quản lý tham gia CNCH;

- Huy động theo thẩm quyền hoặc đề nghị người có thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia CNCH theo quy định của pháp luật;

- Xác định, quyết định khu vực CNCH, phương án và việc sử dụng địa hình, địa vật lân cận để CNCH;

- Cấm người và phương tiện không có nhiệm vụ vào khu vực CNCH;

- Quyết định việc di chuyển, phá dỡ chướng ngại vật, tài sản trong phạm vi CNCH để cứu người, cứu tài sản theo quy định của pháp luật.

Khi người chỉ huy CNCH thuộc lực lượng Công an nhân dân chưa có mặt tại nơi xảy ra tai nạn, sự cố thì người đứng đầu cơ sở, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nơi xảy ra tai nạn, sự cố sử dụng lực lượng, người, phương tiện thuộc phạm vi quản lý thực hiện CNCH và tham gia hỗ trợ, khắc phục tai nạn, sự cố.

3.4.4. Về huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia cứu nạn, cứu hộ (Điều 35)

Để bảo đảm công tác CNCH được thực hiện hiệu quả, kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, Luật PCCC và CNCH đã quy định khi có tình huống CNCH thì lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đều có thể được huy động để tham gia CNCH; trường hợp cần thiết, người chỉ huy CNCH đề nghị cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam bố trí lực lượng, người, phương tiện để hỗ trợ, giúp đỡ CNCH.

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được huy động tham gia CNCH có trách nhiệm bố trí ngay lực lượng, người, phương tiện, tài sản để tham gia CNCH. Lực lượng, người được huy động làm nhiệm vụ CNCH được ưu tiên khi đi trên các phương tiện giao thông công cộng.

Phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được huy động tham gia CNCH phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc CNCH; trường hợp bị mất, hư hỏng, bị thiệt hại do việc huy động trực tiếp gây ra thì được bồi thường. Người có thẩm quyền quyết định huy động có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường. Mức bồi thường và việc chi trả bồi thường được thực hiện như đối với người có tài sản trưng dụng theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

Thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia CNCH được quy định như sau:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản thuộc phạm vi quản lý của mình;
- Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, Trưởng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh được quyền huy động lực lượng, phương tiện của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc phạm vi quản lý của mình;
- Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý của mình.

Thủ tục huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia CNCH

được quy định cụ thể tại Điều 17 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

3.5. Về xây dựng, bố trí lực lượng, nhiệm vụ của lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Chương V)

Chương V gồm 06 Điều (từ Điều 36 đến Điều 41), quy định về Lực lượng PCCC và CNCH; Thành lập, quản lý lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành và lực lượng dân phòng; Nhiệm vụ của lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành và lực lượng dân phòng; Phòng cháy, chữa cháy, CNCH tình nguyện; Xây dựng, bố trí lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH; Nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH.

3.5.1. Về lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Điều 36)

Theo quy định, lực lượng PCCC và CNCH là lực lượng nòng cốt trong hoạt động PCCC và CNCH, bao gồm: Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH; lực lượng PCCC và CNCH cơ sở; lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành và lực lượng dân phòng. Trong đó:

Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH là một bộ phận thuộc lực lượng Công an nhân dân Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực PCCC và CNCH theo quy định của pháp luật, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Lực lượng PCCC và CNCH cơ sở là lực lượng kiêm nhiệm do người đứng đầu cơ sở thành lập để thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH tại cơ sở.

Lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành là lực lượng chuyên trách hoặc kiêm nhiệm do người đứng đầu cơ sở thành lập để thực hiện nhiệm vụ PCCC CNCH tại một số cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.

Lực lượng dân phòng là lực lượng do chính quyền địa phương thành lập để thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (gọi chung là tổ dân phố).

3.5.2. Về thành lập, quản lý lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành và lực lượng dân phòng (Điều 37)

Theo quy định của Luật PCCC và CNCH: lực lượng PCCC và CNCH cơ sở được thành lập, quản lý và bố trí thành Đội PCCC và CNCH cơ sở; lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành được thành lập, quản lý và bố trí thành Đội PCCC

và CNCH chuyên ngành. Khi cơ sở đã thành lập Đội PCCC và CNCH chuyên ngành thì không phải thành lập Đội PCCC và CNCH cơ sở.

Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm đề xuất thành lập và trực tiếp duy trì hoạt động của Đội PCCC và CNCH cơ sở. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định thành lập, quản lý, ban hành quy chế hoạt động, bảo đảm kinh phí, trang bị phương tiện và bảo đảm các điều kiện để duy trì hoạt động của Đội PCCC và CNCH cơ sở.

Lực lượng dân phòng được thành lập ở một hoặc một số thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc tại huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã theo quy định sau đây:

- Được bố trí thành Đội dân phòng;
- Căn cứ tình hình, yêu cầu bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, CNCH, điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn quản lý;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng Đội dân phòng cần thành lập, số lượng thành viên Đội dân phòng tại thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý đến từng đơn vị hành chính cấp xã;
- Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm c khoản này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Đội dân phòng và từng thành viên Đội dân phòng;
- Ưu tiên thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tham gia Đội dân phòng;
- Tại thôn, tổ dân phố đã công nhận Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bổ nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự là Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng.

Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập, quản lý, ban hành quy chế hoạt động, bảo đảm kinh phí, trang bị phương tiện cho Đội dân phòng.

Quyết định thành lập Đội PCCC và CNCH cơ sở; Đội PCCC và CNCH chuyên ngành; Đội dân phòng phải được cơ quan ban hành gửi tới cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH quản lý địa bàn đó.

3.5.3. Về nhiệm vụ của lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành và lực lượng dân phòng (Điều 38)

Lực lượng PCCC và CNCH cơ sở; lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành và lực lượng dân phòng thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Đề xuất người có thẩm quyền ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, CNCH, xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, CNCH thuộc phạm vi quản lý.

Việc ban hành và tổ chức thực hiện nội quy phòng cháy, chữa cháy, CNCH là nội dung bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC và CNCH trong các cơ sở, khu dân cư và đối với rừng. Trách nhiệm của lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành và lực lượng dân phòng là trên cơ sở đặc điểm tình hình, quy mô, tính chất nguy hiểm cháy, nổ của từng cơ sở, khu dân cư, khu rừng mà các lực lượng phòng cháy, chữa cháy đề xuất người đứng đầu, chủ tịch UBND cấp xã ban hành và tổ chức thực hiện các nội quy PCCC và CNCH, xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, CNCH phù hợp với cơ sở, khu dân cư trong phạm vi quản lý của mình.

- Thực hiện phòng cháy, chữa cháy, CNCH trong phạm vi, nhiệm vụ được phân công và tham gia chữa cháy, CNCH khi được huy động.

Đề xuất và tổ chức thực hiện các quy định về thường trực, duy trì đủ quân số tham gia trực bảo vệ, tuần tra canh gác, phát hiện cháy sớm; duy trì hoạt động của các thiết bị phòng cháy, chữa cháy được trang bị, bảo đảm chủ động, sẵn sàng chữa cháy khi có cháy xảy ra.

Lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành và lực lượng dân phòng tham gia thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; xây dựng phong trào quần chúng tham gia phòng cháy, chữa cháy, CNCH.

Lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành và lực lượng dân phòng tham mưu cho lãnh đạo đơn vị, chủ cơ sở, Chủ tịch UBND cấp xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH bằng các hình thức và nội dung phù hợp trong từng cụm dân cư, trong nội bộ cơ quan, tổ chức nhằm nâng cao sự hiểu biết, kiến thức về PCCC và CNCH; nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác PCCC và CNCH.

Đề xuất các hình thức, biện pháp phát động quần chúng tham gia hoạt động phòng cháy chữa cháy và CNCH: Triển khai thực hiện phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; tổ chức ký cam kết bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy; xây dựng các điển hình tiên tiến, đề xuất các hoạt động hưởng ứng tuần lễ

Quốc gia an toàn, vệ sinh lao động và phòng, chống cháy, nổ; ngày toàn dân phòng cháy và chữa cháy... gắn công tác phòng cháy, chữa cháy với các phong trào chung của cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng phương án chữa cháy, CNCH và phương án CNCH của cơ quan Công an, chuẩn bị lực lượng, người, phương tiện tham gia thực tập phương án.

Đề xuất kế hoạch xây dựng phương án chữa cháy, CNCH; tranh thủ sự giúp đỡ của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trong xây dựng phương án và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, CNCH định kỳ hàng năm.

3.5.4. Về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện (Điều 39)

PCCC, CNCH tình nguyện là việc cá nhân tự nguyện đăng ký với Công an cấp xã nơi cư trú để thường xuyên tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH.

Quy định về PCCC, CNCH tình nguyện nhằm mục tiêu huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân, khuyến khích sự tham gia tích cực của người dân vào công tác phòng ngừa và ứng phó với các tình huống khẩn cấp liên quan đến cháy, nổ và các sự cố khác. Điều này phản ánh sự chuyển đổi từ mô hình quản lý tập trung sang mô hình quản lý dựa trên sự tham gia rộng rãi của cộng đồng.

Cá nhân tham gia hoạt động PCCC, CNCH tình nguyện được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH. Để huy động các lực lượng tham gia vào công tác PCCC và CNCH cần có những quy định cụ thể về các chính sách khuyến khích, tạo động lực cho người dân tham gia. Chương trình bồi dưỡng, huấn luyện cần được thiết kế bài bản, đáp ứng các yêu cầu về kỹ năng và kiến thức chuyên môn, đảm bảo an toàn cho người tham gia.

Trong trường hợp cần thiết, lực lượng PCCC và CNCH đề nghị Công an cấp xã huy động cá nhân đã tình nguyện đăng ký để tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH. Sự phối hợp chặt chẽ giữa Công an cấp xã, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và các cơ quan liên quan là rất cần thiết để quản lý, điều phối hoạt động của lực lượng tình nguyện. Cần có cơ chế quản lý, đánh giá hiệu quả hoạt động của lực lượng tình nguyện để kịp thời điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết.

Hoạt động PCCC, CNCH tình nguyện được quy định cụ thể tại Điều 22 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

3.5.5. Về xây dựng, bố trí lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Điều 40)

- Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Công an nhân dân được tổ chức, bố trí và quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH được thực hiện thông qua hệ thống tổ chức, bộ máy được thành lập theo quy định của pháp luật. Sự vận hành của hệ thống được thực hiện trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ từng đơn vị, thực hiện chế độ phân công, phân cấp hợp lý là yếu tố rất quan trọng tác động đến hiệu lực quản lý. Trên thực tế, mô hình tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH hiện nay gồm Cục Cảnh sát PCCC và CNCH; Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Công an cấp tỉnh; các Đội Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh. Quy định này nhằm đảm bảo tính tập trung, thống nhất trong chỉ huy, điều hành và phối hợp, tránh chồng chéo và thiếu sót trong công tác.

Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH có chức năng tham mưu, đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về PCCC, CNCH; tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, CNCH; thường trực sẵn sàng chữa cháy, thực hiện nhiệm vụ CNCH hàng ngày.

- Nhà nước xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; ba yếu tố này được coi là mục tiêu then chốt:

Chính quy: Chỉ rõ lực lượng cần được tổ chức bài bản, có hệ thống, quy trình hoạt động rõ ràng, tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật và pháp luật.

Tinh nhuệ: Yêu cầu lực lượng cần được huấn luyện bài bản, có trình độ chuyên môn cao, năng lực phản ứng nhanh nhạy và hiệu quả trong mọi tình huống.

Hiện đại: Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc trang bị phương tiện, thiết bị, công nghệ tiên tiến để nâng cao năng lực hoạt động, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác PCCC và CNCH.

Nhà nước ưu tiên nguồn lực phát triển lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH; đào tạo, bồi dưỡng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH tinh thông về pháp luật, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, CNCH, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Cơ quan, tổ chức và công dân Việt Nam có trách nhiệm tham gia xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH. Việc tham gia xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà còn là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của mọi người dân, được thực hiện thông qua nhiều hình

thức như: tham gia tuyên truyền, hỗ trợ về vật chất hoặc trực tiếp tham gia vào lực lượng. Đây là nội dung quan trọng, phản ánh nhận thức đúng đắn về vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trong công tác phòng ngừa và ứng phó với cháy, nổ và các tình huống khẩn cấp. Việc nhấn mạnh tính chính quy, tinh nhuệ, hiện đại của lực lượng, cùng với trách nhiệm chung của toàn xã hội, tạo nên một nền tảng vững chắc cho công tác PCCC và CNCH.

3.5.6. Về nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Điều 41)

Nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH là một phần rất quan trọng trong việc đảm bảo an toàn cho cộng đồng và nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy trên toàn quốc. Nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH được quy định gồm:

- Tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch, quy định của pháp luật về PCCC và CNCH.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH; hướng dẫn xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy, CNCH; huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, CNCH.
- Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, CNCH và phương án CNCH.
- Thực hiện chữa cháy, CNCH.
- Thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo thẩm quyền.
- Hướng dẫn xây dựng lực lượng PCCC và CNCH; hướng dẫn thực hiện công tác PCCC và CNCH; hướng dẫn trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, CNCH.
- Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, CNCH.
- Thống kê, tổng hợp dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, CNCH; xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, CNCH và truyền tin báo cháy.
- Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về PCCC và CNCH theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện quản lý hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy phương tiện phòng cháy, chữa cháy, CNCH theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Thực hiện một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và pháp luật về tổ chức điều tra hình sự.

- Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng cháy, chữa cháy, CNCH.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về Công an nhân dân và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Quy định về nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH không chỉ làm rõ nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH mà còn khẳng định tầm quan trọng của lực lượng này trong việc gìn giữ an toàn cho cộng đồng. Vai trò của lực lượng này không chỉ gói gọn trong việc chữa cháy khi xảy ra sự cố mà còn mở rộng ra việc phòng ngừa, giáo dục và áp dụng công nghệ vào công tác phòng cháy, chữa cháy, từ đó góp phần xây dựng một xã hội an toàn hơn.

3.6. Về phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Chương VI)

Chương VI gồm 03 Điều (từ Điều 42 đến Điều 44), quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, CNCH cho lực lượng PCCC và CNCH; quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH; sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, lưu thông phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy.

3.6.1. Về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Điều 42)

Nhà nước trang bị cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, các lực lượng khác trong Công an nhân dân phương tiện PCCC, CNCH và các phương tiện, thiết bị cần thiết khác bảo đảm đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chữa cháy, CNCH trong mọi tình huống.

Danh mục phương tiện PCCC, CNCH được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Việc quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, CNCH cho lực lượng chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, CNCH rất quan trọng và có ý nghĩa lớn trong việc đảm bảo an toàn cháy, nổ và CNCH trong mọi tình huống. Việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, không những đảm

bảo cho lực lượng này có đủ khả năng xử lý các tình huống khẩn cấp mà còn nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH.

Việc trang bị phương tiện PCCC, CNCH cho lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành, lực lượng dân phòng được quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

Quy định về trang bị phương tiện PCCC, CNCH cho lực lượng PCCC và CNCH không chỉ đơn thuần là quy định về trang bị mà còn là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy, đảm bảo sự an toàn cho công dân, đồng thời thể hiện vai trò tích cực của Nhà nước trong công tác CNCH. Vì vậy, việc thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các quy định trong điều này sẽ góp phần giảm thiểu thiệt hại do cháy nổ và các tình huống khẩn cấp, đảm bảo an toàn cho cộng đồng và xã hội.

3.6.2. Về quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 43)

Theo quy định của pháp luật, lực lượng PCCC và CNCH có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH được trang bị. Điều này khẳng định vai trò của lực lượng PCCC và CNCH trong việc duy trì, đảm bảo các thiết bị, phương tiện sẵn sàng hoạt động một cách hiệu quả khi cần thiết, thiết bị được bảo trì định kỳ giúp giảm thiểu nguy cơ hỏng hóc, tăng cường năng lực ứng phó trong các tình huống khẩn cấp.

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng đối với phương tiện PCCC, CNCH đã trang bị. Việc này không chỉ nhằm đảm bảo an toàn cho những người trực tiếp sử dụng phương tiện mà còn bảo vệ tài sản và môi trường xung quanh, tạo ra sự chủ động trong việc ứng phó với các sự cố, giảm thiểu thiệt hại khi xảy ra cháy nổ.

Việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH được quy định tại các Điều 5, 6, 7, và Điều 8 Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

Pháp luật quy định rõ trách nhiệm của các lực lượng chức năng cũng như tổ chức, cá nhân trong công tác bảo dưỡng, bảo quản các phương tiện này là rất

cần thiết, nhằm tạo ra một hệ thống phòng cháy, chữa cháy đồng bộ, nâng cao hiệu quả phòng ngừa và ứng phó với các sự cố cháy nổ có thể xảy ra. Chính vì vậy, việc tuân thủ những quy định này không chỉ thể hiện trách nhiệm của từng cá nhân mà còn là trách nhiệm chung của toàn cộng đồng trong việc bảo đảm an toàn PCCC.

3.6.3. Về sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy (Điều 44)

Nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn của các sản phẩm liên quan đến PCCC, CNCH, góp phần vào công tác phòng ngừa và giảm thiểu thiệt hại do cháy nổ gây ra. Quy định tại Điều 44 hướng đến việc kiểm soát chất lượng của phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật cần thiết trước khi được đưa ra thị trường, nhằm hạn chế rủi ro về chất lượng kém, hàng giả, hàng nhái, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác PCCC. Cụ thể:

- Phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy sản xuất, lắp ráp trong nước trước khi lưu thông trên thị trường phải bảo đảm về chất lượng, đúng với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy nhập khẩu phải đúng với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam. Trường hợp giữa Việt Nam và các quốc gia, vùng lãnh thổ thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau được thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Việc cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy được quy định tại Điều 23 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH; danh mục phương tiện phòng cháy, chữa cháy, CNCH, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

Việc quy định chặt chẽ về chất lượng sản phẩm, từ khâu sản xuất đến lưu thông phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy

giúp đảm bảo các phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy hoạt động hiệu quả, an toàn từ đó giảm thiểu rủi ro cháy nổ, có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động PCCC, CNCH.

3.7. Về bảo đảm điều kiện cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Chương VII)

Chương VII gồm 08 Điều (từ Điều 45 đến Điều 52), quy định về huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, CNCH; chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, CNCH; trang phục, phù hiệu, cấp hiệu và chế độ, chính sách đối với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH; bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH; ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH; khuyến khích đầu tư cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH; hoạt động khoa học và công nghệ, hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, CNCH và truyền tin báo cháy.

3.7.1. Về huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 45)

Luật PCCC và CNCH quy định đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng về nghiệp vụ PCCC, CNCH gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;
- Người đứng đầu cơ sở;
- Thành viên Đội PCCC và CNCH cơ sở; thành viên Đội PCCC và CNCH chuyên ngành; thành viên Đội dân phòng;
- Người được phân công thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, CNCH tại cơ sở; người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở;
- Người làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc với chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ;
- Người điều khiển phương tiện, người làm việc trên phương tiện giao thông quy định tại khoản 10 Điều 2 của Luật này;
- Người đã đăng ký tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, CNCH tình nguyện;
- Đối tượng khác có nhu cầu.

Nội dung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH và các lực lượng khác trong Công an nhân dân được

quy định tại Điều 28 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

3.7.2. Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 46)

Việc quy định chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia PCCC, CNCH nhằm khuyến khích, hỗ trợ và động viên những người được huy động, người tham gia thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao.

- Người được huy động, người tham gia chữa cháy, CNCH không thuộc lực lượng PCCC và CNCH được hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ khi tham gia chữa cháy, CNCH theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH có thành tích thì được khen thưởng, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù theo quy định của pháp luật.

- Người được huy động, người tham gia PCCC, CNCH bị tai nạn, bị thương, chết thì được hưởng chế độ theo quy định sau đây:

+ Người đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thì được chi trả chế độ từ quỹ bảo hiểm theo quy định của pháp luật;

+ Người chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị tai nạn, bị thương thì được hỗ trợ thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh; trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội nếu bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa thì được xét trợ cấp tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động; nếu chết thì thân nhân được hưởng chế độ tiền tuất, tiền mai táng phí;

+ Người bị thương, chết khi thực hiện nhiệm vụ thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để công nhận là liệt sĩ và hưởng các quyền theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

Chế độ chính sách đối với người được huy động, người tham gia PCCC, CNCH bị tai nạn, bị thương, chết được quy định tại Điều 33 và Điều 34 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

3.7.3. Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu và chế độ, chính sách đối với lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Điều 47)

Luật PCCC và CNCH quy định: sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc lực

lượng Cảnh sát PCCC và CNCH được trang bị trang phục, phù hiệu, cấp hiệu theo quy định của pháp luật về Công an nhân dân và được trang bị trang phục chuyên dùng để thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH. Đây là yếu tố nhận diện khi các cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho họ được công nhận và hỗ trợ trong công việc.

Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH được hưởng chế độ, chính sách sau đây:

- + Chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về Công an nhân dân;
- + Chế độ bồi dưỡng khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH; thực tập phương án chữa cháy, CNCH và phương án CNCH; khi chữa cháy, CNCH;
- + Chế độ dinh dưỡng đặc thù khi huấn luyện, thực tập phương án chữa cháy, CNCH, phương án CNCH và trực tiếp chữa cháy, CNCH;
- + Chế độ theo danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật;
- + Sĩ quan, hạ sĩ quan điều khiển, vận hành phương tiện chữa cháy, CNCH được hưởng chế độ, chính sách như sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ theo pháp luật về Công an nhân dân.

Quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu và chế độ, chính sách đã xác lập một hệ thống quyền lợi liên quan đến trang phục, phù hiệu và chế độ cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, góp phần nâng cao tinh thần làm việc của họ và đảm bảo hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ CNCH, điều này không chỉ mang lại lợi ích cho lực lượng mà còn tạo ra một ảnh hưởng tích cực trong hoạt động PCCC và CNCH, đáp ứng yêu cầu bảo vệ người dân và tài sản trong xã hội.

3.7.4. Về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc (Điều 48)

Cháy, nổ là một rủi ro mang tính thảm họa, sức tàn phá rất mạnh, gây ra hậu quả nặng nề. Vì vậy, để bù đắp cho các tổn thất và để khôi phục lại tài sản khi cháy, nổ, người ta dùng biện pháp tài trợ cho rủi ro hoặc bảo hiểm. Bảo hiểm là một phần quan trọng trong chương trình quản trị rủi ro, là hình thức chuyển giao rủi ro, trong đó người bảo hiểm chấp nhận gánh vác phần tổn thất tài chính khi rủi ro xuất hiện.

Bảo hiểm cháy, nổ là loại hình bảo hiểm tài sản nhằm áp dụng cho các đối tượng thuộc mọi thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân. Giá trị bảo hiểm cháy, nổ thường là rất lớn, vì vậy các đơn vị tham gia bảo hiểm cháy, nổ là tất yếu và có như vậy mới ổn định sản xuất, kinh doanh và bảo toàn vốn.

Do đó, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc có thể được hiểu là một loại hình bảo hiểm bắt buộc, áp dụng đối với tài sản của các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo việc bồi thường thiệt hại về tài sản khi các cơ sở này xảy ra cháy, nổ.

Việc thực hiện chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc xuất phát từ mục đích bảo vệ lợi ích công cộng và an toàn cho xã hội. Nhờ có bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và việc hình thành nên quỹ tiền tệ tập trung do người tham gia bảo hiểm đóng góp, từ đó có thể bồi thường những tổn thất cho người tham gia và còn đóng góp vào ngân sách Nhà nước để thực hiện các chính sách xã hội. Khi tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, các chủ thể của nền kinh tế không những được đền bù thiệt hại khi tổn thất xảy ra mà còn không phải lập quỹ dự phòng tổn thất, khả năng tài chính của người tham gia sẽ tăng lên, quy mô sản xuất sẽ được mở rộng. Cùng với đó, khi tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, nhà bảo hiểm và người tham gia sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ xảy ra, ngăn ngừa thiệt hại và cũng dễ dàng nhận được sự trợ giúp của các nhà đầu tư, các ngân hàng.

- Đối tượng tham gia bảo hiểm bắt buộc, pháp luật quy định: Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của cơ sở thuộc danh mục cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm. Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong các cơ sở thuộc danh mục được quy định phải tham gia bảo hiểm cháy, nổ để bảo vệ tài sản của mình trước những rủi ro tiềm ẩn từ cháy nổ. Điều này không chỉ đảm bảo an toàn cho tài sản mà còn hỗ trợ các hoạt động ứng cứu sau khi sự cố xảy ra. Chính phủ sẽ quy định cụ thể danh mục các cơ sở bắt buộc tham gia bảo hiểm này.

- Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của cơ sở không thuộc danh mục cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, thể hiện tính chủ động và trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức trong việc bảo vệ tài sản của mình, ngay cả khi họ không thuộc danh mục phải tham gia. Điều này cũng đóng góp vào việc nâng cao ý thức PCCC, CNCH của cộng đồng.

- Danh mục cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; mức trích nộp, chế độ quản lý, sử dụng nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động PCCC, CNCH được quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

3.7.5. Về nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy,

cứu nạn, cứu hộ (Điều 49)

Nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động PCCC, CNCH bao gồm:

- Ngân sách nhà nước: đây là nguồn tài chính chủ yếu, giúp đảm bảo các hoạt động PCCC và CNCH có thể diễn ra liên tục, hiệu quả. Ngân sách này bao gồm các khoản chi cho nhân lực, phương tiện và trang thiết bị cho lực lượng cảnh sát PCCC và CNCH.

- Nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc: các khoản thu này được trích lại và sử dụng cho việc phát triển các hoạt động liên quan đến PCCC. Điều này không chỉ thúc đẩy ý thức của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc tham gia bảo hiểm mà còn hỗ trợ nguồn vốn cho các dự án và hoạt động phòng cháy, chữa cháy.

- Đóng góp tự nguyện, tài trợ: các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thể đóng góp hoặc tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật cho các hoạt động PCCC và CNCH. Điều này khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng trong công tác PCCC và CNCH. Nội dung này được quy định tại Điều 36 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

- Hỗ trợ từ các quỹ phòng, chống thiên tai: đây là một nguồn tài chính quan trọng khác, cung cấp hỗ trợ tài chính cho các hoạt động phòng chống và khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần đảm bảo an toàn cho cộng đồng. Nội dung này được quy định tại Điều 37 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

- Nguồn tài chính huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc quản lý nguồn tài chính được thực hiện theo các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý, sử dụng tài sản công, nhằm đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn cho hoạt động PCCC và CNCH.

Quy định của pháp luật về nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động PCCC, CNCH không chỉ thiết lập một khuôn khổ tài chính rõ ràng cho các hoạt động PCCC và CNCH mà còn khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và các đơn vị tư nhân, nhằm củng cố công tác PCCC và CNCH trong toàn xã hội.

3.7.6. Về ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 50)

Luật PCCC và CNCH nêu rõ về ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động PCCC và CNCH. Điều này nhấn mạnh vai trò quan trọng của ngân sách nhà nước

trong việc bảo đảm an toàn PCCC và CNCH trong phạm vi cả nước, thể hiện cam kết của nhà nước trong việc đầu tư và hỗ trợ tài chính cho các hoạt động liên quan đến an toàn PCCC và CNCH, góp phần nâng cao năng lực ứng phó với các tình huống khẩn cấp, bảo vệ an toàn cộng đồng.

- Nhà nước bảo đảm ngân sách để đầu tư cho hoạt động PCCC, CNCH; ưu tiên phân bổ nguồn lực trong kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho hoạt động PCCC, CNCH; trong nhiệm vụ chi ngân sách quốc phòng và an ninh hằng năm của Ủy ban nhân dân các cấp phải có nội dung bảo đảm cho công tác PCCC, CNCH.

- Trong trường hợp cấp bách được sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để phục vụ hoạt động PCCC, CNCH.

- Nhà nước cấp ngân sách cho lực lượng Công an nhân dân, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các đơn vị khác thụ hưởng ngân sách nhà nước để phục vụ hoạt động PCCC, CNCH theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động PCCC, CNCH được sử dụng cho các nhiệm vụ sau đây:

- + Đầu tư, trang bị, xây dựng, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC, CNCH;

- + Hoạt động của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH và lực lượng dân phòng;

- + Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH theo quy định của pháp luật;

- + Các hoạt động PCCC, CNCH khác theo quy định của pháp luật.

- Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước chi cho hoạt động PCCC, CNCH được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC, CNCH.

Ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động PCCC, CNCH được quy định tại Điều 38 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

3.7.7. Về khuyến khích đầu tư cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 51)

- Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế đầu tư, đóng góp, tài trợ cho hoạt động PCCC, CNCH.

Quy định này thể hiện chính sách mở rộng nguồn lực cho công tác PCCC và CNCH không chỉ dựa vào ngân sách nhà nước mà còn huy động sự tham gia của cộng đồng quốc tế và các cá nhân trong nước.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp phương tiện PCCC, CNCH trong nước được hưởng các ưu đãi về tín dụng, đất đai, khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực theo quy định của pháp luật.

Quy định này có vai trò quan trọng trong việc huy động nguồn lực, khuyến khích đầu tư và phát triển công nghiệp trong nước, góp phần nâng cao hiệu quả công tác PCCC và CNCH nhằm khuyến khích phát triển công nghiệp trong nước, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao phục vụ công tác PCCC và CNCH. Các ưu đãi được đề cập đến giúp giảm bớt rủi ro và chi phí cho các doanh nghiệp, thúc đẩy sự đầu tư và đổi mới công nghệ trong lĩnh vực này.

3.7.8. Về hoạt động khoa học và công nghệ, hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy (Điều 52)

Luật PCCC và CNCH quy định nội dung về hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực PCCC và CNCH, cụ thể như sau:

- Hoạt động khoa học và công nghệ trong PCCC, CNCH bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ số, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và các hoạt động dịch vụ khoa học, công nghệ.

Mục tiêu của hoạt động khoa học và công nghệ là nâng cao chất lượng công tác PCCC và CNCH, từ đó bảo vệ tính mạng, tài sản của công dân, tổ chức và nhà nước trong trường hợp có sự cố.

Việc quy định chi tiết về hoạt động khoa học và công nghệ thể hiện sự quan tâm của nhà nước đối với việc nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác PCCC và CNCH. Công nghệ hiện đại có thể đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện cháy sớm, dập tắt cháy hiệu quả và cứu nạn trong các tình huống khẩn cấp.

- Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế đầu

tư, tài trợ, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong công tác PCCC, CNCH.

Khuyến khích sự tham gia của nhiều đối tượng: bằng các chính sách ưu đãi, luật tạo điều kiện cho mọi đối tượng tham gia vào các hoạt động liên quan, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của xã hội trong công tác bảo vệ an toàn.

- Ưu tiên kết hợp, ứng dụng kết quả đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực PCCC, CNCH vào đầu tư sản xuất, phát triển công nghệ, phương tiện PCCC, CNCH.

Ứng dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ sẽ được áp dụng trực tiếp vào thực tiễn, giúp cải thiện khả năng PCCC và CNCH, qua đó giảm thiểu thiệt hại do cháy nổ gây ra.

- Hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy do lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH quản lý, khai thác, vận hành theo quy định của pháp luật.

Việc xây dựng hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy sẽ giúp việc cảnh báo nhanh chóng hơn, từ đó giảm thiểu thời gian phản ứng của các lực lượng cứu hộ khi xảy ra sự cố.

Hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy, quy định về việc cập nhật, khai báo dữ liệu về PCCC, CNCH được quy định chi tiết tại Điều 24 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

3.8. Về điều khoản thi hành (Chương VIII)

Chương VIII gồm 03 Điều (từ Điều 53 đến Điều 55) quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan; hiệu lực thi hành; quy định chuyển tiếp.

3.8.1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan (Điều 53)

Để đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật liên quan đến lĩnh vực PCCC và CNCH, Luật PCCC và CNCH quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp luật có liên quan như:

- Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 Điều 10 của Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 60/2020/QH14 và Luật số 18/2023/QH15 như sau:

“d) Hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.”

Điều này bổ sung hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ vào danh mục các hoạt động được thực hiện trong trường hợp thiên tai, thảm họa, cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa phòng chống thiên tai và công tác phòng cháy, chữa

cháy và cứu nạn, cứu hộ, đặc biệt trong các tình huống khẩn cấp.

- Thay thế từ “thẩm duyệt” bằng từ “thẩm định” tại điểm c khoản 3 Điều 56 và khoản 4 Điều 82 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14.

Sự thay đổi này nhằm mục đích làm rõ hơn ý nghĩa của quá trình đánh giá thiết kế về phòng cháy, chữa cháy. Từ “thẩm định” mang ý nghĩa đánh giá, xem xét kỹ lưỡng hơn so với “thẩm duyệt”, nhấn mạnh tính chất kỹ thuật và chuyên sâu hơn của quá trình này, đảm bảo tính chính xác và khách quan của quá trình đánh giá.

- Sửa đổi, bổ sung các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 33 của Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 như sau:

“c) Công trình xây dựng thuộc diện phải thẩm duyệt hoặc thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy nhưng được tổ chức thi công khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt hoặc văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành;

d) Công trình thi công không đúng theo thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đã được thẩm duyệt hoặc thẩm định;

đ) Công trình xây dựng, phần công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành mà đã đưa vào hoạt động;”

Phần này sửa đổi, bổ sung các điểm c, d, đ khoản 2 Điều 33 Luật Thủ đô để quy định cụ thể hơn về các hành vi vi phạm liên quan đến phòng cháy, chữa cháy trong xây dựng tại Hà Nội. Điều này nhằm tăng cường quản lý, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy tại thủ đô.

Quy định của Luật PCCC và CNCH về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường tính thống nhất và hiệu quả trong công tác PCCC và CNCH, đồng thời làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

3.8.2. Hiệu lực thi hành (Điều 54)

Luật PCCC và CNCH năm 2024 (Luật số 55/2024/QH15) là một bước tiến quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác phòng cháy, chữa cháy, CNCH và đảm bảo an toàn cho người dân. Luật được Quốc hội

thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Luật này thay thế Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 40/2013/QH13 và Luật số 30/2023/QH15. Sau thời gian này, tất cả các hoạt động liên quan đến PCCC và CNCH phải tuân thủ theo quy định mới này. Một số quy định đặc biệt, như việc trang bị thiết bị truyền tin báo cháy và kết nối với cơ sở dữ liệu, sẽ được thực hiện chậm nhất từ ngày 01/07/2027.

Luật PCCC và CNCH có quy định chuyển tiếp để xử lý các trường hợp đã được tiếp nhận trước ngày luật có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong, hoặc các dự án đầu tư đang thực hiện, chứng nhận đã cấp trước đó, v.v... Những trường hợp này sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy cũ (số 27/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung).

Hiệu lực của Luật PCCC và CNCH đồng thời dẫn đến việc bãi bỏ hoặc hết hiệu lực của một số văn bản pháp luật khác như Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 (đã được sửa đổi, bổ sung), Nghị quyết số 99/2019/QH14. Các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy cũ sẽ được xem xét, điều chỉnh để phù hợp với Luật PCCC và CNCH mới.

Ngay sau khi Quốc hội thông qua Luật PCCC và CNCH, ngày 19/12/2024, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1610/QĐ-TTg về ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 8. Bộ Công an đã chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 25/01/2025 ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật PCCC và CNCH. Tiếp đó, ngày 05/02/2025, Bộ trưởng Bộ Công an đã ký ban hành Quyết định số 674/QĐ-BCA ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật PCCC và CNCH trong Công an nhân dân.

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 25/01/2025 và Quyết định số 674/QĐ-BCA ngày 05/02/2025, C07 được giao chủ trì xây dựng 05 văn bản quy phạm pháp luật gồm: ⁽¹⁾ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH; ⁽²⁾ Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH; ⁽³⁾ Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH; ⁽⁴⁾ Thông tư Bộ trưởng Bộ Công an quy định về nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, CNCH của lực lượng Công an nhân dân; ⁽⁵⁾ Thông tư quy định về việc thực hiện dân chủ trong công tác PCCC và CNCH của lực lượng Công an nhân dân.

Để triển khai thi hành các nhiệm vụ được phân công và trên cơ sở quy định của Luật PCCC và CNCH, Bộ Công an đã tổ chức triển khai xây dựng hồ sơ các Nghị định, Thông tư đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; theo đó:

- Ngày 15/5/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Ngày 15/5/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 106/2025/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH.

- Ngày 15/5/2025, Bộ trưởng Bộ Công an đã ký ban hành Thông tư số 36/2025/TT-BCA quy định chi tiết một số điều của Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Ngày 15/5/2025, Bộ trưởng Bộ Công an đã ký ban hành Thông tư số 37/2025/TT-BCA quy định về nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, CNCH của lực lượng Công an nhân dân

- Ngày 15/5/2025, Bộ trưởng Bộ Công an đã ký ban hành Thông tư số 38/2025/TT-BCA quy định về việc thực hiện dân chủ trong công tác PCCC và CNCH của lực lượng Công an nhân dân.

Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025, đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại Việt Nam. Việc có hiệu lực thi hành từ tháng 7 năm 2025 cho phép các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thời gian chuẩn bị và điều chỉnh các hoạt động của mình nhằm tuân thủ đầy đủ các quy định mới. Luật này bổ sung nhiều quy định mới, cụ thể hóa trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đồng thời có quy định chuyển tiếp để đảm bảo sự ổn định trong quá trình thực hiện. Luật PCCC và CNCH không chỉ khẳng định trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức mà còn hướng đến sự xây dựng một hệ thống pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rõ ràng, đồng bộ và dễ hiểu, tạo điều kiện cho việc áp dụng thực tiễn. Việc thực thi hiệu quả Luật PCCC và CNCH đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức và cộng đồng.

3.8.3. Quy định chuyển tiếp (Điều 55)

Quy định chuyển tiếp là một trong những điểm quan trọng của Luật PCCC và CNCH, nhằm đảm bảo tính kế thừa và thống nhất trong thực thi pháp luật. Quy định này không chỉ giúp hướng dẫn việc áp dụng các điều khoản cũ mà còn làm rõ cách xử lý các tình huống pháp lý đang tồn tại khi luật mới có hiệu lực. Để tạo điều kiện cho công dân, Luật đã quy định chuyển tiếp theo hướng:

- Tiếp tục giải quyết hồ sơ: tất cả các hồ sơ giải quyết thủ tục liên quan đến phòng cháy, chữa cháy, CNCH mà cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận trước khi luật mới có hiệu lực nhưng chưa hoàn tất sẽ vẫn được xử lý theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001. Điều này giúp ngăn chặn tình trạng xung đột pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các tổ chức, cá nhân liên quan.

- Thực hiện với dự án đã được thẩm duyệt: các dự án đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trước khi luật mới có hiệu lực, mà chưa được nghiệm thu cũng sẽ tiếp tục thực hiện theo các quy định của luật cũ. Điều này cũng giảm thiểu rủi ro cho những chủ đầu tư và cơ sở đã thực hiện thủ tục hợp lệ theo quy định trước đó.

- Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH: các chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH đã cấp trước ngày luật có hiệu lực sẽ vẫn có giá trị sử dụng cho đến khi hết thời hạn ghi trên chứng nhận. Điều này tạo sự ổn định cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ liên quan.

- Kiểm định phương tiện PCCC: đối với các cơ quan, tổ chức kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy đã hoạt động trước đó, họ sẽ tiếp tục thực hiện kiểm định cho đến hết thời hạn theo lộ trình do Chính phủ quy định. Điều này giúp các thực thể có thể duy trì tiêu chuẩn an toàn và giảm thời gian chuẩn bị cho những thay đổi trong khung pháp lý mới hơn.

- Giải quyết tình huống cụ thể đối với cơ sở không đạt yêu cầu: việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu an toàn về phòng cháy, chữa cháy sẽ được thực hiện theo các quy định cũ nếu cơ sở đó đã đưa vào sử dụng trước khi luật này có hiệu lực, đảm bảo các quy định phù hợp với thực tế hoạt động hiện tại.

Quy định chuyển tiếp trong Luật PCCC và CNCH là một phần quan trọng nhằm giúp định hình việc áp dụng luật mới trong thực tiễn. Điều này không chỉ giúp đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân, đảm bảo tính kế thừa, ổn định cho những hoạt động đã được thực hiện trước đó mà còn tạo điều kiện cho việc chuyển giao sang khung pháp lý mới một cách suôn sẻ và hiệu quả hơn,

từ đó, làm tăng khả năng thực thi luật của cơ quan nhà nước và nhận thức cộng đồng về PCCC và CNCH.

4. Những điểm mới của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Trên cơ sở kế thừa quy định của pháp luật về PCCC còn hiệu lực, Luật PCCC và CNCH đã tiếp tục bổ sung các quy định mới, điều chỉnh các quy định còn chưa cụ thể, đầy đủ nhằm bảo đảm toàn diện, dễ hiểu, dễ triển khai thực hiện. Cụ thể là:

- Bổ sung quy định cụ thể các hoạt động CNCH có tác động trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân mà chưa được quy định trong văn bản Luật, gồm các nội dung cơ bản sau: (1) phân định rõ các tình huống CNCH mà lực lượng PCCC và CNCH chủ trì thực hiện; (2) quy định cụ thể về trách nhiệm CNCH; (3) quy định về người chỉ huy CNCH; (4) quy định cụ thể về việc huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia CNCH; (5) quy định về công tác phối hợp của lực lượng PCCC với các lực lượng khác khi tham gia CNCH đối với các tình huống thảm họa, thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

- Bổ sung các quy định nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động PCCC và CNCH. Cụ thể như: bổ sung trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư xây dựng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông; bổ sung trách nhiệm của chủ hộ gia đình trực tiếp sử dụng nhà ở; bổ sung trách nhiệm của những người có liên quan đối với trường hợp thuê, mượn, ở nhờ nhà ở; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về PCCC và CNCH; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý nhà nước về PCCC và CNCH...

- Bổ sung quy định cụ thể, rõ ràng hơn về yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn. Theo đó, khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp và các khu chức năng theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phải có giải pháp, thiết kế về PCCC phù hợp với từng cấp độ quy hoạch, cụ thể: quy hoạch chung phải có nội dung phát triển hạ tầng PCCC; quy hoạch phân khu phải có nguồn nước và phương án tổ chức mạng lưới cấp nước chữa cháy, mạng lưới giao thông phục vụ chữa cháy, CNCH, vị trí, quy mô của trụ sở đơn vị PCCC và CNCH; quy hoạch chi tiết phải có đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống bảo đảm cho xe chữa cháy và phương tiện chữa

cháy cơ giới triển khai hoạt động, nguồn nước chữa cháy, nguồn điện phục vụ hoạt động PCCC, địa điểm cho đơn vị PCCC và CNCH.

- Bổ sung các quy định cụ thể về điều kiện an toàn PCCC cho một số đối tượng nhà, công trình mà Luật PCCC năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2013 chưa điều chỉnh, cụ thể là điều kiện an toàn PCCC đối với nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, bổ sung quy định đối với nhà ở tại thành phố trực thuộc trung ương mà thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động PCCC thì phải trang bị bình chữa cháy, thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy theo lộ trình do Chính phủ quy định; đối với nhà ở tại khu vực khác thì khuyến khích trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy.

- Điều chỉnh các quy định của Luật PCCC năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2013 liên quan đến hoạt động thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với pháp luật về xây dựng và các pháp luật chuyên ngành khác. Theo đó, sẽ thay hoạt động thẩm duyệt thiết kế về PCCC thành hoạt động thẩm định thiết kế về PCCC. Phân định rõ thẩm quyền thực hiện công tác thẩm định thiết kế về PCCC, kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC cho các cơ quan chuyên môn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; cụ thể giao cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC đối với nội dung thuộc chuyên môn về xây dựng như khoảng cách PCCC, đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động PCCC, CNCH, giải pháp thoát nạn, dự kiến bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan, giải pháp chống khói; cơ quan đăng kiểm thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC đối với các phương tiện có yêu cầu bảo đảm an toàn PCCC như giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan, giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy cho hệ thống cung cấp năng lượng, nhiên liệu và động cơ, hệ thống, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí, chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ; cơ quan Công an thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC đối với hệ thống điện phục vụ PCCC và phương tiện, hệ thống PCCC

- Bổ sung các quy định cụ thể, bao quát hơn về PCCC điện trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh; quy định cụ thể về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, thiết bị điện và đơn vị bán lẻ điện trong việc hướng dẫn về bảo đảm an toàn sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất.

- Bổ sung các quy định cụ thể, bao quát hơn về hoạt động chữa cháy, gồm quy định cụ thể trách nhiệm chữa cháy; việc huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy; nguồn nước chữa cháy; người chỉ huy chữa cháy; quyền, trách nhiệm của người chỉ huy chữa cháy; việc tổ chức khắc phục hậu quả vụ cháy; công tác bảo vệ hiện trường, điều tra vụ cháy; việc chữa cháy trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế...

- Bổ sung các quy định nhằm xây dựng và củng cố lực lượng PCCC và CNCH đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống. Luật PCCC và CNCH đã quy định cụ thể, rõ ràng hơn về việc thành lập, quản lý lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, PCCC và CNCH chuyên ngành, lực lượng dân phòng để khắc phục những tồn tại, hạn chế và nâng cao hiệu quả hoạt động của các lực lượng này trong thực tiễn; bổ sung quy định ưu tiên thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tham gia Đội dân phòng cũng như bổ nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự là Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng để phù hợp với Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Để khuyến khích người dân tự nguyện tham gia hoạt động PCCC, CNCH, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung quy định cụ thể về việc đăng ký, huấn luyện, bồi dưỡng cũng như chính sách phát triển PCCC và CNCH tình nguyện. Đối với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung quy định Nhà nước xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; ưu tiên nguồn lực phát triển lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH; đào tạo, bồi dưỡng lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH tinh thông về pháp luật, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, CNCH, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung quy định cụ thể về chế độ, chính sách đối với lực lượng PCCC và CNCH cũng như người được huy động, tham gia PCCC, CNCH bảo đảm phù hợp với hệ thống pháp luật, tạo động lực khuyến khích người dân tích cực tham gia hoạt động PCCC, CNCH. Đặc biệt, đã bổ sung quy định sĩ quan, hạ sĩ quan điều khiển, vận hành phương tiện chữa cháy, CNCH được hưởng chế độ, chính sách như sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ theo pháp luật về Công an nhân dân; góp phần tháo gỡ khó khăn về chế độ, chính sách cho cán bộ, chiến sĩ lái xe chữa cháy, CNCH trên cả nước.

- Sửa đổi các quy định liên quan đến kinh doanh dịch vụ PCCC. Theo đó, đã bãi bỏ quy định kinh doanh dịch vụ PCCC là ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhằm xã hội hóa hoạt động kinh doanh dịch vụ PCCC, tạo điều kiện thông thoáng cho cơ sở, doanh nghiệp, tăng cường chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm

dưới sự kiểm tra giám sát quản lý của cơ quan nhà nước, theo đúng chủ trương của Đảng về việc “*đẩy mạnh xã hội hóa công tác phòng cháy, chữa cháy*”, khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động PCCC và CNCH. Sau khi Luật PCCC và CNCH có hiệu lực thi hành, việc quản lý phương tiện PCCC, CNCH sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các cơ sở kinh doanh dịch vụ PCCC tiếp tục hoạt động và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật kinh doanh, các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Bãi bỏ quy định về kiểm định phương tiện PCCC, CNCH, thay vào đó, quy định phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy sản xuất, lắp ráp trong nước trước khi lưu thông trên thị trường phải bảo đảm về chất lượng, đúng với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy nhập khẩu phải đúng với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam. Trường hợp giữa Việt Nam và các quốc gia, vùng lãnh thổ thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau được thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy phải được cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường.

- Bổ sung các quy định bao quát, cụ thể hơn về chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia chữa cháy, CNCH và lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH để phù hợp với yêu cầu, tính chất đặc biệt nguy hiểm, nặng nhọc của ngành nghề này. Bổ sung quy định cụ thể về nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động PCCC và CNCH để đầu tư, xây dựng lực lượng PCCC và CNCH đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Bổ sung các chính sách ưu đãi, khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ trong lĩnh vực PCCC và CNCH.

- Bổ sung quy định về việc xử lý đối với các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về PCCC được đưa vào sử dụng trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCCC trước đây. Bổ sung quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm khoảng cách ngăn cháy, chống cháy lan, hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, CNCH theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động PCCC. Theo đó, Luật PCCC và CNCH đã quy định việc xử lý

đối với đối tượng này theo hướng giao UBND cấp tỉnh phân loại, lập và công bố danh sách cơ sở, công trình không bảo đảm yêu cầu về PCCC tại thời điểm đưa vào hoạt động và không có khả năng khắc phục theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành hoặc quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật tại thời điểm đưa vào hoạt động trên địa bàn quản lý; giao Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật về xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an quy định giải pháp kỹ thuật nâng cao an toàn PCCC cho các công trình không bảo đảm yêu cầu PCCC thuộc thẩm quyền quản lý; giao người đứng đầu cơ sở căn cứ hiện trạng kiến trúc, kết cấu, công năng, thiết bị, dây chuyền sản xuất lựa chọn giải pháp kỹ thuật tương ứng để tăng cường giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn PCCC và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện; giao UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực có các công trình xây dựng không bảo đảm khoảng cách ngăn cháy, chống cháy lan, hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, CNCH theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, PCCC. Đối với công trình, cơ sở không thể áp dụng được giải pháp kỹ thuật thay thế thì phải chuyển đổi công năng phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của công trình, cơ sở. Quy định như trên là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của các chủ thể được giao nhiệm vụ, bảo đảm tính khả thi, thống nhất khi triển khai trên thực tiễn.

- Về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH: sau khi Luật PCCC và CNCH có hiệu lực, cắt giảm nhiều thủ tục hành chính về PCCC và CNCH nhằm đơn giản hóa, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp; đồng thời, không quy định trong luật những nội dung về thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ mà giao Chính phủ, các Bộ quy định theo thẩm quyền để linh hoạt, kịp thời sửa đổi, bổ sung khi cần thiết, tạo thuận lợi cho việc phân cấp phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

1. Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1.1. Sự cần thiết xây dựng và ban hành Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1.1.1. Cơ sở pháp lý

- Thực hiện quy định của Luật PCCC và CNCH số 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về việc giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung mà Luật giao, cụ thể: Khoản 7, khoản 8 Điều 2; Điều 7, khoản 10 Điều 8, khoản 6 Điều 10, khoản 4 Điều 11, khoản 5 Điều 15 khoản 4 Điều 17, khoản 6 Điều 18, khoản 5 Điều 20, điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 6 Điều 26, khoản 4 Điều 27, khoản 6 Điều 35, khoản 4 Điều 37, khoản 5 Điều 39, khoản 3 Điều 44, khoản 5 Điều 45, khoản 4 Điều 46, khoản 3 Điều 48, khoản 3 Điều 49, khoản 7 Điều 50 khoản 5 Điều 52, khoản 4, điểm đ khoản 6 Điều 55.

- Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; theo đó, tại khoản 1 Điều 19 quy định Chính phủ ban hành Nghị định để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

- Thực hiện Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025; theo đó, tại khoản 3, khoản 4 Điều 6 quy định về việc Chính phủ hướng dẫn chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền; thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực; thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

- Thực hiện Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8 và Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 25/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật PCCC và CNCH, theo đó phân công Bộ Công an chủ, phối hợp các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng Nghị định của Chính phủ để quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

1.1.2. Cơ sở thực tiễn

Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH được nghiên cứu, xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại các Nghị định hướng dẫn Luật PCCC năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2013 (Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, Nghị định số 50/2024/NĐ-CP), nhất là những quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm và còn giá trị. Bên cạnh đó, chỉnh lý, sửa đổi một số nội dung để phù hợp với các chính sách pháp luật mới được quy định trong Luật PCCC và CNCH như quy định về điều kiện an toàn PCCC đối với nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh; việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, phân công trách nhiệm của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai thực hiện theo

chức năng, nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, bổ sung những quy định để khắc phục những khó khăn, bất cập trong việc triển khai thực hiện pháp luật về PCCC và CNCH. Nghị định cũng được xây dựng dựa trên các đánh giá tác động về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm tính khả thi trong việc triển khai thực hiện, đảm bảo điều kiện nguồn nhân lực, vật lực để thực hiện công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH đạt hiệu quả.

Xuất phát từ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật PCCC và CNCH là cần thiết, bảo đảm tính thực tiễn, để tiếp tục thể chế hoá quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác PCCC, CNCH, khắc phục những hạn chế trong triển khai thực tế, nâng cao ý thức, trách nhiệm chấp hành pháp luật về PCCC và CNCH.

1.2. Bố cục và nội dung cơ bản kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH (sau đây gọi tắt là Nghị định số 105/2025/NĐ-CP) gồm 08 chương 47 Điều và 08 Phụ lục, gồm những nội dung cơ bản sau:

- ***Chương I (Quy định chung)*** gồm 02 điều từ Điều 1 đến Điều 2, quy định về: phạm vi điều chỉnh; phụ lục.

- ***Chương II (Phòng cháy)*** gồm 12 điều từ Điều 3 đến Điều 14, quy định về: nội quy PCCC, CNCH; hồ sơ về PCCC, CNCH; yêu cầu về PCCC khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn; việc thẩm định thiết kế về PCCC, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan đăng kiểm; việc thẩm định thiết kế, nghiệm thu về PCCC của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông; việc thẩm định thiết kế về PCCC của cơ quan Công an; việc kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC của cơ quan Công an; trách nhiệm phối hợp trong thẩm định thiết kế về PCCC, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC; trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ phương tiện, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư xây dựng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông; nội dung, thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm tra về PCCC.

- ***Chương III (Chữa cháy, CNCH)*** gồm 05 điều, từ Điều 15 đến Điều 19, quy định về: nội dung phương án chữa cháy, CNCH, phương án CNCH; thực tập

phương án chữa cháy, CNCH, phương án CNCH; thủ tục huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản để tham gia chữa cháy, CNCH; việc huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của quân đội tham gia chữa cháy; việc đầu tư, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy, diêm, bển để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ PCCC.

- **Chương IV (Xây dựng, bố trí lực lượng PCCC và CNCH)** gồm 03 điều, từ Điều 20 đến Điều 22, quy định về: thành lập, tổ chức, hoạt động và chế độ bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành; tổ chức, hoạt động, chế độ bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng dân phòng; PCCC, CNCH tình nguyện.

- **Chương V (Phương tiện PCCC, CNCH; cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy)** gồm 05 điều, từ Điều 23 đến Điều 27 quy định về: cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy; hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy; đầu tư, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy; khai báo, cập nhật dữ liệu về PCCC, CNCH; trách nhiệm, lộ trình trang bị, kết nối thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy.

- **Chương VI (Bảo đảm điều kiện cho hoạt động PCCC, CNCH)** gồm 10 điều, từ Điều 28 đến Điều 38, quy định về: nội dung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC, CNCH; thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH; chế độ, chính sách cho người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH; chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia chữa cháy, CNCH; chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia PCCC, CNCH chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương; chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia PCCC, CNCH chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết; bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; đóng góp tự nguyện, tài trợ bằng tiền, hiện vật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài cho hoạt động PCCC, CNCH; hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai và các quỹ hợp pháp khác cho hoạt động PCCC, CNCH; ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động PCCC, CNCH.

- **Chương VII (Quản lý nhà nước về PCCC, CNCH)** gồm 05 điều, từ Điều 39 đến Điều 43, quy định về: nội dung quản lý nhà nước về PCCC, CNCH; trách nhiệm của Bộ Công an; trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc

Chính phủ; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; lộ trình xử lý đối với các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về PCCC được đưa vào sử dụng trước ngày Luật PCCC và CNCH có hiệu lực thi hành.

- **Chương VIII (Điều khoản thi hành)** gồm 04 điều, từ Điều 44 đến Điều 47, quy định về: bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điều kèm theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP, Nghị định số 78/2021/NĐ-CP, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, Nghị định số 161/2024/NĐ-CP, Nghị định số 34/2024/NĐ-CP, Nghị định số 65/2018/NĐ-CP; hiệu lực thi hành; quy định chuyên tiếp; trách nhiệm thi hành.

1.3. Những nội dung mới trong Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Trên cơ sở kế thừa các quy định còn giá trị tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, Nghị định số 50/2024/NĐ-CP, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung mới căn cứ trên 20 nhóm nội dung Luật PCCC và CNCH giao Chính phủ quy định, đồng thời bãi bỏ nhiều thủ tục hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH, cụ thể:

- *Sửa đổi, bổ sung các quy định về danh mục cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC, danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (tại phụ lục I, II)*

+ So với quy định trước đây, khái niệm về cơ sở đã được quy định cụ thể hơn, đặc biệt nhấn mạnh việc cơ sở thuộc diện quản lý phải được xây dựng, hoạt động theo quy định của pháp luật. Theo đó, cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC được quy định tại khoản 7 Điều 2 Luật PCCC là nhà, công trình, địa điểm được sử dụng để ở, sản xuất, kinh doanh, hoạt động thương mại, làm việc hoặc mục đích khác, được xây dựng, hoạt động theo quy định của pháp luật, thuộc danh mục do Chính phủ quy định. Trong một cơ quan, tổ chức có thể có một hoặc nhiều cơ sở; trong một cơ sở có thể có một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức.

+ Về danh mục cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC, Nghị định đã sửa đổi, bổ sung thêm một số loại hình cơ sở (như cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị, chức năng...).

+ Cụ thể hóa các tiêu chí phân loại để giúp việc xác định đối tượng quản lý thuận lợi hơn; theo đó, việc xác định, phân loại cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC ngoài việc dựa trên công năng, tính chất sử dụng thì sẽ dựa trên chiều cao và tổng diện tích sàn của cơ sở đó, thay cho việc xác định tổng khối tích của công trình như trước đây.

+ Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ được phân loại thành Nhóm 1 (nguy hiểm hơn) và Nhóm 2 (ít nguy hiểm hơn) dựa trên các tiêu chí như chiều cao, diện tích sàn, số lượng người để phục vụ việc phân cấp quản lý, áp dụng các biện pháp quản lý về PCCC phù hợp, tăng cường tính linh hoạt và hiệu quả trong công tác quản lý PCCC, tránh dàn trải nguồn lực.

- *Bổ sung quy định về ban hành nội quy PCCC, CNCH; việc lập, quản lý hồ sơ về PCCC, CNCH; việc khai báo, cập nhật dữ liệu về PCCC, CNCH (tại Điều 4)*

+ Đối với quy định về ban hành nội quy PCCC, CNCH, về cơ bản các quy định được kế thừa từ quy định của pháp luật về PCCC trước đây, có một số điểm mới như sau:

(1) Bổ sung thêm nội dung liên quan đến công tác CNCH;

(2) Phân loại cụ thể hơn nội quy dành cho cơ sở và nội quy dành cho phương tiện giao thông.

+ Đối với việc lập, quản lý hồ sơ về PCCC, CNCH, Nghị định bổ sung một số điểm cần lưu ý sau:

(1) Bổ sung thêm một số tài liệu cần lập, quản lý để phù hợp với quy định của Luật PCCC và CNCH; đặc biệt, bổ sung quy định cho phép lưu trữ hồ sơ dưới nhiều hình thức như tài liệu giấy hoặc tài liệu điện tử hoặc kết hợp tài liệu giấy và tài liệu điện tử đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số, kết nối dữ liệu với cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH.

(2) Bổ sung quy định cho phép một số tài liệu trong Hồ sơ được lưu trữ tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm lập, ban hành để tạo thuận lợi cho việc quản lý.

(3) Bổ sung quy định cụ thể lập hồ sơ quản lý về PCCC, CNCH đối với cơ sở thuộc diện quản lý của Cơ quan chuyên môn về xây dựng, Cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã.

+ Ngoài ra, Nghị định đã bổ sung quy định về việc khai báo, cập nhật dữ liệu về PCCC, CNCH. Theo đó, tất cả cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC có trách nhiệm khai báo, cập nhật thông tin của cơ sở vào phần mềm khai báo của hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy theo hướng dẫn của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, sau khi hoàn thành việc triển khai lắp đặt hệ thống Cơ sở dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã khai báo. Đồng thời quy định cụ thể về thời hạn phải khai báo, cập nhật thông tin của cơ sở.

- *Bổ sung quy định chi tiết về yêu cầu PCCC khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn (Điều 5)*

Trên cơ sở kế thừa các quy định của pháp luật trong lĩnh vực PCCC trước đây về yêu cầu PCCC khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể, chi tiết các yêu cầu về PCCC, hướng dẫn cụ thể việc bố trí trục giao thông, tuyên truyền dẫn cấp nước, tuyên thông tin viễn thông phục vụ PCCC và mạng lưới trụ sở đơn vị Cảnh PCCC và CNCH theo từng cấp quy hoạch để phù hợp với các quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm:

- + Quy định cụ thể, chi tiết các yêu cầu về PCCC khi lập quy hoạch chung.
- + Quy định cụ thể, chi tiết các yêu cầu về PCCC khi lập quy hoạch phân khu.
- + Quy định cụ thể, chi tiết các yêu cầu về PCCC khi lập quy hoạch chi tiết.
- *Sửa đổi các quy định về việc thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông; việc điều chỉnh thiết kế, thay đổi công năng, cải tạo; danh mục công trình, phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; trách nhiệm phối hợp trong thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11 và 12)*

+ Về thẩm định thiết kế PCCC

Nghị định đã quy định phân định lại rõ các nội dung thẩm định thiết kế về PCCC để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý chuyên ngành, cụ thể:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm thẩm định thiết kế về PCCC đối với các nội dung gồm: khoảng cách PCCC giữa các công trình, đường, bãi đỗ, vị trí cho xe chữa cháy, lối thoát nạn, bậc chịu lửa của công trình, giải pháp chống khói (các nội dung này trước đây giao cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH thực hiện, nay phân công lại để cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ). Việc nộp hồ sơ thẩm định thiết kế về PCCC được lồng ghép với quá trình thực hiện nộp hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

Cơ quan đăng kiểm khi thực hiện thẩm định thiết kế về PCCC đối với phương tiện giao thông theo nội dung gồm: giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan, giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy cho hệ thống cung cấp năng lượng, nhiên liệu và động cơ, hệ thống, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí, chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ. Việc nộp hồ sơ thẩm định thiết kế về PCCC được lồng ghép với quá trình thực hiện đăng kiểm theo quy định của pháp luật về đăng kiểm.

Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình thực hiện thẩm định thiết kế về PCCC theo các nội dung gồm: khoảng cách PCCC giữa các công trình, đường, bãi đỗ, vị trí cho xe chữa cháy, lối thoát nạn, bậc chịu lửa của công trình, giải pháp chống khói đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình không thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và báo cáo kết quả thực hiện thẩm định; chịu trách nhiệm với kết quả nghiệm thu của mình.

Cơ quan Công an thẩm định thiết kế về PCCC đối với công trình, phương tiện giao thông theo các nội dung gồm: hệ thống, phương tiện PCCC; hệ thống điện phục vụ PCCC, theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

+ Về kiểm tra công tác nghiệm thu PCCC

Nghị định quy định theo hướng những nội dung do cơ quan, đơn vị nào thẩm định sẽ do cơ quan, đơn vị đó kiểm tra công tác nghiệm thu PCCC để phù hợp với pháp luật về xây dựng, đăng kiểm, cụ thể:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng khi kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng có trách nhiệm kiểm tra các nội dung về PCCC đã được thẩm định trước đó.

Cơ quan đăng kiểm khi thực hiện kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về đăng kiểm có trách nhiệm kiểm tra các nội dung về PCCC đã được thẩm định trước đó.

Cơ quan Công an kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC đối với các nội dung do mình thực hiện thẩm định.

+ Về việc phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn về xây dựng, đăng kiểm, Công an trong hoạt động thẩm định, kiểm tra công tác nghiệm thu

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính, giảm tải các bước thực hiện, Nghị định cho phép chủ đầu tư, chủ phương tiện giao thông có thể lựa chọn 02 hình thức đề nghị cơ quan quản lý giải quyết thủ tục hành chính:

(1) Nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính tại từng cơ quan quản lý chuyên ngành.

(2) Nộp đồng thời hồ sơ đến các cơ quan đề nghị giải quyết.

Trong trường hợp đề nghị đồng thời, Nghị định đã quy định chi tiết về công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành, cụ thể:

Khi thực hiện công tác thẩm định thiết kế, các cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp với nhau để tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm khi có yêu cầu.

Khi thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu, cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc cơ quan đăng kiểm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an để tổ chức thực hiện.

+ Về danh mục các dự án, công trình, phương tiện giao thông phải thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC:

Danh mục đã được điều chỉnh theo hướng tăng quy mô các dự án, công trình phải được cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định để tăng cường vai trò trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông trong việc tự chịu trách nhiệm trong bảo đảm các điều kiện an toàn PCCC ngay từ khâu thiết kế, xây dựng công trình, chuyển dần từ tiền kiểm sang hậu kiểm; đồng thời thống nhất các danh mục công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

+ Về thủ tục hành chính:

Cắt giảm trên 30 % thời gian giải quyết TTHC về thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC của cơ quan Công an, từ 10 đến 15 ngày giảm xuống còn 6 đến 10 ngày.

- *Sửa đổi, bổ sung quy định về nội dung, thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm tra về PCCC (tại Điều 13, Điều 14), cụ thể:*

+ Điều chỉnh các quy định liên quan đến hoạt động kiểm tra về PCCC, theo đó, bổ sung quy định theo hướng tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình trong hoạt động tự kiểm tra về PCCC trong phạm vi quản lý. Ngoài ra, bổ sung quy định cho phép người đứng đầu cơ sở được bố trí, phân công người để giúp người đứng đầu cơ sở thực hiện công tác kiểm tra về PCCC.

Người đứng đầu cơ sở tự kiểm tra hoặc phân công người thực hiện tự kiểm tra trong phạm vi quản lý của mình các nội dung như việc trang bị, duy trì hoạt động của phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC, CNCH; việc lắp đặt, duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy; khai báo, cập nhật dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định; việc bố trí và duy trì khoảng cách PCCC, đường, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động PCCC, CNCH...;

Bổ sung quy định cụ thể về trách nhiệm tự kiểm tra thường xuyên của người đứng đầu cơ sở (không quá 01 tháng / lần); trách nhiệm tự kiểm tra định kỳ (06 tháng một lần đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ; 01 năm một lần đối với các cơ sở còn lại). Đồng thời quy định cụ thể trách nhiệm thực hiện công tác báo cáo định kỳ 06 tháng một lần với cơ quan quản lý chuyên ngành, UBND cấp xã trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm với các nội dung báo cáo. Các cơ quan quản lý căn cứ kết quả báo cáo của cơ sở để đánh giá việc chấp hành quy định về PCCC và áp dụng các biện pháp quản lý, xử lý vi phạm hành chính phù hợp.

+ Phân công, phân cấp cụ thể trách nhiệm kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã. Theo đó:

Cơ quan Công an có trách nhiệm kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ bao gồm: việc thực hiện trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ sở; việc trang bị, duy trì hoạt động phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy, nguồn nước chữa cháy theo quy định; việc lắp đặt, duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy và việc khai báo, cập nhật dữ liệu về PCCC, CNCH.

Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ bao gồm: việc duy trì khoảng cách PCCC, đường, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động PCCC, CNCH; việc duy trì giải pháp thoát nạn, ngăn cháy, chống cháy lan, chống khói.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC trong phạm vi quản lý trừ các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ bao gồm: việc thực hiện trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ sở; việc trang bị, duy trì hoạt động của phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy, nguồn nước chữa cháy; việc lắp đặt thiết bị truyền tin báo cháy; khai báo, cập nhật dữ liệu về PCCC, CNCH; việc duy trì khoảng cách PCCC, đường, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động PCCC, CNCH; việc duy trì giải pháp thoát nạn, ngăn cháy, chống cháy lan, chống khói; việc thực hiện trách nhiệm PCCC, CNCH của chủ hộ gia đình trực tiếp sử dụng nhà ở, người thuê, mượn, ở nhờ nhà ở.

+ Để phục vụ công tác quản lý của các cơ quan chức năng, Nghị định bổ sung quy định về phân loại cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC theo nhóm nhằm có chế độ kiểm tra về PCCC cho phù hợp, tránh gây phiền hà đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Cụ thể,

Đối với cơ sở có nguy hiểm cháy, nổ thuộc nhóm 1 thì cơ quan quản lý kiểm tra định kỳ 01 năm một lần.

Đối với các cơ sở ít nguy hiểm về cháy, nổ thuộc nhóm 2 thì kiểm tra định kỳ 02 năm một lần.

Đối với các cơ sở do UBND cấp xã quản lý thì kiểm tra định kỳ 03 năm một lần.

+ Về trình tự, thủ tục kiểm tra PCCC của các cơ quan quản lý

Đối với việc kiểm tra định kỳ: việc kiểm tra được tiến hành đồng thời giữa các cơ quan quản lý nhà nước nhằm tránh gây phiền hà cho cơ sở. Theo đó, cơ quan Công an chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra định kỳ về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc Phụ lục II theo trình tự, thủ tục như sau:

Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, cơ quan Công an theo phân cấp xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ của năm kế tiếp đối với cơ sở, công trình, phương tiện thuộc phạm vi quản lý. Thông báo cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để lấy ý kiến về thời gian, nội dung, phương pháp, thành phần tham gia Đoàn kiểm tra.

Thành lập Đoàn kiểm tra hoặc phân công cán bộ thực hiện kiểm tra và gửi văn bản thông báo về thời gian, nội dung và thành phần tham gia kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra trước 03 ngày làm việc.

Trưởng đoàn hoặc cán bộ được phân công giới thiệu thành phần, nội dung, phương pháp và phân công thành viên trong đoàn thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy theo thẩm quyền tương ứng.

Kết thúc kiểm tra phải lập biên bản theo Mẫu số PC03 kèm theo Nghị định này.

Đối với việc kiểm tra đột xuất: chỉ thực hiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến PCCC theo quy định hoặc theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền.

- Sửa đổi các quy định về nội dung, thời gian thực tập phương án chữa cháy, CNCH và phương án CNCH (tại Điều 15, 16)

Theo quy định trước đây, khi xây dựng phương án chữa cháy, người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm lồng ghép thêm các nội dung về CNCH đối với các tình huống tai nạn, sự cố trong cơ sở và phải được cơ quan Công an phê duyệt.

Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đã sửa đổi các quy định trên để thuận tiện hơn cho việc triển khai thực hiện, cụ thể:

+ Điều chỉnh các quy định liên quan đến hoạt động xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, CNCH theo hướng lồng ghép phương án chữa cháy với phương án CNCH.

+ Hướng dẫn cụ thể nội dung và mẫu phương án để người đứng đầu cơ sở dễ thực hiện, nâng cao chất lượng trong việc xây dựng phương án và tăng cường trách nhiệm trong việc tự tổ chức thực tập.

+ Bãi bỏ các quy định liên quan đến thủ tục hành chính về phê duyệt phương án của cơ sở.

+ Sửa đổi trách nhiệm của cơ quan Công an trong việc xây dựng phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; bổ sung quy định về phương án CNCH đối với các tình huống tai nạn, sự cố cụ thể.

- Sửa đổi quy định việc phối hợp giữa Bộ Quốc phòng với Bộ Công an trong tổ chức chữa cháy đối với công trình lưỡng dụng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng (tại Điều 18)

+ Nhằm giải quyết những bất cập trong việc xác định trách nhiệm quản lý nhà nước về PCCC đối với cơ sở quốc phòng phục vụ mục đích lưỡng dụng, Nghị định 105/2025/NĐ-CP đã điều chỉnh mới các quy định liên quan đến công tác quản lý nhà nước về PCCC, CNCH đối với các cơ sở này.

Theo đó, giao Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện quản lý nhà nước về PCCC, CNCH đối với tất cả các cơ sở, công trình, khu quân sự, phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng phục vụ mục đích quân sự, quốc phòng, kể cả các cơ sở quốc phòng sử dụng lưỡng dụng, để bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

+ Về việc phối hợp trong tổ chức chữa cháy đối với các cơ sở này, Nghị định đã bổ sung quy định giao Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc phạm vi quản lý chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an và cơ quan có liên quan xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với công trình quốc phòng sử dụng lưỡng dụng.

+ Cùng với đó, Nghị định số 78/2011/NĐ-CP ngày 01/9/2011 quy định việc phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ Quốc phòng trong tổ chức thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở quốc phòng hết hiệu lực từ ngày Nghị định số 105/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

- Sửa đổi quy định về trách nhiệm đầu tư, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy; đầu tư, quản lý các điểm, bến để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy (tại Điều 19)

Nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập về cấp nước chữa cháy, Nghị định đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định liên quan đến việc cấp nước chữa cháy tại các đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, cụ thể:

+ Bổ sung quy định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức đầu tư lắp đặt, xây dựng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy, điểm, bến để lấy nước phục vụ chữa cháy tại các bể, ao, hồ, sông, suối, kênh tại khu dân cư trong đô thị và nông thôn.

+ Quy định cụ thể nguồn kinh phí đầu tư được lấy từ ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy được quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật PCCC và CNCH.

+ Bổ sung quy định giao Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, chủ đầu tư hạ tầng khu chức năng có trách nhiệm lắp đặt, xây dựng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy trên hệ thống cấp nước tập trung, điểm, bến để lấy nước phục vụ chữa cháy tại các bể, ao, hồ, sông, suối, kênh tại khu vực do mình đầu tư; đồng thời, quy định cụ thể kinh phí đầu tư được tính vào tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, hạ tầng khu chức năng.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về thành lập Đội PCCC và CNCH cơ sở, Đội PCCC và CNCH chuyên ngành; tổ chức, hoạt động và chế độ bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành, lực lượng dân phòng (tại Điều 20, Điều 21)

Trên cơ sở kế thừa các quy định của pháp luật về PCCC trước đây, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đã điều chỉnh một số nội dung cần lưu ý như sau:

+ Quy định cụ thể về chế độ hoạt động của lực lượng PCCC và CNCH tại chỗ. Theo đó đội PCCC và CNCH cơ sở, dân phòng được hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Riêng đội PCCC và CNCH chuyên ngành sẽ được phân loại cụ thể căn cứ quy mô, tính chất nguy hiểm cháy, nổ của từng loại hình công trình để quy định chế độ hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

+ Điều chỉnh các quy định về bố trí lực lượng PCCC và CNCH cơ sở. Theo đó, cơ sở có từ 20 người thường xuyên làm việc trở lên phải thành lập Đội PCCC và CNCH cơ sở thay cho quy định trước đây là 10 người trở lên.

+ Ngoài ra, bổ sung các quy định cụ thể hơn về việc phân công người thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH đối với cơ sở có dưới 20 người làm việc thường

xuyên; việc thành lập Đội PCCC và CNCH chuyên ngành đối với các cơ sở giáp ranh, quy mô diện tích lớn; việc bố trí người bảo đảm đáp ứng yêu cầu vận hành phương tiện chữa cháy cơ giới được trang bị; việc ban hành quyết định thành lập, quy chế hoạt động, phân công Đội trưởng, Đội phó, Tổ trưởng của Đội PCCC và CNCH cơ sở, chuyên ngành...

- Sửa đổi, bổ sung quy định về PCCC, CNCH tình nguyện

Pháp luật về PCCC trước đây còn quy định chung chung về vấn đề này, nhất là chưa quy định cụ thể việc đăng ký, chế độ, chính sách và phạm vi hoạt động của đối tượng này. Nghị định số 105/2025/NĐ-CP bổ sung quy định cụ thể, chi tiết hơn về trình tự đăng ký tham gia hoạt động PCCC tình nguyện; việc quản lý, sử dụng, huy động lực lượng tình nguyện; việc huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH cho các cá nhân tham gia; chế độ, chính sách được hưởng khi tham gia chữa cháy, CNCH; chế độ, chính sách khi tham gia PCCC, CNCH mà bị tai nạn, bị thương, bị chết.

Nghị định đã bổ sung quy định cụ thể phạm vi các hoạt động tình nguyện gồm: tham gia tuyên truyền, phổ biến giáo dục kiến thức, pháp luật, kỹ năng về PCCC, CNCH; tham gia xây dựng, duy trì các mô hình an toàn về PCCC, CNCH tại cộng đồng; tham gia chữa cháy; tham gia cứu nạn, cứu hộ; tham gia phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ kèm theo biểu mẫu cụ thể để thuận tiện cho cá nhân khi đăng ký tham gia.

- Quy định về việc cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy; danh mục phương tiện PCCC, CNCH, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy (tại Điều 23)

Đây là nội dung mới của Nghị định số 105/2025/NĐ-CP nhằm thay thế hoạt động kiểm định phương tiện PCCC. Một số nội dung cần lưu ý cụ thể như sau:

+ Quy định chi tiết về danh mục phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy trước khi lưu thông trên thị trường phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông.

+ Giao nhiệm vụ cụ thể về thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy được quy định như sau:

Giấy phép lưu thông đối với phương tiện PCCC, CNCH do cơ quan Công an được phân cấp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện cấp phép;

Giấy phép lưu thông đối với vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy do cơ quan chuyên môn về xây dựng được phân cấp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện cấp phép.

+ Quy định cụ thể giấy phép lưu thông được cấp cho mẫu phương tiện PCCC, CNCH, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy. Phương tiện PCCC, CNCH, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu theo mẫu đã được cấp giấy phép thì được phép lưu thông trên thị trường.

+ Bổ sung quy định cụ thể về trình tự khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép lưu thông theo hướng cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu thông, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ có trách nhiệm xem xét, cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy.

+ Việc cấp giấy phép lưu thông thay thế việc công bố hợp chuẩn, hợp quy theo quy định của pháp luật.

+ Ngoài ra, Nghị định cũng đã quy định cụ thể về các trường hợp phải thu hồi giấy phép; việc kiểm tra chất lượng hàng hóa; việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động thử nghiệm đối với phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy.

+ Về thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện PCCC, CNCH, Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp cho Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh thực hiện việc cấp phép. Đối với việc chất lượng hàng hóa; việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động thử nghiệm đối với phương tiện PCCC, CNCH thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 90/2024/TT-BCA (giao Cục khoa học, chiến lược và lịch sử Công an thực hiện).

- *Sửa đổi các quy định về hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy; việc cập nhật, khai báo dữ liệu về PCCC, CNCH (tại các Điều 24, 25, 26 và 27)*

Nghị định số 105/2025/NĐ-CP kế thừa một số nội dung quy định trước đây còn phù hợp và có sửa đổi một số nội dung sau:

+ Thay đổi tên gọi của hệ thống là “hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy” thay cho tên gọi “Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố” để bảo đảm phù hợp với Luật PCCC và CNCH;

+ Bổ sung quy định Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy do Bộ Công an xây dựng, quản lý thống nhất trên toàn quốc và là tài liệu nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân;

Đồng thời giao Bộ Công an có trách nhiệm đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị cung cấp dịch vụ truyền tin báo cháy bảo đảm các yêu cầu về an ninh, an toàn, bảo mật, công nghệ để cung ứng dịch vụ truyền tin báo cháy trong lĩnh vực PCCC và CNCH đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ an ninh thường xuyên;

+ Bổ sung các quy định về các trường thông tin, dữ liệu cần khai báo, cập nhật trong Cơ sở dữ liệu bao gồm: thông tin của cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC; thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH;

+ Bổ sung các quy định về đầu tư, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu. Theo đó, người đứng đầu cơ sở phải trang bị, duy trì hoạt động và tự chi trả chi phí duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy; chủ hộ gia đình có nhà ở tại thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Luật PCCC và CNCH có trách nhiệm duy trì hoạt động và tự chi trả chi phí duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy; đơn vị cung cấp dịch vụ truyền tin báo cháy có trách nhiệm xây dựng giải pháp, đầu tư hệ thống công nghệ, phần mềm phục vụ kết nối, có trung tâm hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến, có trách nhiệm phân loại tin báo cháy, tin báo sự cố kịp thời, chính xác...; việc tổ chức khai báo, cập nhật dữ liệu về PCCC, CNCH phải bảo đảm theo thời hạn quy định.

+ Quy định cụ thể về lộ trình phải trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy; lộ trình khai báo, cập nhật dữ liệu về PCCC, CNCH

Để bảo đảm tính khả thi trong việc triển khai việc lắp đặt, trang bị thiết bị truyền tin báo cháy tại các nhà ở tại thành phố trực thuộc trung ương thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy, Nghị định đã quy định giao UBND các thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí trang bị thiết bị truyền tin báo cháy đối với nhà ở. Theo đó, UBND các thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm triển khai thực hiện theo lộ trình như sau:

Trước ngày 01/01/2026, Ủy ban nhân dân 06 thành phố trực thuộc trung ương phải hoàn thành việc phân loại, lập và công bố danh sách khu vực, nhà ở thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn quản lý.

Chậm nhất đến ngày 01/7/2027, Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương phải hoàn thành việc trang bị và kết nối thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống Cơ sở dữ liệu.

Chậm nhất đến ngày 01/7/2027, người đứng đầu cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC phải hoàn thành việc trang bị và kết nối thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về nội dung, thẩm quyền, thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH; chế độ, chính sách cho người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH (tại các Điều 28, 29 và 30)

Theo quy định của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 50/2024/NĐ-CP thì việc huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC, CNCH được giao cho cơ quan Công an và các cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC tổ chức huấn luyện, cơ quan Công an có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH sau khi cá nhân hoàn thành công tác huấn luyện, kiểm tra.

Để cắt giảm các TTHC không cần thiết, nâng cao chất lượng huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đã quy định cụ thể về thẩm quyền, nội dung, thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH; chế độ, chính sách cho người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH, cụ thể:

+ Về thẩm quyền huấn luyện: So với quy định trước đây, Nghị định quy định việc huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH chỉ giao cơ quan Công an và Trường Đại học PCCC thực hiện; không giao các cơ sở kinh doanh dịch vụ ngoài ngành Công an thực hiện nhằm bảo đảm về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ.

+ Điều chỉnh và bổ sung những quy định cụ thể, chi tiết về nội dung, thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC, CNCH theo từng đối tượng thuộc diện phải được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC, CNCH;

+ Bãi bỏ các quy định liên quan đến thủ tục hành chính về huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH của cơ sở.

+ Về chế độ chính sách: quy định cụ thể hơn về mức tiền bồi dưỡng được hưởng khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH theo từng đối tượng cụ thể.

- Sửa đổi các quy định về chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia chữa cháy, CNCH không thuộc lực lượng PCCC và CNCH; người

được huy động, người tham gia PCCC, CNCH bị tai nạn, bị thương, chết (tại Điều 32, 33, 34)

Về cơ bản các quy định về chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia chữa cháy, CNCH được kế thừa các quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP. Ngoài ra, để bảo đảm minh bạch, thuận lợi cho việc tổ chức triển khai thực hiện, Nghị định là bổ sung thêm trình tự, thủ tục để cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc chi trả chế độ, chính sách. Theo đó, cá nhân khi thực hiện thủ tục đề nghị giải quyết chế độ, chính sách sẽ chuẩn bị hồ sơ theo quy định và gửi UBND cấp xã để xem xét, giải quyết. UBND cấp xã có trách nhiệm thẩm định và chi trả hỗ trợ theo quy định.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về danh mục cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; mức trích nộp, chế độ quản lý, sử dụng nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động PCCC, CNCH (tại Điều 35)

Nhằm huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động PCCC, CNCH, nâng cao năng lực của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, kịp thời xử lý các tình huống cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra, Nghị định đã bổ sung một số vấn đề về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, cụ thể là:

+ Điều chỉnh, bổ sung danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

+ Điều chỉnh mức trích nộp từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc từ 1% lên 2%; điều chỉnh tỷ lệ các khoản chi từ nguồn thu bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc. Theo đó, không quá 65% để chi cho việc mua sắm, trang bị phương tiện PCCC, CNCH; không quá 15% để chi cho tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH; không quá 15% để chi hỗ trợ lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH trong hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền, kiểm tra về PCCC, điều tra...; không quá 5% để chi hỗ trợ khen thưởng.

+ Cùng với việc sửa đổi, điều chỉnh trên, Nghị định cũng sửa đổi một số nội dung có liên quan tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng, để bảo đảm đồng bộ thống nhất giữa các quy định.

- Bổ sung quy định về việc hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai cho hoạt động PCCC, CNCH (tại Điều 44)

Để bổ sung thêm nguồn kinh phí chi cho hoạt động PCCC, CNCH đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, Nghị định đã bổ sung quy định về chi hỗ trợ cho hoạt động PCCC, CNCH từ Quỹ phòng, chống thiên tai. Theo đó, hằng năm, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng có liên quan đề xuất mức hỗ trợ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai để sử dụng chi bảo đảm cho hoạt động PCCC, CNCH quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động PCCC, CNCH

Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương về những khó khăn, vướng mắc liên quan đến các nội dung chi cho hoạt động PCCC, CNCH, Bộ Công an đã trao đổi, thống nhất với Bộ Tài chính tham mưu, sửa đổi, bổ sung các quy định về ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động PCCC, CNCH. Theo đó, đã bổ sung nhiều quy định quan trọng, cụ thể, chi tiết hơn để hướng dẫn việc chi ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động PCCC, CNCH theo các cấp, cụ thể là:

+ Bổ sung quy định cụ thể việc sử dụng Dự phòng ngân sách nhà nước để chi cho hoạt động PCCC, CNCH trong các trường hợp cấp bách;

+ Bổ sung quy định cụ thể các nội dung chi cho hoạt động của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH bao gồm: đảm bảo chế độ, chính sách cho lực lượng; các hoạt động nghiệp vụ về PCCC, CNCH; diễn tập, thực tập PCCC, CNCH theo kế hoạch hàng năm được Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt; đào tạo, huấn luyện, tổ chức và tham gia hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH; mua sắm, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện PCCC, CNCH; xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa doanh trại, trụ sở làm việc; các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ; đối ngoại và hợp tác quốc tế...

+ Bổ sung quy định cụ thể các nội dung chi ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương cho hoạt động PCCC, CNCH;

+ Bổ sung quy định cụ thể nội dung chi của ngân sách địa phương cho hoạt động PCCC, CNCH và việc quyết định chi hỗ trợ một số hoạt động của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH.

- Quy định về nội dung quản lý nhà nước về PCCC, CNCH; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong thực hiện quản lý nhà nước về PCCC, CNCH (tại Điều 40 và Điều 41)

Một số nội dung cần lưu ý cụ thể như sau:

Trên cơ sở kế thừa các quy định của pháp luật về PCCC trước đây; Nghị định đã bổ sung một số nội dung như: quản lý nhà nước về CNCH; việc ứng dụng công nghệ, Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy; việc quản lý chất lượng phương tiện PCCC, CNCH.

Phân công trách nhiệm cụ thể hơn cho từng bộ, ngành, địa phương trong việc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về PCCC và CNCH, tránh chồng chéo, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý; đồng thời bảo đảm các yêu cầu theo định hướng mô hình tổ chức mới của Chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, cụ thể là:

+ Quy định chi tiết hơn trách nhiệm của UBND các cấp, đặc biệt trong việc: xây dựng, ban hành các quy định về PCCC, CNCH tại địa phương; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật; xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC, CNCH; đảm bảo kinh phí, trang bị phương tiện cho lực lượng PCCC, CNCH; bảo đảm điều kiện về thông tin báo cháy, đường giao thông, nguồn nước; quy hoạch địa điểm xây dựng doanh trại cho lực lượng Cảnh sát PCCC.

+ Quy định rõ nhiệm vụ của một số bộ, ngành trong việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về PCCC, CNCH như:

Bộ Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Công an quy định về giải pháp kỹ thuật nâng cao an toàn PCCC cho các cơ sở, công trình không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy và không có khả năng khắc phục trước ngày Luật PCCC và CNCH có hiệu lực thi hành; hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc lĩnh vực quản lý quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật PCCC và CNCH; quy định việc phân cấp quản lý, kiểm tra về PCCC đối với cơ sở thuộc Phụ lục II kèm theo Nghị định, phương tiện giao thông do cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện...

Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về PCCC, CNCH đối với cơ sở, công trình, khu quân sự, phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng...

Bộ Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị bán lẻ điện tư vấn việc lắp đặt, sử dụng đối với hệ thống, thiết bị điện để bảo đảm an toàn về phòng cháy khi đầu nối điện sinh hoạt; chỉ đạo thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra về bảo đảm an toàn sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn sử dụng điện theo quy định của pháp luật về điện lực...

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định chi tiết, cụ thể trách nhiệm của các bộ, ngành khác trong thực hiện công tác PCCC, CNCH.

- Quy định chuyển tiếp đối với việc thực hiện một số thủ tục hành chính về PCCC và CNCH (tại Điều 46)

Để bảo đảm thực hiện việc quản lý phương tiện PCCC, CNCH không bị gián đoạn, Nghị định cho phép tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC, quản lý, sử dụng tem kiểm định phương tiện PCCC được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 30/6/2026. Trình tự, thủ tục tiếp tục được thực hiện theo quy định của Luật PCCC năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2013, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 50/2024/NĐ-CP, riêng các cơ sở thực hiện kiểm định phương tiện PCCC thì không yêu cầu phải có Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC do cơ quan Công an cấp.

Nghị định đã quy định chuyển tiếp việc thẩm duyệt điều chỉnh, nghiệm thu, kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình, phương tiện giao thông đã được cơ quan Công an cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt. Theo đó, các công trình được tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

Nghị định đã quy định việc xử lý đối với cơ sở, phương tiện giao thông, hộ gia đình đang bị tạm đình chỉ, đình chỉ và việc phục hồi hoạt động đối với các cơ sở này khi đã khắc phục xong các điều kiện về PCCC.

Nghị định đã quy định chuyển tiếp về thời hạn được tiếp tục sử dụng giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ CNCH. Theo đó, sau 05 năm kể từ ngày cấp các giấy trên, cá nhân phải tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định của Nghị định này.

- Quy định cụ thể lộ trình xử lý cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy và không có khả năng khắc phục theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại thời điểm đưa vào hoạt động đến trước ngày Luật PCCC và CNCH có hiệu lực thi hành

Về tiêu chí xác định cơ sở không bảo đảm yêu cầu về PCCC dựa trên các quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật PCCC và CNCH gồm: khoảng cách PCCC; đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động PCCC, CNCH; thoát nạn; bậc chịu lửa, ngăn cháy, chống cháy lan; chống khói; hệ thống điện phục vụ PCCC; phương tiện, hệ thống PCCC.

Việc xử lý được thực hiện theo lộ trình cụ thể sau

+ Chậm nhất đến ngày 01/01/2026, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thành việc phân loại, lập và công bố danh sách cơ sở không bảo đảm yêu cầu về PCCC;

+ Chậm nhất đến ngày 01/7/2026, các bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Công an quy định về phương tiện, thiết bị PCCC và giải pháp kỹ thuật nâng cao an toàn PCCC cho các công trình này.

+ Chậm nhất đến ngày 01/7/2028, cơ sở thuộc danh sách công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc khắc phục. Đối với cơ sở không thể áp dụng được giải pháp kỹ thuật tương ứng do các bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ban hành thì sau ngày 01/7/2028 phải chuyển đổi công năng phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của cơ sở.

2. Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

2.1. Sự cần thiết xây dựng và ban hành Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

2.1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Thực hiện quy định của Luật PCCC và CNCH ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều, cụ thể: khoản 7 Điều 25; điểm c khoản 5 Điều 26; khoản 6 Điều 33; Điều 41; khoản 3 Điều 43 và khoản 4 Điều 45.

- Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; theo đó, tại Điều 18 quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

- Thực hiện Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025; theo đó, tại khoản 2 Điều 8 đã phân cấp cho Bộ trưởng quy định thẩm quyền của các đơn vị trực thuộc Bộ; tại khoản 2 Điều 19 quy định quyền hạn của Bộ trưởng ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được phân công

- Thực hiện Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8 và Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 25/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật PCCC và CNCH, theo đó phân công Bộ Công an chủ, phối hợp các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH.

2.1.2. Cơ sở thực tiễn

Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH (sau đây gọi tắt là Thông tư số 36/2025/TT-BCA) được nghiên cứu, xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại các Thông tư hướng dẫn Luật PCCC năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC năm 2013 như Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Thông tư số 17/2021/TT-BCA, Thông tư số 32/2024/TT-BCA, Thông tư số 55/2024/TT-BCA, nhất là những quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm và còn giá trị. Bên cạnh đó, chỉnh lý, sửa đổi một số nội dung để phù hợp với các chính sách pháp luật mới được quy định trong Luật PCCC và CNCH như quy định về trang bị phương tiện PCCC, CNCH cho lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành, trang bị phương tiện PCCC, CNCH cho lực lượng dân phòng, quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH. Ngoài ra, bổ sung những quy định để khắc phục những khó khăn, bất cập trong việc triển khai thực hiện quy trình nghiệp vụ về PCCC, CNCH trong lực lượng Công an nhân dân; bổ sung quy định về thẩm quyền của các đơn vị trực thuộc Bộ Công an trong công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH. Thông tư cũng được xây dựng dựa trên các đánh giá tác động về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm tính khả thi trong việc triển khai thực hiện, đảm bảo điều kiện nguồn nhân lực, vật lực để thực hiện công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH đạt hiệu quả.

Xuất phát từ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu, xây dựng Thông tư số 36/2025/TT-BCA là cần thiết, bảo đảm tính thực tiễn, để tiếp tục thể chế hoá quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác PCCC, CNCH, khắc phục những hạn chế trong triển

khai thực tế, nâng cao ý thức, trách nhiệm chấp hành pháp luật về PCCC và CNCH.

2.2. *Bố cục và nội dung cơ bản của Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH*

Thông tư số 36/2025/TT-BCA được xây dựng gồm 05 chương 15 Điều và 06 Phụ lục. Nội dung cơ bản của Thông tư như sau:

- ***Chương I (Quy định chung)*** gồm 02 điều, Điều 1 và Điều 2 quy định về: phạm vi điều chỉnh, các Phụ lục.

- ***Chương II (Trang bị phương tiện PCCC, CNCH cho lực lượng dân phòng, lực lượng PCCC, CNCH cơ sở, lực lượng PCCC, CNCH chuyên ngành)*** gồm 02 Điều, quy định về: trang bị phương tiện PCCC, CNCH cho lực lượng dân phòng; trang bị phương tiện PCCC, CNCH cho lực lượng PCCC, CNCH cơ sở, lực lượng PCCC, CNCH chuyên ngành.

- ***Chương III (Quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH)*** gồm 04 Điều, quy định về: địa điểm, nơi quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH; bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH; thống kê, báo cáo công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH.

- ***Chương IV (Phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý PCCC, CNCH của cơ quan Công an)*** gồm 05 Điều, quy định về: thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của Cơ quan Công an; thẩm quyền kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy; huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thẩm quyền xây dựng, phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an.

- ***Chương V (Điều khoản thi hành)*** gồm 02 điều, quy định về: hiệu lực thi hành; trách nhiệm thi hành.

2.3. *Những nội dung mới trong Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/TT-BCA*

ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

- Điều chỉnh các quy định về trang bị phương tiện PCCC, CNCH cho lực lượng dân phòng, lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác PCCC, CNCH tại địa bàn, cơ sở. Bổ sung quy định về việc Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở căn cứ yêu cầu bảo đảm an toàn PCCC, CNCH có thể trang bị thêm số lượng, thêm loại phương tiện PCCC, CNCH, phương tiện, thiết bị cần thiết khác cho lực lượng dân phòng, lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành để thực hiện nhiệm vụ.

- Điều chỉnh các quy định về việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH để bảo đảm triển khai thực hiện thuận lợi tại cơ sở. Cụ thể:

+ Giao người đứng đầu cơ sở quyết định về thời gian, địa điểm thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng phù hợp với từng loại phương tiện, hướng dẫn của nhà sản xuất (nếu có), bảo đảm phương tiện sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

+ Chủ hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật PCCC và CNCH tự bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH đã trang bị để bảo đảm sử dụng được phương tiện khi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố.

- Bổ sung các quy định về thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an; thẩm quyền quản lý, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Công an; thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện PCCC, CNCH; thẩm quyền xây dựng, phê duyệt phương án chữa cháy, CNCH, phương án CNCH của cơ quan Công an; thẩm quyền huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH bảo đảm phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 và mô hình tổ chức của Bộ Công an hiện nay.

3. Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân

3.1. Sự cần thiết xây dựng và ban hành Thông tư quy định nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân

3.1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Thực hiện quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều, cụ thể: khoản 7 Điều 25; điểm c khoản 5 Điều 26; khoản 6 Điều 33; Điều 41; khoản 3 Điều 43; khoản 4 Điều 45 và điểm b khoản 2 Điều 47.

- Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; theo đó, tại Điều 18 quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

- Thực hiện Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025; theo đó, tại khoản 2 Điều 19 quy định quyền hạn của Bộ trưởng ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được phân công.

- Thực hiện Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8 và Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 25/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, theo đó phân công Bộ Công an chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an để quy định nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân.

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

Thông tư được nghiên cứu, xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại các Thông tư hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013 như Thông tư số 139/2020/TT-BCA, Thông tư số 140/2020/TT-BCA, Thông tư số 141/2020/TT-BCA, Thông tư số 149/2020/TT-BCA, Thông tư số 82/2020/TT-BCA, Thông tư số 17/2021/TT-BCA, Thông tư số 02/2023/TT-BCA, Thông tư số 06/2022/TT-BCA, Thông tư số 55/2024/TT-BCA, nhất là những quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm và còn giá trị. Bên cạnh đó, chỉnh lý, sửa đổi một số nội dung để phù hợp với các chính sách pháp luật mới được quy định trong Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ như quy định về trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy của lực lượng Công an nhân dân, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân. Ngoài ra, bổ sung những quy định để khắc phục những khó khăn,

bắt cập trong việc triển khai thực hiện quy trình nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong lực lượng Công an nhân dân. Dự thảo Thông tư cũng được xây dựng dựa trên các đánh giá tác động về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm tính khả thi trong việc triển khai thực hiện, đảm bảo điều kiện nguồn nhân lực, vật lực để thực hiện công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đạt hiệu quả.

Xuất phát từ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu, xây dựng Thông tư quy định nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân là cần thiết, bảo đảm tính thực tiễn, để tiếp tục thể chế hoá quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, khắc phục những hạn chế trong triển khai thực tế, nâng cao ý thức, trách nhiệm chấp hành pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3.2. Bố cục và nội dung cơ bản của Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân

Thông tư được xây dựng gồm 06 chương 39 Điều và 02 Phụ lục.

- **Chương I:** quy định chung gồm 03 điều, từ Điều 1 đến Điều 3, quy định về: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; các phụ lục.

- **Chương II:** công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ gồm 13 điều, từ Điều 4 đến Điều 16 quy định về: trực chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ; tiếp nhận, xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ; trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tổ chức các hoạt động trong ca trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; huy động lực lượng, phương tiện đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trình sát đám cháy và tai nạn, sự cố; triển khai chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; kết thúc chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tổ chức rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố; bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ trực tiếp nhận và xử lý thông tin, trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm điều kiện phục vụ tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; kiểm tra trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

- **Chương III:** hướng dẫn xây dựng lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ gồm 09 điều, từ Điều 17 đến Điều 25 quy định về: tiêu chuẩn cán bộ thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy

và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; đối tượng bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thời gian bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thẩm quyền bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; kiểm tra nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy; kiểm tra kết quả huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; kinh phí tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

- **Chương IV:** thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ gồm 06 điều, từ Điều 26 đến Điều 31, quy định về: quy trình thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; quy trình kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; quy trình kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy; quy trình cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy; quy trình cấp giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

- **Chương V:** chế độ bồi dưỡng khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ; khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ gồm 05 điều, từ Điều 32 đến Điều 36 quy định về: nguyên tắc áp dụng chế độ bồi dưỡng; đối tượng được hưởng chế độ bồi dưỡng; thời gian tính hưởng chế độ bồi dưỡng; cách tính chế độ bồi dưỡng; nguồn kinh phí chế độ bồi dưỡng.

- **Chương VI:** tổ chức thực hiện gồm 03 điều, từ Điều 37 đến Điều 39 quy định về hiệu lực thi hành; quy định chuyển tiếp; trách nhiệm thi hành.

3.3. Những điểm mới của Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân

- Tích hợp nội dung đa lĩnh vực, tránh sự chồng chéo, trùng lặp trong quy định tại các Thông tư của Bộ Công an: trong khi các Thông tư trước đây chia nhỏ việc quy định theo từng lĩnh vực cụ thể trong công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân như: quy định về công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, về triển khai các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, về kiểm tra phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ..., Thông tư mới tổng hợp toàn diện thành một văn bản thống nhất. Điều này tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu, triển khai đồng bộ các nội dung khác nhau trong công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân.

- Rà soát, cập nhật toàn diện các quy trình nghiệp vụ: Thông tư mới quy định chi tiết về các bước thực hiện nhiệm vụ trực sẵn sàng, tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, huấn luyện, kiểm tra công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ... thay thế cho việc quy định rải rác ở các Thông tư trước đây, đồng thời cập nhật, hoàn thiện, bổ sung thêm các quy định mới phù hợp theo Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024.

- Bổ sung nhiều nội dung quy định mới về công tác huấn luyện, kiểm tra đánh giá kết quả nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, trong đó đưa ra khung giờ, thời lượng, nội dung tập huấn, huấn luyện theo từng nhóm đối tượng cụ thể, quy định rõ về kinh phí bố trí cho các hoạt động tập huấn, huấn luyện... bảo đảm việc triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Quy định cụ thể về chế độ bồi dưỡng khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ; khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

- Bổ sung quy định mới về tiếp nhận, xử lý thông tin báo cháy, báo tai nạn, sự cố qua hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và

truyền tin báo cháy và Ứng dụng báo cháy “App 114”. Đồng thời chỉ đạo việc tích hợp số điện thoại báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ 114 và số điện thoại tiếp nhận tin báo về an ninh, trật tự 113 vào chung Hệ thống tổng đài tiếp nhận cuộc gọi từ số điện thoại 113, 114 và chuyển nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý tin báo về Trung tâm thông tin chỉ huy thuộc Phòng Tham mưu Công an cấp tỉnh.

4. Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

4.1. Sự cần thiết xây dựng và ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

4.1.1. Cơ sở chính trị

Ngày 09/11/2022, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 27-NQ-TW), trong đó, đề ra một số các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như: “Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán” (Mục 2 Phần III của Nghị quyết); “tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững” (Mục 3 Phần IV của Nghị quyết); “xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, khoa học, trong sạch, công khai, minh bạch, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, “Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” (Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy); “Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ”, “xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định phòng cháy, chữa cháy” (Kết luận số 02-KL/TW ngày 18/5/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy). Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với ba trụ cột chính: Tổ chức bộ máy; công vụ, công chức; hành chính điện tử và chuyển đổi số. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, cản trở cạnh tranh lành mạnh; áp dụng hiệu quả dịch

vụ công trực tuyến; xây dựng nền kinh tế số, chính phủ số, xã hội số” (Mục 6 Phần IV Nghị quyết)... Để thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp nêu trên, Bộ Công an thấy rằng, ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH theo hướng sửa đổi các quy định không còn phù hợp, bổ sung các quy định mới phù hợp với Luật PCCC và CNCH, tăng mức tiền phạt bảo đảm tính răn đe, nghiêm minh của pháp luật; thống nhất các quy định trong hệ thống pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, kịp thời đáp ứng những yêu cầu trong áp dụng các công nghệ vào thủ tục xử phạt vi phạm hành chính nhằm đơn giản hoá thủ tục hành chính, xây dựng nền kinh tế số, chính phủ số, xã hội số là rất cần thiết.

3.1.2. Cơ sở pháp lý

Ngày 24/6/2023, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 của kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV, trong đó giao Chính phủ có trách nhiệm: “Tổ chức rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là pháp luật về đấu thầu, đấu giá, quy hoạch, đầu tư công, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, ngân sách nhà nước, tài chính công, hợp tác công tư, xã hội hóa các dịch vụ công, đầu tư, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản, ngân hàng, tài chính, tự chủ tài chính, chứng khoán, trái phiếu, doanh nghiệp, giám định, định giá và các lĩnh vực khác đã được các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án kiến nghị, đề xuất hoặc có nhiều vướng mắc được các địa phương, người dân, doanh nghiệp kiến nghị; phát hiện, xác định cụ thể những quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật và văn bản dưới luật có liên quan, báo cáo Quốc hội kết quả rà soát tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV; kịp thời chỉ đạo sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các văn bản dưới luật không còn phù hợp hoặc kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các luật, nghị quyết có liên quan”.

Ngày 29/11/2024, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật PCCC và CNCH, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 với nhiều quy định của pháp luật về PCCC và CNCH được điều chỉnh, thay đổi.

Ngày 25/01/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 235/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật PCCC và CNCH, trong đó Bộ Công an được giao xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH, trình Chính phủ trước ngày 15/4/2025.

3.1.3. Cơ sở thực tiễn

Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình được ban hành đã góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tạo hành lang pháp lý hữu hiệu để đảm bảo công tác xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; đồng thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thi hành xử phạt vi phạm trong lĩnh vực PCCC và CNCH quy định tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP, Bộ Công an nhận được nhiều kiến nghị của cử tri và bộ, ngành, địa phương phản ánh một số vướng mắc, bất cập lớn, cụ thể là:

- Về đối tượng xử phạt vi phạm hành chính: Đối tượng xử phạt vi phạm hành chính được xác định trong Nghị định số 144/2021/NĐ-CP còn chưa bao quát hết các tổ chức có thể là chủ thể thực hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực an ninh, trật tự như: Ban quản trị, Ban quản lý nhà chung cư, các tổ chức đảng, tổ chức tôn giáo...

- Về xác định hành vi vi phạm: Điều 6 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP xác định phải chuyển hành vi đồng thời được quy định trong Bộ luật Hình sự cho cơ quan điều tra trong khi chưa cần nói rõ vụ việc có dấu hiệu tội phạm hay không. Vấn đề này chưa phù hợp với Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Về mức phạt, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả:

Một số hành vi vi phạm hành chính còn thiếu biện pháp khắc phục hậu quả và có mức phạt thấp chưa có tính răn đe, phòng ngừa vi phạm; dẫn đến tình trạng một số tổ chức, cá nhân hiện đang tồn tại tâm lý là chấp nhận nộp phạt vi phạm hành chính vẫn có lợi hơn so với việc chấp hành đúng quy định của pháp luật hoặc vẫn có tư tưởng xem nhẹ sai phạm đó. Điển hình như: các hành vi vi phạm quy định trong việc ban hành và thực hiện nội quy, biển báo, biển cấm, sơ đồ, biển chỉ dẫn về PCCC và CNCH, hành vi vi phạm liên quan đến trang bị, lắp đặt, sử dụng, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị PCCC và CNCH; hành vi vi phạm không thành lập và duy trì đội PCCC và CNCH cơ sở, đội PCCC và CNCH chuyên ngành, hành vi liên quan đến cháy lan, hành vi liên quan đến thoát nạn, hành vi liên quan đến không tự kiểm tra về PCCC...

Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP không quy định biện pháp khắc phục hậu quả “buộc thực hiện việc thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy

và chữa cháy” đã được quy định tại khoản 6 Điều 38 dẫn đến còn nhiều cách hiểu khác nhau trong việc xác định thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 38 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP.

- Về thẩm quyền xử phạt: Điều 76 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP về thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chưa quy định thẩm quyền xử phạt đối với “các chức danh tương đương của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt” được quy định tại Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Những quy định mới tại Luật PCCC và CNCH (Luật số 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025) hiện nay không còn phù hợp quy định tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP và Nghị định 126/2021/NĐ-CP cụ thể như sau:

+ Tại Điều 30 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP đối với các hành vi liên quan đến việc không chấp hành quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, nội dung này đã được bãi bỏ tại Luật PCCC và CNCH.

+ Tại Điều 48 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP đối với hành vi liên quan đến việc kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy, nội dung này đã được bãi bỏ tại Luật PCCC và CNCH.

+ Luật PCCC và CNCH quy định: lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH có nhiệm vụ “Thực hiện quản lý hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật” (khoản 10 Điều 41). Tuy nhiên, tại Điều 36 của Nghị định 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử không quy định về thẩm quyền xử phạt của người có thẩm quyền thuộc cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH, nên không có cơ sở để thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao tại Luật PCCC và CNCH. Do đó, cần phải bổ sung thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; đo lường; chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho người có thẩm quyền thuộc cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH.

- Công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực PCCC và CNCH có phạm vi điều chỉnh, đối tượng rộng, bao trùm tất cả các mặt của đời sống, kinh tế, xã hội. Do vậy, thường xuyên phải cập nhật, bổ sung các quy định của pháp luật, của tiêu chuẩn, quy chuẩn về PCCC và CNCH để phù hợp với tình hình phát triển của khoa học kỹ thuật, xu thế hội nhập của quốc tế. Do đó, các quy định về chế tài xử phạt phải thường xuyên bổ sung, cập nhật để thực hiện đồng bộ, thống nhất trong quản lý nhà nước trong lĩnh vực PCCC và CNCH. Nếu quy định ở Nghị định chung xử phạt của nhiều lĩnh vực (hiện nay đang quy định tại Nghị định 144/2021/NĐ-CP) thì sẽ không kịp thời tiến hành sơ kết, tổng kết, chỉnh sửa bổ sung các quy định mới.

Vì vậy, để đảm bảo phù hợp với các quy định mới của pháp luật, bảo đảm tính khả thi, tăng cường rắn đe, giáo dục cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính, kịp thời trong việc sửa đổi, bổ sung các chính sách mới thì việc ban hành “Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH” quy định riêng về xử phạt cho lĩnh vực PCCC và CNCH là cần thiết.

3.2. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Nghị định gồm 04 chương và 41 Điều. Cụ thể như sau:

- ***Chương I (Quy định chung)*** gồm 05 điều từ Điều 1 đến Điều 5, quy định về: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả; mức phạt và thẩm quyền xử phạt tiền trong lĩnh vực PCCC và CNCH; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

- ***Chương II (Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả)*** gồm 23 điều từ Điều 6 đến Điều 28, quy định về: tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật và huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; ban hành, phổ biến, niêm yết và thực hiện nội quy, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thành lập, tổ chức quản lý Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành; phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy; phòng cháy, chữa cháy trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt; phòng cháy, chữa cháy trong lắp đặt, sử dụng điện; phòng cháy và chữa cháy trong lắp đặt, kiểm tra, bảo trì hệ thống tiếp địa, chống sét; quản lý, bảo quản, sử dụng

chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; sản xuất, kinh doanh chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; vận chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy; trang bị, lắp đặt, sử dụng, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thông gió, chống khói; thoát nạn trong phòng cháy và chữa cháy; ngăn cháy; xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; khai báo, cập nhật Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, cháy, cứu nạn, cứu hộ; lắp đặt, duy trì kết nối của thiết bị truyền tin báo cháy.

- **Chương III (Thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính)** gồm 09 điều, từ Điều 29 đến Điều 37, quy định về: Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm lâm; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm; phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- **Chương IV (Điều khoản thi hành)** gồm 04 điều, từ Điều 38 đến Điều 41, quy định về: Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, năng lượng nguyên tử; hiệu lực thi hành; điều khoản chuyển tiếp; trách nhiệm thi hành.

3.3. Những nội dung mới trong Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

- Điều chỉnh, bổ sung đối tượng để phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật PCCC và CNCH và thực tiễn, cụ thể: Các đơn vị phụ thuộc Hợp tác xã (*Văn phòng, Chi nhánh hợp tác xã*); Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Thương mại; Cơ quan nhà nước; Ban Quản trị nhà chung cư hoạt động theo mô hình ban quản trị, có tư cách pháp nhân; Tổ chức được giao trực tiếp quản lý cơ sở theo quy định tại Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Điều chỉnh bãi bỏ hình thức xử phạt bổ sung “tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn” và một số biện pháp khắc phục hậu quả không phù

hợp với các hành vi vi phạm như: Buộc nộp lại giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; giấy chứng nhận thẩm duyệt, văn bản thẩm duyệt, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC; chứng chỉ hành nghề, giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC; giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung...; bổ sung thêm các biện pháp khắc phục hậu quả như: Buộc nộp lại giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép; buộc thu hồi phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy; buộc sử dụng: phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy được cấp phép lưu thông; buộc khai báo, cập nhật thông tin của cơ sở vào Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ...

- Điều chỉnh bổ sung thời điểm để tính thời hiệu phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện và hành vi vi phạm được phát hiện thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp.

-. Điều chỉnh, bổ sung một số hành vi vi phạm hành chính về PCCC và CNCH, cụ thể:

+ Bãi bỏ 05 Điều không còn phù hợp: (1) Điều 48 Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ PCCC do Luật PCCC và CNCH đã bãi bỏ quy định về kinh doanh dịch vụ PCCC; (2) Điều 50 Vi phạm quy định về phòng, chống cháy, nổ tại hộ gia đình và Điều 51 Vi phạm trong việc để xảy ra cháy nổ do có khó khăn, bất cập trong thực hiện (đã bổ sung 01 khoản quy định về xử phạt đối với trường hợp vi phạm quy định về PCCC để xảy ra cháy tại 11 Điều (Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 20, 21 và Điều 25), trong đó quy định xử phạt gấp hai lần mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm nghiêm trọng là nguyên nhân trực tiếp gây ra cháy, cháy lan, cháy lớn); (3) Điều 42 Vi phạm quy định về thông tin báo cháy, sự cố, tai nạn để phù hợp với quy định của Luật PCCC và CNCH (quy định việc Trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy; khai báo, cập nhật dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở); (4) Điều 44 Vi phạm quy định về trang bị, bảo quản và sử dụng phương tiện PCCC và CNCH do có khó khăn, bất cập trọng thực hiện (đã bố cục thành 03 điều quy định về trang bị, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC và CNCH).

+ Bổ sung 07 Điều và 70 hành vi phù hợp theo quy định mới của Luật

PCCC và CNCH: (1) bổ sung 07 Điều (Điều 19 quy định Hành vi vi phạm về lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy; Điều 20, 21 và Điều 22 quy định hành vi vi phạm về trang bị, lắp đặt, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ); Điều 23 quy định hành vi vi phạm về thông gió, chống khói; Điều 38 Sửa đổi, bổ sung khoản 71 và khoản 72 Điều 2 Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, năng lượng nguyên tử (trong đó bổ sung thẩm quyền xử phạt của Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, Trưởng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH để phù hợp với quy định tại Điều 44 Luật PCCC và CNCH về sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy) và Điều 37 quy định về phân định thẩm quyền xử phạt của người có thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp của quy định của Luật PCCC và CNCH *(Trong đó Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH, cụ thể: có 21/23 Điều, tập trung nhóm hành vi vi phạm: (1) tuyên truyền, phổ biến, kiến thức, pháp luật và huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH; (2) thành lập Đội PCCC và CNCH cơ sở, Đội PCCC và CNCH chuyên ngành; (3) kiểm tra về PCCC; (4) thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; (5) trang bị lắp đặt, sử dụng, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ); (2) bổ sung 70 hành vi vi phạm tại các điều của Nghị định phù hợp theo quy định của Luật PCCC và CNCH, cụ thể: hành vi vi phạm quy định về thông tin báo cháy, sự cố, tai nạn, truyền tin báo cháy, khai báo, cập nhật cơ sở dữ liệu về phòng cháy, cháy và truyền tin báo cháy; hành vi không có giải pháp ngăn cháy đối với khu vực sạc điện cho xe động cơ điện tập trung trong nhà; hành vi để hình thành môi trường nguy hiểm cháy, nổ có chỉ số nguy hiểm cháy, nổ vượt quá giới hạn dưới của giới hạn nồng độ bắt cháy.....*

- Điều chỉnh, rà soát tăng mức xử phạt các hành vi tại Nghị định để phù hợp với công tác PCCC và CNCH trong tình hình mới (nâng mức xử phạt tiền đối với một số hành vi đến 20 lần so với quy định tại Nghị định số 144, có một số hành vi phạt tiền tối đa theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, trong đó tập trung nâng mức xử phạt cao đối với một số hành vi có tính chất nghiêm trọng và

có nguy cơ trực tiếp gây ra cháy nổ, không bảo đảm điều kiện để phát hiện và tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra cháy, nổ dẫn đến cháy lan, cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản như: (1) vi phạm trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt; (2) hành vi vi phạm liên quan đến trang bị, lắp đặt, sử dụng, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị PCCC và CNCH; (3) thành lập và duy trì Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành; (4) hành vi liên quan đến cháy lan; (5) hành vi liên quan đến thoát nạn; (6) hành vi liên quan đến không tự kiểm tra về PCCC...

Trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2024, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đã tiến hành kiểm tra, lập biên bản và xử lý 269.090 trường hợp tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH là 1.079,007 tỷ đồng, trong đó 03 năm (2022 - 2024), các lực lượng chức năng đã xử lý 112.718 vụ vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 512.697.957.150 đồng. Các hành vi vi phạm tập trung chủ yếu vào các nhóm: (1) trang bị, sử dụng, bảo dưỡng phương tiện thiết bị PCCC và CNCH (*không trang bị, lắp đặt, không kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC định kỳ, làm hỏng...*); (2) nội quy, quy định (*không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ nội quy, quy định về PCCC của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không phổ biến nội quy, quy định về PCCC cho những người trong phạm vi quản lý của mình; không niêm yết tiêu lệnh, biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về PCCC...*); (3) thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC (*đưa hạng mục, công trình vào sử dụng, hoạt động khi chưa có văn bản thẩm duyệt thiết kế hoặc văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC...*); (4) tuyên truyền, huấn luyện (*không tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH; không huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH bảo đảm nội dung, thời gian theo quy định...*); (5) thoát nạn, ngăn cháy (*thiếu số lối thoát nạn hoặc làm mất tác dụng của lối thoát nạn; bố trí, để hàng hóa, vật dụng trên đường, lối thoát nạn; chèn, khóa, làm mất tác dụng của cửa đi trên lối thoát nạn, cửa đi vào buồng thang bộ; đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn chưa được lắp đặt đủ về số lượng....*).

Ngoài ra, trong 03 năm từ 2022 – 2024 trên cả nước xảy ra 10.786 vụ cháy, làm chết 356 người, làm bị thương 284 người, về tài sản ước tính sơ bộ thành tiền khoảng 2.169 tỷ đồng (*về địa bàn xảy ra cháy: thành thị xảy ra 7.955 vụ (chiếm 73,75%); nông thôn xảy ra 2.831 vụ (chiếm 26,25%); về loại hình xảy ra cháy: nhà ở riêng lẻ, nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh xảy ra 3.700 vụ; (34,25 %); kho, cơ sở sản xuất, kinh doanh 1.247 vụ (11,56 %); phương tiện giao thông xảy*

ra 881 vụ (8,16%); trụ sở làm việc, văn phòng, cơ quan xảy ra 91 vụ (0,84%); chợ xảy ra 67 vụ (0,6%); nhà chung cư xảy ra 150 vụ (1,3%); trung tâm thương mại, siêu thị cửa hàng bách hóa xảy ra 37 vụ (0,3%); vũ trường, bar, karaoke xảy ra 33 vụ (0,3%); loại hình khác xảy ra 4.580 vụ (42,69%). Tổng hợp kết quả điều tra, xác minh giải quyết vụ cháy của lực lượng Công an nhân dân thì số vụ cháy xảy ra tại nhà dân, khu công nghiệp, nhà máy sản xuất, cơ sở dịch vụ về cơ bản đều có liên quan đến các vi phạm quy định về PCCC và CNCH như: đưa hạng mục, công trình vào sử dụng, hoạt động khi chưa có văn bản thẩm duyệt thiết kế hoặc văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC; về ngăn cháy; về khoảng cách an toàn; không trang bị lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, thiết bị chữa cháy thông dụng; trang bị không đầy đủ hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy, thiết bị chữa cháy thông dụng; thiếu số lối thoát nạn hoặc làm mất tác dụng của lối thoát nạn; bố trí, để hàng hóa, vật dụng trên đường, lối thoát nạn; chèn, khóa, làm mất tác dụng của cửa đi trên lối thoát nạn, cửa đi vào buồng thang bộ. Các hành vi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cháy, nổ xảy ra và đồng thời gián tiếp gây ra các vụ cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản (do không có thiết bị chữa cháy ban đầu, không có hệ thống báo cháy, chữa cháy cho nên không dập tắt được ngay từ đầu các đám cháy mới phát sinh; do không bảo đảm về khoảng cách an toàn, không có vật liệu, cấu kiện chống cháy lan nên khi xảy ra cháy đám cháy phát triển và lan truyền nhanh gây khó khăn cho công tác chữa cháy; các hành vi không đủ lối thoát nạn, làm mất tác dụng của lối thoát nạn đã làm cản trở việc thoát nạn ra ngoài của con người gây ra các cái chết thương tâm). Trong đó có một số vụ cháy xảy ra do lỗi vi phạm quy định về PCCC và CNCH ra gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về người (vụ cháy ngày 6/9/2022 tại quán karaoke An Phú, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương làm 33 người chết; vụ cháy ngày 12/9/2023 tại chung cư mini 29/70 phố Khương Hạ, quận Thanh Xuân, Hà Nội, khiến 56 người chết...).

Qua số liệu thống kê cho thấy, tình trạng vi phạm quy định về PCCC và CNCH còn phổ biến do ý thức, trách nhiệm của một bộ phận người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông trong chấp hành quy định của pháp luật về PCCC còn chưa cao, mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định 144/2021/NĐ-CP còn thấp dẫn đến một số tổ chức, cá nhân còn tình trạng chấp nhận bị xử phạt, không khắc phục vi phạm.

Đối chiếu với các quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH của các nước trên thế giới và khu vực thì quy định về xử phạt vi phạm

hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH của Việt Nam trước đây còn thấp, cụ thể: ⁽¹⁾So với một số quốc gia phát triển (*Mỹ, Nhật, Trung Quốc và Singapore*) mức phạt đối với hành vi vi phạm: (1) về hệ thống báo cháy (*mức phạt Nhật lên đến 350 triệu, cao hơn mức xử phạt tại Việt Nam là 14 lần*); (2) về hệ thống chữa cháy (*mức phạt tại Trung Quốc lên đến 150 triệu; cao hơn mức xử phạt tại Việt Nam là 6 lần*); (3) về duy trì lối thoát nạn (*mức phạt tại Mỹ lên đến 170 triệu, cao hơn mức xử phạt tại Việt Nam là 11 lần*); (4) hành vi không bảo trì hệ thống PCCC (*mức phạt tại Singapore lên đến 175 triệu, cao hơn mức xử phạt tại Việt Nam là 5,8 lần*)... ⁽²⁾So với một số quốc gia có tình hình kinh tế - xã hội tương đồng với Việt Nam (*Thái Lan, Philippines, Indonesia*) mức phạt đối với hành vi vi phạm: (1) về hệ thống báo cháy (*mức phạt tại Indonesia lên đến 170 triệu, cao hơn mức xử phạt tại Việt Nam là 3,4 lần*); (2) về hệ thống chữa cháy (*mức phạt tại Thái Lan lên đến 70 triệu hoặc phạt tù; cao hơn mức xử phạt tại Việt Nam là 1,4 lần*); (3) về duy trì lối thoát nạn (*mức phạt lên đến 25 triệu, tương đương mức xử phạt tại Việt Nam*); (4) hành vi không bảo trì hệ thống PCCC (*mức phạt tại Philippines lên đến 200 triệu, cao hơn mức xử phạt tại Việt Nam là 6,7 lần*)... Ngoài ra, các hành vi vi phạm quy định về PCCC và CNCH để xảy ra cháy gây thiệt hại về người, tài sản còn bị phạt rất nặng và phải chịu trách nhiệm hình sự.

Qua thống kê cho thấy, mức thu nhập trung bình của người dân Việt Nam từ năm 2015 đến 2024 tăng mạnh (*từ 2.109 USD/người lên 4.700 USD/người*), trong khi mức xử phạt tiền đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC và CNCH quy định tại Nghị định số 144/2021/NĐ-CP (*thay thế tại Nghị định số 167/2013/NĐ-CP*) gần như không thay đổi, do đó chế tài xử phạt đã không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội, chưa đủ sức răn đe, phòng ngừa vi phạm pháp luật về PCCC và CNCH.

Dự báo, năm tiếp theo bức tranh kinh tế - xã hội nước ta sẽ có những thay đổi cơ cấu ngành nghề đa dạng được đầu tư, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày càng cao, tốc độ đô thị hóa ngày càng phát triển, nhiều khu công nghiệp cao, khu chế xuất, nhà cao tầng, trung tâm thương mại, chợ phát triển, nhu cầu sử dụng xăng, dầu, khí đốt, vật liệu nhẹ, dễ cháy sẽ tăng lên; đời sống người dân tăng cao, sự gia tăng về dân số, mật độ dân cư tại các khu đô thị, thành phố lớn sẽ tiếp tục là những yếu tố trực tiếp tác động đến tình hình công tác PCCC và CNCH. Trong khi đó, tác phong công nghiệp, tư tưởng sản xuất nhỏ, tác phong làm việc tự do, tùy tiện thiếu kỷ luật, kỷ cương vẫn tồn tại sẽ dẫn đến những hành vi thiếu trách

nhệm, vi phạm các quy định về PCCC và CNCH trong những năm tới vẫn chiếm tỷ lệ cao.

Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định 118/2021/NĐ-CP, cơ quan soạn thảo đề xuất nâng mức phạt tiền đối với một số nhóm hành vi vi phạm phổ biến như trên là bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với sự phát triển, thu nhập của người dân, phù hợp với thông lệ quốc tế và tăng tính răn đe, phòng ngừa vi phạm và quan trọng hơn là nâng cao ý thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, người đứng đầu cơ sở trong công tác PCCC và CNCH góp phần bảo đảm an ninh trật tự nói chung, giảm số vụ vi phạm quy định về PCCC và CNCH qua đó kiểm giảm số vụ cháy và thiệt hại do cháy gây ra.

- Điều chỉnh, bổ sung quy định về hình thức xử phạt bổ sung “đình chỉ hoạt động có thời hạn” đối với các hành vi có nguy cơ trực tiếp gây ra cháy, nổ (*khoản 6 Điều 18, khoản 6 Điều 20, khoản 8 Điều 21, khoản 6 Điều 23, khoản 6 Điều 24, khoản 8 Điều 25*).

- Điều chỉnh thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: (1) bãi bỏ thẩm quyền của Trưởng Công an huyện cho phù hợp với mô hình tổ chức mới; (2) bổ sung thẩm quyền xử phạt của Thanh tra phòng cháy, chữa cháy thuộc C07.

PHẦN THỨ HAI

CÁC CHUYÊN ĐỀ TẬP HUẤN CHUYÊN SÂU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Chuyên đề 1

CÔNG TÁC QUẢN LÝ, KIỂM TRA VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY; CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

I. Công tác quản lý, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy

1. Việc xác định cơ sở, người đứng đầu cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC

1.1. Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC

Theo quy định tại Luật PCCC và CNCH, khái niệm về cơ sở đã được quy định cụ thể hơn, ***đặc biệt nhấn mạnh việc cơ sở thuộc diện quản lý phải được xây dựng, hoạt động theo quy định của pháp luật***. Theo đó, cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC được quy định tại khoản 7 Điều 2 Luật PCCC là nhà, công trình, địa điểm được sử dụng để ở, sản xuất, kinh doanh, hoạt động thương mại, làm việc hoặc mục đích khác, được xây dựng, hoạt động theo quy định của pháp luật, thuộc danh mục do Chính phủ quy định. Trong một cơ quan, tổ chức có thể có một hoặc nhiều cơ sở; trong một cơ sở có thể có một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức. Như vậy:

Thứ nhất, cơ sở được xác định theo phạm vi dự án, công trình được cấp phép cho cơ quan, tổ chức.

Ví dụ: Dự án Royal City cấp phép xây dựng cho 06 tòa nhà; trụ sở công an thành phố Hà Nội tại Trần Hưng Đạo có nhiều hạng mục nhà nhưng trong 01 khuôn viên đất được nhà nước giao thì quản lý là 01 cơ sở (căn cứ trên Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...).

Thứ hai, cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC là cơ sở thuộc danh mục, quy mô quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP và phải được xây dựng, hoạt động theo quy định của pháp luật. Như vậy, các đối tượng được xây dựng và hoạt động không theo quy định của pháp luật không được xác định là cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC.

Ví dụ:

+ Đối với các nhà, công trình xây dựng trái phép trên đất dự án, đất nông nghiệp, đang bị thu hồi, hành lang bảo vệ đường sắt, lưới điện cao thế, đê,

rừng...được xác định là vi phạm quy định về đất đai và không thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy. Thời gian vừa qua, Bộ Công an đã chỉ đạo Công an địa phương tham mưu UBND cấp tỉnh chỉ đạo rà soát, kiểm tra và đề ra các giải pháp xử lý đối với các loại hình cơ sở này.

+ Đối với các nhà, công trình xây dựng không phép được xác định là vi phạm quy định về xây dựng và không xác định là cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC.

+ Đối với các nhà, công trình thuộc diện thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế về PCCC nhưng không thực hiện việc thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế, nghiệm thu về PCCC đã đưa vào hoạt động được xác định là vi phạm quy định của pháp luật về PCCC và không thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy.

Thứ ba, trong một cơ quan, tổ chức có thể có một hoặc nhiều cơ sở: Cơ quan, tổ chức có quản lý hoạt động từ 02 cơ sở quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP trở lên (có địa điểm, địa chỉ độc lập nhau, không có pháp nhân riêng, do 01 cơ quan, tổ chức quản lý hoạt động).

Ví dụ: Hệ thống siêu thị Winmart có 20 siêu thị kinh doanh trên địa bàn tỉnh, các cửa hàng này đều do 01 doanh nghiệp trực tiếp quản lý, được xác định là một cơ quan, tổ chức có nhiều cơ sở.

Thứ tư, trong một cơ sở có thể có một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức: Trong 01 cơ sở quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP có nhiều cơ quan, tổ chức hoạt động, trong đó mỗi cơ quan, tổ chức sử dụng một phần trong nhà hoặc 01 nhà trong cơ sở để hoạt động (thuê, mượn...).

Ví dụ: Tòa nhà văn phòng có nhiều đơn vị sử dụng (khu vực, tầng nhà) để làm trụ sở văn phòng, được xác định là cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động. Chợ, TTTM có nhiều tiểu thương hoạt động, cơ sở công nghiệp có nhiều đơn vị thuê cũng tương tự.

Thứ năm, trong 01 dự án có nhiều nhà độc lập nhau về PCCC được đầu tư xây dựng và hoạt động:

- Do 01 cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành chung: Xác định là 01 cơ sở;
- Do nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình: Công trình do 01 cơ quan, tổ chức quản lý được xác định là 01 cơ sở.

Lưu ý: Đối với các trường hợp không được xác định là cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC khi xây dựng, hoạt động không theo quy định của pháp luật cần thực hiện như sau: Cơ quan Công an tiến hành rà soát, điều tra cơ bản, lập danh sách các cơ sở nêu trên báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các sở, ngành có liên quan kiểm tra theo nội dung sai phạm để tiến hành kiểm tra, xử lý vi phạm

theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Sau khi đối tượng chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật thì thực hiện việc quản lý về PCCC theo quy định của Luật PCCC và CNCH, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Ví dụ: Đối với nhà trọ cơ bản hoạt động không có giấy phép kinh doanh (doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh), UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước về cấp phép kinh doanh tham mưu tổ chức thành lập đoàn kiểm tra (thành viên gồm các sở, ngành liên quan nếu cần thiết) và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Danh mục cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC đã được quy định tại Phụ lục I Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. So với Nghị định số 50/2024/NĐ-CP:

(1) Giảm 02 Phụ lục (danh mục cơ sở do cơ quan Công an quản lý và danh mục cơ sở do UBND cấp xã quản lý);

(2) Sửa đổi, bổ sung thêm một số loại hình cơ sở (như cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị, chức năng...).

(3) Cụ thể hóa các tiêu chí phân loại để giúp việc xác định đối tượng quản lý thuận lợi hơn; theo đó, việc xác định, phân loại cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC ngoài việc dựa trên công năng, tính chất sử dụng thì sẽ dựa trên chiều cao và tổng diện tích sàn của cơ sở đó, thay cho việc xác định tổng khối tích của công trình như trước đây.

(4) Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ được phân loại thành Nhóm 1 (nguy hiểm hơn) và Nhóm 2 (ít nguy hiểm hơn) dựa trên các tiêu chí như chiều cao, diện tích sàn, số lượng người để phục vụ việc phân cấp quản lý, áp dụng các biện pháp quản lý về PCCC phù hợp, tăng cường tính linh hoạt và hiệu quả trong công tác quản lý PCCC, tránh dàn trải nguồn lực.

1.2. Người đứng đầu cơ sở

So với Luật hiện hành, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung, làm rõ khái niệm, trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở trong hoạt động PCCC, CNCH, cụ thể:

Theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Luật PCCC và CNCH, người đứng đầu cơ sở là người chịu trách nhiệm trước pháp luật trong tổ chức thực hiện, duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở, bao gồm:

- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: Người đại diện theo pháp luật là người được ghi nhận trong điều lệ, quy chế hoạt động của cơ sở hoặc theo quy định của pháp luật, có thẩm quyền: Ký kết hợp đồng; giao dịch với các tổ chức, cá nhân khác; thực hiện các thủ tục pháp lý; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động của cơ sở.

Ví dụ:

+ Công ty TNHH ABC là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, có trụ sở tại Hà Nội. Trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, phần thông tin về người đại diện theo pháp luật ghi ông Nguyễn Văn A, chức danh Giám đốc. Như vậy, ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH ABC.

+ Bà Nguyễn Thu H là hiệu trưởng Trường THPT X, do đó bà H được xác định là người đại diện theo pháp luật của Trường THPT X.

- Người được giao trực tiếp quản lý cơ sở: Người được giao trực tiếp quản lý cơ sở không nhất thiết phải là người đại diện theo pháp luật, nhưng là người chịu trách nhiệm chính trong hoạt động thường xuyên, điều hành nội bộ của cơ sở đó.

Ví dụ: Công ty xăng dầu MN có trụ sở tại phường X, quận Y, tỉnh Z. Công ty có 01 chi nhánh tại địa chỉ phường A, quận B, tỉnh C do Ông Trần Văn K là Giám đốc Chi nhánh. Theo quy định, ông Trần Văn K là người được giao trực tiếp quản lý cơ sở.

Nội dung này có thể giải quyết trường hợp chủ nhà cho thuê toàn bộ nhà để hoạt động sản xuất, kinh doanh (chủ nhà ra nước ngoài), trước đây việc kiểm tra khó khăn trong việc xác định trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở nhất là việc xử lý vi phạm.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật PCCC và CNCH, người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm sau đây:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

- Thành lập, duy trì hoạt động Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở hoặc Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành theo quy định tại Điều 37 của Luật PCCC và CNCH hoặc phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý;

- Ban hành hoặc tham mưu người có thẩm quyền ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý về việc thực hiện quy định, nội quy, biện pháp, yêu cầu và duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

- Xây dựng, tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

- Quyết định hoặc đề xuất người có thẩm quyền quyết định trang bị, duy trì tính năng sử dụng của phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; khắc phục hậu quả do cháy, tai nạn, sự cố gây ra;
- Lập, quản lý hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý; khai báo, cập nhật dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy;
- Thực hiện nhiệm vụ khác về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện an toàn phòng cháy đối với cơ sở

Luật PCCC năm 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2013 chỉ đang quy định về điều kiện an toàn PCCC đối với một số loại hình, cơ sở đặc thù, chưa bao quát được hết các các loại hình, cơ sở mới, đang phát sinh trong thực tế; do đó, Luật PCCC và CNCH đã điều chỉnh để quy định bao quát hơn những yêu cầu về điều kiện an toàn PCCC cho cơ sở; đối với các điều kiện cụ thể theo từng loại hình cơ sở, công trình thì thực hiện theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Theo quy định tại Điều 23 Luật PCCC và CNCH, cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

- *Có nội quy PCCC, CNCH phù hợp với từng loại hình cơ sở*

Người đứng đầu cơ sở ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Nội quy phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản quy định tại Điều 3 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP (*điểm c khoản 3 Điều 8 Luật PCCC và CNCH; Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP*).

Đối với quy định về ban hành nội quy PCCC, CNCH, về cơ bản các quy định được kế thừa các quy định của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Thông tư số 149/2020/TT-BCA và Thông tư số 32/2024/TT-BCA, có một số điểm mới như sau:

- + Bổ sung thêm nội dung liên quan đến công tác CNCH;
- + Phân loại cụ thể hơn nội quy dành cho cơ sở và nội quy dành cho phương tiện giao thông.

Lưu ý: Cơ sở có nhiều khu vực hoặc hạng mục có tính chất nguy hiểm cháy, nổ khác nhau (gara để xe; trung tâm thương mại; văn phòng; nhà xưởng sản xuất, kho chứa...) thì nội dung của nội quy phải phù hợp với đặc điểm của từng hạng mục, khu vực (ban hành 01 Quyết định kèm theo nội quy của từng hạng mục, khu vực).

- *Trang bị phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH theo quy định của pháp luật*
- + Việc trang bị phương tiện PCCC và CNCH phải bảo đảm theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC trong giai đoạn đầu tư xây dựng; bổ sung, thay thế trong quá trình hoạt động.

+ Việc trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho Đội PCCC và CNCH cơ sở, chuyên ngành thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 36/2025/TT-BCA.

- *Trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy; khai báo, cập nhật dữ liệu về PCCC, CNCH.* Trong đó:

+ Người đứng đầu cơ sở thuộc Phụ lục I kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP phải trang bị, duy trì hoạt động và tự chi trả chi phí duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy, cập nhật dữ liệu về PCCC, CNCH và kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy (*điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP*). Cơ sở phải hoàn thành việc trang bị và kết nối thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy trước ngày 01 tháng 7 năm 2027 (*khoản 2 Điều 27 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP*).

+ Cơ sở thuộc diện phải trang bị thiết bị truyền tin báo cháy có trách nhiệm khai báo, cập nhật thông tin của cơ sở quy định tại điểm a khoản 3 Điều 24 của Nghị định số 105/2025/NĐ-CP vào phần mềm khai báo của hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy theo hướng dẫn của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Bộ Công an và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã khai báo (*khoản 1 Điều 26 Nghị định 105/2025/NĐ-CP*).

+ Việc khai báo lần đầu được thực hiện trong thời gian không quá 03 ngày từ ngày cơ sở hoàn thành việc trang bị, kết nối thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

+ Trường hợp cơ sở có thay đổi thông tin so với thông tin đã khai báo trước đó thì trong thời gian không quá 03 ngày phải hoàn thành việc cập nhật những thông tin thay đổi vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

+ Đối với dữ liệu liên quan đến phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã được kết nối, chia sẻ từ hệ thống dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác thì không phải khai báo, cập nhật (*khoản 2 Điều 26 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP*).

- *Thực hiện các yêu cầu về PCCC quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và điểm e khoản 1 Điều 16 Luật PCCC và CNCH*, gồm: Khoảng cách PCCC; đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động PCCC, CNCH; giải pháp thoát nạn; bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp chống khói; hệ thống

điện phục vụ PCCC.

- *Có phương án CC, CNCH*

Phương án CC, CNCH của cơ sở do người đứng đầu cơ sở tổ chức xây dựng, phê duyệt theo Mẫu số PC06, nội dung phương án phải bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Phương án được cập nhật, bổ sung, chỉnh lý khi có thay đổi một trong những nội dung quy định tại các khoản 1 Điều 15 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

- *Thành lập lực lượng PCCC và CNCH cơ sở hoặc lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành hoặc phân công người thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH*

Theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, người đứng đầu cơ sở ban hành quyết định thành lập Đội PCCC và CNCH cơ sở, chuyên ngành:

+ Cơ sở sau đây phải thành lập Đội PCCC và CNCH chuyên ngành: (1) Khu công nghiệp, cụm công nghiệp có tổng diện tích từ 75 ha trở lên; (2) Cơ sở chế biến khí đốt có công suất từ 10 triệu m³ khí/ngày trở lên; (3) Kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ có tổng dung tích từ 100.000 m³ trở lên; (4) Nhà máy dệt có công suất từ 25 triệu m²/năm trở lên; (5) Nhà máy nhiệt điện có tổng công suất từ 600 MW trở lên; nhà máy thủy điện có tổng công suất từ 1.000 MW trở lên; (6) Bến cảng biển thuộc công trình cấp I trở lên theo quy định của pháp luật về xây dựng và có xuất, nhập chất nổ, chất khí, lỏng, rắn dễ cháy thuộc danh mục hàng hóa nguy hiểm; (7) Nhà máy lọc dầu; nhà máy hóa dầu; nhà máy lọc, hóa dầu; (8) Cảng hàng không; (9) Nhà máy điện hạt nhân.

+ Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP (trừ cơ sở phải thành lập Đội PCCC và CNCH chuyên ngành) có từ 20 người thường xuyên làm việc trở lên phải thành lập Đội PCCC và CNCH cơ sở).

+ Cơ sở có dưới 20 người thường xuyên làm việc tại cơ sở thì không yêu cầu thành lập Đội PCCC và CNCH cơ sở nhưng phải phân công người thực hiện nhiệm vụ PCCC, CNCH bằng văn bản.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật PCCC và CNCH cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

+ Có nội quy PCCC, CNCH phù hợp với tính chất hoạt động của cơ quan, tổ chức;

+ Bảo đảm an toàn trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất dễ cháy, nổ trong phạm vi quản lý;

- + Cử người tham gia lực lượng PCCC và CNCH cơ sở hoặc lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành theo quy định của pháp luật;
- + Thực hiện, duy trì điều kiện an toàn về PCCC trong phạm vi quản lý.

Lưu ý: Trường hợp cơ sở có thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa hạng mục công trình, quản lý, vận hành phương tiện giao thông:

Ngoài ra, Luật PCCC và CNCH bổ sung cụ thể điều kiện an toàn PCCC đối với nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng trong quá trình thi công, phương tiện giao thông, cụ thể:

- Đối với nhà ở (Điều 20): phải lắp đặt, sử dụng thiết bị điện bảo đảm điều kiện an toàn về PCCC; bố trí bếp đun nấu, nơi thờ cúng, đốt vàng mã bảo đảm an toàn; không để vật, chất dễ cháy, nổ gần nguồn lửa, nguồn nhiệt; có phương tiện phòng cháy, chữa cháy phù hợp với khả năng, điều kiện thực tế để sẵn sàng chữa cháy, thoát nạn; bố trí, duy trì lối thoát nạn, lối ra khẩn cấp hoặc lối đi bảo đảm việc thoát nạn

Đặc biệt, bổ sung quy định đối với nhà ở tại thành phố trực thuộc trung ương mà thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động PCCC thì phải trang bị bình chữa cháy, thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy theo lộ trình do Chính phủ quy định; đối với nhà ở tại khu vực khác thì khuyến khích trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy.

- Đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh (Điều 21): phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy như quy định cho nhà ở; ngoài ra, không bố trí chỗ ngủ trong khu vực sản xuất, kinh doanh; có phương tiện báo cháy, giải pháp thông gió, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí nguy hiểm về cháy, nổ phù hợp với công năng, đặc điểm của nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; khu vực sản xuất, kinh doanh hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ phải được ngăn cháy với lối thoát nạn của khu vực để ở.

- Đối với công trình xây dựng trong quá trình thi công (Điều 19): phải có nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với tính chất, đặc điểm của công trình xây dựng; có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn theo quy định; trang bị phương tiện hoặc hệ thống phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của công trình xây dựng theo quy định về an toàn trong thi công xây dựng; có phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

thuộc phạm vi quản lý.

- Đối với phương tiện giao thông (Điều 22):

+ Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vận tải hành khách, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ khi tham gia giao thông phải bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây: (1) Có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn theo quy định; (2) thực hiện các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật PCCC và CNCH.

+ Phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện thủy nội địa, tàu biển vận tải hành khách, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây: (1) Điều kiện an toàn về phòng cháy theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật về hàng hải; (2) Điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật PCCC và CNCH; (3) Phương tiện giao thông thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phải có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành; (4) Có phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

+ Phương tiện giao thông được sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy chỉ được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường khi có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

+ Phương tiện giao thông thủy của tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài khi tham gia hoạt động đường thủy nội địa Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy

3.1. Công tác tự kiểm tra về PCCC của cơ sở, phương tiện giao thông

3.1.1. Đối với cơ sở

a) Người thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về PCCC

Người đứng đầu cơ sở tự thực hiện kiểm tra về PCCC hoặc ban hành quyết định, văn bản phân công cụ thể người thực hiện công tác tự kiểm tra PCCC tại đơn vị mình.

- Tiêu chí lựa chọn: người nắm vững hoạt động của cơ sở, hiểu biết cơ bản về công tác PCCC, các hệ thống kỹ thuật, nguy cơ phát sinh cháy nổ tại cơ sở, hệ thống PCCC được trang bị tại cơ sở; đã được cơ quan có thẩm quyền tập huấn nghiệp vụ về PCCC theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 36/2025/TT-BCA (Trường Đại học PCCC tập huấn nghiệp vụ PCCC, CNCH cho người được phân

công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; PC07 Công an cấp tỉnh tập huấn nghiệp vụ PCCC, CNCH cho người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc Phụ lục I, trừ cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP).

- Người được phân công thực hiện công tác tự kiểm tra về PCCC tham mưu cho người đứng đầu cơ sở: ban hành các văn bản về kiểm tra thường xuyên, định kỳ (khắc phục kịp thời vi phạm nguy cơ gây cháy, nổ, tai nạn, sự cố tại cơ sở); thực hiện kiểm tra thường xuyên, định kỳ đối với cơ sở; gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác PCCC của cơ sở theo đến Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực tiếp quản lý hoặc cập nhật thông tin, dữ liệu trên hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy; lập, quản lý, cập nhật hồ sơ về PCCC, CNCH của cơ sở

b) Chế độ kiểm tra

- Kiểm tra thường xuyên

Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 13 và khoản 1 Điều 14 Nghị định 105/2025/NĐ-CP, người đứng đầu cơ sở quyết định thời gian, phạm vi và hình thức ghi nhận kết quả tự kiểm tra thường xuyên đối với cơ sở, công trình xây dựng trong quá trình thi công, nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhưng **không quá 01 tháng một lần** (quy định này được thể hiện trong văn bản do người đứng đầu cơ sở ban hành, trong đó, cần quy định cụ thể thời gian, hình thức, nội dung kiểm tra; phân công chức trách, nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân thực hiện; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm; khen thưởng, kỷ luật...).

Nội dung kiểm tra thường xuyên theo quy định tại điểm d, e, h và điểm 1 khoản 1 Điều 13 Nghị định 105/2025/NĐ-CP:

- + Việc duy trì hoạt động các phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, hệ thống điện phục vụ PCCC; nguồn nước chữa cháy;
- + Việc duy trì điều kiện an toàn phòng cháy trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất dễ cháy, nổ;
- + Việc duy trì giải pháp thoát nạn, ngăn cháy, chống cháy lan, chống khói;
- + Việc chấp hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

Ghi nhận kết quả kiểm tra: Kết thúc kiểm tra ghi nhận kết quả kiểm tra bằng biên bản hoặc phiếu. Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau: Phạm vi được kiểm tra; ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an

toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có), kiến nghị các biện pháp thực hiện; các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Lưu ý:

- Việc kiểm tra thường xuyên phải bảo đảm việc duy trì các điều kiện an toàn về phòng cháy theo quy định:

- Việc kiểm tra thường xuyên thường tập trung vào các khu vực, hạng mục có sản xuất, kinh doanh, bảo quản, sử dụng hàng hóa nguy hiểm cháy, nổ; khu vực có nguy cơ xảy ra cháy cao (Cơ sở sản xuất, kho chứa: Khu vực bố trí dây chuyền sản xuất, pha chế dung môi, hóa chất dễ cháy, kho chứa nguyên liệu, hàng hóa dễ cháy; Cơ sở dân dụng: Gara để xe, khu vực đun nấu....)

- Kiểm tra định kỳ

Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 13; khoản 2 Điều 14 Nghị định 105/2025/NĐ-CP, người đứng đầu cơ sở hoặc người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở kiểm tra định kỳ: 06 tháng một lần đối với cơ sở thuộc Phụ lục II, 01 năm một lần đối với các cơ sở còn lại thuộc Phụ lục I kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Nội dung kiểm tra định kỳ theo quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, l và điểm m khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, bao gồm:

+ Trang bị phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC, nguồn nước chữa cháy theo quy định;

+ Duy trì hoạt động các phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC; nguồn nước chữa cháy;

+ Lắp đặt, duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy; khai báo, cập nhật dữ liệu về PCCC, CNCH theo quy định;

+ Duy trì điều kiện an toàn phòng cháy trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất dễ cháy, nổ;

+ Duy trì khoảng cách PCCC, đường, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động PCCC, CNCH;

+ Duy trì giải pháp thoát nạn, ngăn cháy, chống cháy lan, chống khói;

+ Chấp hành nội quy PCCC, CNCH;

+ Duy trì các biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn.

Ghi nhận kết quả kiểm tra: Kết thúc kiểm tra tổng hợp kết quả, đánh giá ưu điểm và những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn; ghi nhận kết quả kiểm tra bằng biên bản tự kiểm tra theo Mẫu số PC02 kèm theo Nghị định số

105/2025/NĐ-CP. Trong đó, kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau: Phạm vi được kiểm tra; ghi nhận và đánh giá những tồn tại, nguy cơ mất an toàn về PCCC, sự cố, tai nạn (nếu có), kiến nghị các biện pháp thực hiện; các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Kết thúc kiểm tra: Người được phân công thực hiện kiểm tra, phải báo cáo kết quả kiểm tra cho lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, lãnh đạo cơ sở để nắm bắt, chỉ đạo khắc phục các thiếu sót, vi phạm tại cơ sở.

c) Việc báo cáo kết quả thực hiện công tác PCCC và CNCH

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 14 và điểm g khoản 1 Điều 4 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, người đứng đầu cơ sở báo cáo kết quả thực hiện công tác PCCC và CNCH cụ thể như sau:

- Đối với cơ sở thuộc Phụ lục II: Định kỳ 06 tháng một lần gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy của cơ sở theo Mẫu số PC04 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đến Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực tiếp quản lý hoặc cập nhật thông tin, dữ liệu trên hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy trước ngày 15 tháng 6 và trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

- Đối với các cơ sở còn lại thuộc Phụ lục I: Định kỳ 01 năm một lần, gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo Mẫu số PC04 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cập nhật thông tin, dữ liệu trên hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

- Báo cáo phải bảo đảm đầy đủ các nội dung:

+ Trách nhiệm về PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật PCCC và CNCH;

+ Nội dung và kết quả tự kiểm tra định kỳ về PCCC của cơ sở;

+ Việc bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC, CNCH theo quy định;

+ Việc thực hiện bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với cơ sở thuộc diện phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

+ Các sơ hở, thiếu sót, vi phạm về PCCC, CNCH được phát hiện trong quá trình kiểm tra; cam kết thời hạn khắc phục sơ hở, thiếu sót về PCCC, CNCH.

Lưu ý: Do quy định thời gian kiểm tra định kỳ dài ra (01 năm, 02 năm, 03 năm), theo đó CBKT phải nghiên cứu kỹ báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở và thực hiện hiệu quả công tác điều tra cơ bản, sử dụng

cộng tác viên bí mật để xác định cơ sở báo cáo các nội dung có đúng không? Xác định có hành vi vi phạm về PCCC hay không để tham mưu xử lý kịp thời.

3.1.2. Đối với phương tiện giao thông

Theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 13 và khoản 1 Điều 14 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, chủ phương tiện giao thông tự tổ chức kiểm tra thường xuyên đối với phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý; quyết định thời gian, phạm vi và hình thức ghi nhận kết quả tự kiểm tra thường xuyên đối với phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý nhưng **không quá 01 tháng một lần**.

- Nội dung kiểm tra theo quy định tại các điểm c, d, i, k, l và điểm m khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- + Trang bị phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC, nguồn nước chữa cháy theo quy định;
- + Duy trì hoạt động các phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC; nguồn nước chữa cháy;
- + Duy trì hệ thống, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí, chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ;
- + Duy trì giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy cho hệ thống cung cấp năng lượng, nhiên liệu và động cơ;
- + Chấp hành nội quy PCCC, CNCH;
- + Duy trì các biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn;

3.2. Công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước

3.2.1. Cơ quan Công an

a) Thẩm quyền kiểm tra

Thẩm quyền kiểm tra của cơ quan Công an được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP và Điều 10 Thông tư số 36/2025/TT-BCA. Cụ thể, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh kiểm tra về PCCC.

- Kiểm tra định kỳ:

+ Kiểm tra định kỳ 01 năm 1 lần đối với cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II Nghị định 105/2025/NĐ-CP, phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách, tàu thủy lưu trú du lịch có sức chở người từ 50 người trở lên, công trình xây dựng trong quá trình thi công thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế về PCCC;

+ Kiểm tra 02 năm 1 lần đối với: cơ sở thuộc nhóm 2 Phụ lục II Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

- Kiểm tra đột xuất đối với cơ sở thuộc Phụ lục II Nghị định 105/2025/NĐ-CP, phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách, tàu thủy lưu trú du lịch có sức chở người từ 50 người trở lên khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến phòng cháy, chữa cháy theo quy định hoặc theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền.

b) Nội dung kiểm tra

*** Đối với cơ sở thuộc Phụ lục II Nghị định 105/2025/NĐ-CP**, kiểm tra các nội dung quy định tại các điểm a, c, d và điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Thực hiện trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ sở bao gồm: trách nhiệm trong việc thực hiện quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g và điểm h khoản 3 Điều 8 Luật PCCC, CNCH; tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý về việc thực hiện quy định, nội quy, biện pháp, yêu cầu về PCCC, CNCH;

- Trang bị phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC, nguồn nước chữa cháy theo quy định;

- Duy trì hoạt động các phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC; nguồn nước chữa cháy;

- Lắp đặt, duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy; khai báo, cập nhật dữ liệu về PCCC, CNCH theo quy định.

*** Đối với công trình xây dựng trong quá trình thi công thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế về PCCC**, kiểm tra theo quy định tại các điểm c, d, l và điểm m khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Trang bị phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC, nguồn nước chữa cháy theo quy định;

- Duy trì hoạt động các phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC; nguồn nước chữa cháy;

- Chấp hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

- Duy trì các biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn;

*** Đối với phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách, tàu thủy lưu trú du lịch có sức chở người từ 50 người trở lên**, kiểm tra theo quy định tại các điểm b, c, d, l và điểm m khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Thực hiện trách nhiệm PCCC, CNCH của chủ phương tiện giao thông bao gồm: trách nhiệm trong việc thực hiện quy định tại các điểm a, b, d, đ và điểm e

khoản 4 Điều 8 Luật PCCC, CNCH; tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý về việc thực hiện quy định, nội quy, biện pháp, yêu cầu về PCCC, CNCH;

- Trang bị phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC, nguồn nước chữa cháy theo quy định;

- Duy trì hoạt động các phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC; nguồn nước chữa cháy;

- Chấp hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

- Duy trì các biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn.

c) Quy trình kiểm tra định kỳ

*** Kiểm tra định kỳ đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (khoản 1 Điều 28 Thông tư 37/2025/TT-BCA):**

- Tổ chức rà soát, lập danh sách các cơ sở thuộc Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý dự kiến tổ chức kiểm tra định kỳ của năm kế tiếp.

- Xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra trước ngày 15 tháng 12 hằng năm (theo quy định không bắt buộc phải xin ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, tuy nhiên nên phối hợp trong rà soát, lập danh sách cơ sở và thống nhất trước nội dung kế hoạch trước khi ban hành để bảo đảm thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện giữa hai đơn vị).

- Gửi thông báo cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để thống nhất về danh sách, thời gian, nội dung, phương pháp và đề cử thành phần tham gia đoàn kiểm tra theo tháng hoặc theo quý;

- Ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra, văn bản thông báo về thời gian, nội dung, thành phần tham gia kiểm tra;

- Gửi văn bản thông báo cho đối tượng được kiểm tra và thành viên đoàn kiểm tra theo quy định;

- Tổ chức kiểm tra:

- + Trưởng đoàn giới thiệu thành phần, nội dung, phương pháp kiểm tra, phân công thành viên trong đoàn thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy theo thẩm quyền tương ứng.

- + Thành viên đoàn tiến hành kiểm tra theo phân công; kết thúc kiểm tra, tổng hợp kết quả kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số PC03 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP (nên lập 01 biên bản kiểm tra, trường hợp lập 02 BBKT của 02 đơn vị thì vẫn phải bảo đảm theo Mẫu số PC03).

+ Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện hành vi vi phạm về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, trưởng đoàn kiểm tra phân định trách nhiệm xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 5 năm 2025 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (tiến hành theo hướng cơ quan nào phát hiện lập biên bản vi phạm của cơ quan đó. (trong đó, cơ quan Công an đề xuất người có thẩm quyền xử phạt; cơ quan chuyên môn về xây dựng có thể đề nghị Thanh tra xây dựng hoặc cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền tiến hành xử phạt).

**** Kiểm tra định kỳ đối với phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách, tàu thủy lưu trú du lịch có sức chở người từ 50 người trở lên (khoản 2 Điều 28 Thông tư 37/2025/TT-BCA):***

- Tổ chức rà soát, lập danh sách phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách, tàu thủy lưu trú du lịch có sức chở người từ 50 người trở lên thuộc phạm vi quản lý dự kiến tổ chức kiểm tra định kỳ của năm kế tiếp; xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra trước ngày 15 tháng 12 hằng năm;

- Ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra hoặc phân công cán bộ thực hiện kiểm tra, văn bản thông báo về thời gian, nội dung, thành phần kiểm tra;

- Gửi văn bản thông báo cho đối tượng được kiểm tra;

- Trưởng đoàn hoặc cán bộ được phân công kiểm tra giới thiệu thành phần, nội dung, phương pháp kiểm tra; phân công thành viên đoàn thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy (nếu có);

- Thành viên đoàn hoặc cán bộ được phân công tiến hành kiểm tra theo phân công; kết thúc kiểm tra, tổng hợp kết quả kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số PC03 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện hành vi vi phạm về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, thực hiện xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

**** Kiểm tra định kỳ đối với công trình xây dựng trong quá trình thi công thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế về PCCC (khoản 3 Điều 28 Thông tư 37/2025/TT-BCA):***

- Tổ chức rà soát, lập danh sách các công trình xây dựng trong quá trình thi công thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế về PCCC thuộc phạm vi quản lý;

- Ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra hoặc phân công cán bộ thực hiện kiểm tra, văn bản thông báo về thời gian, nội dung, thành phần kiểm tra;
- Gửi văn bản thông báo cho đối tượng được kiểm tra;
- Trưởng đoàn hoặc cán bộ được phân công kiểm tra giới thiệu thành phần, nội dung, phương pháp kiểm tra; phân công thành viên đoàn thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy (nếu có);
- Thành viên đoàn hoặc cán bộ được phân công tiến hành kiểm tra theo phân công; kết thúc kiểm tra, tổng hợp kết quả kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số PC03 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện hành vi vi phạm về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, thực hiện xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

d) Quy trình kiểm tra đột xuất (khoản 4 Điều 28 Thông tư 37/2025/TT-BCA)

- Ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra hoặc ký giấy giới thiệu phân công cán bộ thực hiện kiểm tra;
- Trưởng đoàn kiểm tra hoặc cán bộ được phân công kiểm tra giới thiệu thành phần, thông báo rõ lý do, thời gian, nội dung, hình thức kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra hoặc người đại diện của đối tượng được kiểm tra;
- Đoàn kiểm tra hoặc cán bộ được phân công kiểm tra thực hiện kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về PCCC đối với nội dung có dấu hiệu vi phạm, đơn khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền;
- Thành viên đoàn hoặc cán bộ được phân công tiến hành kiểm tra theo phân công; kết thúc kiểm tra, tổng hợp kết quả kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số PC03 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện hành vi vi phạm về PCCC, CNCH, thực hiện xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

Lưu ý: Khi thực hiện kiểm tra đột xuất đối với cơ sở theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền, PC07 có thể đề nghị cơ quan chuyên môn về xây dựng phối hợp tổ chức kiểm tra đối với cơ sở.

e) Nhiệm vụ sau khi kết thúc kiểm tra định kỳ, đột xuất (khoản 5 Điều 28 Thông tư 37/2025/TT-BCA)

- Trưởng đoàn hoặc cán bộ được phân công thực hiện kiểm tra báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp về kết quả kiểm tra về PCCC bằng văn bản theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Thông tư này kèm theo: biên bản kiểm tra; quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp xử phạt không lập biên bản, biên bản vi phạm hành chính (nếu có);

- Lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp quản lý có trách nhiệm xem xét kết quả kiểm tra và chỉ đạo đơn vị, cán bộ thực hiện thủ tục xử phạt vi phạm hành chính theo quy định, ban hành văn bản kiến nghị đối tượng kiểm tra khắc phục sơ hở, thiếu sót, vi phạm về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (nếu có);

- Cán bộ được phân công cập nhật, bổ sung tài liệu vào hồ sơ quản lý về PCCC, CNCH đối với cơ sở quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

3.2.2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thẩm quyền, đối tượng kiểm tra

Thẩm quyền kiểm tra của UBND cấp xã được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Kiểm tra định kỳ 03 năm một lần đối với cơ sở thuộc Phụ lục I, trừ cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

- Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến PCCC và CNCH theo quy định hoặc theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền đối với: nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; cơ sở thuộc Phụ lục I, trừ cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

b) Nội dung kiểm tra

Nội dung kiểm tra của UBND cấp xã theo quy định tại các điểm a, c, d, đ, g, h và điểm n khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Thực hiện trách nhiệm PCCC, CNCH của người đứng đầu cơ sở bao gồm: trách nhiệm trong việc thực hiện quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g và điểm h khoản 3 Điều 8 Luật PCCC, CNCH; tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý về việc thực hiện quy định, nội quy, biện pháp, yêu cầu về PCCC, CNCH;

- Trang bị phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC, nguồn nước chữa cháy theo quy định;

- Duy trì hoạt động các phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC; nguồn nước chữa cháy;

- Lắp đặt, duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC, CNCH và truyền tin báo cháy; khai báo, cập nhật dữ liệu về PCCC, CNCH theo quy định.

- Việc duy trì khoảng cách PCCC, đường, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động PCCC, CNCH;

- Việc duy trì giải pháp thoát nạn, ngăn cháy, chống cháy lan, chống khói.

- Thực hiện trách nhiệm PCCC, CNCH của chủ hộ gia đình trực tiếp sử dụng nhà ở, người thuê, mượn, ở nhờ nhà ở theo quy định tại khoản 6 và khoản 8 Điều 8 Luật PCCC và CNCH.

c) Quy trình kiểm tra định kỳ

Theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định 105/2025/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra định kỳ về PCCC đối với cơ sở trong phạm vi quản lý theo trình tự, thủ tục như sau:

- Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, xây dựng kế hoạch kiểm tra của năm kế tiếp đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý;

- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra hoặc phân công cán bộ thực hiện kiểm tra và gửi văn bản thông báo về thời gian, nội dung và thành phần tham gia Đoàn kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra trước 03 ngày làm việc;

- Trưởng đoàn hoặc cán bộ được phân công giới thiệu thành phần, nội dung, phương pháp và phân công thành viên trong đoàn thực hiện kiểm tra về PCCC cháy theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP;

- Kết thúc kiểm tra phải lập biên bản theo Mẫu số PC03 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; trường hợp đối tượng kiểm tra không ký biên bản thì ghi rõ lý do vào biên bản kiểm tra.

d) Quy trình kiểm tra đột xuất

Theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định 105/2025/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra đột xuất về PCCC đối với cơ sở trong phạm vi quản lý theo trình tự, thủ tục như sau:

- Ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra hoặc ký giấy giới thiệu phân công cán bộ thực hiện kiểm tra;

- Trưởng đoàn kiểm tra hoặc cán bộ được phân công kiểm tra giới thiệu thành phần, thông báo rõ lý do, thời gian, nội dung, hình thức kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra hoặc người đại diện của đối tượng được kiểm tra;

- Đoàn kiểm tra hoặc cán bộ được phân công kiểm tra thực hiện kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về PCCC đối với nội dung có dấu hiệu vi phạm, đơn khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền;

- Thành viên đoàn hoặc cán bộ được phân công tiến hành kiểm tra theo phân công; kết thúc kiểm tra, tổng hợp kết quả kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số PC03 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện hành vi vi phạm về PCCC, CNCH, thực hiện xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

3.2.3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng

a) Thẩm quyền, đối tượng kiểm tra

Thẩm quyền kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Kiểm tra định kỳ:

+ Kiểm tra định kỳ 01 năm 1 lần đối với cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II Nghị định 105/2025/NĐ-CP,

+ Kiểm tra 02 năm 1 lần đối với: cơ sở thuộc nhóm 2 Phụ lục II Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

- Kiểm tra đột xuất đối với cơ sở thuộc Phụ lục II Nghị định 105/2025/NĐ-CP khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến phòng cháy, chữa cháy theo quy định hoặc theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền.

b) Nội dung kiểm tra

Nội dung kiểm tra theo quy định tại điểm g và điểm h khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể việc:

- Duy trì khoảng cách phòng cháy, chữa cháy, đường, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

- Duy trì giải pháp thoát nạn, ngăn cháy, chống cháy lan, chống khói;

c) Quy trình kiểm tra định kỳ

- Sau khi nhận được Kế hoạch kiểm tra, thông báo của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Cơ quan chuyên môn về xây dựng nghiên cứu và có văn bản trả

lời thống nhất về thời gian, nội dung, phương pháp, cử thành phần tham gia đoàn kiểm tra theo tháng hoặc theo quý;

- Sau khi nhận được văn bản thông báo kiểm tra của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, tham gia kiểm tra tại cơ sở.

- Tổ chức kiểm tra: Thực hiện kiểm tra các nội dung theo thẩm quyền, nhiệm vụ và phối hợp với thành viên đoàn kiểm tra trong thực hiện kiểm tra, lập biên bản kiểm tra về PCCC; lập biên bản vi phạm đối với hành vi vi phạm thuộc phạm vi kiểm tra.

d) Quy trình kiểm tra đột xuất

Theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định 105/2025/NĐ-CP, Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra đột xuất về PCCC đối với cơ sở trong phạm vi quản lý theo trình tự, thủ tục như sau:

- Ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra hoặc ký giấy giới thiệu phân công cán bộ thực hiện kiểm tra;

- Trưởng đoàn kiểm tra hoặc cán bộ được phân công kiểm tra giới thiệu thành phần, thông báo rõ lý do, thời gian, nội dung, hình thức kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra hoặc người đại diện của đối tượng được kiểm tra;

- Đoàn kiểm tra hoặc cán bộ được phân công kiểm tra thực hiện kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về PCCC đối với nội dung có dấu hiệu vi phạm, đơn khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền;

- Thành viên đoàn hoặc cán bộ được phân công tiến hành kiểm tra theo phân công; kết thúc kiểm tra, tổng hợp kết quả kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số PC03 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện hành vi vi phạm về PCCC, CNCH, thực hiện lập biên bản vi phạm, chuyển người có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

3.2.4. Cơ quan đăng kiểm

a) Thẩm quyền, đối tượng kiểm tra

Thẩm quyền kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể: Thực hiện kiểm tra đối với phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện thủy nội địa, tàu biển, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ quy định tại khoản 10 Điều 2 Luật PCCC và CNCH theo thời hạn về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, đăng kiểm phương tiện thủy nội

địa, đăng kiểm tàu biển, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

b) Nội dung kiểm tra

Nội dung kiểm tra theo quy định tại các điểm c, d, i và điểm k khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Trang bị phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC, nguồn nước chữa cháy theo quy định;
- Duy trì hoạt động các phương tiện, hệ thống PCCC, CNCH, hệ thống điện phục vụ PCCC; nguồn nước chữa cháy;
- Duy trì hệ thống, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí, chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ;
- Duy trì giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy cho hệ thống cung cấp năng lượng, nhiên liệu và động cơ;
- Chấp hành nội quy PCCC, CNCH.

c) Quy trình kiểm tra

Theo quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định 105/2025/NĐ-CP Cơ quan đăng kiểm thực hiện kiểm tra theo trình tự, thủ tục của pháp luật chuyên ngành về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, đăng kiểm tàu biển, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

II. Công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH

Việc tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH được quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30 Nghị định số 105/NĐ-CP và Điều 13 Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an. Trong đó, không quy định là TTHC, tuy nhiên cơ quan Công an giải quyết theo đề nghị của người dân và doanh nghiệp, cụ thể:

1. Thẩm quyền huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH

- T06 huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH cho người được phân công thực hiện kiểm tra về PCCC tại các cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cho các đối tượng thuộc thẩm quyền của C07 khi có đề nghị; bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho người được phân công thực hiện kiểm tra về PCCC tại các cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP khi có đề nghị;

- C07 huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH cho đối tượng quy định tại các điểm c, d, đ, e, g và điểm i khoản 1 Điều 45 Luật PCCC và CNCH thuộc cơ quan Đảng, nhà nước ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty khi có đề nghị, trừ người được phân công thực hiện kiểm tra về PCCC tại cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP do T06 huấn luyện và thành viên Đội dân phòng;

- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh (PC07) huấn luyện nghiệp vụ PCCC, CNCH cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật PCCC, CNCH khi có đề nghị, trừ người được phân công thực hiện kiểm tra về PCCC tại cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP do T06 huấn luyện; bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật PCCC và CNCH khi có đề nghị.

Trường hợp khi có đề nghị tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH cho cá nhân là đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH thuộc cơ sở do UBND cấp xã quản lý, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, thành viên Đội dân phòng thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã thì PC07 chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã tổ chức thực hiện.

2. Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, CNCH

- Cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP

+ Đăng ký với T06 để tổ chức huấn luyện (05 năm /1 lần) cho người được phân công thực hiện kiểm tra về PCCC tại cơ sở; đề nghị PC07 hoặc T06 tổ chức bồi dưỡng (hàng năm) cho người được phân công thực hiện kiểm tra về PCCC tại cơ sở;

+ Đăng ký với PC07 để tổ chức huấn luyện (05 năm /1 lần), bồi dưỡng (hàng năm) cho người đứng đầu cơ sở, thành viên đội PCCC cơ sở hoặc thành viên đội PCCC chuyên ngành hoặc người được phân công thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH, người làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ tại cơ sở;

+ Trường hợp các cơ sở thuộc cơ quan Đảng, nhà nước ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty đăng ký với C07 hoặc T06 để tổ chức huấn luyện (05 năm /1 lần), bồi dưỡng (hàng năm).

- Cơ sở thuộc nhóm 2 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP

Đăng ký với PC07 để tổ chức huấn luyện (05 năm /1 lần), bồi dưỡng (hàng năm) cho người đứng đầu cơ sở, người được phân công thực hiện kiểm tra về PCCC; thành viên đội PCCC cơ sở hoặc thành viên đội PCCC chuyên ngành hoặc

người được phân công thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH, người làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ tại cơ sở;

Trường hợp các cơ sở thuộc cơ quan Đảng, nhà nước ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty đăng ký với C07 hoặc T06 để tổ chức huấn luyện (05 năm /1 lần), bồi dưỡng (hàng năm).

- Cơ sở do UBND cấp xã quản lý đăng ký với PC07 phối hợp Công an cấp xã để tổ chức huấn luyện (05 năm /1 lần), bồi dưỡng (hàng năm) cho Cơ sở do UBND cấp xã quản lý và Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, thành viên Đội dân phòng thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã.

- Các đối tượng khác

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký với cơ sở đào tạo về PCCC và CNCH, C07 hoặc PC07 để tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho đối tượng thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 36/2025/TT-BCA;

- Cơ sở đào tạo về PCCC và CNCH, C07, PC07 có trách nhiệm bố trí địa điểm, nơi tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng để thuận tiện về thời gian, đi lại cho đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng.

- Cơ sở đào tạo về PCCC và CNCH, C07, PC07 thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH, kiểm tra và có văn bản thông báo kết quả huấn luyện, bồi dưỡng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đăng ký, có tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH.

III. Công tác tuyên truyền PCCC và CNCH, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH

1. Khái niệm tuyên truyền

Tuyên truyền là hoạt động **truyền đạt thông tin, quan điểm, tư tưởng hoặc kiến thức** đến một hoặc nhiều đối tượng nhằm **nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ hoặc hành vi** theo một mục tiêu nhất định.

Tuyên truyền PCCC và CNCH là hoạt động **truyền đạt thông tin, quan điểm, tư tưởng, kiến thức, kỹ năng** nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở và người dân về công tác **phòng ngừa cháy nổ, xử lý khi có cháy, nổ** cũng như **thực hiện cứu nạn, cứu hộ** khi có tai nạn, sự cố xảy ra.

2. Trách nhiệm thực hiện công tác tuyên truyền PCCC và CNCH

Luật PCCC và CNCH năm 2024, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và CNCH quy định cụ thể trách nhiệm của từng đối tượng thực hiện công

tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH, cụ thể như sau:

2.1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

Theo quy định tại Điều 9 Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP:

- Cơ quan quản lý nhà nước về PCCC và CNCH (gồm Chính phủ, Bộ Công an (cơ quan đầu mối), Bộ Quốc phòng, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH;

- Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH, xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH.

- Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) chủ trì, phối hợp với Bộ Công an tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật và kỹ năng PCCC và CNCH vào nội dung đào tạo lái xe.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội Vụ), trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH vào chương trình giảng dạy và bảo đảm điều kiện thực hiện trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học phù hợp với từng cấp học, ngành học.

Phối hợp với Bộ Công an xây dựng nội dung kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp. Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện việc tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH vào chương trình giảng dạy. Chủ trì ban hành văn bản quy định các điều kiện bảo đảm việc giảng dạy, trang bị kiến thức, thực hành các kỹ năng về PCCC và CNCH trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp phù hợp với từng cấp học, ngành học.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức,

pháp luật về PCCC và CNCH, có hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục phù hợp với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

- Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật, hướng dẫn kỹ năng về PCCC và CNCH cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan thông tin, truyền thông tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật, kỹ năng về PCCC và CNCH trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cho các nhà mạng viễn thông định kỳ tổ chức gửi tin nhắn cho các thuê bao di động để khuyến cáo, cảnh báo và hướng dẫn các kỹ năng phòng ngừa, xử lý các tình huống cháy, nổ, tai nạn, sự cố theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ngân sách nhà nước; chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia về PCCC và CNCH;

- Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam có trách nhiệm:

- + Tăng cường thời lượng, ưu tiên bố trí khung giờ tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng PCCC, thoát hiểm, thoát nạn, cảnh báo nguy cơ cháy;

- + Mở chuyên mục tuyên truyền thường xuyên về PCCC và CNCH vào các khung giờ khán giả dễ theo dõi.

- UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã có trách nhiệm:

- + UBND cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH; xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH; chỉ đạo thành lập và duy trì điều kiện hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng về PCCC và CNCH lồng ghép với các trung tâm học tập cộng đồng;

- + UBND cấp xã có trách nhiệm Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH; xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH.

2.2. Người đứng đầu cơ sở

Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý (*khoản 3 Điều 8 Luật PCCC và CNCH*);

2.3. Chủ phương tiện giao thông

Chủ phương tiện giao thông có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về PCCC và CNCH; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý (*khoản 4 Điều 8 Luật PCCC và CNCH*);

2.4. Chủ hộ gia đình

Chủ hộ gia đình có trách nhiệm tuyên truyền, đôn đốc, nhắc nhở thành viên khác trong gia đình thực hiện pháp luật về PCCC và CNCH (*khoản 6, Điều 8 Luật PCCC và CNCH*);

2.5. Cá nhân

Cá nhân có trách nhiệm tìm hiểu kiến thức về PCCC và CNCH và kỹ năng thoát nạn, sử dụng dụng cụ, phương tiện PCCC và CNCH thông dụng (*khoản 7 Điều 8 Luật PCCC và CNCH*);

3. Nội dung tuyên truyền

3.1. Nội dung tuyên truyền về PCCC và CNCH

- Thông tin về tình hình cháy, nổ, các hoạt động PCCC và CNCH trong thời gian qua; biểu dương tổ chức, cá nhân làm tốt và phê phán những hành vi vi phạm quy định về PCCC, CNCH.

- Phổ biến những nội dung yêu cầu về trách nhiệm, yêu cầu, điều kiện an toàn PCCC và CNCH, những hành vi vi phạm và hình thức xử lý vi phạm về PCCC và CNCH theo quy định của pháp luật về PCCC và CNCH (Luật PCCC và CNCH, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCCC và CNCH, Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn PCCC...) phù hợp với từng đối tượng tuyên truyền:

- Trách nhiệm của UBND các cấp trong hoạt động PCCC và CNCH;
- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông trong hoạt động PCCC và CNCH;
- Trách nhiệm của cá nhân trong hoạt động PCCC và CNCH;
- Nhiệm vụ của lực lượng PCCC và CNCH cơ sở, lực lượng PCCC và CNCH chuyên ngành trong hoạt động PCCC và CNCH;
- Nhiệm vụ của lực lượng dân phòng trong hoạt động PCCC và CNCH;
- Quy định của pháp luật về PCCC và CNCH có liên quan trực tiếp đến điều kiện an toàn PCCC và CNCH của cơ sở, phương tiện giao thông.

- Phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH phù hợp với đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ, tai nạn, sự cố đối với từng loại hình cơ sở, hộ gia đình, trụ sở, văn phòng làm việc, phương tiện giao thông cơ giới vv...

3.2. Một số nội dung cần được nhấn mạnh đối với từng đối tượng

*** Đối với cơ sở:**

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở: nêu bật trách nhiệm PCCC và CNCH; trách nhiệm chỉ đạo thực hiện công tác PCCC và CNCH tại cơ quan, tổ chức, cơ sở do mình quản lý; các hành vi vi phạm và hình thức xử lý vi phạm về PCCC và CNCH; phân công nhiệm vụ cho lãnh đạo, đơn vị, cá nhân, đội PCCC cơ sở, chuyên ngành trong thực hiện công tác PCCC và CNCH; tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát.

- Người được phân công thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH tại cơ sở: nêu bật trách nhiệm, phương pháp tổ chức thực hiện công tác PCCC và CNCH tại cơ sở.

- Người được phân công làm công tác tự kiểm tra an toàn PCCC tại cơ sở: nêu bật trách nhiệm, phương pháp, biện pháp kiểm tra, xây dựng báo cáo công tác kiểm tra an toàn PCCC tại cơ sở, tham mưu lãnh đạo ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn bảo đảm điều kiện an toàn PCCC tại cơ sở.

- Người lao động: nêu trách nhiệm của cá nhân; đặc điểm, nguy cơ xảy ra cháy, nổ và biện pháp xử lý khi xảy ra cháy, nổ tại khu vực sản xuất, kinh doanh.

*** Đối với khu dân cư, hộ gia đình:**

- Nêu bật trách nhiệm của chủ hộ gia đình, thành viên trong hộ gia đình; những nguyên nhân gây cháy, nguy cơ cháy, nổ tại gia đình; các biện pháp PCCC trong gia đình; các biện pháp thoát nạn và tạo các lối thoát nạn phụ trong hộ gia đình.

- Nêu bật về trách nhiệm của người dân trong thực hiện công tác PCCC và CNCH tại khu dân cư; lợi ích, hiệu quả khi tham gia các phong trào, mô hình an toàn PCCC và CNCH, lực lượng dân phòng, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở tại khu dân cư.

- Trách nhiệm của người thuê, mượn, ở nhờ nhà ở trong thực hiện công tác PCCC và CNCH tại hộ gia đình; trách nhiệm trong công tác bảo đảm an toàn PCCC và thoát nạn.

*** Đối với học sinh, sinh viên:** phổ biến để học sinh, sinh viên nắm vững quy định, nội quy PCCC, kiến thức, kỹ năng an toàn PCCC và thoát nạn, các biện pháp phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích. Đối với học sinh, sinh viên

thuộc khối trường kỹ thuật, công nghệ có nhiều chuyên ngành, lĩnh vực đào tạo liên quan đến cháy, nổ cần làm cho họ thấy rõ trách nhiệm của mình trong công việc sau khi ra trường như sinh viên ngành kiến trúc, xây dựng, hóa chất; thợ hàn, thợ điện...

* Đối với phương tiện giao thông: Trách nhiệm của chủ phương tiện giao thông trong công tác PCCC và CNCH nói chung và đối với phương tiện giao thông nói riêng; trách nhiệm của người điều khiển phương tiện giao thông; nguyên nhân xảy ra cháy, nổ và các biện pháp phòng ngừa, cháy nổ đối với phương tiện giao thông; kiến thức, kỹ năng xử lý các tính huống cháy, nổ, tai nạn, sự cố phương tiện giao thông;

4. Hình thức tuyên truyền

4.1. Tuyên truyền miệng

Tuyên truyền miệng là một hình thức phổ biến của tuyên truyền mà phương thức chủ yếu được tiến hành thông qua sự giao tiếp bằng lời nói trực tiếp giữa cán bộ tuyên truyền với đối tượng tuyên truyền mà không có sự ngăn cách nào, nhằm nâng cao nhận thức, củng cố và xây dựng niềm tin, cổ vũ mọi người suy nghĩ và hành động theo những yêu cầu cụ thể của nhiệm vụ tuyên truyền đặt ra.

4.2. Tuyên truyền thông qua sử dụng hệ thống thông tin đại chúng

Hình thức tuyên truyền này được thực hiện qua hệ thống truyền thông của Đảng, Nhà nước như báo, đài phát thanh, truyền hình của trung ương và của địa phương; qua báo, tạp chí, thông tin công tác của ngành, qua hệ thống loa đài truyền thanh công cộng... Đây là một trong những hình thức tuyên truyền có tính định hướng rất cao, nhất là qua các bài báo, phóng sự, chuyên đề... có chất lượng về các gương điển hình, về các cơ sở địa phương hoạt động tốt... nên nó có ảnh hưởng sâu rộng dễ tác động đến người dân, có tác dụng khích lệ họ học tập, làm theo.

4.3. Tuyên truyền thông qua hoạt động thư viện, sách báo, tranh ảnh, nhà văn hóa, câu lạc bộ...; các hình thức trực quan như khẩu hiệu, panô, áp phích, tờ rơi, v.v...

Khi sử dụng hình thức tuyên truyền này, các cán bộ tuyên truyền cần chú ý lựa chọn các biểu tượng, hình tượng, hình ảnh, biểu trưng, v.v. có tính cụ thể, dễ hiểu, gần gũi với đời sống người dân. Khi đó công tác tuyên truyền sẽ lôi cuốn được đông đảo quần chúng và sẽ đạt hiệu quả cao.

4.4. Tuyên truyền thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tổ chức lễ hội truyền thống...

Đây là một hình thức tuyên truyền có bề rộng, dễ áp dụng nên cán bộ tuyên truyền cần triệt để vận dụng hình thức này, vì nếu được chuẩn bị kỹ, tiến hành thận trọng, khoa học thì hình thức này rất dễ tạo không khí hồ hởi, phấn khởi trong quần chúng tham gia, qua đó công tác tuyên truyền sẽ đạt hiệu quả cao.

4.5. Tuyên truyền thông qua các hoạt động tham quan thực tế, báo cáo điển hình, học tập gương người tốt, việc tốt

Hình thức tuyên truyền này sử dụng triệt để phương pháp nêu gương như: Tổ chức cho đối tượng tuyên truyền đi tham quan, học tập những điển hình, mô hình tốt để họ học tập, làm theo. Qua đó hướng dẫn, khuyến khích động viên đối tượng tuyên truyền học tập, làm theo gương điển hình, mô hình tiên tiến, đồng thời, hình thức tuyên truyền này còn góp phần thúc đẩy phong trào thi đua hội phát triển. Do vậy, trong quá trình công tác, cần sớm phát hiện, nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến, những nhân tố mới để tuyên truyền, giáo dục người dân.

4.6. Tuyên truyền thông qua các nền tảng mạng xã hội trên Internet

Đây là một hình thức tuyên truyền hiện đại nhằm truyền tải những thông tin, yêu cầu, nội dung các quy định pháp luật, kiến thức, kỹ năng an toàn PCCC, thoát nạn đến với người dân, giúp cho người dân hiểu biết, nắm bắt kịp thời, tiết kiệm nhiều thời gian, công sức cho việc tự tìm hiểu. Có thể kể đến các các nền tảng mạng xã hội như: Zalo, Viber, Facebook, App “Báo cháy 114”, Website, hệ thống màn hình LED, nền tảng giáo dục và đào tạo số của VTC v.v.. cao hơn nữa là áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động tuyên truyền.

5. Biện pháp tuyên truyền PCCC và CNCH

5.1. Tổ chức phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình

- Xây dựng chương trình phối hợp hàng năm, xác định rõ nội dung, hình thức tuyên truyền, trách nhiệm của từng bên trong việc tổ chức thực hiện. Định kỳ sơ kết việc phối hợp, rút kinh nghiệm để tăng cường sự phối hợp ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn.

- Các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình mở chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức, kỹ năng an toàn PCCC và thoát nạn, di chuyển và sơ cấp cứu người bị nạn vv....

- Xây dựng mạng lưới cộng tác viên của các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, tạo mối quan hệ thân thiện, gắn bó mật thiết với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH để đội ngũ này hỗ trợ việc tuyên truyền PCCC và CNCH.

- Xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên PCCC và CNCH tại các cơ sở, xã, phường; bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH cho mạng lưới tuyên truyền viên

PCCC và CNCH, định kỳ cung cấp thông tin, tổ chức thi tuyên truyền viên PCCC và CNCH giỏi để lực lượng này tự tổ chức tuyên truyền PCCC và CNCH tại các cơ quan, tổ chức, cơ sở, khu dân cư.

5.2. Tổ chức các đợt cao điểm tuyên truyền PCCC và CNCH vào dịp "Ngày toàn dân PCCC và CNCH" - 04/10 hàng năm, mùa hanh khô, Tết nguyên đán

- Phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình đồng loạt tuyên truyền PCCC và CNCH, có những hình thức tuyên truyền gây ấn tượng sâu sắc nhất là trên đài phát thanh, báo điện tử và truyền hình như: Các chương trình trò chơi về đề tài PCCC và CNCH, cổ động về PCCC và CNCH, giao lưu đối thoại về PCCC và CNCH, phát các phóng sự nêu thực trạng và giải pháp PCCC và CNCH đối với các cơ sở vi phạm về PCCC, nhưng cơ sở có cách làm hay về công tác PCCC; trả lời trực tuyến trên các cơ quan báo điện tử, truyền hình về các kiến thức kỹ năng an toàn PCCC và thoát nạn, phòng chống đuối nước vv...

- Tổ chức chương trình tuyên truyền cổ động trực quan tại nơi công cộng, tuyên truyền phổ biến kiến thức PCCC và CNCH kết hợp biểu diễn văn nghệ và sử dụng các phương tiện chữa cháy, cứu người thông dụng, có giải thưởng cho những người tham gia. Xây dựng những trung tâm giáo dục cộng đồng về PCCC và CNCH để người dân có thể tham gia học tập, thực hành kiến thức kỹ năng an toàn PCCC và thoát nạn.

- Tổ chức triển khai phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" trong công tác PCCC và CNCH, mời đài phát thanh, truyền hình trực tiếp ghi hình phát sóng tuyên truyền.

5.3. Phát hành các ấn phẩm tuyên truyền PCCC và CNCH

- Niêm yết các thể loại tranh tuyên truyền PCCC và CNCH (tranh vui, phê bình, tranh hướng dẫn) tại nơi tập trung đông người, trong các phân xưởng sản xuất, kinh doanh, trụ sở làm việc... để mọi người biết.

- Phát hành sách về đề tài PCCC và CNCH có kèm theo hình ảnh theo dạng truyện tranh cho lứa tuổi thiếu niên, học sinh. Xây dựng tài liệu giảng dạy phù hợp cho học sinh các cấp bậc học.

5.4. Giảng dạy kiến thức PCCC và CNCH trong các cơ sở đào tạo

Thực hiện Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/5/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo về hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục, Công an các địa phương đã và đang triển khai thực hiện:

- Đưa nội dung PCCC và CNCH vào chương trình ngoại khóa của các trường phổ thông, đại học cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.
- Xây dựng giáo trình, bài giảng phù hợp với từng đối tượng, cấp học.
- Tổ chức và bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên giảng dạy kiến thức, kỹ năng an toàn PCCC và thoát nạn.

5.5. Xây dựng trang thông tin điện tử Website, các nền tảng mạng xã hội Zalo, Facebook, ứng dụng di động, mã QR code... tuyên truyền PCCC và CNCH

- Thông tin về tình hình cháy trong từng thời kỳ, từng lĩnh vực.
- Thông tin về các vụ cháy điển hình.
- Thực trạng và các giải pháp PCCC và CNCH đối với từng lĩnh vực.
- Phương tiện và chất chữa cháy mới, những phát minh, sáng chế về PCCC và CNCH.
- Thủ tục hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH.
- Gương người tốt việc tốt trong công tác PCCC và CNCH.
- Kiến thức, kỹ năng an toàn PCCC và CNCH.
- Xây dựng các học liệu số về PCCC và CNCH.

5.6. Phương pháp phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình trong tuyên truyền PCCC và CNCH

- Trên cơ sở pháp lý làm rõ trách nhiệm của các cơ quan thông tấn báo chí, phát thanh, truyền hình, văn hóa thông tin... trong việc tuyên truyền PCCC và CNCH.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch phối hợp và thống nhất với lãnh đạo các cơ quan thông tấn báo chí, phát thanh, truyền hình, tuyên truyền về PCCC và CNCH. Trong kế hoạch cần đưa ra những nội dung, tiêu chí cụ thể:

- + Định hướng nội dung cần tuyên truyền theo từng thời điểm trong năm, phù hợp với điều kiện thực tế của từng khu vực;
- + Quỹ thời gian, thời lượng và thời điểm tuyên truyền;
- + Phân công cán bộ chuyên trách làm công tác tuyên truyền thường xuyên khảo sát các chương trình nhất là chương trình của đài truyền hình để nắm được chương trình nào có thể lồng ghép nội dung PCCC và CNCH, chú ý các chương trình giải trí, các cuộc thi đoàn thể quần chúng, chương trình khoa giáo...;
- + Chuẩn bị nội dung về PCCC và CNCH phù hợp với các chương trình dự kiến đưa vào để tuyên truyền;
- + Động viên cán bộ, chiến sĩ phát huy khả năng sáng tạo của mình viết bài, biên soạn và gửi các câu hỏi, mẫu truyện PCCC và CNCH cho các chương trình.

+ Xây dựng đội ngũ cộng tác viên gần bó, tin cậy để tranh thủ sự giúp đỡ trong hoạt động tuyên truyền. Mặt khác để nắm bắt và xử lý kịp thời những vấn đề bất lợi đối với lực lượng PCCC và CNCH trước khi đưa lên công luận.

- Các thể loại tuyên truyền hiệu quả gồm:

+ Phóng sự;

+ Vấn đề hôm nay, ông kính phóng viên;

+ Quảng cáo, đúp cổ động;

+ Tác phẩm văn nghệ, các chương trình giải trí;

+ Liên hoan thông tin lưu động về đề tài PCCC và CNCH;

+ Diễn hành, hội thi, hội thao PCCC và CNCH kết hợp tuyên truyền.

6. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH

6.1. Nội dung của công tác xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH

- Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tham gia hoạt động PCCC và CNCH.

- Mọi hoạt động PCCC và CNCH trước hết phải được thực hiện và giải quyết bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ, lực lượng chuyên trách làm nòng cốt, huy động tổng hợp các lực lượng và Nhân dân tham gia tạo thành thế trận toàn dân tham gia PCCC và CNCH.

- Vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong công tác PCCC và CNCH.

- Xây dựng và mở rộng liên kết phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội trong các phong trào của địa phương. Kết hợp lồng ghép phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và các cuộc vận động cách mạng khác của Đảng, Nhà nước ở địa phương như: Cuộc vận động xóa đói giảm nghèo, xây dựng nếp sống văn hóa mới, xây dựng nông thôn mới, Công an xã, phường kiểu mẫu, khu dân cư bảo đảm an ninh trật tự...

- Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh.

+ Thông qua phong trào để rèn luyện, thử thách xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước ở cơ sở.

+ Để thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng cho tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở vững mạnh.

6.2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH

- Nắm tình hình và xây dựng kế hoạch phát động phong trào.
- Tuyên truyền giáo dục và hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH.
 - Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trong CAND, các ngành, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương để tổ chức vận động toàn dân tham gia công tác PCCC và CNCH.
 - Xây dựng các tổ chức, lực lượng quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC và CNCH.
 - Xây dựng cá nhân và các tổ chức quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để thúc đẩy phong trào ở địa bàn cơ sở là một nội dung quan trọng có ý nghĩa quyết định đến vận động Nhân dân. Lực lượng quần chúng nòng cốt vừa là hạt nhân lãnh đạo phong trào, vừa là cầu nối giữa lực lượng CAND nói chung, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH nói riêng với nhân dân, vừa là người đi đầu, trực tiếp hướng dẫn Nhân dân thực hiện các quy định về PCCC và CNCH. Vì vậy, việc xây dựng lực lượng quần chúng nòng cốt ở cơ sở để duy trì và phát triển, đẩy mạnh phong trào, đây là một nội dung rất quan trọng, không thể thiếu.

Chuyên đề 2

CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ, KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

I. Giới thiệu chung về những điểm mới của Luật PCCC và CNCH liên quan đến công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

1. Về những nội dung bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung so với Luật PCCC năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2013 (*Luật PCCC năm 2001*)

Liên quan đến công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC, so với Luật PCCC năm 2001, Luật PCCC và CNCH đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung cụ thể như sau:

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến thi công công trình mà chưa có thiết kế được duyệt về PCCC; nghiệm thu và đưa vào sử dụng công trình khi chưa đủ điều kiện bảo đảm an toàn về PCCC (quy định tại khoản 6 Điều 13 Luật PCCC năm 2001);

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến thẩm duyệt thiết kế về PCCC khi lập quy hoạch, dự án xây dựng mới hoặc cải tạo đô thị, khu dân cư, đặc khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khi lập dự án, thiết kế xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng của công trình (quy định tại Điều 15 Luật PCCC năm 2001);

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đầu tư xây dựng và sử dụng công trình (quy định tại Điều 16 Luật PCCC năm 2001);

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC đối với phương tiện giao thông cơ giới (quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật PCCC năm 2001);

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH về thẩm định, phê duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC (quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật PCCC năm 2001);

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến nội dung quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy về thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế và nghiệm thu công trình xây dựng về PCCC (quy định tại khoản 7 Điều 57 Luật PCCC năm 2001);

- Bãi bỏ các quy định liên quan đến kinh doanh dịch vụ PCCC; trong đó có các hoạt động kinh doanh như: tư vấn thiết kế; tư vấn thẩm định; tư vấn giám sát;

tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật; thi công, lắp đặt hệ thống PCCC (quy định tại Điều 9a Luật PCCC năm 2001).

2. Về những nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Luật PCCC và CNCH:

a) Thay hoạt động thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC thành hoạt động thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC để phù hợp với pháp luật về xây dựng

- Theo quy định của Luật PCCC năm 2001 và các văn bản hướng dẫn thi hành, “*thẩm duyệt thiết kế về PCCC*” là việc cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đối chiếu các giải pháp, nội dung thiết kế dự án, công trình, phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn PCCC với các quy chuẩn, tiêu chuẩn, các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến PCCC hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về PCCC được phép áp dụng tại Việt Nam theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Kết quả thẩm duyệt thiết kế về PCCC là một trong những căn cứ để xem xét, phê duyệt quy hoạch, phê duyệt dự án, thẩm định thiết kế xây dựng và cấp giấy phép xây dựng.

Như vậy, việc thẩm duyệt thiết kế về PCCC sẽ phải xem xét từ bước thiết kế cơ sở đến khi thiết kế kỹ thuật thi công, kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính, làm giảm vai trò tự chịu trách nhiệm của chủ đầu tư trong khâu thiết kế, dẫn đến tình trạng nhiều chủ đầu tư thiếu trách nhiệm trong việc nghiên cứu kỹ tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi thiết kế, chờ sự hướng dẫn của cơ quan quản lý.

- Để khắc phục những bất cập trên, Luật PCCC và CNCH đã điều chỉnh các quy định liên quan đến công tác này, thay thế hoạt động thẩm duyệt thiết kế về PCCC bằng hoạt động thẩm định thiết kế về PCCC. Theo đó, “*Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy*” là việc xem xét, đánh giá sự tuân thủ các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng đối với thiết kế về PCCC trong dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông. Như vậy, với quy định mới về thẩm định thiết kế PCCC các cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan đăng kiểm, cơ quan Công an có trách nhiệm xem xét, đánh giá sự tuân thủ các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng trong quá trình thiết kế dự án, công trình; đồng thời gắn trách nhiệm cụ thể cho chủ đầu tư theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với một số công trình; giảm thời gian, trình tự, thủ tục khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Ngoài ra, việc thay thế thuật ngữ “thẩm duyệt thiết kế về PCCC” thành “thẩm định thiết kế về PCCC” nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa pháp luật về PCCC và pháp luật về xây dựng; bảo đảm tính đồng bộ trong quá trình tổ chức

thực hiện việc thẩm định các điều kiện an toàn cho một công trình tại các cơ quan có thẩm quyền; đồng thời làm rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý, trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình trong từng giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng; nâng cao vai trò trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị thẩm tra trong quá trình xem xét, phê duyệt thiết kế.

- Đối với việc nghiệm thu về PCCC, Luật PCCC năm 2001 và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong việc sử dụng các thuật ngữ “*ng nghiệm thu*”, “*kiểm tra kết quả nghiệm thu*”; đồng thời chưa rõ về nội hàm, phạm vi, thẩm quyền, trách nhiệm của chủ đầu tư, cơ quan quản lý trong việc tổ chức nghiệm thu về PCCC trước khi đưa công trình vào hoạt động. Điều này dẫn đến làm giảm vai trò trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, nhà thầu thi công trong việc giám sát, tổ chức thi công, nghiệm thu theo đúng thiết kế đã được duyệt, có hiện tượng “trông chờ”, “ỷ lại” vào cơ quan quản lý để thay chủ đầu tư nghiệm thu về PCCC trước khi đưa công trình vào hoạt động.

- Xuất phát từ bất cập đó, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung quy định để cụ thể hóa các nội dung liên quan đến việc nghiệm thu, kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC. Theo đó “*Ng nghiệm thu về PCCC*” là việc kiểm tra, đối chiếu thực tế thi công dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định và do chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông có trách nhiệm thực hiện. Đồng thời bổ sung quy định để làm rõ nội hàm “*Kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC*” là việc cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông; theo đó sau khi chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông hoàn thành việc nghiệm thu thì báo cáo, đề nghị cơ quan quản lý chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu; trường hợp được cơ quan quản lý chuyên ngành chấp thuận kết quả nghiệm thu thì sẽ được đưa công trình vào sử dụng.

b) Chuyển giao một số nội dung liên quan đến PCCC cho cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình tự thẩm định

- Theo quy định của Luật PCCC năm 2001, công tác thẩm duyệt thiết kế về PCCC đang giao cho cơ quan Công an thực hiện; trong đó, có nhiều nội dung chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Công an, còn chồng chéo, giao thoa với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn về xây dựng, nhất là các giải pháp liên quan đến kiến trúc, quy hoạch không gian của công trình như

khoảng cách PCCC, đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động PCCC, CNCH; thoát nạn; bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp chống khói. Đây cũng là những nội dung cần phải được xem xét ngay từ khâu thiết kế cơ sở để bảo đảm phù hợp với kiến trúc và không gian quy hoạch của công trình và phải được thực hiện đồng bộ ngay từ khâu thẩm định về xây dựng.

- Việc thống nhất chuyên các nội dung này để cơ quan chuyên môn xây dựng thẩm định nhằm tránh trường hợp công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng chấp thuận thiết kế cơ sở trong đó có các nội dung về kiến trúc như bố trí thang, đường giao thông... nhưng khi sang cơ quan Công an thẩm duyệt về PCCC nếu không đạt yêu cầu lại phải quay lại cơ quan chuyên môn về xây dựng để thẩm định lại; gây phiền hà cho chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình khi phải thực hiện cùng một nội dung ở hai cơ quan khác nhau. Ngoài ra, việc phân định rõ nội dung thẩm định cũng nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ về các giải pháp an toàn chung cho nhà và công trình; gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan trong việc thẩm định, cấp phép trong hoạt động đầu tư xây dựng.

- Bên cạnh đó, để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với pháp luật về xây dựng, đối với các trường hợp công trình không thuộc diện phải thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng, Luật PCCC và CNCH bổ sung các quy định để tăng cường vai trò trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình trong việc tự thẩm định đối với những nội dung về giải pháp liên quan đến kiến trúc, quy hoạch không gian của công trình như khoảng cách PCCC, đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động PCCC, CNCH; thoát nạn; bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp chống khói.

- Xuất phát từ lý do trên, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung các quy định nhằm phân định rõ lại các nội dung thẩm định thiết kế về PCCC để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý chuyên ngành, cụ thể:

+ Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm thẩm định thiết kế về PCCC đối với các nội dung gồm: khoảng cách PCCC giữa các công trình, đường, bãi đỗ, vị trí cho xe chữa cháy, lối thoát nạn, bậc chịu lửa của công trình, giải pháp chống khói (*các nội dung này trước đây giao cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH thực hiện, nay phân công lại để cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ*).

+ Cơ quan đăng kiểm khi thực hiện thẩm định thiết kế về PCCC đối với phương tiện giao thông theo nội dung gồm: giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan, giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy cho hệ thống cung cấp năng lượng, nhiên

liệu và động cơ, hệ thống, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí, chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ.

+ Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình thực hiện thẩm định thiết kế về PCCC theo các nội dung gồm: khoảng cách PCCC giữa các công trình, đường, bãi đỗ, vị trí cho xe chữa cháy, lối thoát nạn, bậc chịu lửa của công trình, giải pháp chống khói đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình không thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và báo cáo kết quả thực hiện thẩm định; chịu trách nhiệm với kết quả nghiệm thu của mình.

+ Cơ quan Công an thẩm định thiết kế về PCCC đối với công trình, phương tiện giao thông theo các nội dung gồm: hệ thống, phương tiện PCCC; hệ thống điện phục vụ PCCC.

c) Bổ sung giải thích một số từ ngữ trong công tác thẩm định, kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC để đảm bảo tính thống nhất, rõ ràng và dễ hiểu trong việc thực thi

Ngoài các từ ngữ “thẩm định thiết kế về PCCC”, “nghiệm thu về PCCC”, “kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC” đã được đề cập ở trên, Luật PCCC và CNCH đã bổ sung các quy định để giải thích một số từ ngữ liên quan đến công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC được dùng trong Luật, như:

- *Phương tiện giao thông có yêu cầu về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy* (sau đây gọi là phương tiện giao thông) là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện thủy nội địa, tàu biển được sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải để vận tải hành khách, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; trường hợp là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vận tải hành khách thì phải trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe).

- *Hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ* là hàng hóa có chứa các chất, vật phẩm có nguy cơ cháy, nổ ở dạng khí, dạng lỏng hoặc dạng rắn mà khi quản lý, vận chuyển, sử dụng có khả năng gây cháy, nổ, làm nguy hại đến tính mạng, sức khỏe con người, gây thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng đến môi trường, an ninh, trật tự, thuộc danh mục do Chính phủ quy định.

- *“Cơ quan quản lý chuyên ngành”* là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một lĩnh vực nhất định liên quan đến PCCC, bao gồm: cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan đăng kiểm.

- *“Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy”* bao gồm mạng lưới trụ sở, doanh

trại, công trình, hệ thống cung cấp nước, hệ thống giao thông và hệ thống thông tin liên lạc phục vụ PCCC.

Ngoài các thuật ngữ được Luật PCCC và CNCH giải thích cụ thể, Luật cũng dẫn chiếu một số thuật ngữ khác có liên quan đến công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra kết quả nghiệm thu được quy định tại các luật chuyên ngành, cụ thể như sau:

- “*Cơ quan chuyên môn về xây dựng*” là cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế (quy định tại khoản 13 Điều 2 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Theo đó, Các cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định tại khoản 13 Điều 2 Luật Xây dựng bao gồm: cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, cơ quan được giao quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trực thuộc các Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và môi trường...; Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo các lĩnh vực công thương, nông nghiệp và môi trường; Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (nay là Ủy ban nhân dân cấp xã). Ví dụ: đối với công trình xây dựng dân dụng sẽ do các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng, Sở xây dựng, đơn vị có chức năng quản lý xây dựng do UBND cấp tỉnh phân công thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu; đối với công trình như xăng dầu, dầu khí, vật liệu nổ sẽ do các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Công thương, Sở Công thương, đơn vị có chức năng quản lý xây dựng do UBND cấp tỉnh phân công thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu.

- “*Khu chức năng*” là một khu vực tại đô thị, nông thôn gồm khu kinh tế, khu du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao, khu văn hóa, khu phức hợp y tế, khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật và các khu vực phát triển theo chức năng khác được định hướng tại quy hoạch vùng hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chung theo quy định của Luật này (quy định tại khoản 5 Điều 2 Luật Quy hoạch).

- “*Quy hoạch chung*” là việc xác định mục tiêu, định hướng phát triển tổng thể, kế hoạch phát triển dài hạn; tổ chức không gian, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội, nhà ở cho một thành phố, thị xã, thị trấn, đô

thị mới hoặc một huyện, một xã hoặc một khu chức năng (quy định tại khoản 11 Điều 2 Luật Quy hoạch).

- “*Quy hoạch phân khu*” là việc phân chia và xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch và bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội, nhà ở cho một khu vực, cụ thể hóa nội dung của quy hoạch chung hoặc quy hoạch tỉnh (quy định tại khoản 12 Điều 2 Luật Quy hoạch).

- “*Quy hoạch chi tiết*” là việc phân chia và xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, yêu cầu về quản lý kiến trúc cảnh quan cho từng lô đất xây dựng công trình, bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội, nhà ở để cụ thể hoá nội dung của quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch không gian ngầm hoặc quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật (quy định tại khoản 13 Điều 2 Luật Quy hoạch).

- “*Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng*” là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, mức độ khả thi và hiệu quả của việc đầu tư xây dựng theo phương án thiết kế cơ sở được lựa chọn, làm cơ sở xem xét, quyết định đầu tư xây dựng (quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- “*Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng*” là tài liệu trình bày các nội dung về sự cần thiết, mức độ khả thi và hiệu quả của việc đầu tư xây dựng theo phương án thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình quy mô nhỏ, làm cơ sở xem xét, quyết định đầu tư xây dựng (quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- “*Chủ đầu tư xây dựng*” (sau đây gọi là chủ đầu tư) là cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng (quy định tại Khoản 9 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- “*Người quyết định đầu tư*” là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền phê duyệt dự án và quyết định đầu tư xây dựng (quy định tại khoản 27 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- “*Công trình xây dựng tạm*” là công trình được xây dựng có thời hạn phục vụ các mục đích: thi công xây dựng công trình chính; sử dụng cho việc tổ chức các sự kiện hoặc hoạt động khác trong thời gian quy định (quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- “*Công trình quốc phòng*” là công trình xây dựng, địa hình, địa vật tự nhiên

được xác định, cải tạo do quân đội, cơ quan, tổ chức được giao quản lý, bảo vệ để phục vụ cho hoạt động quân sự, quốc phòng, phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Công trình quốc phòng có thể nằm trong hoặc ngoài khu quân sự (quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự). “*Công trình lưỡng dụng*” là công trình sử dụng cho cả mục đích quân sự, quốc phòng và mục đích dân sự, gồm công trình dân sự có tính lưỡng dụng và công trình quốc phòng sử dụng lưỡng dụng, được cấp có thẩm quyền quyết định khi phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc chuyển đổi, bổ sung mục đích sử dụng (quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự). Như vậy, thuật ngữ “*công trình quốc phòng sử dụng lưỡng dụng*” theo Luật PCCC và CNCH gồm hai điều kiện cấu thành: (1) là công trình quốc phòng (do Bộ Quốc phòng đầu tư, quản lý) và (2) được sử dụng lưỡng dụng và được cấp có thẩm quyền quyết định khi phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc chuyển đổi, bổ sung mục đích sử dụng.

d) Bổ sung quy định cụ thể, rõ ràng hơn các yêu cầu về PCCC khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn

Theo quy định của Luật PCCC năm 2001, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi lập quy hoạch phải xin ý kiến góp ý của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH. Luật PCCC và CNCH đã sửa đổi nội dung này nhằm bãi bỏ thủ tục không cần thiết nêu trên để gắn trách nhiệm cụ thể cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi lập quy hoạch; đồng thời, bổ sung cụ thể các yêu cầu về PCCC theo các cấp quy hoạch, cụ thể:

- Quy hoạch chung phải có nội dung phát triển hạ tầng PCCC;
- Quy hoạch phân khu phải có nguồn nước và phương án tổ chức mạng lưới cấp nước chữa cháy, mạng lưới giao thông phục vụ chữa cháy, CNCH, vị trí, quy mô của trụ sở đơn vị PCCC và CNCH;
- Quy hoạch chi tiết phải có đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống bảo đảm cho xe chữa cháy và phương tiện chữa cháy cơ giới triển khai hoạt động, nguồn nước chữa cháy, nguồn điện phục vụ hoạt động PCCC, địa điểm cho đơn vị PCCC và CNCH.

Với các nội dung trên sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết để tổ chức triển khai thực hiện.

đ) Bãi bỏ các quy định liên quan đến việc ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC để phù hợp với pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Theo quy định của Luật PCCC năm 2001, thì tiêu chuẩn quốc gia về PCCC được áp dụng bắt buộc, trong khi theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thì tiêu chuẩn là văn bản đề tự nguyện áp dụng. Điều này dẫn đến sự không đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của pháp luật trong việc áp dụng các tiêu chuẩn. Ngoài ra về việc xây dựng, ban hành, nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của Luật PCCC năm 2001 cũng có một số nội dung chưa phù hợp, chòng chéo với quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Để thống nhất, đồng bộ với pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật PCCC và CNCH đã bãi bỏ một điều liên quan đến việc ban hành và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC. Theo đó, việc xây dựng, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC sẽ được thực hiện theo Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

e) Bãi bỏ các quy định liên quan đến kinh doanh dịch vụ PCCC

Theo quy định của Luật PCCC năm 2001, kinh doanh dịch vụ PCCC là ngành nghề kinh doanh có điều kiện và cơ quan Công an thực hiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC cho 06 nhóm ngành nghề liên quan đến hoạt động PCCC bao gồm: **tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về PCCC**; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về PCCC; tư vấn chuyển giao công nghệ PCCC; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ PCCC; **thi công, lắp đặt hệ thống PCCC**; sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị PCCC.

Luật PCCC và CNCH đã bãi bỏ các quy định kinh doanh dịch vụ PCCC là ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhằm xã hội hóa hoạt động kinh doanh dịch vụ PCCC, tạo điều kiện thông thoáng cho cơ sở, doanh nghiệp, tăng cường chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm dưới sự kiểm tra giám sát quản lý của cơ quan nhà nước, theo đúng chủ trương của Đảng về việc “đẩy mạnh xã hội hóa công tác phòng cháy, chữa cháy”, khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động PCCC và CNCH. Việc bãi bỏ các quy định này không có nghĩa là cấm doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động này mà bãi bỏ các điều kiện liên quan đến việc cấp phép kinh doanh của cơ quan quản lý; đồng thời doanh nghiệp phải tăng cường tính tự chủ, phải tự bảo đảm về các yêu cầu về năng lực, trình độ chuyên môn để thực thi nhiệm vụ.

g) Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến việc quản lý phương tiện về PCCC, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy

Theo quy định của Luật PCCC năm 2001, một số loại phương tiện về

PCCC, CNCH phải được cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC, CNCH. Luật PCCC và CNCH đã điều chỉnh, thay đổi phương thức quản lý đối với phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy theo hướng cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường để loại bỏ các thủ tục, yêu cầu không cần thiết, nhất là đối với các loại phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy nhập khẩu đã đáp ứng theo các quy định của tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam.

Tuy nhiên, để tránh gián đoạn trong hoạt động quản lý phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu ngăn cháy, chống cháy, Luật cho phép tiếp tục thực hiện việc cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC, CNCH đến hết ngày 30/6/2026 để chuyển đổi dần sang việc cấp giấy phép. Sau thời gian trên, các phương tiện PCCC, CNCH và vật liệu ngăn cháy, chống cháy phải được cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường.

Đây cũng là một trong những nội dung mới cần lưu ý khi tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC.

II. Hệ thống hóa các quy định của pháp luật liên quan đến công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Hiện nay, các quy định của pháp luật liên quan đến công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC đã được quy định tương đối đầy đủ, toàn diện. Dưới đây là tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến vấn đề này, đây cũng là cơ sở pháp lý trong việc triển khai thực hiện.

1. Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Các nội dung quy định liên quan đến công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC trong Luật PCCC được quy định tại các điều, cụ thể như sau:

- Các khoản 9, 10, 17, 18, 19, 21 và 22 Điều 2 về giải thích từ ngữ;
- Khoản 3 Điều 4 về đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm nguồn nhân lực trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và nguồn nhân lực thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu, kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy.
- Khoản 5 Điều 8 về trách nhiệm người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư xây dựng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về phòng cháy và

chữa cháy trong việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thẩm định, thi công, giám sát thi công, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

- Các khoản 5, 8 và 10 Điều 14 về các hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC

- Điều 15 yêu cầu về PCCC khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn

- Điều 16 yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy khi lập, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế công trình, cải tạo, thay đổi công năng sử dụng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông

- Điều 17 thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

- Điều 18 nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

- Điểm c khoản 2 Điều 22 về phương tiện giao thông thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phải có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành

- Khoản 5 Điều 41 về nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo thẩm quyền.

- Điều 44 sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy

- Điều 53 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan; trong đó có việc sửa đổi một số quy định tại Luật xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung năm 2020, Luật Thủ đô năm 2024 liên quan tới công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

- Các khoản 1 và 2 Điều 55 quy định chuyển tiếp đối với công tác thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC theo quy định của Luật PCCC năm 2001.

2. Nghị định số 105/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Nghị định số 105/2025/NĐ-CP)

Các nội dung quy định liên quan đến công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC trong Nghị định số 105/2025/NĐ-CP được quy định tại các điều, cụ thể như sau:

- Khoản 3 Điều 2 về Danh mục công trình, phương tiện giao thông thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy do cơ quan quản lý chuyên

ngành thẩm định.

- Điểm c, điểm k khoản 1 Điều 4 Hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trong đó có yêu cầu thành phần hồ sơ phải có Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành đối với công trình thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; bản vẽ hoàn công hệ thống, hạng mục liên quan đến phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

- Điều 5 yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn

- Điều 6 thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan chuyên môn về xây dựng

- Điều 7 thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan đăng kiểm

- Điều 8 thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông

- Điều 9 thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an

- Điều 10 kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an

- Điều 11 trách nhiệm phối hợp trong thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

- Điều 12 trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ phương tiện, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư xây dựng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông

- Khoản 6 Điều 39 nội dung quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong đó có nội dung về thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

- Khoản 7 Điều 40 trách nhiệm của Bộ Công an trong việc phân cấp cơ quan, đơn vị Công an thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định về thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và quy định việc thực hiện các nội dung này trong lực lượng Công an nhân dân.

- Điểm b và điểm đ khoản 3 Điều 41 trách nhiệm của Bộ Xây dựng trong

việc hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc lĩnh vực quản lý quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; kiểm tra cơ quan chuyên môn về xây dựng trong việc tổ chức thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy cùng với kiểm tra việc tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, kiểm tra công tác nghiệm thu dự án, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Điểm b và điểm đ khoản 7 Điều 41 trách nhiệm của Bộ Công Thương trong việc hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc lĩnh vực quản lý quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; kiểm tra cơ quan chuyên môn trực thuộc trong việc tổ chức thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy cùng với kiểm tra việc tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, kiểm tra công tác nghiệm thu dự án, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; quy định việc phân cấp quản lý, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở do cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện.

- Điểm b và điểm c khoản 8 Điều 41 trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc lĩnh vực quản lý quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; kiểm tra cơ quan chuyên môn trực thuộc trong việc tổ chức thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy cùng với kiểm tra việc tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, kiểm tra công tác nghiệm thu dự án, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; quy định việc phân cấp quản lý, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở do cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện.

- Điểm k khoản 1 Điều 42 trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc kiểm tra cơ quan chuyên môn trực thuộc trong việc tổ chức thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy cùng với kiểm tra việc tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, kiểm

tra công tác nghiệm thu dự án, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Khoản 3 Điều 44 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng

- Khoản 2, khoản 3 Điều 46 quy định chuyển tiếp đối với công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC theo quy định của Luật PCCC năm 2001.

3. Thông tư số 36/2025/TT-BCA quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Điều 9 về thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an. Theo đó phân định rõ thẩm quyền thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan Công an theo 02 cấp là Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh theo hướng phân cấp mạnh về địa phương, cụ thể:

- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh sẽ thực hiện thẩm định, kiểm tra công tác nghiệm thu đối với hầu hết các dự án công trình, phương tiện giao thông quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, có đăng ký kinh doanh hoặc sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải trên địa bàn quản lý; công trình trên địa bàn quản lý đã được Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy mà trong quá trình sử dụng thay đổi công năng hoặc cải tạo;

- Cục Cảnh sát PCCC, CNCH chỉ thực hiện thẩm định đối với các dự án công trình phức tạp hoặc các công trình thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, công trình sử dụng công nghệ, thiết bị, hệ thống PCCC mà Việt Nam chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật...

4. Thông tư số 37/2025/TT-BCA Quy định về nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân

- Khoản 2 Điều 17 về yêu cầu nghiệp vụ đối với cán bộ được phân công thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. Theo đó, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, cán bộ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Đội trưởng, Phó Đội trưởng, cán bộ thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy,

chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công phụ trách, thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy phải có trình độ đại học trở lên ngành phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; có thời gian thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân tối thiểu 03 năm; có kết quả kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đạt yêu cầu còn giá trị sử dụng.

- Khoản 1 Điều 18 về đối tượng bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. Theo đó:

+ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công phụ trách, dự kiến phân công phụ trách công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

+ Cán bộ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công, dự kiến phân công thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

+ Đội trưởng, Phó Đội trưởng, cán bộ thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công, dự kiến phân công thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

- Khoản 1, khoản 4 Điều 19 về nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; các yêu cầu đối với chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

- Khoản 1 Điều 20 về thời gian bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

- Điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 21 về thẩm quyền bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

- Điều 22 về kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

- Khoản 1 Điều 25 về kinh phí tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

- Điều 26 về quy trình thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

- Điều 27 về quy trình kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và

chữa cháy.

5. Thông tư số 70/2025/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy và Thông tư số 64/2025/TT-BTC quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân.

a) Thông tư số 70/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính: Về cơ bản Thông tư số 70/2025/TT-BCT được xây dựng trên cơ sở kế thừa của Thông tư số 258/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy. Thông tư số 70/2025/TT-BCT quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy áp dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình và phương tiện giao thông theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Về phạm vi áp dụng của Thông tư này có một số lưu ý như sau:

+ Đối với dự án do cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thì thực hiện thu phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

+ Đối với phương tiện giao thông do cơ quan đăng kiểm tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thì thực hiện thu giá dịch vụ kiểm định theo quy định của pháp luật về giá.

Về nội dung của Thông tư: Thông tư này áp dụng đối với người nộp phí, tổ chức thu phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy. Thông tư gồm 7 Điều trong đó quy định về người nộp phí; việc tổ chức thu phí; phương pháp tính mức thu phí; việc kê khai, nộp phí; việc quản lý và sử dụng phí. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

b) Thông tư số 64/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính: Thông tư này quy định mức thu, miễn một số khoản phí lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. Theo đó, kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026, mức thu một số khoản phí, lệ phí liên quan đến công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC sẽ được áp dụng bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

6. Hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được sử dụng trong

công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC

a) Danh mục một số quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan đến thiết kế phương tiện, hệ thống PCCC và hệ thống điện phục vụ PCCC dùng để tham khảo

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia
1	QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình; Sửa đổi 1:2023/BXD QCVN 06:2022/BXD
2	QCVN 04:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nhà chung cư
3	QCVN 08:2018/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Công trình tàu điện ngầm
4	QCVN 13:2018/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gara ô-tô
5	QCVN 12:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng.
6	QCVN 05:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm
7	QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu
8	QCVN 02:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng
9	QCVN 02:2019/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trạm nạp khí dầu mỏ hóa lỏng
10	QCVN 01:2019/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp
11	QCVN 10:2012/BCT Về an toàn trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng
12	QCVN 05:2015/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Amôni nitrat dùng để sản xuất thuốc nổ nhũ tương
13	QCVN 01:2008/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ thép chở xô hóa chất nguy hiểm.
14	QCVN 51:2012/BGTVT Quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ xi măng lưới thép.
15	QCVN 21:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép. Sửa đổi 1: 2016 QCVN 21:2015/BGTVT Sửa đổi 2: 2017 QCVN 21:2015/BGTVT
16	QCVN 72:2013/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa. Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia
17	QCVN 01:2019/BCA Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng cháy và chữa cháy cho kho chứa, cảng xuất, nhập và trạm phân phối khí đốt
18	QCVN 02:2020/BCA Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm bơm nước chữa cháy
19	TCVN 3890:2023 Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí.
20	TCVN 7568-14:2025 Hệ thống báo cháy - phần 14: thiết kế, lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng các hệ thống báo cháy trong nhà và xung quanh tòa nhà
21	TCVN 5760:1993 Hệ thống chữa cháy - Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng.
22	TCVN 7336:2021 Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt - Yêu cầu thiết kế và lắp đặt.
23	TCVN 6101:1996 ISO 6183:1990 Thiết bị chữa cháy - Hệ thống chữa cháy Cacbon dioxit - thiết kế và lắp đặt.
24	TCVN 7161-1:2022 (ISO 14520-1:2006) Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 1: Yêu cầu chung.
25	TCVN 7161-5:2021 (ISO 14520-9:2019) Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 5: Khí chữa cháy FK-5-1-12
26	TCVN 7161-9:2024 (ISO 14520-9:2019) Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 9: Khí chữa cháy HFC-227ea
27	TCVN 7161-13:2024 (ISO 14520-13:2015) Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 13: Khí chữa cháy IG-100
28	TCVN 7161-14:2024 (ISO 14520-14:2015) Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 14: Khí chữa cháy IG-55
29	TCVN 7161-15:2024 (ISO 14520-15:2015) Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống - Phần 15: Khí chữa cháy IG-541
30	TCVN 13333:2021 Hệ thống chữa cháy bằng Sol-khí - Yêu cầu thiết kế, lắp đặt, kiểm tra và bảo dưỡng
31	TCVN 5740:2023 Phương tiện phòng cháy chữa cháy – Vòi đẩy chữa cháy
32	TCVN 6379:2024 Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy
33	TCVN 7435-1:2004 - ISO 11602-1:2000 Phòng cháy, chữa cháy - bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy Phần 1: lựa chọn và bố trí
34	TCVN 13456:2022 Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn - Yêu cầu thiết kế, lắp đặt
35	TCVN 6161:1996 Phòng cháy, chữa cháy Chợ và Trung tâm thương mại - Yêu cầu về thiết kế

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia
36	TCVN 5684:2003 An toàn cháy các công trình dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - yêu cầu chung. Soát xét lần 1
37	TCVN 5307:2009 Kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Yêu cầu thiết kế
38	TCVN 12984:2020 (EN ISO 16903:2015) Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) - Các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử đối với LNG thương mại
39	TCVN 8611:2023 Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) – Công trình và thiết bị – Thiết kế công trình trên bờ
40	TCVN 8612:2023 Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) – Công trình và thiết bị – Thiết kế và thử nghiệm cần xuất nhập LNG cho hệ thống kho cảng trên bờ
41	TCVN 8616:2023 Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) – Yêu cầu trong sản xuất tồn chứa và xử lý
42	TCVN-AN 017:2012 Tiêu chuẩn quốc gia về kho vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trong Công an nhân dân - Yêu cầu chung
43	TCVN 5334-2007 Thiết bị điện kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Yêu cầu an toàn trong thiết kế, lắp đặt và sử dụng

b) Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Căn cứ theo Điều 23, Điều 38 Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được áp dụng bắt buộc khi thiết kế, thẩm định thiết kế về PCCC.

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng trên nguyên tắc tự nguyện, trường hợp toàn bộ hoặc một phần tiêu chuẩn cụ thể trở thành bắt buộc áp dụng khi được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật hay quy chuẩn kỹ thuật.

- Khi áp dụng để đối chiếu thẩm định thiết kế về PCCC phải tuân thủ theo các quy định của quy chuẩn kỹ thuật về PCCC hiện hành, trong đó tiêu chuẩn phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về PCCC và bảo đảm tính đồng bộ, tính khả thi của hệ thống tiêu chuẩn được áp dụng.

- Một số vấn đề cần lưu ý khi áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn PCCC như sau:

+ Khi áp dụng quy định của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

+ Khi áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật phải thực hiện theo đúng phạm vi áp dụng và đối tượng điều chỉnh của mỗi quy chuẩn. Trường hợp quy chuẩn chỉ nêu các yêu cầu chung mà thiếu các quy định cụ thể thì áp dụng các quy định trong các tiêu chuẩn về PCCC. Trường hợp giữa quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn PCCC có cùng nội dung quy định nhưng khác nhau về mức độ an toàn thì áp dụng theo nguyên tắc không được thấp hơn quy định của quy chuẩn kỹ thuật.

- Việc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế về PCCC tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

III. Nội dung, trình tự, thủ tục thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an

1. Nội dung thẩm định thiết kế về PCCC của cơ quan Công an

a) Về xác định đối tượng thuộc diện thẩm định thiết kế về PCCC

(1) Đối với dự án, công trình được đầu tư xây dựng mới: Việc xác định đối tượng thuộc diện phải thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ được xác định căn cứ vào công năng, số tầng, tổng diện tích sàn, khối tích, chiều dài công trình... Trong đó:

- **Số tầng** nhà được tính bao gồm toàn bộ các tầng trên mặt đất (kể cả tầng kỹ thuật, tầng lửng, tầng tum) và tầng nửa hầm. Tầng tum và tầng lửng không tính vào số tầng cao khi diện tích mái tum không vượt quá 30 % diện tích sàn mái, có chức năng sử dụng làm tum thang, kỹ thuật; tầng lửng chỉ bố trí sử dụng làm khu kỹ thuật (ví dụ: sàn kỹ thuật đáy bể bơi, sàn đặt máy phát điện, hoặc các thiết bị công trình khác), có diện tích sàn xây dựng không vượt quá 10 % diện tích sàn xây dựng của tầng ngay bên dưới (không vượt quá 300 m² đối với nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp).

- **Tổng diện tích sàn** của nhà là tổng diện tích tất cả các tầng cộng lại được che phủ theo quy định tại Điều 5.1.2 TCVN 9255:2012 “Tiêu chuẩn tính năng trong tòa nhà - Định nghĩa, phương pháp tính các chỉ số diện tích và không gian”.

- Khối tích của nhà theo quy định tại điểm d mục 9, mục 10 Phụ lục III Nghị định số 105/2025/NĐ-CP được tính toán dựa trên các kích thước diện tích từng tầng và chiều cao (tham khảo QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình và TCVN 9255:2012), cụ thể:

+ Kích thước mặt bằng lấy theo khoảng cách giữa các bề mặt hoàn thiện phía trong của tường bao, hoặc ở tất cả các mặt không có tường bao thì tính đến một mặt phẳng thẳng đứng kéo đến cạnh ngoài trên cùng của sàn.

+ Chiều cao lấy theo khoảng cách từ bề mặt trên của sàn phía dưới đến mặt bề mặt dưới của sàn phía trên hoặc mái.

- **Chiều dài hầm đường ô tô**, hầm đường sắt được xác định là đường kín dành cho xe cơ giới, phương tiện lưu thông được giới hạn ở các cửa hầm. Chiều dài hầm tàu điện ngầm được xác định là tổng chiều dài các đoạn tuyến đi ngầm bao gồm đoạn giữa các ga và phần hầm của nhà ga.

* Lưu ý: Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình có nhiều công trình, hạng mục công trình thì việc xác định công trình thuộc đối tượng thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC được áp dụng cho từng công trình, hạng mục công trình theo công năng và quy mô của công trình, hạng mục công trình (dự án đầu tư xây dựng công trình có công trình thuộc diện thẩm định thiết kế về PCCC thì các công trình, hạng mục công trình khác có yêu cầu về PCCC quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc dự án phải thẩm định thiết kế về PCCC).

(2) Đối với công trình điều chỉnh thiết kế hoặc trong quá trình sử dụng mà thay đổi công năng hoặc cải tạo làm thay đổi điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP chỉ thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC khi thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Thay đổi nguyên lý báo cháy của hệ thống báo cháy hoặc thay đổi nguyên lý chữa cháy, chất chữa cháy của hệ thống chữa cháy; thay đổi thông số kỹ thuật của máy bơm chữa cháy, cụ thể:

+ Thay đổi nguyên lý của hệ thống báo cháy: thay đổi nguyên lý từ báo cháy nhiệt sang báo cháy khói hoặc lửa và ngược lại.

+ Thay đổi nguyên lý chữa cháy, chất chữa cháy của hệ thống chữa cháy: thay đổi từ chữa cháy theo diện tích sang thể tích, chữa cháy cục bộ theo điểm sang chữa cháy theo diện tích và ngược lại, thay đổi chất chữa cháy nước sang khí, bột, bọt và ngược lại, thay đổi các loại chất chữa cháy khí khác nhau (Nitơ, Cacbon điôxit (CO₂), Novec 1230 (FK-5-1-12), HFC-227ea (FM200), IG-55, IG-541, Sol-khí).

+ Thay đổi thông số kỹ thuật của bơm chữa cháy: thay đổi lưu lượng, cột áp của máy bơm chữa cháy.

- Thay thế, trang bị bổ sung hệ thống báo cháy hoặc hệ thống chữa cháy:

+ Thay thế hệ thống báo cháy loại địa chỉ sang báo cháy thường hoặc ngược lại, thay thế hệ thống chữa cháy bằng nước sang hệ thống chữa cháy bằng bọt, bột, khí hoặc ngược lại. Trường hợp chỉ thay thế một số thiết bị của hệ thống như

đầu phun, đầu báo cháy,...thì xác định là hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa thông thường không được coi là thay thế hệ thống.

+ Trang bị bổ sung hệ thống trong trường hợp công trình chưa trang bị hệ thống này hoặc lắp mới hệ thống khác hoàn toàn độc lập, tách biệt với hệ thống cũ; lắp đặt bổ sung hệ thống cho các hạng mục, khu vực mở rộng.

Ví dụ: công trình chưa có hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, nay lắp đặt bổ sung; công trình có 03 nhà A, B, C trong đó nhà A, B đã lắp đặt báo cháy tự động, nay lắp bổ sung nhà nhà C; công trình nhà kho có bổ sung đầu phun chữa cháy tự động cho các giá kệ hàng; công trình đã lắp đặt hệ thống chữa cháy bằng khí cho phòng máy phát điện, máy biến áp, nay lắp bổ sung cho phòng server,...

* Lưu ý: (i) Các trường hợp điều chỉnh thiết kế, cải tạo không thuộc diện phải thẩm định thiết kế về PCCC của cơ quan Công an, chủ đầu tư vẫn phải lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh và tổ chức thẩm định thiết kế điều chỉnh trước khi tiếp tục thi công; (ii) Việc xác định đối tượng thuộc diện phải thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC của công trình thay đổi công năng hoặc cải tạo tương tự hướng dẫn tại tiêu mục (2).

(3) Đối với phương tiện giao thông thuộc diện thẩm định thiết kế về PCCC: Phương tiện giao thông khi sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải quy định tại mục số 16 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP phải thực hiện thẩm định thiết kế về PCCC.

b) Nội dung thẩm định của cơ quan Công an

Nội dung thẩm định thiết kế về PCCC của cơ quan Công an được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể gồm các nội dung sau:

- Hệ thống báo cháy; thiết bị báo cháy độc lập;
- Hệ thống chữa cháy; bình chữa cháy; phương tiện chữa cháy cơ giới;
- Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn;
- Phương tiện, dụng cụ phá dỡ thô sơ; mặt nạ lọc độc và mặt nạ phòng độc cách ly;
- Hệ thống điện phục vụ PCCC bao gồm: thiết bị bảo vệ và nguồn điện cấp cho hệ thống PCCC, hệ thống hút khói, hệ thống cung cấp không khí bảo vệ chống khói, thang máy chữa cháy, màn ngăn cháy, rèm ngăn cháy, cửa ngăn cháy;

* Lưu ý: trường hợp thẩm định thiết kế điều chỉnh hoặc cải tạo thì nội dung xem xét, đánh giá chỉ trong phạm vi điều chỉnh, cải tạo.

2. Phân cấp thực hiện công tác thẩm định thiết kế về PCCC của cơ quan Công an

- Thẩm quyền thẩm định thiết kế về PCCC của cơ quan Công an được xác định căn cứ vào quy mô, cấp công trình, chiều cao nhà theo quy định tại Điều 9 Thông tư 36/2025/TT-BCA, cụ thể:

“a) Cục Cảnh sát PCCC thẩm định thiết kế về PCCC đối với công trình quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Công trình thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

- Công trình thuộc dự án có công trình cấp đặc biệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Công trình trụ sở, nhà làm việc của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, công trình thuộc dự án có công trình cấp I khi có đề nghị của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình;

- Công trình xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

- Công trình dân dụng có chiều cao phòng cháy và chữa cháy trên 150 m;

- Công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp thuộc danh mục theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Công trình sử dụng công nghệ, thiết bị, hệ thống phòng cháy và chữa cháy mà Việt Nam chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

b) Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh thẩm định thiết kế về PCCC đối với công trình, phương tiện giao thông, cụ thể:

- Công trình quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP trên địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH;

- Phương tiện giao thông quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, có đăng ký kinh doanh hoặc sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải trên địa bàn quản lý;

- Công trình trên địa bàn quản lý đã được Cục Cảnh sát PCCC và CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC mà trong quá trình sử dụng thay đổi công năng hoặc cải tạo làm thay đổi điều kiện an toàn PCCC theo quy định tại khoản 3

Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.”

* Lưu ý: Việc xác định chiều cao nhà trên 150 m căn cứ theo chiều cao an toàn PCCC quy định tại Điều 1.4.9 của QCVN 06:2022/BXD. Tiêu chí phân cấp công trình được xác định theo quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD và Thông tư số 02/2025/TT-BXD sửa đổi Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp xác định theo quy định tại Phụ lục VIII Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Công trình sử dụng công nghệ, thiết bị, hệ thống PCCC mà Việt Nam chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (ví dụ: lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động loại súng phun mà Việt Nam chưa có TCVN).

3. Trình tự thủ tục đề nghị thẩm định thiết kế về PCCC của cơ quan Công an

a) Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về PCCC

(1) Đối với dự án, công trình xây dựng, thành phần hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về PCCC đối thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công công trình trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế về PCCC theo Mẫu số PC11 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP;

- Giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình hoặc văn bản về chủ trương đầu tư, xây dựng công trình theo quy định của pháp luật;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công thể hiện những nội dung gồm: hệ thống điện phục vụ PCCC; phương tiện, hệ thống PCCC;

- Văn bản thẩm định thiết kế về PCCC của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình.

* Lưu ý: về số lượng hồ sơ 01 bản; hồ sơ phải có xác nhận của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình và đơn vị tư vấn thiết kế; ưu tiên tiếp nhận hồ sơ điện tử, trường hợp công trình thuộc danh mục bí mật nhà nước thì tiếp nhận hồ sơ giấy (trường hợp hồ sơ giấy thì giấy tờ, tài liệu là bản chính hoặc bản chụp kèm theo bản chính để bộ phận tiếp nhận hồ sơ đối chiếu).

(2) Đối với phương tiện giao thông, thành phần hồ sơ đối với thiết kế kỹ thuật phương tiện giao thông được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế về PCCC theo Mẫu số PC11 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thể hiện những nội dung yêu cầu về PCCC quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 Luật PCCC và CNCH 2024.

* Lưu ý: Về số lượng hồ sơ 01 bản; hồ sơ phải có xác nhận của chủ phương tiện giao thông và đơn vị tư vấn thiết kế; ưu tiên tiếp nhận là hồ sơ điện tử, trường hợp hồ sơ giấy thì giấy tờ, tài liệu là bản chính hoặc bản chụp kèm theo bản chính để bộ phận tiếp nhận hồ sơ đối chiếu.

b) Hình thức tiếp nhận hồ sơ

Hình thức tiếp nhận hồ sơ được quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, gồm các hình thức: trực tuyến qua Cổng dịch vụ công; trực tiếp; thông qua dịch vụ bưu chính.

Người được cơ quan, tổ chức cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền; xuất trình căn cước hoặc căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

c) Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về PCCC

(1) Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về PCCC đối với dự án, công trình xây dựng được quy định tại điểm a khoản 6 Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Không quá 10 ngày (kể cả ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định): đối với công trình thuộc dự án không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp ứng tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

- Không quá 06 ngày làm việc (không kể ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định): đối với các công trình còn lại.

(2) Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về PCCC đối với phương tiện giao thông được quy định tại điểm b khoản 6 Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Không quá 06 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định).

d) Quy trình thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

Quy trình thẩm định thiết kế về PCCC được quy định chi tiết tại Điều 26 Thông tư số 37/2025/TT-BCA, bao gồm các bước:

- Tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra thành phần, tính hợp lệ của hồ sơ;
- Bàn giao hồ sơ đến người có thẩm quyền tiếp nhận và xử lý theo quy trình;
- Phân công thực hiện giải quyết hồ sơ;
- Thực hiện giải quyết hồ sơ và trả kết quả;
- Thực hiện số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; lập và lưu trữ hồ sơ

thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

Về nội dung chi tiết liên quan đến việc xem xét, đối chiếu các giải pháp về PCCC theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. C07 đã có văn bản số 1701/C07-P3 ngày 10/6/2025 để hướng dẫn chi tiết kèm theo các bảng đối chiếu thẩm định theo từng loại hình nhà, công trình để Công an các địa phương tham khảo tổ chức thực hiện.

IV. Nội dung, trình tự thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an

1. Nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC của cơ quan Công an

Nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan Công an được quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Kiểm tra việc nghiệm thu của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đối với phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy;

- Tổ chức kiểm tra, thử nghiệm xác suất về tình trạng hoạt động của phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy được lắp đặt tại công trình, phương tiện giao thông.

2. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu

Công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông do cơ quan Công an nào thẩm định thiết kế về PCCC thì cơ quan Công an đó thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC.

3. Trình tự thủ tục đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan Công an

a) Hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC tại cơ quan Công an

Thành phần hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy bao gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC15 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP;

- Báo cáo công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông kèm theo các biên bản nghiệm thu hoàn thành;

- Bản vẽ hoàn công hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

Hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ giấy và phải có xác nhận của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông. Hồ sơ đề nghị ưu tiên tiếp nhận hồ sơ điện tử. Trường hợp hồ sơ giấy thì giấy tờ, tài liệu là bản chính hoặc bản chụp kèm theo bản chính để bộ phận tiếp nhận hồ sơ đối chiếu.

b) Hình thức tiếp nhận hồ sơ

Hình thức tiếp nhận hồ sơ được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, gồm các hình thức: trực tuyến qua Cổng dịch vụ công; trực tiếp; thông qua dịch vụ bưu chính.

Người được cơ quan, tổ chức cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền; xuất trình căn cước hoặc căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

c) Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu

Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Thời hạn tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC: trong thời hạn 05 ngày làm việc (không kể ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời hạn thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC: trong thời hạn 05 ngày làm việc (không kể ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định) kể từ ngày thông qua biên bản kiểm tra.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là bản điện tử, bản giấy; bản giấy được cấp trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc theo yêu cầu khi nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công.

d) Trình tự xử lý hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC

Quy trình kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC được quy định chi tiết tại Điều 26 Thông tư số 37/2025/TT-BCA; trong đó cần lưu ý một số nội dung sau, cụ thể:

- Về thời gian tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC:
 - + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (được tính từ thời gian đồng ý tiếp nhận hồ sơ) phải tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu và lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số PC16 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP (lưu ý không phân biệt thời gian thực hiện theo nhóm dự án A, B, C). Trong đó,

cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải rà soát đầy đủ thành phần trước khi tiếp nhận theo quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

+ Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình đã được cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy mà chưa được chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thì thời hạn xử lý hồ sơ kiểm tra kết quả nghiệm thu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

- Thành phần tham gia đoàn kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy cần có sự tham gia của đơn vị Công an được phân công quản lý địa bàn để nắm bắt được quy mô, tính chất, giải pháp đảm bảo an toàn PCCC của công trình.

- Nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 105/2025/NN-CP, bao gồm: (1) Kiểm tra việc nghiệm thu của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đối với phương tiện, hệ thống PCCC, hệ thống điện phục vụ PCCC; (2) Tổ chức kiểm tra, thử nghiệm xác suất về tình trạng hoạt động của phương tiện, hệ thống PCCC, hệ thống điện phục vụ PCCC được lắp đặt tại công trình, phương tiện giao thông.

Trường hợp thực tế thi công có thay đổi so với hồ sơ đã được thẩm định nhưng không thuộc diện thẩm định điều chỉnh của Cơ quan Công an thì cần kiểm tra, đối chiếu theo hồ sơ thiết kế điều chỉnh đã được chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt.

- Trong quá trình kiểm tra, trường hợp phát hiện vi phạm quy định về PCCC, thì căn cứ quy định của pháp luật đoàn kiểm tra phải thực hiện việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định và thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hành vi vi phạm;

- Trưởng Đoàn kiểm tra thông qua và thống nhất nội dung biên bản kiểm tra với chủ đầu tư, nhà thầu thi công và các bên có liên quan.

4. Xử lý kết quả kiểm tra nghiệm thu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông qua biên bản kiểm tra, căn cứ kết quả ghi nhận tại biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu, cán bộ thụ lý hồ sơ có trách nhiệm đề xuất các văn bản để thông báo kết quả kiểm tra cho chủ đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

a) Trường hợp kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư phù hợp với hồ sơ đã được thẩm định, bảo đảm theo quy định thì cán bộ thụ lý hồ sơ dự thảo các văn bản và báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp trình người có thẩm quyền duyệt, ký

văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, hồ sơ trình bao gồm:

- Báo cáo, đề xuất cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
- Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu khác kèm theo;
- Dự thảo văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

b) Trường hợp kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư chưa bảo đảm theo quy định, cán bộ thụ lý hồ sơ dự thảo các văn bản báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp quản lý trình người có thẩm quyền duyệt, ký văn bản thông báo kết quả kiểm tra, hồ sơ trình bao gồm:

- Báo cáo kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
- Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu khác kèm theo;
- Dự thảo văn bản thông báo chưa đủ điều kiện cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

V. Quy định chuyển tiếp

Nội dung về chuyển tiếp được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 55 Luật PCCC và CNCH và khoản 2, khoản 3 Điều 46 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, trong đó cần lưu ý các trường hợp sau:

- Hồ sơ đề nghị thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với công trình được tiếp nhận trước 01/7/2025, có thời hạn trả kết quả sau ngày 01/7/2025 thực hiện việc thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định Luật PCCC năm 2001 (được sửa đổi, bổ sung năm 2013 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành).

- Trường hợp hồ sơ đã được tiếp nhận trước ngày 01/7/2025 nhưng có kết quả giải quyết thủ tục hành chính không đạt yêu cầu (cơ quan Công an có văn bản đề nghị chỉnh sửa hồ sơ thiết kế) thì kể từ ngày 01/7/2025, khi lập hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về PCCC phải thực hiện đầy đủ thủ tục theo phân định thẩm quyền tại Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

- Đối với công trình không thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP đã được cơ quan quản lý xây dựng thẩm định, cấp phép xây dựng hoặc tổ chức thi công, nếu thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP thì chủ đầu tư tiếp tục thi công, nghiệm thu và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn PCCC đối với công trình.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông đã được cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC mà chưa được chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC thì cơ quan Công an thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh và kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Lưu ý thời hạn xử lý đối với hồ sơ thuộc trường hợp này được thực hiện như quy định về thẩm định, kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại khoản 6 Điều 9, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

- Đối với các công trình đã được nghiệm thu về PCCC trong quá trình sử dụng mà thay đổi công năng hoặc cải tạo làm thay đổi điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy (theo quy định tại khoản 4 Điều 6 hoặc khoản 3 Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP) thì phải thực hiện thẩm định thiết kế về PCCC. Việc thẩm định thiết kế về PCCC thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 17 Luật PCCC và CNCH.

Chuyên đề 3

CÔNG TÁC CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

I. Công tác xây dựng, phê duyệt và thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ

1. Công tác xây dựng phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án CNCH

1.1. Đối với phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

- Về nội dung và mẫu phương án: để bảo đảm tính thống nhất giữa nội dung (bao gồm: chữa cháy và CNCH) và tên gọi của phương án tại Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đã quy định tên gọi và mẫu phương án là: **“Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ”**; đồng thời quy định riêng từng mẫu phương án chữa cháy, CNCH đối với cơ sở và phương tiện giao thông, cụ thể: (1) Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở: Mẫu số PC06; (2) Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của phương tiện giao thông: Mẫu số PC07;

- Về trách nhiệm xây dựng phương án: Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông do người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông tổ chức xây dựng; Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an do Trưởng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh xây dựng đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.

- Không quy định xây dựng phương án chữa cháy đối với khu dân cư, khu dân cư có nguy cơ cháy nổ cao;

1.2. Đối với phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an

Căn cứ theo kết quả điều tra, khảo sát các khu vực, địa điểm dễ xảy ra sự cố, tai nạn theo địa bàn được phân công thực hiện nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ của đơn vị cấp Đội trực thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh (Đội Công tác chữa cháy và CNCH, Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát PCCC và CNCH trên sông) tổ chức xây dựng phương án cứu nạn, cứu hộ ***cần huy động lực lượng, phương tiện của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân*** đối với từng tình huống quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cụ thể theo 07 tình huống tại nạn, sự cố sau:

- Phương án cứu nạn, cứu hộ tình huống tai nạn, sự cố có người bị đuối nước;
- Phương án cứu nạn, cứu hộ tình huống tai nạn, sự cố sập đổ nhà, công trình, cây cối;

- Phương án cứu nạn, cứu hộ tình huống tai nạn, sự cố do phương tiện, thiết bị gây ra;

- Phương án cứu nạn, cứu hộ tình huống tai nạn, sự cố sạt lở đất, đá;
- Phương án cứu nạn, cứu hộ tình huống tai nạn giao thông đường bộ;
- Phương án cứu nạn, cứu hộ tình huống tai nạn giao thông đường sắt;
- Phương án cứu nạn, cứu hộ tình huống tai nạn giao thông đường thủy nội địa.

2. Công tác phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án CNCH

2.1. Đối với phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới

- Thẩm quyền phê duyệt: người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông có trách nhiệm phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông

- Trách nhiệm cập nhật, bổ sung, chỉnh lý phương án: người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông có trách nhiệm tổ chức cập nhật, bổ sung, chỉnh lý phương án chữa cháy, CNCH, phương án CNCH đã xây dựng khi có thay đổi một trong những nội dung quy định tại các khoản 1, 2 Điều 15, Nghị định số 105

2.2. Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an

- Thẩm quyền phê duyệt: Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an do Trưởng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh phê duyệt;

- Trách nhiệm cập nhật, bổ sung, chỉnh lý phương án: Trưởng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH có trách nhiệm tổ chức cập nhật, bổ sung, chỉnh lý phương án chữa cháy, CNCH, phương án CNCH đã xây dựng khi có thay đổi một trong những nội dung quy định tại các khoản 3, 4 Điều 15, Nghị định số 105.

Đồng thời, bổ quy định về thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an đối với cơ sở do cơ quan Công an quản lý (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP).

3. Công tác thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án CNCH

3.1. Đối với phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông

- Trách nhiệm tổ chức thực tập: người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông có trách nhiệm tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông theo chế độ:

+ Định kỳ ít nhất một lần trong năm; có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống giả định khác nhau trong một lần, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống được giả định trong phương án theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định này lần lượt được thực tập;

+ Thực tập đột xuất khi có yêu cầu của người hoặc cơ quan có thẩm quyền để bảo đảm về an toàn phòng cháy và chữa cháy bảo vệ các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức tại địa phương;

- Kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải được thể hiện trong báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo Mẫu số PC04 kèm theo Nghị định số 105 hoặc cập nhật trên hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

3.2. Đối với phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn cứu hộ của cơ quan Công an

- Đối với Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an được thực tập theo kế hoạch do người có thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trong phương án phê duyệt.

Trước thời điểm tổ chức thực tập ít nhất 05 ngày, cơ quan Công an thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở và cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được huy động trong phương án về nội dung, thời gian, địa điểm thực tập để phối hợp, tham gia thực tập phương án.

- Phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an được thực tập theo kế hoạch do người có thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trong phương án phê duyệt.

Trước thời điểm tổ chức thực tập ít nhất 05 ngày, cơ quan Công an thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được huy động trong phương án về nội dung, thời gian, địa điểm thực tập để phối hợp, tham gia thực tập phương án.

4. Quy định về chế độ bồi dưỡng, chế độ dinh dưỡng khi tham gia thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ

Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi tham gia thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ được hưởng chế độ bồi dưỡng, chế độ dinh dưỡng đặc thù theo quy định tại Điều 32, 33, 34, 35 và Điều 36 Thông tư số 37.

5. Công tác phối hợp với Bộ Quốc phòng trong xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

- Tại khoản 5 Điều 10 Luật PCCC và CNCH quy định: cơ quan Quân sự, Biên phòng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cơ quan Công an tổ chức xây dựng, diễn tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc phạm vi quản lý.

- Tại điểm b khoản 2 Điều 41 Nghị định số 105 quy định: Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc phạm vi quản lý chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an và cơ quan có liên quan xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với công trình quốc phòng sử dụng lưỡng dụng.

- Bãi bỏ Nghị định số 78/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2011 quy định việc phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ Quốc phòng trong tổ chức thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở quốc phòng.

II. Công tác rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố

1. Quy định về công tác rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố tại các văn bản quy phạm pháp luật trước đây

- Điểm k Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP quy định nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy “*Tổ chức rút kinh nghiệm vụ cháy*”.

- Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 140/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 quy định: “*Tổ chức họp rút kinh nghiệm vụ cháy, sự cố tai nạn*”, cụ thể:

- a) Căn cứ tính chất, mức độ phức tạp của vụ cháy, sự cố, tai nạn, chậm nhất sau 12 ngày làm việc phải tổ chức họp rút kinh nghiệm vụ cháy, sự cố, tai nạn và lập biên bản theo quy định;

- b) Chậm nhất sau 03 ngày kể từ khi kết thúc cuộc họp rút kinh nghiệm, phải có báo cáo gửi cơ quan cấp trên quản lý theo quy định.

Theo đó, tại Thông tư số 140/2020/TT-BCA mới chỉ quy định về thời hạn tổ chức họp rút kinh nghiệm vụ cháy, sự cố, tai nạn và thời hạn báo cáo kết quả về cơ quan cấp trên quản lý. Do đó, để hướng dẫn công an các địa phương tổ chức thực hiện đầy đủ, thống nhất, Phòng 5 và Phòng 6 (cũ) đã tham mưu lãnh đạo Cục các nội dung hướng dẫn về công tác này tại Công văn số 227/C07-P1 ngày 04/02/2021 và sau đó là Công văn số 2565/C07-P5,P6 ngày 07/8/2023.

2. Nội dung cơ bản của công tác rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA có hiệu lực từ ngày 01/7/2025

Khoản 3 Điều 40 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ Công an “*Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân*”

Triển khai nội dung trên, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 quy định nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân, trong đó công tác tổ chức rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố được quy định như sau:

- Trách nhiệm tổ chức rút kinh nghiệm: Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 37/2025/TT-BCA quy định trách nhiệm của người chỉ huy chữa cháy “*Tổ chức rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố theo quy định tại Điều 13 Thông tư này*”

- Điều 13 Thông tư số 37/2025/TT-BCA quy định về công tác tổ chức rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố như sau:

(01) Tổ chức họp rút kinh nghiệm đối với vụ cháy cấp I được thực hiện chậm nhất sau 03 ngày từ ngày kết thúc hoạt động chữa cháy. Việc rút kinh nghiệm được chỉ huy chữa cháy thực hiện trong cuộc họp giao ban hằng ngày của đơn vị và có thể kết hợp rút kinh nghiệm nhiều vụ cháy cấp I khác nhau trong một lần họp nhưng phải bảo đảm đầy đủ nội dung đối với từng vụ việc.

(2) Tổ chức họp rút kinh nghiệm theo chuyên đề riêng đối với vụ tai nạn, sự cố phức tạp, có người bị nạn, có huy động lực lượng, phương tiện của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị, vụ cháy cấp II, III, IV, V được thực hiện chậm nhất sau 12 ngày từ ngày kết thúc hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại trụ sở đơn vị hoặc địa điểm do người chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc người chỉ huy cấp trên trực tiếp quản lý quyết định, cụ thể như sau:

- Lãnh đạo Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm: vụ cháy cấp IV, V; vụ cháy, vụ tai nạn, sự cố có huy động từ 03 đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tham gia trở lên;

- Chỉ huy Đội Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ), Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông chủ trì họp rút kinh nghiệm vụ cháy cấp II, III, vụ tai nạn, sự cố trên địa bàn được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

(3) Việc tổ chức họp rút kinh nghiệm theo chuyên đề riêng thực hiện như sau:

- Trong thời gian 03 ngày làm việc từ ngày kết thúc hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, người chủ trì họp rút kinh nghiệm quy định tại khoản 2 Điều này phải tổ chức xây dựng kế hoạch và thông báo cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan về thời gian, địa điểm họp rút kinh nghiệm;

- Nội dung rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố gồm: đánh giá kết quả thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông, cá nhân trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với địa bàn, cơ sở xảy ra cháy, tai nạn, sự cố; trách nhiệm chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân được huy động tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; việc triển khai các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

- Chậm nhất sau 03 ngày làm việc từ khi kết thúc cuộc họp, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đánh giá, chấm điểm kết quả công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và báo cáo kết quả rút kinh nghiệm toàn diện vụ cháy, vụ tai nạn, sự cố theo Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Thông tư này về Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

(4) Việc tổ chức rút kinh nghiệm vụ cháy, vụ tai nạn, sự cố phải được ghi vào Sổ theo dõi công tác rút kinh nghiệm vụ cháy, Sổ theo dõi công tác rút kinh nghiệm vụ tai nạn, sự cố theo Mẫu số 11, Mẫu số 12 Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

2. Phân tích, so sánh

- Hình thức tổ chức rút kinh nghiệm

* *Quy định cũ:* không quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mà được hướng dẫn tại Công văn số 2565/C07-P5,P6 của C07, cụ thể: Vụ cháy nhỏ và vụ sự cố, tai nạn không phức tạp được rút kinh nghiệm trong cuộc họp giao ban hằng ngày hoặc hằng tuần của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Vụ cháy trung bình, lớn và vụ sự cố, tai nạn phức tạp (có người bị nạn hoặc quá trình tổ chức cứu nạn, cứu hộ gặp nhiều khó khăn, huy động từ 02 đơn vị tham gia) phải rút kinh nghiệm theo chuyên đề riêng

* *Quy định tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA:*

- Quy định hình thức tổ chức rút kinh nghiệm, gồm: rút kinh nghiệm trong cuộc họp giao ban hằng ngày của đơn vị (đối với vụ cháy cấp I) và rút kinh nghiệm theo chuyên đề riêng (Vụ tai nạn, sự cố phức tạp, có người bị nạn, có huy động lực

lượng, phương tiện của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị, vụ cháy cấp II, III, IV, V)

Quy định mới tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA trên cơ sở kế thừa lại nội dung đã hướng dẫn về hình thức tổ chức rút kinh nghiệm gồm: rút kinh nghiệm trong cuộc họp giao ban hàng ngày, hàng tuần của đơn vị và rút kinh nghiệm theo chuyên đề riêng. Tuy nhiên ngày 21/11/2024, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư số 88/2024/TT-BCA, trong đó đã quy định về tiêu chí phân loại vụ cháy theo 05 cấp độ (cấp I, II, III, IV, V), cho nên quy định mới đã có sự thay đổi về loại vụ cháy, tai nạn, sự cố thuộc diện rút kinh nghiệm để phù hợp với quy định tại Thông tư số 88/2024/TT-BCA.

Tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 88/2024/TT-BCA quy định tiêu chí phân loại vụ cháy:

+ Vụ cháy cấp I là vụ cháy không có thiệt hại về người và thuộc một trong các trường hợp sau: Thiệt hại về tài sản dưới 100.000.000 đồng hoặc diện tích rừng, đồng, ruộng bị cháy dưới 0,5 ha;

+ Vụ cháy cấp II là vụ cháy thuộc một trong các trường hợp sau: Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 61%; gây thiệt hại về tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng hoặc diện tích rừng, đồng, ruộng bị cháy từ 0,5 ha đến dưới 05 ha;

+ Vụ cháy cấp III là vụ cháy thuộc một trong các trường hợp sau: Làm chết từ 01 đến 02 người; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 200%; gây thiệt hại tài sản trị giá từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 10.000.000.000 đồng hoặc diện tích rừng, đồng, ruộng bị cháy từ 05 ha đến dưới 10 ha;

+ Vụ cháy cấp IV là vụ cháy thuộc một trong các trường hợp sau: Làm chết từ 03 đến 04 người; gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 201% trở lên; gây thiệt hại tài sản trị giá từ 10.000.000.000 đồng đến dưới 50.000.000.000 đồng hoặc diện tích rừng, đồng, ruộng bị cháy từ 10 ha đến dưới 20 ha;

+ Vụ cháy cấp V là vụ cháy thuộc một trong các trường hợp sau: Làm chết từ 05 người trở lên; gây thiệt hại tài sản trị giá từ 50.000.000.000 đồng trở lên hoặc diện tích rừng, đồng, ruộng bị cháy từ 20 ha trở lên.

- Đối tượng chủ trì tổ chức họp rút kinh nghiệm

* *Quy định cũ*: không quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mà được hướng dẫn tại Công văn số 2565/C07-P5,P6 của C07, cụ thể:

Vụ cháy, vụ sự cố, tai nạn thuộc thẩm quyền chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cấp nào thì người chỉ huy cấp đó hoặc người chỉ huy cấp trên trực tiếp của cấp đó chịu trách nhiệm chủ trì cuộc họp rút kinh nghiệm

* *Quy định tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA*:

- Lãnh đạo Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm: vụ cháy cấp IV, V; vụ cháy, vụ tai nạn, sự cố có huy động từ 03 đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tham gia trở lên;

- Chỉ huy Đội Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ), Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông chủ trì họp rút kinh nghiệm vụ cháy cấp II, III, vụ tai nạn, sự cố trên địa bàn được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, trừ trường hợp do lãnh đạo Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm.

Quy định mới tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA đã quy định cụ thể về đối tượng chủ trì họp rút kinh nghiệm đối với từng loại vụ cháy, vụ tai nạn, sự cố làm căn cứ để công an các địa phương thực hiện.

- ***Về thời hạn tổ chức rút kinh nghiệm***:

* *Quy định cũ*:

- Căn cứ tính chất, mức độ phức tạp của vụ cháy, sự cố, tai nạn, chậm nhất sau **12 ngày làm việc** phải tổ chức họp rút kinh nghiệm vụ cháy, sự cố, tai nạn và lập biên bản theo quy định (Khoản 3, Điều 9 Thông tư số 140/2020/TT-BCA)

* *Quy định tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA*:

- Vụ cháy cấp I: được thực hiện chậm nhất sau **03 ngày** từ ngày kết thúc hoạt động chữa cháy.

- Vụ tai nạn, sự cố phức tạp, có người bị nạn, có huy động lực lượng, phương tiện của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị, vụ cháy cấp II, III, IV, V: được thực hiện chậm nhất sau **12 ngày** từ ngày kết thúc hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Quy định mới tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA đã quy định cụ thể về thời hạn tổ chức rút kinh nghiệm đối với loại vụ cháy. Bên cạnh đó, bãi bỏ quy định thời hạn tính theo "ngày làm việc" mà yêu cầu sau khi kết thúc công tác chữa

cháy, cứu nạn, cứu hộ sau 03 ngày hoặc 12 ngày thì phải tổ chức rút kinh nghiệm. Quy định trên giúp việc tổ chức rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố phải được tổ chức ngay, tránh các ngày nhĩ, ngày lễ, tết ... kéo dài ảnh hưởng đến việc tổ chức rút kinh nghiệm

- Về nội dung rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố:

** Quy định cũ (được hướng dẫn tại Công văn số 2565/C07-P5,P6):*

- Kiểm điểm, đánh giá làm rõ những ưu, khuyết điểm, những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập trong việc triển khai thực hiện công tác PCCC và CNCH đối với cơ sở của: lực lượng PCCC tại chỗ (lực lượng dân phòng, lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành); chính quyền địa phương; lực lượng Công an và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong và ngoài ngành Công an được điều động, huy động tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các tập thể, cá nhân trong việc để xảy ra những tồn tại, hạn chế trong tổ chức các hoạt động PCCC và CNCH.

- Đề xuất các hình thức hoặc có văn bản đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc xử lý đối với các tập thể, cá nhân chưa làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao (nếu có).

** Quy định tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA:*

Nội dung rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố gồm: đánh giá kết quả thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông, cá nhân trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với địa bàn, cơ sở xảy ra cháy, tai nạn, sự cố; trách nhiệm chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân được huy động tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; việc triển khai các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

Quy định mới tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA trên cơ sở kế thừa các nội dung đã được hướng dẫn tại văn bản số 2565/C07-P5,P6 trước đây, được sửa đổi phù hợp với nội dung quy định tại Luật PCCC và CNCH năm 2024 và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

- Về việc theo dõi công tác tổ chức rút kinh nghiệm

* *Quy định cũ (được hướng dẫn tại Công văn số 2565/C07-P5,P6): ghi chép nội dung vào sổ theo dõi theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Công văn số 2565/C07-P5,P6*

* *Quy định tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA: Việc tổ chức rút kinh nghiệm vụ cháy, vụ tai nạn, sự cố phải được ghi vào Sổ theo dõi công tác rút kinh nghiệm vụ cháy, Sổ theo dõi công tác rút kinh nghiệm vụ tai nạn, sự cố theo Mẫu số 11, Mẫu số 12 Phụ lục II kèm theo Thông tư*

Quy định mới tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA trên cơ sở kế thừa nội dung đã được hướng dẫn tại văn bản số 2565/C07-P5,P6 trước đây, tuy nhiên đã phân tách thành 02 Mẫu số để Công an các địa phương thực hiện theo dõi riêng về rút kinh nghiệm vụ cháy (Mẫu số 11) và rút kinh nghiệm vụ tai nạn, sự cố (Mẫu số 12).

- Về báo cáo kết quả rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố

* *Quy định cũ (được hướng dẫn tại Công văn số 2565/C07-P5,P6): Báo cáo rút kinh nghiệm toàn diện vụ cháy Mẫu số 04; báo cáo rút kinh nghiệm toàn diện vụ sự cố, tai nạn Mẫu số 05.*

* *Quy định tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA: báo cáo kết quả rút kinh nghiệm toàn diện vụ cháy theo Mẫu số 03, báo cáo kết quả rút kinh nghiệm vụ tai nạn, sự cố theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Thông tư.*

Mẫu báo cáo rút kinh nghiệm vụ cháy, vụ tai nạn, sự cố tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA về cơ bản kế thừa các nội dung tại mẫu báo cáo đã được hướng dẫn tại Công văn số 2565/C07-P5,P6, tuy nhiên đã được thu gọn lại theo hướng ghi các nội dung chính để công an địa phương báo cáo (so với mẫu báo cáo cũ là liệt kê toàn bộ các nội dung cần khai thác để công an các địa phương báo cáo).

III. Công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tổ chức cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

1. Quy định trong Luật PCCC và CNCH (Luật số 55/2024/QH15)

Luật PCCC và CNCH quy định giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH, tổ chức chữa cháy, CNCH của lực lượng cảnh sát PCCC và CNCH và các lực lượng khác trong CAND, cụ thể:

- Khoản 7 Điều 25 quy định: Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác trực sẵn sàng chữa cháy, tổ chức chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

- Khoản 6 Điều 33 quy định: Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác trực sẵn sàng cứu nạn, cứu hộ, tổ chức cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát

phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

- Điểm b khoản 2 Điều 47 quy định: Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được hưởng chế độ bồi dưỡng khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Quy định trong Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Nghị định số 105)

- Khoản 2, Điều 17 Nghị định số 105 quy định về thủ tục huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy, CNCH quy định người có thẩm quyền quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 26 Luật PCCC và CNCH (gồm Bộ trưởng Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, Giám đốc Công an cấp tỉnh, Trưởng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH) thực hiện huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản thuộc phạm vi quản lý để tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bằng văn bản hoặc mệnh lệnh; trường hợp huy động bằng mệnh lệnh thì ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải thể hiện bằng văn bản theo Mẫu số PC10 kèm theo Nghị định này và gửi cho đơn vị, cá nhân được huy động.

- Mẫu PC10: Quyết định về việc huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Mẫu PC10 thay thế mẫu lệnh điều động lực lượng phương tiện đi chữa cháy và CNCH - mẫu số 02 Thông tư số 140/2020/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về triển khai các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân (Thông tư số 140)

3. Quy định trong Thông tư của Bộ Công an

3.1. Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về nhiệm vụ công tác PCCC và CNCH của lực lượng CAND (Thông tư số 37)

Trong Thông tư số 37 có quy định về công tác trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH, tổ chức chữa cháy, CNCH của lực lượng cảnh sát PCCC và CNCH; nội dung này thay thế Thông tư số 139/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác thường trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân (Thông tư số 139) và Thông tư số 140. Một số nội dung được bổ sung, chỉnh sửa về công tác trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH, tổ chức chữa cháy, CNCH của lực lượng cảnh sát PCCC và CNCH, như sau:

a) Về trực chỉ huy chữa cháy, CNCH (Điều 4):

Quy định cụ thể về việc trực chỉ huy chữa cháy, CNCH tại Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bổ sung thêm trực chỉ huy tại Phòng PC07 (01 chỉ huy Đội Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trực tại trụ sở đơn vị), bổ quy định trực chỉ huy chữa cháy, CNCH của Công an cấp huyện theo mô hình mới so với quy định tại Thông tư số 139. Cụ thể:

- Khoản 1, Điều 4 quy định: “Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phân công 01 lãnh đạo phòng, 01 cán bộ thuộc Phòng Công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trực tại Trung tâm Thông tin chỉ huy của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Khoản 2, Điều 4 quy định: “Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) phân công 01 lãnh đạo Phòng, 01 chỉ huy Đội Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trực tại trụ sở đơn vị.”

b) Về trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống CNCH (Điều 5):

Bổ sung, chỉnh sửa về vị trí bố trí bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống CNCH và hình thức tiếp nhận thông tin báo cháy, báo tình huống CNCH tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 so với quy định tại Thông tư số 140, cụ thể:

- Khoản 2, Điều 5 quy định:

“Bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ bố trí tại:

- a) Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh (nếu có);
- b) Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- c) Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông;
- d) Địa điểm khác do cấp có thẩm quyền quyết định.”

- Khoản 3 Điều 5, quy định: “Thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ được tiếp nhận: qua Hệ thống tổng đài tiếp nhận cuộc gọi từ số điện thoại 113, 114, 115; số điện thoại của các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy; ứng dụng báo cháy; người dân báo trực tiếp; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.”

c) Về tiếp nhận, xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống CNCH (Điều 6):

Bổ sung, chỉnh sửa quy định rõ theo các cấp và qua các hình thức tiếp nhận từ Trung tâm thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh đến cấp đội thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH so với quy định tại Thông tư số 140. Cụ thể:

- Khoản 1, Điều 6 quy định việc tiếp nhận, xử lý thông tin của CBCS trực tại Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh qua: Hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy, ứng dụng báo cháy và Hệ thống tổng đài tiếp nhận cuộc gọi từ số điện thoại 113, 114, 115.

- Khoản 2, Điều 6 quy định việc tiếp nhận, xử lý thông tin của CBCS trực tại Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH qua: từ Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh; hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy, ứng dụng báo cháy; số điện thoại 114 hoặc qua số điện thoại từ Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông; người dân trực tiếp đến báo.

- Khoản 3, Điều 6 quy định việc tiếp nhận, xử lý thông tin của CBCS trực tại Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông qua: số điện thoại của đơn vị; người dân trực tiếp đến báo và hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy, ứng dụng báo cháy.

d) Về trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH (Điều 7)

Chỉnh sửa, bổ sung các quy định gồm: việc bố trí tối thiểu 02 tổ trực tương ứng với đội hình chữa cháy, CNCH cơ bản để vận hành, sử dụng các phương tiện chữa cháy, CNCH đưa vào trực và chỉnh sửa quy định bố trí CBCS trực theo phương tiện chữa cháy, CNCH cơ giới phù hợp với thực tế (khoản 2); về thời gian CBCS lên phương tiện, nổ máy sẵn sàng xuất phát đã loại trừ đối với tàu chữa cháy trên biển để phù hợp với thực tế (điểm a, khoản 4); quy định rõ bảo đảm cho sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật trực 01 ngày thì được nghỉ 01 ngày tiếp theo (khoản 5) so với quy định tại Thông tư số 139. Cụ thể:

- Khoản 2, Điều 5 quy định: “Cán bộ, chiến sĩ trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bố trí tối thiểu 02 tổ trực tương ứng với đội hình chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ bản để vận hành, sử dụng các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đưa vào trực.

- Khoản 4, Điều 7 quy định: “Thời gian cán bộ, chiến sĩ lên phương tiện và nổ máy sẵn sàng xuất phát kể từ khi có lệnh báo động: đối với xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không quá 90 giây; đối với tàu,

xuồng, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (trừ tàu chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trên biển) không quá 180 giây;”

- Khoản 5 Điều 7 quy định: “Giám đốc Công an cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế về lực lượng, phương tiện, quyết định chia ca trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo nguyên tắc sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật trực 01 ngày thì được nghỉ 01 ngày tiếp theo.”

đ) Về tổ chức các hoạt động trong ca trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH (Điều 8):

Cơ bản nội dung được giữ nguyên theo quy định tại Thông tư số 139 chỉ chỉnh sửa lại các câu từ cho phù hợp.

e) Về huy động lực lượng, phương tiện đi chữa cháy, CNCH (Điều 9):

Chỉnh sửa, bổ sung các quy định, gồm: sửa từ “*điều động*” thành “*huy động*” cho phù hợp với quy định của Luật PCCC và CNCH; chỉnh sửa quy định “*không được điều động ít hơn 02 phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ giới đi làm nhiệm vụ*” thành “*trường hợp huy động xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ chữa cháy thì không được ít hơn 02 xe*” (khoản 1) so với quy định tại Thông tư số 139. Cụ thể:

g) Về nội dung trình sát đám cháy, tai nạn, sự cố (Điều 10), triển khai chữa cháy, CNCH (Điều 11) và kết thúc chữa cháy, CNCH (Điều 12):

Cơ bản nội dung được giữ nguyên theo quy định tại Thông tư số 140 chỉ chỉnh sửa lại các câu từ cho phù hợp.

h) Về điều kiện bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 14):

Bổ sung thêm phòng sinh hoạt chung, tủ để treo quần áo chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chuyên dùng, thiết bị giặt và sấy khô phù hợp đối với quần áo chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, nội dung tại (khoản 2) so với quy định tại Thông tư số 139/2020/TT-BCA. Cụ thể:

Khoản 2, Điều 14 quy định: “Địa điểm, nơi nghỉ của cán bộ, chiến sĩ trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải được bố trí ở vị trí dễ nhận tín hiệu báo động, có phòng sinh hoạt chung, tủ để treo quần áo chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chuyên dùng, thiết bị giặt và sấy khô phù hợp đối với quần áo chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; việc bố trí phải bảo đảm cho cán bộ, chiến sĩ lên phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nhanh chóng, an toàn.”

i) Về bảo đảm điều kiện phục vụ tổ chức chữa cháy, CNCH (Điều 15):

Cơ bản nội dung được giữ nguyên theo quy định tại Thông tư số 140 chỉ chỉnh sửa lại các câu từ cho phù hợp.

k) Về công tác kiểm tra trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH (Điều 16):

Bổ sung, chỉnh sửa quy định rõ hình thức, thời gian, thẩm quyền, nội dung kiểm tra so với quy định tại Thông tư số 139. Cụ thể:

- Khoản 1, Điều 16 quy định về các hình thức kiểm tra (thường xuyên, định kỳ, đột xuất):

+ Kiểm tra thường xuyên đối với quân số, phương tiện thường trực được thực hiện hằng ngày trong ca trực;

+ Kiểm tra định kỳ theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều này. Khi tiến hành kiểm tra định kỳ phải thông báo trước 03 ngày làm việc cho đơn vị được kiểm tra về thời gian, nội dung, thành phần đoàn kiểm tra;

+ Kiểm tra đột xuất có thể kiểm tra toàn bộ hoặc một số nội dung quy định tại khoản 3 Điều này. Việc kiểm tra đột xuất không cần phải thông báo trước.

- Khoản 2, Điều 16 quy định về thẩm quyền kiểm tra từ cấp Cục đến cấp đội thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

- Khoản 3, Điều 16 quy định về nội dung kiểm tra gồm 04 nội dung: kiểm tra thời gian CBCS lên phương tiện; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của CBCS; kiểm tra số lượng, tình trạng hoạt động, công tác bảo quản, bảo dưỡng của các phương chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; kiểm tra các điều kiện bảo đảm phục vụ công tác trực tiếp nhận và xử lý thông tin, trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH.

l) Về chế độ bồi dưỡng khi chữa cháy, CNCH (chương V):

Tại chương V, Thông tư số 37 đã quy định rõ nguyên tắc, đối tượng, thời gian và cách tính chế độ được hưởng chế độ bồi dưỡng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Cụ thể:

- Về nguyên tắc áp dụng chế độ bồi dưỡng (Điều 32) quy định:

+ Khi áp dụng chế độ bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi chữa cháy, CNCH phải căn cứ vào văn bản xác nhận của người có thẩm quyền cho cán bộ, chiến sĩ về thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

+ Chế độ bồi dưỡng khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Về đối tượng được hưởng (khoản 3, Điều 33) là: Cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

- Về cách tính thời gian tính hưởng chế độ bồi dưỡng (khoản 3, Điều 34) được quy định theo thời gian thực tế chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Thời gian để tính chế độ bồi dưỡng như sau:

+ Thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ liên tục dưới 04 giờ được tính là 0,5 ngày;

+ Thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ liên tục từ 04 giờ đến dưới 08 giờ được tính là 01 ngày;

+ Thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ liên tục từ 08 giờ trở lên thì khoảng thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tiếp theo được tính tương ứng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

- Về cách tính chế độ bồi dưỡng (khoản 3, Điều 35) quy định: Mức tiền bồi dưỡng được hưởng khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được tính theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức tiền bồi dưỡng} \\ \text{được hưởng} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{h?? s??} \\ 0,3 \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Mức lương} \\ \text{cơ sở} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Số ngày thực tế chữa cháy,} \\ \text{cứu nạn, cứu hộ} \end{array} \right)$$

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn A, thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong thời gian 02 giờ, mức tiền bồi dưỡng được hưởng như sau:

Tiền bồi dưỡng được hưởng = $0,3 \times 2.340.000 \times 0,5 = 351.000$ đồng.

- Về kinh phí chi trả chế độ bồi dưỡng (Điều 36) được bố trí trong kinh phí thường xuyên của Công an các đơn vị, địa phương hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

m) Biểu mẫu sử dụng trong công tác trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH

- Thông tư số 37 quy định 04 biểu mẫu sử dụng trong công tác trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH, gồm:

+ Quyết định về việc kiểm tra công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số 05).

+ Biên bản kiểm tra công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số 06).

+ Sổ giao, nhận ca trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số 07).

+ Sổ tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số 08).

- Về nội dung các biểu mẫu

+ Mẫu Quyết định về việc kiểm tra công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số 05) và Sổ tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số 08), cơ bản giữ nguyên các nội dung theo Thông tư số 139 và Thông tư số 140 chỉ bổ sung, chỉnh sửa lại các câu từ cho phù hợp với các quy định hiện tại.

+ Mẫu Biên bản kiểm tra công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số 06): được chỉnh sửa mục II, III cho phù hợp với các quy định hiện tại. Cụ thể:

Mục II: Nội dung và kết quả kiểm tra.

Mục này để Đoàn kiểm tra ghi các nội dung kiểm tra theo quy định tại khoản 3, Điều 16 Thông tư số 37; như vậy sẽ phù hợp khi tổ chức kiểm tra đầy đủ hoặc một phần các nội dung trong trường hợp kiểm tra đột xuất. Mục này không ghi chi tiết và bỏ nội dung kiểm tra việc chấp hành Điều lệnh nội vụ Công an nhân dân (nội dung này không phù hợp quy định trong mẫu Thông tư số 37 mà được quy định trong Thông tư kiểm tra điều lệnh Công an nhân dân) so với mẫu Thông tư số 139.

Mục III: Nhận xét, đánh giá của Đoàn kiểm tra.

Mục này để Đoàn kiểm tra ghi đánh giá các ưu điểm, tồn tại, hạn chế, kiến nghị, đề xuất của đơn vị được kiểm tra cũng như của Đoàn kiểm tra. Mục này được gộp từ mục III và mục IV và ghi cụ thể hơn so với mẫu Thông tư số 139.

+ Mẫu Sổ giao, nhận ca trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số 07): được bổ sung, chỉnh sửa, cụ thể:

Chỉ thống kê 01 ca trực trong không ghi cả 02 ca trực như mẫu Thông tư số 139 (giảm bớt việc ghi nhắc lại ca);

Phần ghi ca trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ được phân tích thành các ca trực (tối thiểu 03 ca);

Phần ghi phương tiện và CBCS trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH: CBCS trực được chỉnh sửa phân theo số cụ thể theo phương tiện trực.

Mục II. Nhận xét ca trực: mục này được chỉnh sửa từ nội dung ban giao ca trực theo mẫu Thông tư số 13, đồng thời bổ sung cụ thể nội dung nhận xét ca trực trong đó có việc kiểm tra thường xuyên công tác trực, việc thực hiện các nhiệm vụ trong ca trực theo quy định của Điều 8 Thông tư số 37.

3.2. Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Thông tư số 36):

Điều 12, Thông tư số 36 quy định về trách nhiệm xây dựng Phiếu chiến thuật chữa cháy, CNCH theo Mẫu số 02 Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 36. Phiếu chiến thuật chữa cháy, CNCH trích từ Phương án chữa cháy và CNCH của cơ quan Công an, do các đơn vị Cảnh sát PCCC và CNCH Công an các địa phương thực hiện việc xây dựng để phục vụ cho công tác tổ chức chữa cháy, CNCH và cho CBCS trực tiếp nhận, xử lý thông tin chuyển phiếu chiến thuật cho chỉ huy đi chữa cháy theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 37.

IV. Công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH

1. Quy định trong Luật PCCC và CNCH

Luật PCCC và CNCH quy định về huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cụ thể:

- Khoản 4 Điều 45 quy định: Bộ trưởng Bộ Công an quy định về huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

- Điểm b khoản 2 Điều 47 quy định: Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được hưởng chế độ bồi dưỡng khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Quy định trong Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về nhiệm vụ công tác PCCC và CNCH của lực lượng CAND (Thông tư số 37)

Nội dung về công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, CNCH trong Chương III, Thông tư số 37 đã được chỉnh sửa, bổ sung về đối tượng, nội dung, thời gian, trách nhiệm tổ chức huấn luyện, kiểm tra đánh giá kết quả huấn luyện phù hợp với thực tế và bổ sung chế độ bồi dưỡng khi tham gia huấn luyện so với quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-BCA ngày 13/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân (Thông tư số 02). Cụ thể:

(1) Về yêu cầu nghiệp vụ đối với cán bộ được phân công thực hiện công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (khoản 4, Điều 17):

Nội dung này là tiêu chuẩn cán bộ huấn luyện cơ bản giữ nguyên các tiêu chí như Thông tư số 02; bổ sung cán bộ được giao chuyên trách về huấn luyện.

(2) Về đối tượng huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (khoản 3, Điều 18):

Được điều chỉnh theo mô hình tổ chức mới (bỏ các đối tượng của Công an cấp huyện), còn các đối tượng khác giữ nguyên như Thông tư số 02, gồm:

- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- Đội trưởng, Phó Đội trưởng các Đội công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông;
- Cán bộ làm công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- Cán bộ, chiến sĩ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- Cán bộ, chiến sĩ điều khiển, vận hành xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tàu, xuồng, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

(3) Về nội dung huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (khoản 3, Điều 19):

Điều chỉnh giảm bớt nội dung huấn luyện: về pháp luật liên quan đến công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và công tác sửa chữa phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ so với quy định Thông tư số 02, các nội dung huấn luyện còn lại giữ nguyên như Thông tư số 02.

(4) Về thời gian huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (khoản 3, Điều 20):

Được điều chỉnh giảm thời gian, nội dung huấn luyện so với Thông tư số 02, cụ thể:

- Huấn luyện thường xuyên (điểm a, khoản 3): vẫn được thực hiện hằng ngày trong ca trực sẵn sàng chữa cháy, CNCH nhưng được nghỉ ngày nghỉ lễ, tết; đồng thời chỉ thực hiện huấn luyện về thể lực, kỹ thuật cá nhân và bảo quản, bảo dưỡng phương tiện.
- Huấn luyện định kỳ (điểm b, khoản 3): giảm thời gian, nội dung huấn luyện cho từng đối tượng, cụ thể:
 - + Đối tượng Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ giảm thời gian huấn luyện từ 40 giờ xuống 24 giờ.
 - + Đối tượng Đội trưởng, Phó Đội trưởng các Đội công tác chữa cháy và cứu

nạn, cứu hộ, Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông: giảm thời huấn luyện từ 120 giờ xuống 56 giờ; giảm nội dung huấn luyện thể lực và kỹ thuật cá nhân chữa cháy, CNCH.

+ Đối tượng CBCS chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: giảm thời gian huấn luyện từ 320 giờ xuống 240 giờ; giảm nội dung huấn luyện thể lực và kỹ thuật cá nhân chữa cháy, CNCH.

+ Đối tượng CBCS điều khiển, vận hành xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tàu, xuồng, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ: Tăng thời gian huấn luyện từ 80 giờ lên 240 giờ và tăng nội dung huấn luyện như CBCS chữa cháy và CNCH để phù hợp với quy định CBCS điều khiển, vận hành cũng là một chiến sĩ trong đội hình chữa cháy, CNCH.

- Huấn luyện nâng cao (điểm c, khoản 3): giảm thời gian, nội dung huấn luyện cho từng đối tượng, cụ thể:

+ Đối tượng Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ giảm thời gian huấn luyện từ 40 giờ xuống 24 giờ.

+ Đối tượng Đội trưởng, Phó Đội trưởng các Đội công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông: giảm thời huấn luyện từ 56 giờ xuống 40 giờ; giảm nội dung huấn luyện thể lực, thực hành kỹ thuật cá nhân chữa cháy, CNCH và thực hành đội hình chữa cháy, CNCH.

+ Đối tượng cán bộ làm công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, CNCH: giảm thời gian huấn luyện từ 120 giờ xuống 56 giờ; giảm nội dung huấn luyện thực hành đội hình chữa cháy, CNCH.

(5) Về thẩm quyền huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, CNCH (Điều 21):

Thẩm quyền huấn luyện giữ nguyên như Thông tư số 02, cụ thể:

- Cục Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chữa cháy, CNCH (điểm c, khoản 1);

- Công an cấp tỉnh tổ chức huấn luyện định kỳ nghiệp vụ chữa cháy, CNCH (điểm c, khoản 2);

- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hộ tổ chức huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy, CNCH (khoản 3).

(6) Về kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Điều 24):

Bổ sung, chỉnh sửa quy định: về thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả huấn

luyện, trách nhiệm của Hội đồng kiểm tra; việc tổ chức kiểm tra; việc thông báo kết quả kiểm tra chậm nhất 05 ngày làm việc (Thông tư 02 có quy định thông báo kết quả kiểm tra nhưng không quy định ngày phải thông báo) và báo cáo kết quả huấn luyện theo quy định. Đồng thời đã chỉnh sửa bỏ thẩm quyền Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC và CNCH kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện định kỳ, thường xuyên của Công an cấp tỉnh so với Thông tư số 02. Cụ thể:

- Khoản 2, Điều 24 quy định thẩm quyền kiểm tra của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH: thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chữa cháy, CNCH (Chủ tịch Hội đồng là Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo, cán bộ các đơn vị nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát PCCC và CNCH), hội đồng kiểm tra có trách nhiệm: tổ chức xây dựng quy chế, đề kiểm tra phù hợp với đối tượng, nội dung đã huấn luyện; tổ chức kiểm tra; chấm điểm bài kiểm tra; tổ chức kiểm tra cho đối tượng theo quy định sau khi kết thúc huấn luyện nâng cao theo quy định; thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra chậm nhất 05 ngày làm việc từ ngày kiểm tra; kết quả kiểm tra là một trong các tiêu chí để nhận xét, đánh giá, phân loại cán bộ hằng năm.

- Khoản 3, Điều 24 quy định thẩm quyền kiểm tra Công an cấp tỉnh: thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả huấn luyện định kỳ nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (Chủ tịch Hội đồng là đại diện Ban Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo, cán bộ các đơn vị chức năng có liên quan thuộc Công an cấp tỉnh), hội đồng kiểm tra có trách nhiệm: tổ chức xây dựng quy chế, đề kiểm tra phù hợp với đối tượng, nội dung đã huấn luyện; tổ chức kiểm tra; chấm điểm bài kiểm tra; tổ chức kiểm tra cho đối tượng theo quy định sau khi kết thúc huấn luyện nâng cao theo quy định; thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra chậm nhất 05 ngày làm việc từ ngày kiểm tra; kết quả kiểm tra là một trong các tiêu chí để nhận xét, đánh giá, phân loại cán bộ hằng năm; Tổng hợp kết quả huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và báo cáo theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Thông tư này gửi về Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Khoản 3, Điều 24 quy định thẩm quyền kiểm tra Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH: tổ chức đánh giá kết quả huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy, CNCH; tổng hợp kết quả công tác huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và báo cáo theo quy định.

(7) Về kinh phí tổ chức huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, CNCH (khoản 2, Điều 25).

Đã được quy định rõ nguồn kinh phí, trong đó bổ sung thêm nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc sử dụng cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy. Cụ thể:

“Kinh phí tổ chức bồi dưỡng, tổ chức kiểm tra nghiệp vụ huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được bố trí trong dự toán kinh phí thường xuyên của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp tỉnh hoặc nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc sử dụng cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).”

(8) Về Chế độ bồi dưỡng khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, CNCH (chương V)

Tại chương V, Thông tư số 37 đã quy định rõ nguyên tắc, đối tượng, thời gian và cách tính chế độ được hưởng chế độ bồi dưỡng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Cụ thể:

- Về nguyên tắc áp dụng chế độ bồi dưỡng (Điều 32) quy định:

- + Khi áp dụng chế độ bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi chữa cháy, CNCH phải căn cứ vào kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với việc tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

- + Chế độ bồi dưỡng khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Về đối tượng được hưởng (khoản 1, Điều 33) là: Cán bộ, chiến sĩ quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 18 Thông tư này khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

- Về cách tính thời gian tính hưởng chế độ bồi dưỡng (khoản 1, Điều 34):

Cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi thực hiện huấn luyện định kỳ, huấn luyện nâng cao, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 20 Thông tư này được hưởng chế độ bồi dưỡng theo số ngày thực tế huấn luyện, bồi dưỡng nhưng không quá 30 (ba mươi) ngày trong một năm.

- Về cách tính chế độ bồi dưỡng (khoản 1, Điều 35) quy định: Mức tiền bồi dưỡng được hưởng khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được tính theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức tiền bồi dưỡng} \\ \text{được hưởng} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{h?? s??} \\ 0,1 \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Mức lương} \\ \text{cơ sở} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Số ngày thực tế huấn luyện,} \\ \text{bồi dưỡng} \end{array} \right)$$

Mức lương cơ sở thực hiện theo quy định của Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Khi mức lương cơ sở có thay đổi thì thực hiện theo quy định về mức lương mới.

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn A, thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong thời gian 30 ngày, mức tiền bồi dưỡng được hưởng như sau:

Tiền bồi dưỡng được hưởng = 0,1 x 2.340.000 x 30 = 7.020.000 đồng;

(9) Về Biểu mẫu sử dụng trong công tác huấn luyện

- Thông tư số 37 quy định 02 biểu mẫu (giảm 03 biểu mẫu so với Thông tư số 02), gồm:

+ Báo cáo công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số 02).

+ Sổ theo dõi công tác huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số 09).

- Nội dung các biểu mẫu

+ Mẫu Báo cáo công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số 02): Trên cơ sở kế thừa nội dung mẫu số 03 Thông tư 02 và được chỉnh sửa để Công an các đơn vị báo cáo đánh giá theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 20; đồng thời chỉnh sửa nội dung bảng thống kê công tác huấn luyện định kỳ và bổ sung bảng thống kê huấn luyện thường xuyên.

+ Mẫu Sổ theo dõi công tác huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Mẫu số 09): Nội dung mẫu sổ được chỉnh sửa, bổ sung để phục vụ việc thống kê ghi nhận việc tổ chức huấn luyện thường xuyên của các đơn vị Cảnh sát PCCC và CNCH.

V. Công tác quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Tại Chương VI Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ quy định tên “*phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ*” (so với “*phương tiện phòng cháy và chữa cháy*” quy định tại Luật Phòng cháy và chữa cháy trước

đây). Tại Điều 43 Luật PCCC và CNCH quy định trách nhiệm của lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong công tác quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được trang bị và giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Tại Phụ lục IV **“Danh mục phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy”** (kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ) có một số điểm thay đổi so với Phụ lục VI Nghị định số 50/2024/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Bổ sung cụm từ “cứu nạn, cứu hộ” vào danh mục các phương tiện chữa cháy như: phương tiện phòng cháy, chữa cháy; phương tiện chữa cháy cơ giới; các loại xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy (xe chiếu sáng chữa cháy, xe chở và nạp bình khí thở chữa cháy); xuống chữa cháy; ca nô chữa cháy.

- Bổ sung một số danh mục phương tiện phục vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ: trực thăng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phương tiện bay không người lái chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; robot chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thiết bị báo cháy độc lập; chất chữa cháy gốc nước; vật liệu cấu kiện ngăn cháy, chống cháy.

- Loại bỏ một số danh mục phương tiện phục vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ: xe chỉ huy; xe chở quân; xe hậu cần; xe cầu; xe chở vôi chữa cháy; xe tiếp nhiên liệu; xe cứu thương; các cấu trúc nổi chữa cháy khác có động cơ; thiết bị cảnh báo cháy sớm; máy bơm chữa cháy, máy bơm bù áp (thiết bị thuộc hệ thống chữa cháy); thiết bị hỗ trợ thở cá nhân dùng trong chữa cháy, cứu nạn cứu hộ; câu liêm; dao phát; cào; bàn đập; bàn chỉ huy, lều chỉ huy, cờ chỉ huy, băng chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Thống kê cụ thể thành phần cấu tạo của một số phương tiện, thiết bị như: hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn; mặt nạ lọc độc (gồm mặt trùm, bộ lọc, các thiết bị phụ trợ đi kèm); mặt nạ phòng độc cách ly (gồm bình khí, van điều áp, mặt trùm, dây đeo và khung đỡ, đồng hồ đo áp, van cấp khí, thiết bị cảnh báo, các thiết bị phụ trợ đi kèm); phương tiện, thiết bị phục vụ cứu nạn, cứu hộ sự cố hoá chất (quần, áo, mũ, giày, ủng, găng tay, thiết bị bảo vệ hô hấp, máy phân tích nồng độ hóa chất, các thiết bị phụ trợ đi kèm); phương tiện, thiết bị phục vụ cứu nạn, cứu hộ sự cố phóng xạ (quần, áo, mũ, giày, ủng, găng tay, thiết bị bảo vệ hô hấp, máy đo cường độ phóng xạ, các thiết bị phụ trợ đi kèm).

- Điều chỉnh tên gọi một số thiết bị: ***dây cứu người*** thành ***dây cứu nạn***,

cứu hộ; đại cứu người thành đại cứu nạn, cứu hộ.

3. Công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được kế thừa từ các quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Theo Thông tư số 17/2021/TT-BCA, việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được quy định chung cho cơ quan Công an, cơ quan, tổ chức, cơ sở dẫn đến có nhiều vướng mắc, bất cập, khó triển khai thực hiện. Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ Công an quy định về nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân đã sửa đổi các quy định về chế độ bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ để giải quyết vấn đề nêu trên, cụ thể như sau:

- Công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BCA có một số điểm khác so với Thông tư số 17/2021/TT-BCA như sau:

+ Tại Điều 5 Thông tư số 36/2025/TT-BCA: Địa điểm, nơi quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (thay thế nội dung Điều 6 Thông tư số 17/2021/TT-BCA): bỏ địa điểm ***“trụ sở cơ quan”*** và ***“bãi”***. Đối với bến, âu thuyền, bến cảng để phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy (bỏ nội dung ***“nội quy ra, vào, nội quy về bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy; đối với bến thủy nội địa ngoài việc đáp ứng các yêu cầu trên phải có thiết bị neo đậu phương tiện, có nội quy hoạt động ra, vào bến, sắp xếp, neo đậu phương tiện.”***)

+ Tại Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BCA: Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (thay thế nội dung Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 17/2021/TT-BCA):

“1. Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều này và do người đứng đầu cơ sở quyết định về thời gian, địa điểm thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng phù hợp với

từng loại phương tiện, hướng dẫn của nhà sản xuất (nếu có), bảo đảm phương tiện sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Đối với phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới, mặt nạ phòng độc cách ly được bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên hằng ngày hoặc trong và sau mỗi lần sử dụng.

2. Trường hợp phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định về việc bảo quản, bảo dưỡng thì thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó.

3. Nội dung bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định tại các Phụ lục II, III, IV và Phụ lục V kèm theo Thông tư này và theo hướng dẫn của nhà sản xuất (nếu có).

4. Kết thúc việc bảo quản, bảo dưỡng, người được phân công quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải ghi kết quả bảo quản, bảo dưỡng vào Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 01 Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ là tài liệu trong hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo quy định.”

+ Theo đó, việc bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ sẽ do người đứng đầu cơ sở quyết định về thời gian, địa điểm thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng phù hợp với từng loại phương tiện, hướng dẫn của nhà sản xuất (nếu có), bảo đảm phương tiện sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Trừ các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới, mặt nạ phòng độc cách ly phải được bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên hằng ngày hoặc trong và sau mỗi lần sử dụng.

+ Nội dung bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được quy định cụ thể gồm: bảo quản thường xuyên, bảo quản trong và sau mỗi lần sử dụng, bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng sau mỗi lần sử dụng.

+ Sửa đổi các nội dung về bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại các Phụ lục theo Thông tư để bảo đảm hướng dẫn đầy đủ, bao quát hơn việc bảo quản, bảo dưỡng đối với tất cả các loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có thể được trang bị tại cơ sở.

+ Bãi bỏ nội dung quy định tại Điều 11 Thông tư số 17/2021/TT-BCA: Xây dựng, quản lý quy trình bảo quản, bảo dưỡng định kỳ phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Việc bảo dưỡng định kỳ phương tiện được thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định về việc bảo quản, bảo dưỡng của phương

tiện (nếu có) hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ gồm 02 bảng, sử dụng để theo dõi công tác bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng I: Phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới (không quy định việc thống kê thời gian khởi động, mức tiêu thụ nhiên liệu của phương tiện so với Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 của Bộ Công an quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ).

Bảng II: Thiết bị thuộc hệ thống báo cháy, thiết bị thuộc hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn, thiết bị thuộc hệ thống chữa cháy, đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố.

- Tại Điều 7 Thông tư số 36/2025/TT-BCA: Thống kê, báo cáo công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (thay thế nội dung Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BCA): Việc thống kê, báo cáo công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở được lồng ghép trong Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo Mẫu số PC04 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Bãi bỏ các nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BCA.

- Tại Điều 8 Thông tư số 36/2025/TT-BCA: Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, cá nhân trong quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

+ Bãi bỏ các nội dung quy định tại Điều 12 Thông tư số 17/2021/TT-BCA: Trách nhiệm của cơ quan Công an trong quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Cơ quan Công an có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ để đảm bảo số lượng, tình trạng hoạt động của các phương tiện trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 37/2025/TT-BCA.

+ Bãi bỏ các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 17/2021/TT-BCA (Tổ chức lập và quản lý hồ sơ về phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ). Việc lập hồ sơ về phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã được quy định tại Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BCA.

+ Bãi bỏ các nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 13 Thông tư số 17/2021/TT-BCA (Thống kê, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp và cơ quan có thẩm quyền về công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ). Việc thống kê, báo cáo công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2025/TT-BCA.

+ Bãi bỏ các nội dung quy định tại Điều 14 Thông tư số 17/2021/TT-BCA (Trách nhiệm của người được giao quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ).

- Tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA, việc thực hiện công tác quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được quy định tại Điều 31 cụ thể như sau:

“1. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải được quản lý, bảo quản, bảo dưỡng để sẵn sàng sử dụng.

2. Chế độ, nội dung, địa điểm, nơi quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và quy định sau đây:

a) Phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới, mặt nạ phòng độc cách ly, thiết bị dò tìm người, máy phân tích nồng độ hóa chất, máy đo cường độ phóng xạ, bộ đàm được bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên hằng ngày và do cán bộ, chiến sĩ được giao quản lý, sử dụng thực hiện;

b) Kết thúc việc bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới phải ghi đầy đủ nội dung vào Sổ theo dõi hoạt động của phương tiện theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hằng năm, Công an cấp tỉnh báo cáo Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ về tình hình quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo các nội dung cơ bản sau:

a) Thực trạng công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng (số lượng, chất lượng, chủng loại, nội dung bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được trang bị);

b) Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

c) Đề xuất, kiến nghị (nếu có). ”

+ Phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới, mặt nạ phòng độc cách ly, thiết bị dò tìm người, máy phân tích nồng độ hóa chất, máy đo cường độ phóng xạ, bộ đàm sử dụng trong lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH được bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên hằng ngày.

+ Đối với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH sử dụng Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 37/2025/TT-BCA (Sổ theo dõi hoạt động của phương tiện): Các loại phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới phải được lập sổ theo dõi hoạt động và ghi đầy đủ thông tin đối với từng phương tiện. Quy định sử dụng thống nhất 01 mẫu sổ (so với 03 mẫu sổ tại Thông tư số 17/2021/TT-BCA).

+ Định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hằng năm, Công an cấp tỉnh báo cáo Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ về tình hình quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (bãi bỏ quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BCA).

4. Tiêu chuẩn định mức trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hiện hành

- Thông tư số 45/2024/TT-BCA ngày 24/9/2024 của Bộ Công an quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ trong Công an nhân dân.

- Thông tư số 50/2024/TT-BCA ngày 11/10/2024 của Bộ Công an quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng phương tiện trong Công an nhân dân.

- Thông tư số 60/2015/TT-BCA ngày 09/11/2015 của Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy

+ STT 1 Mục I Danh mục 1: Bộ đàm cầm tay VHF/UHF (Tiêu chuẩn, định mức trang bị cho sĩ quan, hạ sĩ quan công tác tại Cục Cảnh sát PCCC và CNCH và Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);

+ STT 1 Mục II Danh mục 1: Bộ đàm cầm tay VHF/UHF (Tiêu chuẩn, định mức trang bị cho sĩ quan, hạ sĩ quan công tác tại Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cơ sở đào tạo, huấn luyện về PCCC và CNCH);

+ STT từ 1 đến 6 Mục I Nhóm G và STT từ 20 đến 23 Nhóm H Danh mục 3: (1) Bộ đàm cầm tay VHF/UHF; (2) Bộ đàm công suất lớn di động VHF/UHF; (3)

Bộ đàm công suất lớn cố định VHF/UHF; (4) Bộ chuyển tiếp sóng; (5) Thiết bị liên kết đa mạng; (6) Cột ăng ten; (20) Bộ dây nổi; (21) Phao quây dầu tràn; (22) Phao tròn cứu sinh; (23) Áo phao dùng cho Cảnh sát PCCC & CNCH (Tiêu chuẩn, định mức trang bị cho Đội Cảnh sát chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ);

+ Danh mục 4 (Tiêu chuẩn, định mức trang bị cho đơn vị Cảnh sát PCCC và CNCH).

- Quyết định số 1584/QĐ-BCA-PCCC&CNCH ngày 27/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định tiêu chuẩn, định mức trang bị thiết bị, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

+ STT từ 11 đến 14 Mục IX Nhóm A Phụ lục III: (11) Bộ dây nổi; (12) Phao quây dầu tràn; (13) Phao cứu sinh phục vụ cứu nạn, cứu hộ; (14) Áo phao dùng cho Cảnh sát PCCC & CNCH (Tiêu chuẩn, định mức trang bị thiết bị, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ cho đơn vị Cảnh sát PCCC và CNCH);

+ Mục II, Mục IV Nhóm B Phụ lục III: (II) Phương tiện, thiết bị phục vụ công tác kiểm định phương tiện PCCC và CNCH; (IV) Phương tiện, thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học PCCC và CNCH (Tiêu chuẩn, định mức trang bị thiết bị, vật tư kỹ thuật nghiệp vụ cho đơn vị Cảnh sát PCCC và CNCH).

** Hiện nay một số phương tiện, thiết bị hiện nay đã không được quy định tiêu chuẩn, định mức gồm: bình chữa cháy các loại, chất tạo bọt chữa cháy (vật tư tiêu hao).*

VI. Công tác bảo đảm các điều kiện phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Bảo đảm về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, CNCH

1.1. Luật PCCC và CNCH:

- Điều 15 quy định khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp và các khu chức năng theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phải có giải pháp, thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng cấp độ quy hoạch, trong đó có các quy định về mạng lưới giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, CNCH.

- Khoản 6 Điều 50 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy.”

- Điểm a, khoản 6 Điều 55 quy định: “a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định

về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy;”

1.2. Nghị định số 105/2025/NĐ-CP:

- Điều 5 quy định chi tiết Điều 15 của Luật PCCC và CNCH yêu cầu về PCCC khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn, trong đó có yêu cầu phải thể hiện định hướng phát triển trục giao thông, tuyến truyền dẫn cấp nước trong quy hoạch chung;

- Điều 19 quy định UBND cấp tỉnh và chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, chủ đầu tư hạ tầng khu chức năng theo quy định của pháp luật có trách nhiệm đầu tư, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy, điểm, bến để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy.

- Khoản 4 Điều 38 quy định về nội dung chi của ngân sách địa phương cho hoạt động PCCC và CNCH, trong đó có quy định về chi bảo đảm giao thông nguồn nước cụ thể:

+ Điểm g: “Đầu tư xây dựng, lắp đặt, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy trên hệ thống cấp nước tập trung, điểm, bến để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy tại các bể, ao, hồ, sông, suối, kênh;”

+ Điểm h: “Chi cho hoạt động cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy;”

- Điểm đ, khoản 1 Điều 42 quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm “Bảo đảm điều kiện về đường giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy;”

2. Bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, CNCH

2.1. Nghị định số 105/2025/NĐ-CP

- Khoản 1, Điều 5 quy định trong quy hoạch chung phải thể hiện định hướng phát triển tuyến thông tin viễn thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy.

- Từ Điều 24 đến Điều 27 quy định về hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC và CNCH và truyền tin báo cháy. Đây là nội dung được quy định để đáp ứng yêu cầu ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác PCCC và CNCH, giúp báo cháy, tin báo tình huống CNCH kịp thời, chính xác và phục vụ các hoạt động công tác PCCC và CNCH của lực lượng Công an nhân dân.

- Khoản 15 Điều 40 quy định Bộ Công an có trách nhiệm: Tổ chức hệ thống thông tin quản lý, chỉ huy điều hành hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

- Điểm đ, khoản 1 Điều 42 quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm “Bảo đảm điều kiện về thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ”

2.2. Thông tư số 37/2025/TT-BCA

Tại khoản 1, Điều 15 về bảo đảm thông tin liên lạc trong chữa cháy, CNCH quy định về: Thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ huy, điều hành các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại hiện trường phải bảo đảm thông suốt đến các đơn vị, bộ phận, khu vực phục vụ chữa cháy, CNCH; trách nhiệm CBCS được phân công làm nhiệm vụ thông tin liên lạc trong truyền đạt mệnh lệnh từ người chỉ huy chữa cháy, CNCH;

3. Bảo đảm về trang bị, phương tiện chữa cháy, CNCH cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH

3.1. Luật PCCC và CNCH

- Khoản 1 Điều 42 quy định: Nhà nước trang bị cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, các lực lượng khác trong Công an nhân dân phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các phương tiện, thiết bị cần thiết khác bảo đảm đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong mọi tình huống.

- Điểm a, khoản 4 Điều 50 quy định ngân sách nhà nước bảo đảm Đầu tư, trang bị, xây dựng, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

- Khoản 6 Điều 50 quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3.2. Nghị định số 105/2025/NĐ-CP

- Điểm a khoản 4 Điều 35 quy định nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc chi hỗ trợ mua sắm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: tối đa không quá 65% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

- Điểm d khoản 2 Điều 38 quy định ngân sách nhà nước chi mua sắm, trang bị thiết bị, phương tiện PCCC, CNCH và các tài sản khác phục vụ hoạt động của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH

4. Các điều kiện bảo đảm khác phục vụ chữa cháy, CNCH

Khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Thông tư số 37/2025/TT-BCA quy định về bảo đảm hậu cần, y tế phục vụ chữa cháy, CNCH và an ninh, trật tự tại nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố, cụ thể:

- Hậu cần phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ gồm: nhiên liệu, vật tư, chất chữa cháy, phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trang phục, thiết bị bảo hộ cá nhân, nhu yếu phẩm cần thiết cho cán bộ, chiến sĩ trong suốt quá trình chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

- Y tế phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ gồm: thuốc và các vật tư y tế cần thiết; các điều kiện phục vụ sơ, cấp cứu người bị nạn, chăm sóc sức khỏe cán bộ, chiến sĩ trong quá trình tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

- Công an cấp xã nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố có trách nhiệm: tham gia bảo đảm an ninh, trật tự, điều tiết giao thông xung quanh khu vực xảy ra cháy, tai nạn, sự cố; bảo vệ hiện trường vụ cháy, tai nạn, sự cố ngay sau khi các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ kết thúc;

- Các đơn vị Công an khác có trách nhiệm tham gia bảo đảm an ninh, trật tự, điều tiết giao thông xung quanh khu vực nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố và tham gia hỗ trợ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu.

Chuyên đề 4

CÔNG TÁC CẤP PHÉP LƯU THÔNG PHƯƠNG TIỆN PCCC, CNCH

I. Một số lưu ý khi thực hiện cấp phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH

1. Phương tiện PCCC, CNCH (*thuộc danh mục tại Phụ lục V của Nghị định 105/2025/NĐ-CP*) sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu phải được cấp phép lưu thông trước khi lưu thông ra thị trường (lần đầu). Các lô phương tiện PCCC, CNCH sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu (lần kế tiếp) được tự do lưu thông ra thị trường mà không phải làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép lưu thông (cấp giấy phép lưu thông cho mẫu phương tiện PCCC, CNCH).

Theo quy định này, tổ chức, cá nhân không phải làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép lưu thông nếu phương tiện PCCC, CNCH có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật do cùng một đơn vị sản xuất, lắp ráp hoặc do cùng tổ chức, cá nhân nhập khẩu đúng với mẫu đã được cấp giấy phép lưu thông trước đó.

2. Các Phương tiện PCCC, CNCH không thuộc Danh mục Phụ lục V của Nghị định 105/2025/NĐ-CP thì không cần phải được cấp giấy phép lưu thông theo quy định tại Điều 23, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, các phương tiện này vẫn phải tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, ghi nhãn hàng hóa và các quy định có liên quan khác.

3. Đối với doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện PCCC, CNCH, được phép sử dụng kết quả thử nghiệm, chứng nhận chất lượng hợp lệ của tổ chức thử nghiệm, đánh giá nước ngoài để cung cấp trong quá trình nộp hồ sơ cấp phép mà không phải thử nghiệm lại. Kết quả thử nghiệm hợp lệ là:

- Chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm đúng với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam;

- Do tổ chức thử nghiệm nước ngoài đã được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 thực hiện có chứng chỉ công nhận tổ chức thử nghiệm.

Trường hợp không có kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm nước ngoài thì được sử dụng kết quả thử nghiệm do tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu phương tiện PCCC, CNCH theo mẫu đã được cấp phép lưu thông trước đó, trước khi đưa phương tiện lưu thông ra thị trường có trách nhiệm khai báo các thông tin theo quy định trên hệ thống Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý chuyên ngành *(hoặc bằng văn bản gửi cơ quan quản lý chuyên ngành đã cấp giấy phép lưu thông cho phương tiện, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy để cập nhật và theo dõi)* và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin khai báo.

5. Trong thời gian chuyển tiếp (01/7/2025 đến hết ngày 30/6/2026), tại khoản 1 Điều 46 của Nghị định 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định việc cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC, quản lý, sử dụng tem kiểm định phương tiện PCCC được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026. Như vậy, kể 01/7/2025 đến hết ngày 30/6/2026 các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp sản xuất, lắp ráp hoặc nhập khẩu phương tiện PCCC, CNCH có 02 lựa chọn (1) là đề nghị cấp giấy phép lưu thông cho phương tiện PCCC, CNCH hoặc (2) đề nghị cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC.

II. Hướng dẫn thực hiện công tác cấp Giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH

1. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH thực hiện theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an trên môi trường điện tử. Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH, C07 hướng dẫn thực hiện một số nội dung sau:

a) Tiếp nhận hồ sơ trên môi trường điện tử

Căn cứ quy trình giải quyết TTHC, Bộ phận Một cửa (BPMC) có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và tính hợp lệ của hồ sơ. Thành phần hồ sơ được quy định tại Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ và được hướng dẫn tại phần II của tài liệu (nêu trên).

Về tính hợp lệ của hồ sơ bao gồm các nội dung:

- Đối tượng nộp hồ sơ đề nghị cấp phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH phù hợp quy định (là cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất, lắp ráp trong nước hoặc nhập khẩu phương tiện PCCC, CNCH);

- Loại phương tiện PCCC, CNCH đề nghị cấp phép lưu thông phù hợp quy định (là phương tiện thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V Nghị định số 105/2025/NĐ-CP);

- Thẻ thức, pháp lý của các tài liệu có trong hồ sơ: các văn bản, tài liệu phải theo đúng biểu mẫu (nếu có, ví dụ mẫu PC20) có thể thức phù hợp và được ký, xác thực điện tử đầy đủ theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH theo kết quả thử nghiệm của các cơ quan, tổ chức nước ngoài: cần kiểm tra, đối chiếu với năng lực thử nghiệm của đơn vị thử nghiệm theo chứng nhận ISO 17025 được cấp.

Thời hạn giải quyết của BPMC được quy định cụ thể tại quy trình giải quyết TTHC, cụ thể: Thời gian kiểm tra hồ sơ: 08 giờ làm việc kể từ thời điểm tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ; thời gian lập phiếu tiếp nhận, chuyển cấp có thẩm quyền phân công: 04 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

b) Xử lý hồ sơ

Cán bộ, chiến sĩ được giao trách nhiệm giải quyết hồ sơ phải thực hiện các công việc theo quy định tại Điều 30 Thông tư 37/2025/TT-BCA và quy trình giải quyết TTHC về PCCC, chịu trách nhiệm về nội dung đã giải quyết, cụ thể: kiểm tra, đối chiếu nội dung kết quả thử nghiệm phương tiện PCCC, CNCH và các tài liệu có trong hồ sơ với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Khi xem xét kết quả thử nghiệm của các cơ quan, tổ chức nước ngoài, cán bộ được phân công giải quyết hồ sơ cần kiểm tra lại về thành phần, tính hợp lệ của hồ sơ; trình tự thời gian thực hiện cấp phép phù hợp quy định; chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm phải phù hợp với các chỉ tiêu kỹ thuật của phương tiện PCCC, CNCH theo quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng, là kết quả còn hiệu lực (đối với kết quả thử nghiệm lần đầu, kết quả đánh giá định kỳ của mẫu phương tiện PCCC).

Để hạn chế các tồn tại, thiếu sót, không thống nhất trong quá trình giải quyết hồ sơ, C07 hướng dẫn nội dung kiểm tra, đối chiếu khi xem xét hồ sơ đề nghị cấp phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH để Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham khảo (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

2. Báo cáo thống kê, nhập số liệu trên hệ thống quản lý

Hiện tại, khi chưa hoàn thiện Hệ thống Cơ sở dữ liệu về PCCC và CNCH thì việc thống kê, báo cáo kết quả công tác cấp phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH thực hiện theo biểu mẫu (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

Việc nhập số liệu trên hệ thống quản lý được thực hiện tạm thời trên hệ thống dữ liệu kiểm định phương tiện PCCC, địa chỉ

<https://nhaplieu.canhsatpccc.gov.vn/> (*chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

Phụ lục I: Hướng dẫn nội dung kiểm tra, đối chiếu hồ sơ cấp phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH

	Nội dung kiểm tra, đối chiếu	Theo quy định		Theo hồ sơ đề nghị	Kết luận
1	Thành phần hồ sơ	1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH; 2. Kết quả thử nghiệm đúng với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc Chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm đúng với tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật PCCC và CNCH do tổ chức thử nghiệm nước ngoài đã được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 thực hiện có chứng chỉ công nhận tổ chức thử nghiệm; 3. Chứng nhận xuất xưởng/ xuất xứ; 4. Tài liệu kỹ thuật (nếu có)		1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH; 2. Kết quả thử nghiệm phương tiện PCCC và CNCH; 3. Chứng nhận xuất xưởng/ xuất xứ; 4. Tài liệu kỹ thuật (nếu có)	Đầy đủ/ Không đầy đủ
2	Đối tượng nộp hồ sơ đề nghị cấp phép lưu thông	Cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất, lắp ráp trong nước/Nhập khẩu		Cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất, lắp ráp trong nước/Nhập khẩu	Đảm bảo/ không đảm bảo

3	Phương tiện PCCC đề nghị cấp phép lưu thông	- Phương tiện PCCC và CNCH theo danh mục quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; - Phương tiện chưa thực hiện lưu thông; - Phương tiện chưa được cấp Giấy phép lưu thông trước đó.		Ví dụ đề nghị cấp phép lưu thông: Máy bơm chữa cháy (ký mã hiệu, chủng loại, nơi sản xuất, năm sản xuất....)	Đảm bảo/ không đảm bảo
4	Trình tự thời gian thực hiện việc đề nghị cấp giấy phép lưu thông (tính logic về thời gian thực hiện)	- Tài liệu có đầy đủ thông tin về thời gian; - Trình tự thời gian thực hiện bảo đảm theo quy trình; - Thời gian thử nghiệm phù hợp quy định QCVN 03:2023/BCA (hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn của nước ngoài tương ứng);		Thời gian sản xuất, lắp ráp/nhập khẩu Thời gian lấy mẫu Thời gian thử nghiệm Thời điểm tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu thông	Đảm bảo/ không đảm bảo
5	Thẻ thức, pháp lý của các tài liệu có trong hồ sơ	- Theo đúng biểu mẫu (ví dụ mẫu PC20); - Có thẻ thức phù hợp; - Được ký, xác thực điện tử đầy đủ;		- Kiểm tra biểu mẫu; - Kiểm tra thẻ thức; - Kiểm tra chữ ký điện tử.	Đảm bảo/ không đảm bảo

1. Về hồ sơ:

2. Về kết quả thử nghiệm

2.1. Đối với phương tiện PCCC và CNCH sản xuất, lắp ráp trong nước

STT	Nội dung kiểm tra, đối chiếu	Theo hồ sơ đề nghị	Theo kết quả kiểm tra, đối chiếu	Theo quy định	Kết luận
1	Số lượng lấy mẫu phương tiện phục vụ thử nghiệm theo yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn	Ví dụ: Bình bột chữa cháy Số lượng mẫu tối thiểu cần lấy để thử nghiệm: 18	Ví dụ: Số lượng mẫu dùng để thử nghiệm/số lượng bị phá hủy: 18/6	Số lượng mẫu dùng để thử nghiệm/số lượng bị phá hủy phải bảo đảm theo quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (Ví dụ: TCVN 7026; QCVN 03:2023/BCA)	Đầy đủ/ Không đầy đủ
2	Nguồn gốc xuất xứ của phương tiện	Ví dụ: - Phương tiện có C/O linh kiện nhập khẩu Trung Quốc và Giấy chứng nhận xuất xưởng đối với phương tiện sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam; - Hoặc trường hợp phương tiện có C/O nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài	Ví dụ: Kết quả thử nghiệm; Chứng nhận xuất xưởng; C/O	- Phù hợp giấy chứng nhận xuất xưởng/ xuất xứ; kết quả thử nghiệm; - Thể hiện thống nhất trên toàn bộ hồ sơ	Phù hợp/ không phù hợp

STT	Nội dung kiểm tra, đối chiếu	Theo hồ sơ đề nghị	Theo kết quả kiểm tra, đối chiếu	Theo quy định	Kết luận
3	Mã ký hiệu và số sê-ri của phương tiện	Ví dụ: - Giấy chứng nhận xuất xưởng/ Xuất xứ: 001- 499 - Văn bản đề nghị (PC20): 001- 499	Ví dụ: Kết quả thử nghiệm: 001- 499	- Phù hợp giấy chứng nhận xuất xưởng/ xuất xứ; kết quả thử nghiệm; - Thể hiện thống nhất trên toàn bộ hồ sơ	Phù hợp/ không phù hợp
+	Chỉ tiêu kỹ thuật 1	Xem tài liệu kỹ thuật (nếu có)	Xem kết quả thử nghiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động thử nghiệm chất lượng phương tiện PCCC, CNCH	Bảo đảm về mức yêu cầu và phương pháp thử nghiệm theo quy định tại QCVN 03:2023/BCA hoặc TCVN (trường hợp không quy định tại QCVN 03:2023/BCA)	Phù hợp/ không phù hợp
+	Chỉ tiêu kỹ thuật 2	Xem tài liệu kỹ thuật (nếu có)	Xem kết quả thử nghiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động thử nghiệm chất lượng phương tiện PCCC, CNCH		Phù hợp/ không phù hợp
+	Chỉ tiêu kỹ thuật 3	Xem tài liệu kỹ thuật (nếu có)	Xem kết quả thử nghiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động thử		Phù hợp/ không phù hợp

STT	Nội dung kiểm tra, đối chiếu	Theo hồ sơ đề nghị	Theo kết quả kiểm tra, đối chiếu	Theo quy định	Kết luận
			<i>nghiệm chất lượng phương tiện PCCC, CNCH</i>		
+					

2.2. Đối với phương tiện PCCC và CNCH nhập khẩu

STT	Nội dung kiểm tra, đối chiếu	Theo hồ sơ đề nghị	Theo quy định	Theo kết quả kiểm tra, đối chiếu	Kết luận
1	Nguồn gốc xuất xứ của phương tiện	Ví dụ: - Phương tiện có C/O linh kiện nhập khẩu Trung Quốc và Giấy chứng nhận xuất xưởng đối với phương tiện sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam; - Hoặc trường hợp phương tiện có C/O nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài	- Phù hợp giấy chứng nhận xuất xưởng/ xuất xứ; kết quả thử nghiệm; - Thể hiện thống nhất trên toàn bộ hồ sơ	Ví dụ: Kết quả thử nghiệm; Chứng nhận xuất xưởng; C/O	Phù hợp/ không phù hợp

STT	Nội dung kiểm tra, đối chiếu	Theo hồ sơ đề nghị	Theo quy định	Theo kết quả kiểm tra, đối chiếu	Kết luận
2	Mã ký hiệu và số sê-ri của phương tiện	Ví dụ: - Giấy chứng nhận xuất xưởng/ Xuất xứ: 001- 499 - Văn bản đề nghị (PC20): 001- 499	- Phù hợp giấy chứng nhận xuất xưởng/ xuất xứ; kết quả thử nghiệm; - Thể hiện thống nhất trên toàn bộ hồ sơ	Ví dụ: Kết quả thử nghiệm: 001- 499	Phù hợp/ không phù hợp
3	Tên tiêu chuẩn công bố áp dụng	Ví dụ: Tiêu chuẩn nước ngoài UL 521 - Heat Detectors for Fire Protective Signaling Systems	- Thể hiện thống nhất trên toàn bộ hồ sơ; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng là tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam.	- Kết quả thử nghiệm:; - Chứng nhận chất lượng:; - C/Q: - Catalogue:	Phù hợp/ không phù hợp
4	Thông số kỹ thuật	Ví dụ, theo hồ sơ đề nghị: - Ngưỡng kích hoạt: 68°C; - Bảo đảm chịu ăn mòn; cách điện; chống rung lắc theo quy định;	Thể hiện trên kết quả thử nghiệm, tài liệu kỹ thuật và thông tin thống nhất trên toàn bộ hồ sơ	Theo tài liệu kỹ thuật và kết quả thử nghiệm số S35955-20191031: - Ngưỡng kích hoạt: 68°C;	Phù hợp/ không phù hợp

STT	Nội dung kiểm tra, đối chiếu	Theo hồ sơ đề nghị	Theo quy định	Theo kết quả kiểm tra, đối chiếu	Kết luận
		- Chiều dài lắp đặt tối đa: 1000 m. ...		- Bảo đảm chịu ăn mòn; cách điện; chống rung lắc theo quy định; - Chiều dài lắp đặt tối đa: 1000 m. ...	
5	Kiểm tra chứng chỉ công nhận tổ chức thử nghiệm nước ngoài đã được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025	Ví dụ: - Phòng thử nghiệm TL-157 của tổ chức Underwriters Laboratory Inc., (UL); -	Tổ chức thử nghiệm nước ngoài đã được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 có chứng chỉ công nhận tổ chức thử nghiệm	Xem thời gian phát hành chứng nhận, thời hạn còn hiệu lực của chứng nhận; Kiểm tra phạm vi chứng nhận cho phòng thử nghiệm thực hiện thử nghiệm phương tiện PCCC, CNCH theo tiêu chuẩn nước ngoài tương ứng bảo đảm phù hợp với phương tiện PCCC, CCNH đang đề nghị cấp phép lưu thông (mẫu PC20)	Đúng/ không đúng quy định

STT	Nội dung kiểm tra, đối chiếu	Theo hồ sơ đề nghị	Theo quy định	Theo kết quả kiểm tra, đối chiếu	Kết luận
6	Kiểm tra chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm nước ngoài	Ví dụ: Chứng nhận KFI số 201400084 ngày; Báo cáo thử nghiệm số ... ngày	Bảo đảm phải đúng với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam	Chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật (kiểm tra phương pháp thử, mức yêu cầu, kết quả thử)	Đúng/ không đúng quy định

3. Kết luận:

- Thành phần hồ sơ: Đầy đủ/ chưa đầy đủ (ghi rõ nội dung);
- Tính pháp lý, hợp lệ của hồ sơ: Đảm bảo/ không đảm bảo (ghi rõ nội dung);
- Nội dung kiểm tra, đối chiếu: Đầy đủ, đúng quy định/ Chưa đầy đủ, chưa đúng quy định (ghi rõ nội dung);
- Kết quả kiểm tra, đối chiếu: Phù hợp/ không phù hợp (ghi rõ nội dung);

Đề xuất: Đủ/ không đủ điều kiện cấp giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH.

Phụ lục II**Bảng 1: Bảng thống kê kết quả thực hiện công tác cấp phép lưu thông
phương tiện PCCC, CNCH****BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẤP PHÉP
LƯU THÔNG PHƯƠNG TIỆN PCCC, CNCH**

I. Thống kê phương tiện phòng cháy chữa cháy đã cấp phép (thời gian thống kê:
Từ ngày .././... - .././.../...)

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú	
1	Số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH:			
2	Số hồ sơ được cấp Giấy phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH:			
3	Thống kê chi tiết các phương tiện PCCC, CNCH đã được cấp phép đưa ra lưu thông trên thị trường:			
TT	Danh mục	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I	Máy bơm chữa cháy	Chiếc		
II	Bơm của hệ thống chuyên dùng trên xe chữa cháy	Chiếc		
III	Phương tiện chữa cháy thông dụng			
1	Vòi chữa cháy	Cuộn		
2	Lăng chữa cháy	Chiếc		
3	Đầu nối	Chiếc		
4	Trụ nước chữa cháy	Chiếc		
5	Bình chữa cháy	Bình		
IV	Chất chữa cháy			
1	Hóa chất chữa cháy gốc nước	lít		
2	Bột chữa cháy	kg		
3	Khí chữa cháy	lít/kg		
4	Chất tạo bột chữa cháy	Can/phuy		
V	Thiết bị thuộc hệ thống báo cháy			
1	Tủ trung tâm báo cháy	Bộ		
2	Đầu báo cháy	Chiếc		

3	Nút ấn báo cháy	Chiếc		
4	Chuông báo cháy	Chiếc		
5	Đèn báo cháy	Chiếc		
V	Thiết bị thuộc hệ thống chữa cháy (bằng khí, sol-khí, nước, bột, bọt, chất chữa cháy gốc nước)			
1	Tủ điều khiển chữa cháy	Bộ		
2	Chuông cảnh báo	Chiếc		
3	Còi cảnh báo	Chiếc		
4	Đèn cảnh báo	Chiếc		
5	Bảng hiển thị cảnh báo	Chiếc		
6	Van báo động	Chiếc		
7	Van tràn ngập	Chiếc		
8	Ống phi kim loại dùng trong hệ thống cấp nước chữa cháy	Mét		
9	Ống mềm dùng cho đầu phun chữa cháy	Bộ		
10	Họng tiếp nước chữa cháy (họng chờ)	Chiếc		
11	Đầu phun chất chữa cháy các loại	Chiếc		
12	Thiết bị chứa khí	Chiếc		
13	Thiết bị chứa sol-khí	Chiếc		
14	Thiết bị chứa bột	Chiếc		
15	Thiết bị chứa chất chữa cháy gốc nước các loại	Chiếc		
VI	Đèn chiếu sáng sự cố	Chiếc		
VII	Đèn chỉ dẫn thoát nạn	Chiếc		
VIII	Mặt nạ lọc độc	Chiếc		
IX	Mặt nạ phòng độc cách ly	Chiếc		

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

CÁN BỘ THỐNG KÊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục II

Bảng 2: Bảng khai báo cấp phép lưu thông phương tiện PCCC, CNCH
BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHAI BÁO THÔNG TIN
GIẤY PHÉP LƯU THÔNG PHƯƠNG TIỆN PCCC, CNCH

TT	Mã TTHC	Đơn vị cấp giấy	Số giấy phép	Ngày cấp giấy	Tên đơn vị đề nghị	Địa chỉ đơn vị đề nghị	Đơn vị thử nghị	Thời gian thử nghị	Tên phương tiện	Tóm tắt thông số kỹ thuật	Ký mã hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
1																
2																
3																
...																

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

CÁN BỘ THỐNG KÊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chuyên đề 5

CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

1. Phạm vi điều chỉnh

- Tại Điều 1 Luật Xử lý VPHC được sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định phạm vi điều chỉnh bao gồm: xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính.

- Tại Điều 1 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định: đối tượng bị xử phạt VPHC; quy định về VPHC và xử phạt VPHC; áp dụng quy định về xử phạt VPHC; quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

- Tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP đã bổ sung một số nội dung như sau:

+ Các hành vi VPHC trong lĩnh vực quản lý nhà nước khác liên quan đến lĩnh vực PCCC và CNCH mà không quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP thì áp dụng quy định tại các Nghị định quy định về xử phạt VPHC trong các lĩnh vực đó để xử phạt.

+ Đối với các hành vi vi phạm về PCCC rừng thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực lâm nghiệp. Trường hợp các hành vi VPHC về PCCC rừng không được quy định tại Nghị định quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực lâm nghiệp thì thực hiện xử phạt theo quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

2. Nguyên tắc xử phạt VPHC

Theo quy định tại Điều 3 Luật Xử lý VPHC (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định nguyên tắc xử phạt VPHC bao gồm:

- Mọi VPHC phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật;

- Việc xử phạt VPHC được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật;

- Việc xử phạt VPHC phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;

- Đối với cùng một hành vi VPHC thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Thẩm quyền lập biên bản và xử phạt VPHC

3.1. Thẩm quyền lập biên bản (Điều 6 Luật Xử lý VPHC được sửa đổi, bổ sung năm 2020; Điều 29 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP)

- Người có thẩm quyền lập biên bản VPHC gồm: Người có thẩm quyền xử phạt, công chức, viên chức và người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang thi hành công vụ, nhiệm vụ; người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu và những người được chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản.

Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản VPHC được quy định cụ thể tại các nghị định quy định về xử phạt VPHC trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

- *Điểm mới:* Tại Điều 29 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP đã cụ thể hóa các chức danh có thẩm quyền lập biên bản VPHC trong lĩnh vực PCCC và CNCH bao gồm:

+ Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các Điều 30, 31, 32, 33, 34, 35 và Điều 36 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

+ Công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan đăng kiểm đang thi hành công vụ (*điểm mới*).

3.2. Thẩm quyền xử phạt VPHC

3.2.1. Xác định thẩm quyền xử phạt VPHC (Điều 21 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP)

3.2.2. Các chức danh có thẩm quyền xử phạt VPHC

- Tại Điều 5 đến Điều 18 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP, Điều 30 đến Điều 36 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP quy định các chủ thể có thẩm quyền xử phạt VPHC trong lĩnh vực PCCC và CNCH.

- Đối với thẩm quyền xử phạt VPHC của Công an nhân dân được quy định như sau:

“1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Điểm mới: Theo quy định cũ trong lĩnh vực PCCC và CNCH, Chiến sĩ CAND (cán bộ) có thẩm quyền XPHVP đến 500.000 đồng, tuy nhiên theo Nghị định số 189 có thẩm quyền XPVPHC đến 5.000.000 đồng (*tăng gấp 10 lần*)

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Điểm mới: Theo quy định cũ trong lĩnh vực PCCC và CNCH, Đội trưởng có thẩm quyền XPHVP đến 1.500.000 đồng, tuy nhiên theo Nghị định số 189 có thẩm quyền XPVPHC đến 15.000.000 đồng (tăng gấp 10 lần)

- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp xã

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Điểm mới: Theo quy định cũ trong lĩnh vực PCCC và CNCH, Đội trưởng có thẩm quyền XPHVP đến 2.500.000 đồng, tuy nhiên theo Nghị định số 189 có thẩm quyền XPVPHC đến 25.000.000 đồng (tăng gấp 10 lần)

c) Tước quyền sử dụng giấy phép là văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

Điểm mới: Bổ sung “Đình chỉ hoạt động có thời hạn” đối với Trưởng Công an cấp xã

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

5. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Điểm mới: Theo quy định cũ trong lĩnh vực PCCC và CNCH, Trưởng phòng có thẩm quyền XPHVP đến 10.000.000 đồng, tuy nhiên theo Nghị định số 189 có thẩm quyền XPVPHC đến 40.000.000 đồng (tăng gấp 04 lần)

c) Tước quyền sử dụng giấy phép là văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Điểm mới: Theo quy định cũ trong lĩnh vực PCCC và CNCH, Giám đốc có thẩm quyền XPHVP đến 25.000.000 đồng, tuy nhiên theo Nghị định số 189 có thẩm quyền XPVPHC đến 50.000.000 đồng (tăng gấp 02 lần)

c) Tước quyền sử dụng giấy phép là văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

7. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; *(Giữ nguyên so với quy định cũ)*
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép là văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
- d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.”

3.3. Giao quyền xử phạt VPHC (Điều 54 Luật Xử lý VPHC được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025).

4. Đối tượng bị xử phạt VPHC

4.1. Đối với cá nhân (Điều 5 Luật Xử lý VPHC được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025)

4.2. Đối với tổ chức (Điều 3 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)

- a) Tổ chức bị xử phạt VPHC khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - + Là pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự hoặc các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật;
 - + Hành vi VPHC do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức và hành vi đó được quy định tại nghị định về xử phạt VPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.

b) Tổ chức bị xử phạt VPHC được quy định cụ thể tại các nghị định quy định xử phạt VPHC trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.

c) Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh VPHC trong phạm vi và thời hạn được ủy quyền của pháp nhân, tổ chức hoặc theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của pháp nhân, tổ chức, thì đối tượng bị xử phạt VPHC là pháp nhân, tổ chức đó và bị xử phạt VPHC theo mức phạt áp dụng đối

với tổ chức về những hoạt động do chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của pháp nhân, tổ chức đó thực hiện.

Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của pháp nhân, tổ chức thực hiện hành vi VPHC không thuộc phạm vi hoặc thời hạn được pháp nhân, tổ chức ủy quyền hoặc không theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của pháp nhân, tổ chức, thì chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải chịu trách nhiệm và bị xử phạt VPHC theo mức phạt áp dụng đối với tổ chức về những hoạt động do chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện.

d) Hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư VPHC bị áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân VPHC. Người đại diện của hộ kinh doanh, chủ hộ của hộ gia đình, người đứng đầu của cộng đồng dân cư chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

Lưu ý: Trường hợp đối tượng không áp dụng xử phạt VPHC theo Luật Xử lý VPHC (khoản 6 Điều 3 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)

- Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu thực hiện hành vi vi phạm khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý VPHC, mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý VPHC, mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

4.3. Một số đối tượng mới trong xử phạt VPHC trong lĩnh vực PCCC và CNCH

Tại Điều 2 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP, bổ sung như sau: Cộng đồng dân cư; Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: các đơn vị phụ thuộc Hợp tác xã; Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư; Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Thương mại; Cơ quan nhà nước; Ban Quản trị nhà chung cư hoạt động theo mô hình ban quản trị, có tư cách pháp nhân; Tổ chức được giao trực tiếp quản lý cơ sở theo quy định tại Luật PCCC và CNCH; Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật.

5. Thời hạn, thời hiệu xử phạt VPHC

5.1. Thời hiệu xử phạt VPHC (Khoản 1 Điều 1 Luật Xử lý VPHC năm 2025, Điều 6 Luật Xử lý VPHC năm 2020)

a) Thời hiệu xử phạt VPHC trong lĩnh vực PCCC và CNCH là 01 năm (Điều 6 Luật Xử lý VPHC được sửa đổi, bổ sung năm 2020)

b) Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt VPHC trong lĩnh vực PCCC và CNCH (Điều 74 Luật Xử lý VPHC được sửa đổi, bổ sung năm 2020)

- Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt VPHC là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định, quá thời hạn này thì không thi hành quyết định đó nữa, trừ trường hợp quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

- Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

c) Một số nội dung xác định thời hiệu xử phạt VPHC trong lĩnh vực PCCC và CNCH

- Tại Điều 5 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP đã quy định việc tính thời hiệu xử phạt VPHC đối với các trường hợp thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy quy định tại Điều 18 Nghị định 106/2025/NĐ-CP, cụ thể:

+ Khoản 1 và khoản 2 tính thời hiệu xử phạt VPHC kể từ ngày chủ đầu tư, chủ sở hữu bàn giao công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông (*chuyển đổi, bổ sung công năng hoặc cải tạo công trình thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; hoặc cải PTGT thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy*).

+ Khoản 3 và khoản 4 tính thời hiệu xử phạt VPHC kể từ ngày công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông chấm dứt hoạt động (*đưa công trình đã được thẩm duyệt thiết kế hoặc thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy vào khai thác, sử dụng khi chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; đưa công trình vào sử dụng, hoạt động khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy*).

- Điểm mới: Tại khoản 1 Điều 1 Luật Xử lý VPHC năm 2025 đã bổ sung:

“Trường hợp xử phạt VPHC đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu xử phạt áp dụng theo quy định tại điểm a khoản

này được kéo dài thêm 01 năm. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt VPHC;”

Như vậy, trong lĩnh vực PCCC và CNCH các vụ xử phạt VPHC đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu xử phạt được kéo dài thêm 01 năm.

5.2. Thời hạn xử phạt VPHC

- Thời hạn được coi là chưa bị xử lý VPHC (Điều 7 Luật Xử lý VPHC)
- Thời hạn ra quyết định xử phạt VPHC (Điều 66 Luật Xử lý VPHC)
- Thời hạn lập biên bản VPHC (Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP):
 - + Biên bản VPHC được lập trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện VPHC *(theo quy định cũ tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP là 02 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện VPHC)*;

- + VPHC phát hiện bằng PT thiết bị KTNV hoặc phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm *(theo quy định cũ tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP là 03 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện VPHC)*;

- + Trường hợp một vụ việc có nhiều hành vi VPHC khác nhau, trong đó có hành vi được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm, thì biên bản VPHC được lập đối với các hành vi trong vụ việc đó trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được đầy đủ kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm *(theo quy định cũ tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP là 03 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được đầy đủ kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm)*.

- Thời hạn thi hành quyết định xử phạt VPHC (Điều 73 Luật Xử lý VPHC)
- Thời hạn gửi quyết định xử phạt VPHC (Khoản 14 Điều 1 Luật Xử lý VPHC năm 2025)

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt VPHC, người đã ra quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt, cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành *(theo Luật Xử lý VPHC năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 là 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt VPHC)*.

6. Hình thức xử phạt VPHC và biện pháp khắc phục hậu quả

6.1. Các hình thức xử phạt chính

a) **Cảnh cáo** (Điều 22 Luật Xử lý VPHC sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị định số 106/2025/NĐ-CP)

- Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định thì bị áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản.

- Tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP có **03 điều (04 hành vi)** quy định tại: Khoản 1 Điều 6; Khoản 1 Điều 27; điểm a và điểm b, Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

b) **Phạt tiền** (Điều 23 Luật Xử lý VPHC sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị định số 106/2025/NĐ-CP)

- Mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH từ 500.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức.

- Tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP có **23 điều (148 hành vi)**.

6.2. Các hình thức xử phạt bổ sung (Điều 28 Luật Xử lý VPHC sửa đổi, bổ sung năm 2020; Điều 3 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP)

a) **Tước quyền sử dụng giấy phép** (Điều 25 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020)

- Tước quyền sử dụng giấy phép là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng các hoạt động được ghi trong giấy phép. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép cá nhân, tổ chức không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

- Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, đình chỉ hoạt động quy định từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành *(xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để quy định thời gian thực hiện)*

Lưu ý: Tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP quy định: Tước quyền sử dụng giấy phép là văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy từ 06 tháng đến 12 tháng (*Có 01 điều, 01 hành vi trong lĩnh vực PCCC và CNCH*)

b) Tịch thu tang vật VPHC (Điều 26 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020)

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hóa có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức.

Lưu ý: Có 02 điều (03 hành vi) quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP (khoản 4 Điều 14; điểm b khoản 3 Điều 15; khoản 4 Điều 15)

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn (Điều 25 Luật Xử lý VPHC sửa đổi, bổ sung năm 2020)

Lưu ý: Có 07 điều (08 hành vi) quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP (khoản 3 Điều 18; khoản 4 Điều 18; Điểm a và điểm b khoản 9 Điều 20; khoản 8 Điều 21; khoản 3 Điều 23; khoản 5 Điều 24; khoản 6 Điều 25)

6.3. Các biện pháp khắc phục hậu quả (*Điều 28 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020; Điều 3 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP*)

Luật Xử lý VPHC có 9 biện pháp khắc phục hậu quả chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định, về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực PCCC và CHCN, tại Điều 3 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP quy định biện pháp khắc phục hậu quả, bao gồm:

- Biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý VPHC: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, Có 02 hành vi quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP (Điều 6, Điều 21)

- Các biện pháp khác được quy định cụ thể tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP: Có 34 biện pháp khắc phục hậu quả khác được quy định tại Nghị định 106/2025/NĐ-CP (quy định tại 11 Điều, cụ thể tại Điều 6, điều 12, điều 14, điều 16, điều 19, điều 20, điều 21, điều 23, điều 24, điều 25 và điều 27).

7. Quy trình xử phạt VPHC

7.1. Buộc chấm dứt hành vi VPHC (*Điều 55 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020*)

Buộc chấm dứt hành vi VPHC được người có thẩm quyền đang thi hành công vụ áp dụng đối với hành vi VPHC đang diễn ra nhằm chấm dứt ngay hành

vi phạm. Buộc chấm dứt hành vi VPHC được thực hiện bằng lời nói, còi, hiệu lệnh, văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

7.2. Xử phạt VPHC không lập biên bản (Khoản 8 Điều 1 Luật Xử lý VPHC năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025; Nghị định số 106/2025/NĐ-CP)

7.2.1. Các trường hợp áp dụng

- Xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân, 1.000.000 đồng đối với tổ chức;

- Hành vi vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến theo quy định tại khoản 1 Điều 63 của Luật Xử lý VPHC năm 2020.

Lưu ý: Tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP, việc xử phạt VPHC không lập biên bản có 04 hành vi (khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 27, điểm a và điểm b khoản 1 Điều 28).

7.2.2. Các bước thực hiện xử phạt không lập biên bản

- Bước 1: Ra quyết định xử phạt VPHC theo thủ tục xử phạt không lập biên bản (02 bản, theo Mẫu quyết định số 01 ban hành kèm theo Nghị định 68/2025/NĐ-CP). Trường hợp phạt tiền thì phải ghi rõ mức tiền phạt.

- Bước 2: Giao quyết định xử phạt VPHC theo thủ tục xử phạt không lập biên bản cho cá nhân, tổ chức vi phạm (01 bản).

- Bước 3: Thi hành quyết định xử phạt không lập biên bản cụ thể: Cá nhân, tổ chức vi phạm nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt. Người thu tiền phạt có trách nhiệm giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt và phải nộp tiền phạt trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền phạt (Điều 69 Luật Xử lý VPHC).

- Bước 4: Lưu 01 quyết định xử phạt VPHC theo thủ tục xử phạt không lập biên bản và chứng từ thu tiền phạt vào hồ sơ.

7.2.3. Những điểm cần lưu ý đối với quyết định xử phạt VPHC không lập biên bản (Điều 56 Luật Xử lý VPHC, Mẫu Quyết định số 01 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP)

a) Quyết định xử phạt VPHC tại chỗ

- Ghi đầy đủ thông tin quyết định xử phạt VPHC không lập biên bản như: ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, địa chỉ của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; chứng

cứ và tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định xử phạt; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt (Điều 56 Luật Xử lý VPHC).

- Nội dung ghi Mẫu Quyết định số 01 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP.
- b) Lập 02 bản Quyết định Xử phạt VPHC không lập biên bản.
- c) Giao quyết định xử phạt VPHC theo thủ tục xử phạt không lập biên bản cho cá nhân, tổ chức vi phạm (01 bản).
- d) Thi hành quyết định xử phạt không lập biên bản (Điều 69 Luật Xử lý VPHC).
- đ) Lưu 01 quyết định xử phạt VPHC theo thủ tục xử phạt không lập biên bản và chứng từ thu tiền phạt vào hồ sơ.

7.3. Xử phạt VPHC có lập biên bản (Điều 57 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020)

7.3.1. Trường hợp áp dụng có lập biên bản

Luật số 88/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý VPHC năm 2020 việc xác định trường hợp có lập biên bản được áp dụng phạt tiền trên 500.000 đồng đối với cá nhân, trên 1.000.000 đồng đối với tổ chức.

- VPHC thuộc trường hợp không lập biên bản VPHC quy định tại khoản 8 Điều 1 Luật Xử lý VPHC năm 2025 được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì phải lập biên bản.

7.3.2. Các bước thực hiện có lập biên bản

Bước 1:

- Lập biên bản VPHC (ít nhất 02 bản) và giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm một bản, lưu hồ sơ 01 bản (khoản 6 Điều 1 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP; Điều 58 Luật Xử lý VPHC);

- Đối với vụ việc có tang vật VPHC (Điều 26), lập biên bản tịch thu tang vật vi phạm hành chính theo Mẫu biên bản số 20 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP

Lưu ý:

- Biên bản VPHC được lập trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện VPHC (khoản 6 Điều 1 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP; Điều 58 Luật Xử lý VPHC).

- Mẫu biên bản số 01 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP (lập ít nhất 02 bản), giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản, lưu hồ sơ 01 bản (chi tiết quy định tại Điều 58 Luật Xử lý VPHC).

Bước 2: Trường hợp VPHC không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển kịp thời cho người có thẩm quyền xử phạt, trừ trường hợp vi phạm hành chính xảy ra trên biển, đường thủy nội địa hoặc tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu hỏa (Khoản 9 Điều 1 Luật Xử lý VPHC năm 2025) (Theo quy định cũ tại Điều 58 Luật Xử lý VPHC năm 2020 thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, trừ trường hợp biên bản được lập trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa. Hiện nay, biên bản và các tài liệu khác được chuyển kịp thời).

Bước 3: Ra quyết định xử phạt VPHC (ít nhất 03 bản) (Điều 67 Luật Xử lý VPHC, Mẫu quyết định số 02 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP);

Bước 4: Gửi quyết định đó cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành (trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định xử phạt VPHC quy định tại khoản 14 Điều 1 Luật Xử lý VPHC năm 2025). Lưu hồ sơ 01 bản quyết định xử phạt VPHC.

Bước 5: Tổ chức thi hành quyết định xử phạt VPHC (Điều 73 Luật Xử lý VPHC). Trường hợp không thi hành quyết định xử phạt VPHC thì tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC (Điều 86, 87 và Điều 88 Luật Xử lý VPHC; Chương 2 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC)

Bước 6: Thủ tục nộp tiền phạt VPHC (Điều 78 Luật Xử lý VPHC)

Bước 7: Lưu 01 quyết định xử phạt và chứng từ thu tiền phạt vào hồ sơ.

7.4. Lưu ý một số nội dung trong quá trình thực hiện xử phạt VPHC có lập biên bản VPHC

7.4.1. Lập biên bản VPHC (*Khoản 9 Điều 1 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025; Điều 58 Luật Xử lý VPHC năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020*)

Nội dung biên bản VPHC được quy định tại Mẫu số 01 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP

7.4.2. Trường hợp vụ việc phải tịch thu tang vật VPHC (Điều 26 và Điều 81 Luật Xử lý VPHC được sửa đổi, bổ sung năm 2020)

7.4.3. Đối với trường hợp xác minh trong lĩnh vực PCCC và CNCH (*Khoản 10 Điều 1 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025, Khoản 1 Điều 59 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020*)

a) Nội dung xác minh các tình tiết của vụ việc

- Khi xem xét ra quyết định xử phạt VPHC, trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh các tình tiết sau đây:

+ Có hay không có VPHC;

+ Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi VPHC, lỗi, nhân thân của cá nhân VPHC;

+ Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;

+ Tính chất, mức độ thiệt hại do VPHC gây ra;

+ Trường hợp không ra quyết định xử phạt VPHC theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật Xử lý VPHC;

+ Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt.

Trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định.

- Việc xác minh tình tiết của vụ việc VPHC phải được thể hiện bằng văn bản.

- Tại khoản 10 Điều 1 Luật số 88/2025/QH15 bổ sung khoản 3 như sau: “Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này tự mình hoặc phân công, phối hợp thực hiện xác minh và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả xác minh”.

b) Mẫu biên bản xác minh tiết tiết vụ việc VPHC quy định tại Mẫu biên bản số 05 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP,

7.4.4. Đối với trường hợp Giải trình xử phạt VPHC trong lĩnh vực PCCC và CNCH (*Điều 61 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020; Điều 17 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP*)

- Nội dung về giải trình xử phạt VPHC (*Điều 61 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2020*).

- Mẫu Biên bản phiên giải trình trực tiếp quy định tại Mẫu biên bản số 03 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

7.4.5. Những điểm cần lưu ý đối với quyết định xử phạt VPHC (*Điều 67 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020*)

- Tại khoản 1 Điều 68 Luật Xử lý VPHC đã quy định cụ thể các nội dung cần ghi trong quyết định xử phạt VPHC. Ghi đầy đủ thông tin tại Mẫu Quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP.

- Nguyên tắc thực hiện quyết định xử phạt VPHC

+ Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác.

+ Đối với cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi VPHC trong cùng một vụ vi phạm, thì việc ra quyết định xử phạt thực hiện theo quy định tại Điều 67 Luật Xử lý VPHC được sửa đổi, bổ sung năm 2020.

- Trường hợp không ra Quyết định xử phạt VPHC trong lĩnh vực PCCC và CNCH (*Điều 65 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020*).

7.4.6. Thủ tục nộp tiền phạt VPHC (*Điều 78 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020*)

7.4.7. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức VPHC (*Điều 72 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020*)

Đối với lĩnh vực PCCC và CNCH thì không quy định việc công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

7.4.8. Cường chế thi hành quyết định xử phạt VPHC (Điều 86, 87 và Điều 88 Luật Xử lý VPHC; Chương 2 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định về cường chế thi hành quyết định xử phạt VPHC)

Đối với lĩnh vực PCCC và CNCH khi thực hiện Cường chế thi hành quyết định xử phạt VPHC áp dụng 05 biện pháp cường chế như sau:

- Biện pháp cường chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý VPHC năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020

- Biện pháp cường chế khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý VPHC năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020:

- Biện pháp cường chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý VPHC năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020

- Biện pháp cường chế thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cường chế thi hành quyết định xử phạt VPHC do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường

hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý VPHC năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020

- Biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm d khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý VPHC năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020:

Lưu ý: Hiện nay, Bộ Công an đang tham mưu Chính phủ xây dựng Nghị định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC, trong thời gian tới khi có quy định cụ thể, C07 sẽ có hướng dẫn chi tiết.

7.5. Xử phạt VPHC trên môi trường điện tử (khoản 2 Điều 1 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025)

a) Việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện khi bảo đảm điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin.

b) Việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan;

- Việc thu thập, lưu trữ, khai thác, sử dụng dữ liệu phải bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực, an toàn, đúng mục đích, phạm vi theo quy định của pháp luật;

- Kết nối hệ thống, chia sẻ dữ liệu, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời phục vụ quản lý nhà nước và giám sát của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

c) Chính phủ quy định chi tiết việc xử phạt VPHC trên môi trường điện tử.

7.6. Một số trường hợp xử phạt VPHC trong lĩnh vực PCCC và CNCH có liên quan

7.6.1. Xử phạt VPHC trong quá trình xác minh, giải quyết vụ cháy (Khoản 13 Điều 1 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025, Điều 62 Luật Xử lý VPHC, Nghị định số 106/2025/NĐ-CP, Thông tư số 88/2024/TT-BCA)

a) Đối với các vụ cháy do PC07 (Điều 6 Thông tư số 88/2024/TT-BCA):

Xử phạt VPHC theo thẩm quyền hoặc đề xuất người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ cháy trực tiếp thụ lý; tiếp nhận, xử phạt VPHC hoặc đề xuất người có thẩm quyền xử phạt VPHC đối với vụ cháy không có dấu hiệu tội phạm nhưng có dấu hiệu VPHC về phòng cháy, chữa cháy do Cơ quan điều tra chuyển giao.

b) Đối với các vụ cháy do Cơ quan điều tra chủ trì xác minh (*Điều 62 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020*)

- Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt VPHC, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

- Trong quá trình thi hành quyết định xử phạt VPHC, nếu hành vi vi phạm được phát hiện có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người đã ra quyết định xử phạt VPHC phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đó và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày tạm đình chỉ phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự; trường hợp đã thi hành xong quyết định xử phạt thì người đã ra quyết định xử phạt VPHC phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

- Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm xem xét, kết luận vụ việc và trả lời kết quả giải quyết bằng văn bản cho người có thẩm quyền đã chuyển hồ sơ trong thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; trường hợp không khởi tố vụ án hình sự thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến.

- + Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Xử lý VPHC, nếu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định khởi tố vụ án thì người có thẩm quyền xử phạt VPHC phải hủy bỏ quyết định xử phạt VPHC và chuyển toàn bộ tang vật, phương tiện VPHC và tài liệu về việc thi hành quyết định xử phạt cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

- Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự phải được thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

- Mẫu Biên bản bàn giao hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Mẫu biên bản số 28 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP

c) Đối với vụ cháy không có dấu hiệu tội phạm và có dấu hiệu VPHC trong lĩnh vực PCCC và CNCH:

Chuyển hồ sơ, tài liệu, tang vật, phương tiện (nếu có) của vụ vi phạm và đề nghị Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thực hiện xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ cháy do Văn phòng Cảnh sát điều tra thụ lý có dấu hiệu vi phạm hành

chính trong lĩnh vực PCCC và CNCH theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Thông tư số 88/2024/TT-BCA.

Lưu ý: Tại khoản 13 Điều 1 Luật Xử lý VPHC năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025), quy định:

“1. Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó ban hành một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án, nếu hành vi có dấu hiệu VPHC thì người có thẩm quyền của cơ quan đang thụ lý vụ án phải xử phạt VPHC theo thẩm quyền.

Trường hợp không có thẩm quyền xử phạt, thì phải chuyển quyết định kèm theo hồ sơ (bản sao y), tang vật, phương tiện vi phạm liên quan đến hành vi VPHC trong vụ việc, trừ trường hợp tang vật, phương tiện là vật chứng và văn bản đề nghị xử phạt VPHC cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.”.

- Tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP đã bổ sung quy định “*Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi để xảy ra cháy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự*” tại 11 Điều (khoản 3 Điều 11; khoản 5 Điều 12; khoản 4 Điều 13; khoản 6 Điều 14; khoản 5 Điều 15; khoản 4 Điều 16; khoản 5 Điều 18; khoản 10 Điều 20; khoản 7 Điều 21; khoản 5 Điều 23; khoản 7 Điều 25).

Đối với các vụ cháy không có dấu hiệu tội phạm nhưng có dấu hiệu VPHC về PCCC do Cơ quan điều tra chuyển giao, trong quá trình xác minh, giải quyết vụ cháy khi có đầy đủ tài liệu, căn cứ và thông báo kết quả xác minh vụ cháy chứng minh hành vi vi phạm quy định về PCCC để xảy ra cháy thì sẽ áp dụng “Phạt tiền gấp hai lần” đối với cùng hành vi vi phạm không để xảy ra cháy nhằm tăng tính răn đe, thượng tôn pháp luật và phòng ngừa vi phạm quy định về PCCC.

7.6.2. Xử phạt trong trường hợp phát hiện VPHC bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ (*Điều 64 Luật Xử lý VPHC năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020, Chương II Nghị định 135/2021/NĐ-CP*)

Chuyên đề 6

CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, GIẢI QUYẾT VỤ CHÁY CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

I. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, GIẢI QUYẾT VỤ CHÁY CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

1. Các văn bản quy phạm pháp luật

- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật số 99/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng hình sự 2015;
- Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017); Luật số 86/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật hình sự 2015;
- Luật PCCC và CNCH năm 2024;
- Luật Giám định tư pháp năm 2012;
- Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015;
- Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng ngày 28/03/2012;
- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;
- Nghị định số 26/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02/3/2015 về Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự;
- Thông tư số 55/2006/TT-BTC ngày 22/6/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 26/2005/NĐ-CP ngày 02/3/2005 của Chính phủ về hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự;
- Thông tư số 49/2017/TT-BCA ngày 26/10/2017 quy định chi tiết chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự; thành phần, số người thực hiện nhiệm vụ khi giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi và khai quật tử thi;
- Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2018 (đã

được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT- VKSNDTC ngày 29/11/2021, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/1/2022)

- Quyết định số 169/QĐ-VKSTC ngày 02/5/2018 của Viện KSND tối cao ban hành Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; Quyết định số 170/QĐ-VKSTC ngày 02/5/2018 của Viện KSND tối cao ban hành Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra và Giám định;

- Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA- BQP-BTC- BNN&PTNT ngày 05/9/2018 quy định việc phối hợp thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo;

- Thông tư số 07/VBHN-BCA ngày 19/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong công an nhân dân và các đội điều tra thuộc cơ quan cảnh sát điều tra công an cấp huyện;

- Thông tư số 28/2020/TT-BCA ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 129/2021/TT-BCA ngày 31/12/2021, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/2/2022).

- Thông tư số 140/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 của Bộ Công an quy định về triển khai các hoạt động chữa cháy và CNCH của lực lượng Công an nhân dân.

- Thông tư số 119/2021/TT-BCA ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự;

- Thông tư số 36/2022/TT-BCA ngày 96/10/2022 của Bộ Công an quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và cấp, thu hồi Giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra trong Công an nhân dân.

- Hướng dẫn số 02/HDLN-BCA-VKSNDTC ngày 31/01/2024 của Bộ Công an - Viện kiểm sát Nhân dân tối cao về việc Phối hợp thực hiện thủ tục trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân.

- Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐTP ngày 24/4/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 313 của Bộ luật hình sự.

- Thông tư số 88/2024/TT-BCA ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm, quan hệ, quy trình xác minh, giải quyết vụ cháy, giải quyết vụ cháy trong Công an nhân dân.(thay thế Thông tư số 55/2020/TT-BCA ngày 03/6/2020 và Thông tư số 11/2023/TT-BCA ngày 01/3/2023).

- Thông tư số 98/2024/TT- BCA ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình khám nghiệm hiện trường trong tố tụng hình sự của lực lượng CAND.

- Thông tư số 11/2025/TT- BCA ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công an quy định về tổ chức, bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra; phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; thẩm quyền điều tra hình sự trong CAND.

- Công văn số 542/BCA- C07 ngày 20/02/2025 của Bộ Công an về việc hướng dẫn phân công, phân cấp thực hiện công tác PCCC và CNCH.

- Công văn số 611/C07- P1 ngày 13/03/2025 của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ về việc thực hiện hướng dẫn của Bộ Công an về mô hình tổ chức mới.

- Công văn số 2582/BCA- V01 ngày 13/6/2025 của Bộ Công an hướng dẫn tạm thời thực hiện công tác xác minh, giải quyết vụ cháy.

2. Thẩm quyền điều tra, xác minh, giải quyết vụ cháy của Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH

- Căn cứ khoản 6 Điều 9 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự: “6. Các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động Điều tra gồm có Cục Quản lý xuất nhập cảnh; các cục nghiệp vụ an ninh ở Bộ Công an; Phòng Quản lý xuất nhập cảnh; các phòng nghiệp vụ an ninh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp tỉnh) và Đội An ninh ở Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp huyện); Cục Cảnh sát giao thông; Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Phòng Cảnh sát giao thông; Phòng Cảnh sát

phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Cảnh sát PCCC tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Trại giam.”

Theo đó, Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH là cơ quan thuộc lực lượng Cảnh sát trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động Điều tra, bao gồm: Cục Cảnh sát PCCC và CNCH và Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh.

Căn cứ Điều 19 Thông tư 11/2025/TT- BCA ngày 27 tháng 02 năm 2025 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của các cơ quan của công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra:

Cục Cảnh sát PCCC và CNCH; Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an cấp tỉnh trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều 305 (Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ), 307 (Tội vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ), 311 (Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc), 312 (Tội vi phạm quy định về quản lý chất cháy, chất độc) và 313 (Tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy) của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này

2.1. Thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của C07 trong điều tra, xác minh, giải quyết vụ cháy

Căn cứ Điều 9 Thông tư số 88/2024/TT-BCA, theo đó Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

- Chủ trì xác minh, giải quyết các vụ cháy theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Công an; phối hợp với Cơ quan điều tra khi có yêu cầu.
- Khi có căn cứ xác định vụ cháy có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra thì thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.
- Thực hiện xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ cháy do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thụ lý không có dấu hiệu tội phạm và có dấu hiệu vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy.”

2.2. Thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của PC07 trong điều tra, xác minh, giải quyết vụ cháy

Căn cứ Điều 6 Thông tư số 88/2024/TT-BCA, và Công văn số 2582/BCA-V01 ngày 13/6/2025 của Bộ Công an hướng dẫn tạm thời thực hiện công tác xác minh, giải quyết vụ cháy, theo đó Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an cấp tỉnh:

- Chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy không có người chết hoặc bị thương tại cơ sở được phân cấp quản lý về phòng cháy, chữa cháy. Trường hợp vụ cháy có dấu hiệu tội phạm không thuộc thẩm quyền thì chuyển cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thông báo cho PC01 và Công an xã, Đoàn Công an nơi xảy ra cháy; đồng thời chỉ đạo Đội nghiệp vụ thực hiện các nhiệm vụ tại hiện trường, chủ trì xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản và xác định thủ tục, đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy theo quy định tại khoản 2 Điều 17, Điều 18 Thông tư số 88/2024/TT- BCA

- Phối hợp với Cơ quan điều tra trong xác minh, giải quyết vụ cháy khi có yêu cầu.

- Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc đề xuất người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ cháy trực tiếp thụ lý.

Tiếp nhận, xử phạt vi phạm hành chính hoặc đề xuất người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ cháy không có dấu hiệu tội phạm nhưng có dấu hiệu vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy do Cơ quan điều tra chuyển giao theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Thông tư số 88/2024/TT-BCA để thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.”

2.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cấp trưởng, cấp phó thuộc C07, PC07 trong điều tra, xác minh, giải quyết vụ cháy.

- Căn cứ Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự lực lượng cảnh sát PCCC và CNCH được phân công nhiệm vụ, quyền hạn điều tra sau:

- + Trong khi thi hành nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền Điều tra của Cơ quan Cảnh sát Điều tra thì Cục trưởng C07, trưởng phòng PC07 ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

+ Cục trưởng C07, Trưởng phòng PC07 trực tiếp tổ chức và chỉ đạo các hoạt động Điều tra, quyết định phân công hoặc thay đổi cấp phó trong việc Điều tra vụ án hình sự, kiểm tra các hoạt động Điều tra, quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cấp phó, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

Khi Cục trưởng C07, Trưởng phòng PC07 vắng mặt thì một cấp phó được ủy nhiệm thực hiện các quyền hạn của cấp trưởng quy định tại Khoản này và phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

+ Khi được phân công Điều tra vụ án hình sự, Phó Cục trưởng, Phó Trưởng phòng có quyền áp dụng các biện pháp Điều tra theo quy định.

+ Cục trưởng, Phó Cục trưởng Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình.

- Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 40 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, quy định cấp trưởng C07, PC07 có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

+ Cấp trưởng các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quy định tại điểm e và điểm g khoản 2 Điều 35 của Bộ luật này có những nhiệm vụ, quyền hạn:

* Trực tiếp chỉ đạo hoạt động khởi tố, điều tra vụ án hình sự theo thẩm quyền;

* Quyết định phân công hoặc thay đổi cấp phó, cán bộ điều tra trong việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự;

* Kiểm tra hoạt động thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự của cấp phó và cán bộ điều tra;

* Quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cấp phó, cán bộ điều tra.

Khi cấp trưởng vắng mặt, một cấp phó được ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cấp trưởng và chịu trách nhiệm trước cấp trưởng về nhiệm vụ được ủy quyền.

+ Khi tiến hành tố tụng hình sự, những người được quy định tại điểm e và điểm g khoản 2 Điều 35 của Bộ luật này có những nhiệm vụ, quyền hạn:

* Thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật từ những người có liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm;

* Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; quyết định khởi tố, không khởi tố, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án;

- * Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo việc khám nghiệm hiện trường;
- * Quyết định khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án;
- * Triệu tập và lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người làm chứng, bị hại, đương sự.”

2.4. Trách nhiệm của cán bộ điều tra thuộc C07 và PC07:

Căn cứ tại khoản 3, 4 Điều 40 Bộ luật tố tụng hình sự, cán bộ điều tra thuộc lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH được phân công nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Cán bộ điều tra có những nhiệm vụ, quyền hạn:
 - + Lập hồ sơ vụ án hình sự;
 - + Lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người làm chứng, bị hại, đương sự;
 - + Tiến hành khám nghiệm hiện trường; thi hành lệnh khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án;
 - + Giao, gửi các lệnh, quyết định và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này.
- Trong phạm vi trách nhiệm của mình, cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình. Cấp trưởng, cấp phó không được ủy quyền cho cán bộ điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.”

3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong công tác điều tra, xác minh, giải quyết vụ cháy

3.1. Trách nhiệm của Công an cấp xã, Đoàn Công an

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 88, Công an cấp xã, Đoàn Công an có trách nhiệm, cụ thể:

- Khi tiếp nhận thông tin vụ cháy, Công an cấp xã, Đoàn Công an có trách nhiệm tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tổ chức bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản, bảo đảm an ninh, trật tự khu vực xảy ra cháy theo quy định.
- Phát hiện, thu thập, ghi nhận các dấu vết, đồ vật, tài liệu tại hiện trường có nguy cơ bị thay đổi, phá hủy; phối hợp các lực lượng xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản; xác định và lấy lời khai của người biết việc, người có liên quan, đối tượng nghi vấn gây ra cháy; thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ cháy, dữ liệu camera giám sát của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gần khu

vực cháy (nếu có); báo cáo cụ thể tình hình có liên quan và bàn giao tài liệu, đồ vật đã thu thập cho cơ quan, người có thẩm quyền.

- Phối hợp với Cơ quan điều tra, cơ quan, đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền trong xác minh, giải quyết vụ cháy khi được yêu cầu.”

3.2. Trách nhiệm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 88/2024/TT- BCA và Công văn số 2582/BCA-V01 ngày 13/6/2025 của Bộ Công an hướng dẫn tạm thời thực hiện công tác xác minh, giải quyết vụ cháy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có nhiệm vụ, cụ thể:

- Chủ trì xác minh, giải quyết ngay từ ban đầu các vụ cháy (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền xác minh, giải quyết vụ cháy của PC07, C07, Cơ quan điều tra cấp trên, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân). Đối với vụ cháy đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự nếu có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, thì PC01 chuyển hồ sơ, tài liệu (bản chính), tang vật, phương tiện (nếu có) của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến PC07 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Thông tư số 88/2024/TT- BCA.

- Khi có căn cứ xác định vụ cháy có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

- Phối hợp xác minh, giải quyết vụ cháy do Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thụ lý khi có yêu cầu.”

3.3. Trách nhiệm của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh

Căn cứ: Điều 8 Thông tư số 88/2024/TT- BCA quy định:

- Chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy có dấu hiệu tội phạm liên quan đến an ninh quốc gia và các tội phạm khác thuộc thẩm quyền hoặc theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Khi có căn cứ xác định vụ cháy có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.”

3.4. Trách nhiệm của lực lượng Kỹ thuật hình sự

Điều 12 Thông tư số 88/2024/TT- BCA quy định:

“Tham gia khám nghiệm hiện trường; tiến hành giám định khi có yêu cầu, trung cầu của Cơ quan điều tra, Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.”

3.5. Trách nhiệm của Cơ quan Kiểm lâm

Căn cứ Điều 16 Thông tư số 88/2024/TT- BCA quy định:

- Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan Kiểm lâm xác minh, giải quyết vụ cháy rừng khi có yêu cầu.

- Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân có trách nhiệm chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy rừng có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền; tiếp nhận hồ sơ, đồ vật, tài liệu vụ cháy rừng do Cơ quan Kiểm lâm chuyển giao để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền.”

II. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG TRONG CÔNG TÁC XÁC MINH, GIẢI QUYẾT VỤ CHÁY

Công tác xác minh, giải quyết vụ cháy của lực lượng cảnh sát PCCC và CNCH là hoạt động thu thập tài liệu, dấu vết, đồ vật để làm sáng tỏ nguyên nhân xảy ra cháy và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có liên quan trong công tác phòng cháy, chữa cháy từ đó đánh giá có hay không có hành vi vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy là nguyên nhân chính dẫn đến cháy. Tùy vào tính chất, mức độ thiệt hại của vụ cháy để phân loại quy trình xác minh, giải quyết theo trình tự Tổ tụng hình sự (Giải quyết nguồn tin về tội phạm) hay trình tự giải quyết theo thủ tục hành chính. Việc phân loại vụ cháy để xác định thẩm quyền chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy được thực hiện theo Điều 18, Điều 19, Thông tư số 88/2024/TT-BCA.

1. Tiếp nhận, xử lý thông tin ban đầu vụ cháy

Khi vụ cháy xảy ra, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH thường được tiếp nhận thông tin về vụ cháy sớm nhất do bị hại, lực lượng bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, tổ chức xã hội, quần chúng nhân dân... báo cháy qua số điện thoại 114. Xuất phát từ đặc điểm vụ cháy và yêu cầu của hoạt động điều tra, khi tiếp nhận tin báo về vụ cháy, lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tiếp nhận thông tin về vụ cháy thì thông báo cho Công an xã, phường, đồn (sau đây viết gọn là Công an cấp xã) nơi xảy ra cháy để tiến hành các hoạt động chữa cháy ngay từ cơ sở, đồng thời triển khai công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; ngay sau khi đám cháy được dập tắt thì

thực hiện nhiệm vụ xác minh, giải quyết ban đầu đối với vụ cháy và tiến hành các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư 88/2024/TT- BCA.

Lưu ý: Sau khi thông báo cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thì cán bộ trực ban tiếp nhận tin báo cháy nắm tình hình, tính chất, hậu quả của vụ cháy để lập biên bản tiếp nhận nguồn tin báo về vụ cháy (theo mẫu Thông tư 119) làm tài liệu đầu vào chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ cháy theo thủ tục tin báo, tố giác tội phạm. Trong biên bản tiếp nhận nguồn tin ghi rõ các trường thông tin của cá nhân người gọi điện báo, địa chỉ, số điện thoại...để làm căn cứ lập Phiếu chuyển nguồn tin.

- Công an cấp xã tiếp nhận thông tin ban đầu về vụ cháy có trách nhiệm ghi vào sổ trực ban của đơn vị và thông báo cho đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gần nhất, đồng thời cử cán bộ đến hiện trường vụ cháy thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4 Thông tư 88/2024/TT- BCA.

Lưu ý: Sau khi thông báo cho đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thì tùy theo tính chất vụ cháy, hậu quả, thiệt hại để lập biên bản tiếp nhận nguồn tin báo (theo mẫu Thông tư 119) chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xác minh, giải quyết vụ cháy sau khi công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; công tác xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản và đơn vị chủ trì xác minh vụ cháy kết thúc.

- Các cơ quan, đơn vị khác trong Công an nhân dân khi tiếp nhận thông tin ban đầu về vụ cháy, ghi vào sổ trực ban của đơn vị, đồng thời thông báo cho Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh, Công an cấp xã hoặc đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gần nhất.

- Nội dung ghi nhận thông tin ban đầu vụ cháy:
 - + Nguồn cung cấp thông tin;
 - + Họ và tên, số điện thoại hoặc địa chỉ của người báo cháy;
 - + Địa chỉ, thời gian xảy ra cháy;
 - + Loại hình xảy ra cháy; quy mô vụ cháy; số lượng, tình trạng người bị mắc kẹt trong vụ cháy (nếu có); nguy cơ cháy lan và các thông tin khác liên quan đến vụ cháy;
 - + Họ và tên, địa chỉ, số điện thoại của những người liên quan hoặc người biết về vụ cháy (nếu có).

2. Thực hiện nhiệm vụ tại hiện trường

Theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 88/2024/TT-BCA, hoạt động điều tra vụ cháy thường bắt đầu từ điều tra tại hiện trường, trong đó có nhiệm vụ khám nghiệm hiện trường vụ cháy. Vụ cháy xảy ra khác biệt các vụ việc khác bởi việc tìm kiếm các chứng cứ chứng minh gặp nhiều khó khăn. Do vậy, những gì trên hiện trường thu thập được đều hết sức có ý nghĩa đối với hoạt động điều tra. Do đó các cơ quan có mặt tại hiện trường cần phối hợp công việc cụ thể, tránh chồng chéo làm mất thời điểm vàng trong việc xác minh, làm rõ vụ cháy.

Khi tiếp nhận thông tin vụ cháy Thủ trưởng cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các lực lượng thuộc quyền quản lý thực hiện các nhiệm vụ tại hiện trường, cụ thể như sau:

2.1. Nhiệm vụ của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH (khoản 1 Điều 17)

- Ghi nhận vị trí, tình trạng, đặc điểm của người bị nạn trước khi đưa ra khỏi hiện trường (nếu có);
- Thu thập thông tin về thời gian, vị trí, diễn biến vụ cháy, hướng phát triển của đám cháy, điểm xuất phát cháy, âm thanh, ánh sáng, mức độ khói, phạm vi hoặc diện tích cháy;
- Quan sát, phát hiện, ghi nhận sơ bộ các dấu vết, đồ vật, tài liệu tại hiện trường; ghi nhận những thay đổi ở hiện trường trong quá trình tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- Chụp ảnh hiện trường; ghi hình hiện trường trong trường hợp cần thiết;
- Thu thập thông tin về hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- Chủ trì, phối hợp các lực lượng xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản;
- Chủ trì, phối hợp đại diện đơn vị trực tiếp chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ lập biên bản vụ cháy theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 88/2024/TT-BCA.

2.2. Nhiệm vụ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh (thực hiện các nhiệm vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an cấp huyện quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 88/2024/TT-BCA)

- Phối hợp với các lực lượng liên quan để xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản;
- Chủ trì xác minh, giải quyết, tiếp nhận, bảo quản dấu vết, đồ vật, tài liệu tại hiện trường do các đơn vị khác bàn giao đối với vụ cháy có người chết hoặc bị thương.

2.3. Công an cấp xã, Đoàn Công an (khoản 1 Điều 17 Thông tư số 88/2024/TT-BCA)

- Bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản của cơ sở xảy ra cháy; bảo đảm an ninh, trật tự khu vực xảy ra vụ cháy theo quy định;

Từ thực tiễn chứng minh, các kết quả tại hiện trường (thông tin địa hình, kết cấu công trình, đồ vật, dấu vết cháy, dấu vết sinh học,...) thường là nguồn kết luận nguyên nhân cháy chủ yếu; Đặc trưng hiện trường vụ cháy thường xuất hiện nhiều người, nhiều đơn vị tham gia chữa cháy nên rất lộn xộn, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh nhiều tình huống phức tạp (trộm cắp, hôi của, hủy hoại tài sản, che dấu hoặc tiêu hủy dấu vết phạm tội,...). Do đó công tác bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản của cơ sở xảy ra cháy, bảo đảm an ninh trật tự khu vực vụ cháy phải là công tác bắt buộc, cần ưu tiên thực hiện nhanh chóng.

- Phát hiện, thu thập, ghi nhận các dấu vết, đồ vật, tài liệu tại hiện trường có nguy cơ bị thay đổi, phá hủy; phối hợp các lực lượng xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản;

- Xác định và lấy lời khai ban đầu của người biết việc, người có liên quan, đối tượng nghi vấn gây ra cháy;

Lấy lời khai là công tác xác minh ban đầu rất quan trọng để nhận định một phần bản chất của vụ cháy. Quá trình lấy lời khai, cán bộ cần phải có sự tìm hiểu, quan sát, đánh giá khách quan thông tin khai thác được để phát hiện điểm phù hợp hoặc mâu thuẫn với hiện trường và diễn biến vụ cháy.

- Thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ cháy, dữ liệu camera giám sát của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gần khu vực cháy (nếu có);

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xác minh, giải quyết vụ cháy khi được yêu cầu;

- Báo cáo cụ thể tình hình có liên quan và bàn giao tài liệu, đồ vật đã thu thập cho cơ quan, người có thẩm quyền.

2.3. Xác định sơ bộ thiệt hại về người và tài sản (Điều 18 Thông tư số 88/2024/TT-BCA)

a) Đơn vị chủ trì xác định thiệt hại:

Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản (thực hiện nhiệm vụ của Đội Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc Đội Cảnh sát QLHC về TTXH Công an cấp huyện trước thực hiện mô hình Công an địa phương 02 cấp).

Lưu ý: Nhiệm vụ này được quy định tại mục 1.1 Công văn số 2582/BCA-V01 ngày 13/6/2025 của Bộ Công an hướng dẫn tạm thời thực hiện công tác xác minh, giải quyết vụ cháy.

b) Thành phần tham gia xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản gồm:

- Đại diện Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh;

- Đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Công an cấp xã nơi xảy ra vụ cháy. Trường hợp Điều tra viên, cán bộ điều tra thuộc Cơ quan CSĐT cấp tỉnh đang được bố trí tại Công an cấp xã thì sẽ tham gia thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền và phân công của Cơ quan CSĐT cấp tỉnh;

- Chủ cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông, chủ sở hữu hợp pháp của tài sản bị thiệt hại hoặc người đại diện hợp pháp (nếu có);

- Người chứng kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có kiến thức chuyên môn (nếu có);

Lưu ý: Để khách quan và xác định chính xác hơn giá trị tài sản bị thiệt hại trong vụ cháy thì đơn vị chủ trì có thể tham khảo trị giá tài sản, mời với người có chuyên môn, người kinh doanh, am hiểu về tài sản thời điểm bị thiệt hại tham gia định giá.

- Đại diện chính quyền địa phương nơi xảy ra vụ cháy.

c) Thực hiện xác định sơ bộ thiệt hại về người và tài sản (tổng giá trị nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; phương tiện giao thông; vật tư, thiết bị và các loại hàng hóa bị cháy hoặc các loại tài sản khác đủ căn cứ chứng minh, xác định giá trị)

- Việc xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản dựa trên lời khai của chủ sở hữu hợp pháp của tài sản bị thiệt hại, các tài liệu về nguồn gốc, thời gian sử dụng của tài sản bị thiệt hại trong vụ cháy và tài liệu khác có liên quan (nếu có),

- Lập biên bản xác định sơ bộ thiệt hại và xác định đơn vị chủ trì giải quyết vụ cháy phải được lập Biên bản theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư 88/2024/TT- BCA.

- Trường hợp các thành phần tham gia xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản và đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy có ý kiến khác nhau thì đơn vị chủ trì quyết định kết quả xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản.

2.4. Xác định thủ tục, đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy (Điều 19 Thông tư số 88/2024/TT-BCA)

Căn cứ kết quả xác định sơ bộ thiệt hại nêu trên, đơn vị chủ trì xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản và các đơn vị có mặt tại hiện trường có trách nhiệm:

a) Xác định thủ tục xác minh, giải quyết vụ cháy

- Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ chủ trì xác minh giải quyết theo thủ tục hành chính khi có đủ các điều kiện: Vụ cháy đã được dập tắt; không có người chết hoặc bị thương, xác định sơ bộ ban đầu thiệt hại về tài sản dưới 100.000.000 đồng, xác định ban đầu không có dấu hiệu tội phạm;

- Vụ cháy không thuộc trường hợp trên thì xác minh, giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm.

b) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh chủ trì xác minh, giải quyết ngay từ ban đầu đối với vụ cháy có người chết hoặc bị thương;

Việc chuyển giao hồ sơ, tài liệu ban đầu cho đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy phải được lập biên bản theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2024/TT-BCA.

c) Trường hợp vụ cháy do Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp trên trực tiếp phân công đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết thì thực hiện theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp trên.

2.5. Bàn giao hồ sơ, tài liệu cho cơ quan chủ trì xác minh, giải quyết (Điều 19 Thông tư số 88/2024/TT-BCA)

Ngay sau khi Biên bản xác định sơ bộ thiệt hại ban đầu và xác định đơn vị chủ trì xác minh được lập, ký đủ các thành phần thì đơn vị chủ trì lập biên bản bàn giao các tài liệu, đồ vật đã thu thập được (gồm cả tài liệu do Công an cấp xã đã thu thập được) bàn giao cho đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy để tiến hành các hoạt động xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật. Các thành phần có trong Biên bản có trách nhiệm tham gia cùng khám nghiệm hiện trường và các hoạt động điều tra, xác minh khác nếu được yêu cầu.

III. QUY TRÌNH XÁC MINH, GIẢI QUYẾT VỤ CHÁY THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Quy trình xác minh, giải quyết:

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BCA ngày 21/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm, quan hệ phối hợp, quy trình xác minh, giải quyết vụ cháy trong Công an nhân dân (Thông tư số 88/2024/TT-BCA) và Văn bản số 542/BCA-C07 ngày 20/02/2025 của Bộ trưởng BCA hướng dẫn

phân công, phân cấp thực hiện công tác PCCC, CNCH (văn bản số 542) và Công văn số 2582/BCA- V01 ngày 13/6/2025 của Bộ Công an hướng dẫn tạm thời thực hiện công tác xác minh, giải quyết vụ cháy. Theo đó, từ ngày 01/3/2025 công tác xác minh, giải quyết các vụ cháy theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thực hiện theo trình tự, thủ tục cụ thể như sau:

- Cán bộ tiếp nhận tài liệu xây dựng báo cáo, đề xuất phân công cán bộ xác minh, giải quyết vụ cháy theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2024/TT-BCA, báo cáo chỉ huy trực tiếp cho ý kiến trước khi trình lãnh đạo đơn vị.

- Lãnh đạo đơn vị duyệt, ký báo cáo, đề xuất phân công cán bộ xác minh, giải quyết vụ cháy trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, đề xuất giải quyết vụ cháy.

- Cán bộ được phân công xác minh, giải quyết vụ cháy thực hiện các nhiệm vụ:

- + Vẽ sơ đồ hiện trường vụ cháy theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2024/TT-BCA; lập bản ảnh, gồm: Hiện trường chung, hiện trường chi tiết và ảnh đặc tả dấu vết với số lượng 02 ảnh mỗi loại, ảnh có kích thước 9x12cm, được dán trên mặt giấy A4, đánh số và chú thích dưới mỗi ảnh;

- + Lập biên bản ghi nhận lời khai cá nhân, tổ chức có liên quan vụ cháy;

- + Xây dựng báo cáo, đề xuất giải quyết vụ cháy theo Mẫu số 07 và Thông báo kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2024/TT-BCA, báo cáo chỉ huy trực tiếp cho ý kiến trước khi trình người có thẩm quyền duyệt, ký;

- Lãnh đạo đơn vị duyệt, ký thông báo kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy; gửi Thông báo kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy đến: Cơ sở, hộ gia đình/chủ phương tiện giao thông/chủ sở hữu tài sản và chính quyền địa phương nơi xảy ra cháy.

- Trường hợp vụ cháy có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy:

- + Lãnh đạo đơn vị chỉ đạo xác minh tình tiết vi phạm hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính;

- + Cán bộ được phân công thực hiện xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

+ Lãnh đạo đơn vị ra quyết định xử phạt hoặc đề xuất người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Trường hợp vụ cháy được phân loại xác minh, giải quyết ban đầu theo thủ tục hành chính nhưng trong quá trình thực hiện phát hiện có dấu hiệu tội phạm không thuộc thẩm quyền thì cán bộ được phân công báo cáo đề xuất lãnh đạo chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định tại Điều 38 Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự: “Trong khi thi hành nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền Điều tra của Cơ quan Cảnh sát Điều tra thì chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án”.

2. Thời hạn xác minh, giải quyết:

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 88/2024/TT-BCA, thời hạn xác minh, giải quyết vụ cháy là 15 ngày làm việc kể từ ngày phân công giải quyết, trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian xác minh thì thời hạn xác minh, giải quyết không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày phân công giải quyết và phải ghi vào Sổ theo dõi giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp vụ cháy có dấu hiệu vi phạm hành chính thì thời hạn giải quyết được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

IV. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ CHÁY THEO TỔ GIÁC, TIN BÁO TỘI PHẠM

Xác minh, giải quyết vụ cháy theo tổ giác, tin báo về tội phạm theo chức năng của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH là hoạt động điều tra, giải quyết nguồn tin về tội phạm do Cơ quan cảnh sát PCCC và CNCH tiến hành theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự nhằm mục đích chứng minh có hay không có hành vi của tội phạm "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy" được quy định tại điều 313 Bộ luật hình sự là nguyên nhân chính gây ra vụ cháy.

Lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH thực hiện công tác xác minh giải quyết vụ cháy theo trình tự giải quyết tổ giác, tin báo về tội phạm trong các trường hợp sau:

(1) Vụ cháy không có thiệt hại về người (chết hoặc bị thương), tài sản thiệt hại sơ bộ xác định dưới 100 triệu đồng, có dấu hiệu của hành vi vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy;

(2) Vụ cháy đối với cơ sở thuộc diện quản lý không có thiệt hại về người (chết hoặc bị thương), tài sản thiệt hại sơ bộ xác định trên 100 triệu đồng, không có dấu hiệu của các tội phạm khác.

1. Tiếp nhận, phân công, giải quyết và xây dựng kế hoạch kiểm tra, xác minh vụ cháy theo tổ giác, tin báo về tội phạm

Theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 88/2024/TT-BCA, việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tổ giác, tin báo về tội phạm đối với vụ cháy được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tổ giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư liên tịch số 01/2021/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29 tháng 11 năm 2021; sau đây viết gọn là Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC), Thông tư số 28/2020/TT-BCA ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tổ giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 129/2021/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2021; sau đây viết gọn là Thông tư số 28/2020/TT-BCA), cụ thể:

1.1 Tiếp nhận, giải quyết tổ giác, tin báo về tội phạm:

- Cán bộ được phân công trực thực hiện tiếp nhận tổ giác, tin báo về tội phạm thông qua tin báo vụ cháy từ Trung tâm thông tin chỉ huy của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH hoặc hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy và ghi vào “Sổ theo dõi tiếp nhận, phân loại nguồn tin về tội phạm”. Trường hợp, tiếp nhận qua một trong các hình thức khác (Công an cấp xã, Đoàn Công an, các cơ quan, đơn vị khác trong CAND nhận được tin báo và thông báo cho Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH; người dân phát hiện, tự dập tắt, sau khi chữa cháy xong thì báo đến Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thông tin vụ cháy thông qua hình thức trực tiếp, điện thoại, văn bản báo cáo...), cán bộ tiếp nhận phải lập “Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm” theo mẫu số 01 và ghi vào “Sổ theo dõi tiếp nhận, phân loại nguồn tin về tội phạm”.

- Trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH tiến hành phân loại để xác định thẩm quyền giải quyết:

+ Trường hợp xác định thuộc thẩm quyền thì giải quyết theo quy định tại Mục 3 Thông tư số 28/2020/TT-BCA.

+ Trường hợp xác định không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có căn cứ xác định thẩm quyền thì chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm, cùng các tài liệu có liên quan đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết; trường hợp không thể chuyển ngay thì phải thông báo bằng các hình thức liên lạc nhanh nhất cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền biết và thực hiện chuyển theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 20/2020/TT-BCA (phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm theo biểu mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA).

+ Thông báo bằng văn bản về kết quả tiếp nhận cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm biết (trừ trường hợp người tố giác, báo tin từ chối cung cấp thông tin cá nhân).

- Phân công giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết, Trưởng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH trực tiếp chỉ đạo việc thụ lý, giải quyết hoặc ra Quyết định phân công cấp phó, phân công Cán bộ điều tra thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền.

Lưu ý: Đối với tố giác, tin báo về tội phạm sau khi tiếp nhận đã rõ về dấu hiệu của tội phạm, đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự thì Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng được phân ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không phải ra Quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm.

1.2. Lập, tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, xác minh:

- Cán bộ điều tra được phân công xác minh, giải quyết vụ cháy phải xây dựng kế hoạch kiểm tra, xác minh báo cáo lãnh đạo, chỉ huy phụ trách để trình Cấp trưởng hoặc Cấp phó Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH phê duyệt theo Mẫu số 05 Thông tư số 88/2024/TT-BCA/2024/TT- BCA. Nội dung kế hoạch gồm:

+ Mục đích, yêu cầu của việc kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

+ Tóm tắt nội dung sự việc; đánh giá những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được; những việc đã làm; những việc chưa làm.

+ Nội dung tiến hành: Xác định cụ thể các nội dung cần kiểm tra, xác minh để làm rõ; những tài liệu, chứng cứ cần phải thu thập, cách bảo quản vật chứng; việc gì cần làm trước, việc gì làm sau để đạt được hiệu quả cao nhất. Xác định các biện pháp có thể áp dụng trong quá trình kiểm tra, xác minh: có thể tiến hành các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật nếu xét thấy cần thiết. Xác định các biện pháp bảo vệ người tố giác, báo tin, người làm chứng, bị hại, người tham gia tố tụng khác và người thân thích của họ theo quy định của pháp luật (khi có yêu cầu hoặc nếu xét thấy cần thiết).

+ Thời gian tiến hành: cần xác định, đề xuất cụ thể thời gian tiến hành kiểm tra, xác minh nhằm đảm bảo thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tổ chức thực hiện: Cần phân công nhiệm vụ cụ thể cho Cán bộ điều tra được phân công để thực hiện; đề xuất phương tiện sử dụng, kinh phí hỗ trợ; chế độ báo cáo khi có vấn đề đột xuất, phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Cán bộ điều tra thụ lý được tiến hành các nội dung kiểm tra, xác minh theo Kế hoạch đã được phê duyệt, trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu phát sinh vấn đề mới cần phải tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh không có trong Kế hoạch thì cán bộ điều tra thụ lý chính phải báo cáo, đề xuất bằng văn bản với lãnh đạo, chỉ huy phụ trách cho ý kiến trước khi trình Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng để xin ý kiến chỉ đạo; trường hợp cấp bách không thể báo cáo ngay bằng văn bản thì tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể có thể báo cáo bằng các hình thức liên lạc nhanh nhất với lãnh đạo, chỉ huy để xin ý kiến chỉ đạo, sau đó phải báo cáo lại bằng văn bản để lưu hồ sơ theo quy định.

Lưu ý:

- Cán bộ điều tra giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm không quá 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận. Trong trường hợp vụ việc phát sinh nhiều tình tiết phức tạp, cần thêm thời gian để xác minh thì đề xuất cấp trưởng hoặc cấp phó Cơ quan PCCC để có văn bản đề nghị VKS phê chuẩn đề nghị gia hạn thời hạn giải quyết tin báo.

- Trường hợp chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh, chậm nhất 05 ngày trước khi hết thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, cấp trưởng, cấp phó được phân công (hoặc được ủy quyền) phải có văn bản đề nghị VKS cùng cấp gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh (Mẫu số 17 Thông tư số 119). Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị trên, VKS phải xem xét, quyết định. Trường hợp đề nghị của Cơ quan Cảnh sát PCCC là có căn cứ thì Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng VKS được phân công (hoặc được ủy quyền) phải ra Quyết định gia hạn thời hạn giải quyết nguồn tin về tội phạm; thời hạn gia hạn giải quyết không quá 02 tháng kể từ ngày hết thời hạn.

1.3. Khám nghiệm hiện trường

Khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, để có căn cứ xác định nguyên nhân vụ cháy, có dấu hiệu tội phạm hoặc không có dấu hiệu tội phạm, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH có quyền tiến hành các hoạt động theo quy định tại Khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTHS, Điều 14 Thông tư số 28/2020/TT-BCA và Điều 23 Thông tư số 88/2024/TT-BCA, cụ thể:

- Những việc làm trước khi KNHT gồm:
 - + Tiếp nhận, nắm tình hình công tác bảo vệ hiện trường và thu thập thông tin về vụ cháy thông qua người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người tham gia chữa cháy.
 - + Xác định phạm vi hiện trường, dấu vết, vật chứng, vị trí nạn nhân, tang vật, phương tiện (nếu có).
 - + Xác định thành phần khám nghiệm (Chủ trì khám nghiệm là Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng, cơ quan chủ trì khám nghiệm có thể mời thành phần tham gia khám nghiệm cho phù hợp như: Điều tra viên, Giám định viên, cán bộ KTHS, đại diện chính quyền cấp xã, Công an cấp xã, Đoàn công an nơi xảy ra vụ cháy; cá nhân đại diện cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, chủ phương tiện; người chứng kiến; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan...).
 - + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên tham gia khám nghiệm.
 - + Chọn phương pháp khám nghiệm, chuẩn bị các phương tiện, thiết bị kỹ thuật, công cụ phục vụ cho công tác KNHT.
- Thực hiện KNHT vụ cháy theo thứ tự sau:
 - + Quan sát toàn bộ khu vực xảy ra cháy; xác định vị trí hiện trường, xác định vật chuẩn (điểm làm mốc); xác định vị trí nạn nhân, điểm mốc để định vị vị trí dấu vết, đồ vật, tài liệu, phương tiện liên quan đến vụ cháy ở hiện trường (nếu

có); đánh dấu vị trí và đánh số thứ tự của tất cả các nạn nhân, dấu vết, đồ vật, tài liệu, phương tiện có liên quan đến vụ cháy.

+ Khám nghiệm chi tiết hiện trường cháy thông qua quan sát, nghiên cứu các dấu vết cháy: nhận định sơ bộ về vùng cháy, điểm xuất phát cháy và đánh giá, phân loại các dấu vết thu được cụ thể:

* Vùng cháy đầu tiên, là một khoảng không gian xác định nằm trong đối tượng bị cháy mà bên trong nó có chứa điểm xuất phát cháy, từ vị trí này mà ngọn lửa bùng lên, lan truyền ra các hướng và chỉ được xác định một cách tương đối nhằm thu hẹp khoảng không gian cần khám nghiệm cụ thể trong toàn bộ hiện trường cháy, có tập trung trọng điểm nhằm đạt được mục tiêu quan trọng là xác định chính xác điểm xuất phát cháy; khi tiến hành xác định vùng cháy đầu tiên cần nắm rõ mô hình, kết cấu và chủng loại vật liệu các đối tượng bị cháy, bên cạnh đó phải nắm được sơ đồ sắp xếp hàng hoá, đồ vật, sơ đồ điện, các thiết bị dây chuyền công nghệ lắp đặt trong hiện trường cháy đồng thời xem xét thời tiết, hướng gió, cấp gió tại thời điểm xảy ra cháy.

* Điểm xuất phát cháy, là một vị trí có tọa độ không gian 3 chiều hoàn toàn xác định mà tại đó năng lượng của nguồn nhiệt đạt đến nhiệt độ bắt cháy của môi trường cháy và gây ra sự cháy đầu tiên; việc xác định điểm xuất phát cháy có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác KNHT, đây là mục tiêu phải đạt được trong quá trình thực hiện KNHT bởi việc xác định được điểm xuất phát cháy mới cho phép tìm được chính xác nguồn nhiệt và chất môi gây cháy; việc xác định chính xác về điểm xuất phát cháy và các yếu tố khác (như tại thời điểm phát hiện cháy tại đó có người hay không có người, khu vực đó có điện hay không có điện...) để đưa ra các giả thuyết về nguyên nhân xảy ra cháy.

+ Chụp ảnh hiện trường chung, hiện trường từng phần, ảnh chi tiết hiện trường; việc chụp ảnh đặc tả dấu vết, đồ vật phải đặt thước tỷ lệ; ảnh chụp hiện trường phải được lập thành Bản ảnh hiện trường và sắp xếp theo thứ tự, có chú thích từng ảnh; ghi hình hiện trường trong trường hợp cần thiết;

+ Đo và vẽ sơ đồ hiện trường: Sử dụng thống nhất ký hiệu, đơn vị đo; phần chú dẫn phải thể hiện tỷ lệ vẽ, dấu vết, ký hiệu trên sơ đồ hiện trường; có thể sử dụng các phần mềm đồ họa để vẽ sơ đồ hiện trường;

+ Phát hiện, ghi nhận, thu lượm, bảo quản dấu vết, đồ vật, tài liệu, phương tiện tại hiện trường; thu mẫu so sánh (nếu có):

* Các loại dấu vết dùng để xác định vùng cháy đầu tiên và điểm xuất phát cháy, thường là một số dấu vết cháy đặc trưng như than hóa, ám khói, cong vênh biến dạng, bong tróc, biến đổi màu sắc... cần phải được mô tả thật kỹ, chi tiết trong biên bản KNHT và trên sơ đồ hiện trường; chụp ảnh, ghi hình toàn cảnh và chụp chi tiết về dấu vết; nếu thấy cần thiết phải thu lượm dấu vết thì phải tiến hành đảm bảo các yêu cầu trên.

* Các dấu vết, vật chứng dùng để xác định nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vụ cháy (chỉ tiến hành tìm kiếm, thu thập vật chứng khi xác định được điểm xuất phát cháy; các dấu vết, vật chứng thường là tàn than tro, dấu vết ở ổ cháy, kênh cháy, các hạt kim loại nóng chảy...) phải được khai thác, thu lượm đóng gói và bảo quản, trong đó mô tả kỹ những dấu vết, vật chứng trong biên bản KNHT và trên sơ đồ hiện trường, chụp ảnh, ghi hình.

* Tiến hành thu lượm đóng gói bảo quản, việc thu lượm các dấu vết vật chứng tùy thuộc vào từng loại: Nếu là chất lỏng thì cho vào chai, lọ sạch đậy kín; nếu là than tro thì cho vào túi PE sạch, buộc kín; nếu là các vật thể khác như bóng đèn, hạt kim loại nóng chảy, dây dẫn điện cũng được cho vào túi PE sạch gói kín; nếu là chất khí thì trong trường hợp không có chuột khí thì dùng chai thủy tinh đổ đầy nước và đổ ra rồi đóng chặt nắp lại; các mẫu vật chứng, dấu vết phải được bảo quản độc lập, mẫu so sánh và mẫu cần giám định phải được đóng gói, bảo quản riêng biệt tránh nhiễm từ mẫu nọ sang mẫu kia.

* Đóng gói, niêm phong mẫu vật, bên ngoài các bao gói phải ghi tên vụ việc, loại dấu vết, vị trí, ngày, tháng, năm thu và có chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia theo quy định pháp luật.

- Sau khi kết thúc khám nghiệm tại hiện trường:

+ Lập Biên bản khám nghiệm hiện trường theo Mẫu số 163 và vẽ Sơ đồ hiện trường theo Mẫu số 167 ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự (sau đây viết gọn là Thông tư số 119/2021/TT-BCA). Nội dung biên bản khám nghiệm phải ghi thời gian bắt đầu và kết thúc việc khám nghiệm, địa điểm, thành phần tham gia khám nghiệm; tình trạng hiện trường trước khi khám nghiệm, điều kiện thời tiết, ánh sáng khi tiến hành khám nghiệm, quá trình khám nghiệm, cụ thể: Mô tả vị trí hiện trường, đặc điểm hiện trường (phương hướng, quang cảnh, cấu trúc, vị trí của hiện trường và khu vực trung tâm hiện trường); mô tả từng phần hiện trường; mô tả vị trí, đặc điểm (về loại, hình

dáng, kích thước, chiều hướng, trạng thái, màu sắc), dấu vết, đồ vật, phương tiện phát hiện được tại hiện trường và mối quan hệ với các dấu vết, đồ vật, phương tiện khác ở hiện trường theo số thứ tự đã đánh dấu; ghi cụ thể số lượng dấu vết, đồ vật, phương tiện đã phát hiện, thu thập, cách thức bảo quản và các mẫu so sánh.

+ Đánh giá sơ bộ những dấu vết, đồ vật, phương tiện đã phát hiện, thu thập được, nhận định sơ bộ về thời điểm xảy ra cháy, điểm xuất phát cháy và vùng cháy đầu tiên; hợp rút kinh nghiệm; thông qua biên bản khám nghiệm hiện trường, các thành phần tham gia ký xác nhận vào biên bản khám nghiệm, sơ đồ hiện trường. Người chủ trì khám nghiệm quyết định việc kết thúc hay tiếp tục bảo vệ hiện trường.

- Sau khi khám nghiệm hiện trường, cán bộ được phân công xác minh, giải quyết vụ cháy phải báo cáo kết quả khám nghiệm hiện trường vụ cháy theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2024/TT-BCA/2024/TT- BCA. Nội dung báo cáo gồm: Tên vụ việc cháy; địa điểm xảy ra; thời gian phát hiện, xảy ra cháy; tóm tắt tình hình sự việc và những hoạt động ban đầu tại hiện trường; quá trình khám nghiệm hiện trường và kết quả; ý kiến phân tích, đánh giá, nhận định; đề xuất.

2. Thu thập và xử lý tài liệu liên quan đến vụ cháy

Theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 88/2024/TT-BCA, căn cứ tính chất, đặc điểm của vụ cháy, đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy thu thập, bổ sung tài liệu có liên quan cụ thể:

- Thu thập tài liệu liên quan đến hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan quản lý đối với cơ sở, hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, tài liệu liên quan khác (nếu có).

- Thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ cháy: Sơ đồ, bản vẽ, các tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, vận hành; nhiệm vụ của những người liên quan, hệ thống sổ sách, hóa đơn, chứng từ, tài liệu kiểm kê, kiểm tra.

- Thu thập các thông tin, tài liệu khác phục vụ việc xác định hành vi phạm tội của các đối tượng có liên quan đến vụ cháy.

3. Trưng cầu giám định và yêu cầu định giá tài sản đối với Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 88/2024/TT-BCA và Căn cứ Hướng dẫn số 02 Hướng dẫn số 02/HDLN-BCA-VKSNDTC ngày 31/01/2024 của Bộ Công an - Viện kiểm sát Nhân dân tối cao về việc Phối hợp thực hiện thủ tục trưng

cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân), cụ thể như sau:

- Khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 205 hoặc Điều 215 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đang thụ lý, giải quyết có văn bản đề nghị Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân cùng cấp tiến hành trưng cầu giám định hoặc yêu cầu định giá tài sản để làm căn cứ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm.

- Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân khi nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm kiểm tra các căn cứ, tài liệu, đồ vật, mẫu vật. Trường hợp đủ điều kiện thì Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định, văn bản yêu cầu định giá tài sản. Trường hợp chưa đủ điều kiện để ban hành Quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, Cơ quan điều tra trao đổi, đề nghị Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bổ sung các thông tin, tài liệu. Trường hợp Cơ quan điều tra xét thấy không cần thiết phải tiến hành trưng cầu giám định hoặc yêu cầu định giá tài sản thì thông báo bằng văn bản cho Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Viện kiểm sát cùng cấp biết.

- Cơ quan điều tra có trách nhiệm gửi Quyết định trưng cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám định cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định; gửi yêu cầu định giá tài sản, hồ sơ, đối tượng yêu cầu định giá tài sản cho Hội đồng định giá tài sản được yêu cầu.

- Sau khi nhận được Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản, Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo và chuyển Kết luận đó cho Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ để phục vụ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm.

- Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành văn bản đề nghị Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản thì Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải gửi văn bản đó cho Viện kiểm sát cùng cấp với Cơ quan điều tra được đề nghị.

- Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra Quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, Cơ quan điều tra phải gửi Quyết định, yêu cầu đó cho Viện kiểm sát cùng cấp và Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã có văn bản đề nghị.

- Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản, Cơ quan điều tra phải thông báo bằng văn bản và chuyển Kết luận đó cho Viện kiểm sát cùng cấp và Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã có văn bản đề nghị.

4. Lấy lời khai của đại diện cơ sở, hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông bị cháy, người làm chứng và người có liên quan

4.1. Nhận thức chung về lấy lời khai

- Lấy lời khai là một biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự được người Điều tra viên, cán bộ điều tra (gọi chung là Cán bộ điều tra) tiến hành nhằm thu thập chứng cứ từ lời khai của từng đối tượng điều tra cụ thể.

- Lấy lời khai là biện pháp điều tra được tiến hành bằng cách cán bộ lấy lời khai gặp trực tiếp người có liên quan để hỏi về những vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án, vụ việc hình sự mà người đó biết được. Hoạt động lấy lời khai là hoạt động điều tra không thể thiếu được trong công tác điều tra, giải quyết vụ án, vụ việc. Tùy vào đối tượng của hoạt động lấy lời khai để cán bộ điều tra dự kiến địa điểm làm việc, nội dung cần đạt được, cách thức làm việc.

- Việc hỏi và khai báo được thể hiện trong biên bản lấy lời khai theo Mẫu số 140 ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA.

- Lấy lời khai gồm các đối tượng sau:

+ Người người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ việc

+ Người làm chứng;

4.2. Lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc

- Lấy lời khai người bị hại, đương sự được quy định tại Điều 188 BLTTHS năm 2015. Việc triệu tập, lấy lời khai của bị hại, đương sự được thực hiện như đối với người làm chứng. Tuy nhiên, Cán bộ lấy lời khai cần xác định rõ vai trò của lấy lời khai người bị hại, có thể họ vừa là bị hại nhưng đồng thời cũng là bị đơn dân sự hoặc là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Chủ cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông...) Do đó, tùy thuộc vào vụ việc cháy cụ thể mà cần phân loại để có cách lấy lời khai cho phù hợp. Lấy lời khai người bị hại có vị trí rất quan trọng trong việc thu thập và củng cố chứng cứ để điều tra, làm rõ vụ việc một cách nhanh chóng. Bởi vì người bị hại trong nhiều trường hợp thường trực tiếp tiếp phát hiện ra vụ cháy, nguyên

nhân gây ra cháy... Chính vì vậy, trong hoạt động điều tra thường bắt đầu từ lấy lời khai người bị hại. Người bị hại có thể cố tình khai sai sự thật thường do những nguyên nhân cơ bản sau: sợ bị xử lý về hành vi vi phạm PCCC, mong muốn làm giảm thiệt hại về tài sản để không bị xem xét trách nhiệm hình sự...

- Trong quá trình lấy lời khai của người bị hại, Cán bộ lấy lời khai cần căn cứ vào tính chất và nội dung vụ án, vụ việc, những tin tức, tài liệu mà người bị hại có thể cung cấp, đặc điểm nhân thân của người bị hại, thái độ tham gia của người bị hại vào hoạt động điều tra để lựa chọn biện pháp lấy lời khai phù hợp.

- Trong trường hợp người bị hại bị thương nặng, bất tỉnh, có thể dẫn đến tử vong, sau khi cấp cứu và được phép của bác sỹ, Cán bộ lấy lời khai cần kịp thời lấy lời khai nếu xét thấy việc lấy lời khai này không tác động xấu đến tình trạng sức khỏe của người bị hại. Trong trường hợp nghiêm trọng như người bị hại đang hấp hối, việc lấy lời khai người bị hại cần được phép của bác sỹ và khi tiến hành phải có sự tham gia của cán bộ y tế với vai trò làm người chứng kiến. Khi lấy sinh cung, Cán bộ lấy lời khai cần phải ưu tiên làm rõ những tình tiết chính... để làm cơ sở tiến hành những biện pháp cấp bách và những biện pháp điều tra ban đầu. Nên ghi âm lại lời khai của người bị hại.

- Cần lưu ý khi lấy lời khai người chưa thành niên thì phải có người giám hộ.

- Lấy lời khai người bị hại

+ Tình trạng sức khỏe của người bị hại.

+ Thời gian làm việc, sinh hoạt trong ngày của người bị hại cho tới lúc bắt đầu xảy ra cháy đã diễn ra như thế nào? (kể tỉ mỉ).

+ Khu vực cháy có cấu trúc như thế nào?

+ Đã cất giữ, sắp xếp các đồ vật nào ở đâu? Như thế nào? (Đặc điểm trong khu vực vùng cháy, điểm xuất phát cháy cũng như xung quanh).

+ Những thiết bị điện có lắp đặt đúng quy cách hay không? Trạng thái của nó trước khi cháy? Đã sửa chữa những thiết bị đó lần nào chưa?

+ Những thiết bị điện đốt nóng khi sử dụng đặt ở vị trí nào? Khi chúng hoạt động có bắt buộc phải có người trông coi không? Ai đã cho những thiết bị đó hoạt động trước khi bị cháy?

+ Trạng thái của bếp dầu, đèn dầu, bếp lò, bếp củi, vị trí đặt chúng ở chỗ nào?

+ Trong thời gian đó người bị hại có mâu thuẫn với ai không? Trước khi thấy cháy người bị hại có cảm nhận thấy hiện tượng gì khác lạ không? (Tiếng động, mùi vị, độ sáng tối của đèn điện).

+ Yêu cầu, kiến nghị của người bị hại? Có nghi vấn gì đến nguyên nhân vụ cháy không? Có thuộc diện mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc không?

Đối với đại diện cơ sở, hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông bị cháy thì nội dung lấy lời khai phải có thống kê, ước tính thiệt hại về tài sản. Nếu có tài liệu chứng minh tài sản bị thiệt hại thì đề nghị giao nộp và lập biên bản giao nhận theo quy định của pháp luật.

Quá trình lấy lời khai có thể diễn ra nhiều lần và phải đánh giá tính logic của lời khai so với các tài liệu khác, nhân chứng...

4.3. Lấy lời khai người làm chứng

- Người làm chứng là người biết được những tình tiết có liên quan đến nguồn tin về tội phạm, vụ việc xảy ra, được cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập đến để lấy lời khai theo đúng thủ tục pháp luật. Đối với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, lấy lời khai người làm chứng được quy định tại các Điều 40 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Lấy lời khai người làm chứng là một biện pháp điều tra phổ biến, cần được tiến hành một cách nhanh chóng, vì lời khai của người làm chứng thường là cơ sở để tiến hành những biện pháp cấp bách như khám nghiệm hiện trường, khám xét... Chính vì vậy, ngay sau khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, Cán bộ lấy lời khai cần phải khẩn trương xác định lấy lời khai của những người làm chứng nào để thu thập được những thông tin, tài liệu có ý nghĩa. Để bảo đảm khách quan trong quá trình lấy lời khai người làm chứng, nếu vụ việc có nhiều người làm chứng thì phải lấy lời khai riêng từng người và không để họ tiếp xúc, trao đổi với nhau trong thời gian lấy lời khai. Người có thẩm quyền phải triệu tập người làm chứng vào các thời điểm khác nhau hoặc trường hợp cần thiết phải triệu tập tất cả người làm chứng đến cùng một lúc thì phải tách riêng từng người làm chứng, mỗi người làm chứng do một Cán bộ lấy lời khai khác nhau thực hiện việc lấy lời khai. Không được cho người làm chứng nghe, xem được lời khai của nhau hoặc trao đổi với nhau trong lúc lấy lời khai. Cán bộ lấy lời khai tổng hợp lời khai của những người làm chứng thành hệ thống những tài liệu, chứng cứ (chỉ rõ trong hệ thống đó, những lời khai nào là phù hợp với nhau, những lời khai nào là mâu thuẫn với nhau) để định hướng hoạt động điều tra, làm rõ sự thật của vụ việc.

- Một số câu hỏi trong lời khai người làm chứng:
- + Thời gian và địa điểm? Dựa trên cơ sở nào để xác định thời gian cháy?
- + Làm thế nào biết cháy xảy ra? Có phải tự nhiên chúng biết có cháy xảy ra hay không và đã quan sát được gì? (Loại, độ lớn của ngọn lửa? Màu của khói? Cháy cái gì và cháy với quy mô như thế nào? Cháy ở đâu và màu của ngọn lửa như thế nào?). Nếu nhân chứng biết được có cháy xảy ra là do một người khác báo tin thì phải xác định nhân thân của người đó.

- + Nhân chứng ở đâu, làm gì trong thời điểm nhận biết có cháy? (Xác định chính xác chỗ đứng và hướng nhìn).

- + Nhân chứng đã ở đâu trước lúc xác định có cháy? Và sau khi xác định có cháy đã làm gì? (Báo cho ai? Từ vị trí ấy còn nhìn thấy ai nữa? Nhân chứng bắt đầu tới khi cháy khi nào? Đến đó vào lúc nào? Đã gặp những ai có mặt trong khu vực cháy? Lúc đến nơi đám cháy đã lan rộng ra như thế nào?).

- + Những người nào (Ghi rõ nhân thân và đặc điểm nhận dạng) có mặt ở khu vực bị cháy khi nhân chứng tới nơi? (Những người đó đang làm gì? Họ đã kể lại những gì về đám cháy đó?).

- + Nhân chứng có tham gia vào những công việc chữa cháy và cứu người, tài sản không?

- + Mối quan hệ của nhân chứng với người bị hại, địa điểm, cơ quan tổ chức bị xảy ra cháy.

- + Hiệu quả hoạt động của các phương tiện, thiết bị chữa cháy tại chỗ như thế nào? Đã sử dụng những phương tiện chữa cháy gì? Trách nhiệm của lực lượng chữa cháy cơ sở khi nhận được thông tin cháy...

- Trường hợp lấy lời khai của người nước ngoài, người câm, người điếc liên quan đến vụ cháy, khi lấy lời khai phải yêu cầu người phiên dịch, người dịch thuật theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và các quy định pháp luật liên quan.

5. Đánh giá các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra để xây dựng báo cáo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm và Ban hành các Quyết định tố tụng

5.1. Báo cáo kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy theo tố giác, tin báo về tội phạm (Điều 27 Thông tư số 88/2024/TT-BCA)

- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, chậm nhất là 07 ngày trước khi hết thời hạn giải quyết hoặc khi kết thúc việc kiểm tra, xác minh vụ cháy thì Cán bộ

điều tra được phân công thụ lý chính phải có báo cáo kết thúc việc xác minh hoặc đề xuất gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh bằng văn bản báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp cho ý kiến trước khi trình Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH được phân công.

- Báo cáo kết thúc việc xác minh theo Mẫu số 18 ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA phải nêu rõ kết quả giải quyết vụ cháy và đề xuất cụ thể về việc: Khởi tố vụ án hình sự; không khởi tố vụ án hình sự; tạm đình chỉ việc xác minh giải quyết vụ cháy.

5.2. Ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định không khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định tạm đình chỉ, Quyết định phục hồi và thời hạn tiếp tục giải quyết vụ cháy (Điều 28 Thông tư số 88/2024/TT-BCA)

a) Trường hợp có dấu hiệu tội phạm

- Dự thảo Quyết định khởi tố vụ án hình sự theo Mẫu số 27 ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA và Báo cáo kết thúc việc xác minh vụ cháy theo mẫu số 46 Thông tư số 119, cùng hồ sơ, tài liệu liên quan báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp cho ý kiến trước khi trình Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH được phân công duyệt, ký.

- Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải gửi Quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyển Quyết định khởi tố vụ án hình sự, kèm theo tài liệu liên quan đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Khi chuyển phải lập Biên bản giao nhận hồ sơ theo Mẫu số 240 ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA (trường hợp có đồ vật, tài liệu, vật chứng thì phải lập Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng theo Mẫu số 155 ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA).

b) Trường hợp không có dấu hiệu tội phạm

- Dự thảo Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm theo Mẫu số 22 và Mẫu số 23 ban hành kèm theo Thông tư số 119/2021/TT-BCA kèm theo Báo cáo kết thúc việc xác minh vụ cháy, hồ sơ, tài liệu liên quan báo cáo Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH được phân công duyệt, ký ban hành.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải gửi Quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền.

- Xử lý vi phạm hành chính:

+ Vụ cháy do Cơ quan điều tra thụ lý có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra được phân công thụ lý chính của Cơ quan điều tra dự thảo văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp cho ý kiến và trình Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra được phân công (hoặc được ủy quyền) duyệt, ký; sao hồ sơ, tài liệu để nộp lưu và chuyển hồ sơ, tài liệu (bản chính), tang vật, phương tiện (nếu có) của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh để thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

+ Vụ cháy do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thụ lý có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cán bộ được phân công thụ lý thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

c) Sau khi hoàn thành việc xác minh, giải quyết vụ cháy, Cán bộ điều tra được phân công hoàn chỉnh hồ sơ, báo cáo người có thẩm quyền kết thúc việc xác minh, giải quyết vụ cháy; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định.

d) Việc ra Quyết định tạm đình chỉ, Quyết định phục hồi và thời hạn tiếp tục giải quyết vụ cháy thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Thông tư số 28/2020/TT-BCA và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Lập, quản lý hồ sơ vụ cháy

6.1. Thành phần Hồ sơ xác minh, giải quyết vụ cháy theo thủ tục hành chính (Điều 30 Thông tư số 88/2024/TT-BCA):

- Biên bản vụ cháy; biên bản xác định sơ bộ thiệt hại về người, tài sản và đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy; Biên bản tham khảo trị giá tài sản (nếu có).

- Bản ảnh, sơ đồ hiện trường vụ cháy;

- Biên bản ghi nhận lời khai cá nhân, tổ chức có liên quan đến vụ cháy;

- Báo cáo đề xuất giải quyết vụ cháy; thông báo kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy;

- Quyết định trưng cầu, kết luận giám định (nếu có);
- Biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có), các tài liệu khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có liên quan (nếu có);
- Thống kê tài liệu có trong hồ sơ; biên bản bàn giao hồ sơ và tài liệu khác có liên quan (nếu có);
- Báo cáo, bản tường trình, cam kết không khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp và tự khắc phục hậu quả của đại diện cơ sở, hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông, chủ sở hữu hợp pháp của tài sản bị thiệt hại (nếu có).

6.2. Thành phần Hồ sơ xác minh, giải quyết vụ cháy theo tố giác, tin báo tội phạm (Điều 30 Thông tư số 88/2024/TT-BCA):

- Biên bản vụ cháy; biên bản xác định thiệt hại về người, tài sản và đơn vị chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy; biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm;
- Quyết định phân công Điều tra viên, Cán bộ điều tra thụ lý điều tra giải quyết vụ cháy; Quyết định phân công Phó Thủ trưởng thụ lý điều tra giải quyết vụ cháy (nếu có); thông báo tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; kế hoạch xác minh, giải quyết vụ cháy;
- Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường, báo cáo kết quả khám nghiệm hiện trường;
- Biên bản ghi lời khai của đại diện cơ sở, hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông bị cháy, người làm chứng và người có liên quan;
- Báo cáo đề xuất giải quyết vụ cháy; báo cáo kết thúc giải quyết nguồn tin về tội phạm;
- Quyết định không khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm;
- Quyết định hủy bỏ Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm (nếu có);
- Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm;
- Văn bản đề nghị trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, quyết định trưng cầu giám định, văn bản yêu cầu định giá tài sản; kết luận giám định, kết luận định giá tài sản; thông báo kết luận giám định, thông báo kết quả định giá tài sản; tài liệu chứng minh thiệt hại về người (giấy chứng thương, đơn thuốc), tài sản, các tài liệu về thỏa thuận bồi thường thiệt hại, dữ liệu ghi hình (nếu có);

- Biên bản vi phạm hành chính; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biên lai thu tiền phạt (nếu có);
- Hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan quản lý đối với cơ sở, hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ sở;
- Các tài liệu của Viện Kiểm sát liên quan đến vụ cháy;
- Thống kê tài liệu có trong hồ sơ và các tài liệu khác có liên quan đến vụ cháy (nếu có);
- Các tài liệu khác (nếu có).

6.3. Tài liệu cung cấp cho đối tượng mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc hoặc doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm (Điều 31 Thông tư số 88/2024/TT-BCA)

Việc cung cấp tài liệu cho doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, đối tượng mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo những tài liệu sau:

- Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin tội phạm hoặc thông báo kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy;
- Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy gần nhất.

Lưu ý:

(1) Văn bản, tài liệu trong hồ sơ vụ án hình sự chuyển Cơ quan điều tra có thẩm quyền: Tùy theo tính chất của từng vụ án cụ thể, số lượng và thể loại các tài liệu cần thiết trong từng hồ sơ vụ án có thể khác nhau, nhưng thông thường trong hồ sơ vụ án có các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu làm căn cứ để khởi tố vụ án hình sự (hồ sơ xác minh, giải quyết nguồn tin về tội phạm,...);
- Quyết định khởi tố vụ án hình sự;
- Quyết định phân công cấp phó giải quyết nguồn tin về tội phạm (mẫu số 09- Dùng cho cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra);
- Quyết định phân công Cán bộ điều tra giải quyết nguồn tin về tội phạm (mẫu số 10- Dùng cho cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra);
- Quyết định phân công cấp phó, cán bộ điều tra trong việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự (mẫu số 46- Dùng cho cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra);
- Biên bản khám nghiệm hiện trường (mẫu số 163); Bản ảnh (mẫu số 169), sơ đồ hiện trường (mẫu số 167), biên bản khám phương tiện (nếu cháy, nổ trên

phương tiện giao thông hoặc có phương tiện giao thông bị cháy ở hiện trường-không liên quan TNGT, mẫu số 166 ban hành kèm theo Thông tư 119/2021/TT-BCA); Biên bản xác định hiện trường (mẫu số 161); Biên bản dựng lại hiện trường (mẫu số 164);

- Biên bản ghi lời khai của người làm chứng, người bị hại, đương sự;
- Biên bản lấy lời khai của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lệnh khám xét; Đề nghị phê chuẩn Lệnh khám xét (nếu có);
- Biên bản khám xét (nếu có);
- Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu;
- Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử;
- Thống kê tài liệu có trong hồ sơ vụ án;
- Biên bản giao, nhận hồ sơ vụ án/vụ việc (mẫu số 240).

(2) Theo quy định về công tác hồ nghiệp vụ của lực lượng CSND thì mỗi tổ giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi có quyết định của cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phân công cấp phó, cán bộ điều tra giải quyết lập 01 hồ sơ vụ việc xác minh ban đầu (ký hiệu là AD).

(3) Cán bộ điều tra thụ lý chính thuộc Cơ quan Cảnh sát PCCC phải đăng ký vào sổ thụ lý của đơn vị, lập, đăng ký hồ sơ vụ việc xác minh ban đầu và quản lý, sử dụng, kết thúc, nộp lưu theo quy định của Bộ Công an về hồ sơ vụ việc xác minh ban đầu, hồ sơ vụ án hình sự, hồ sơ vi phạm pháp luật hình sự chưa đến mức khởi tố có quyết định xử lý hành chính, chuyển loại hồ sơ.

(4) Hồ sơ vụ việc xác minh ban đầu khi có đủ căn cứ thì tiến hành chuyển loại theo quy định về chế độ công tác hồ sơ nghiệp vụ; phải nộp lưu trong thời hạn không quá 01 tháng kể từ khi kết thúc. Tài liệu trong hồ sơ vụ việc khi kết thúc nộp lưu phải là tài liệu có giá trị nghiên cứu, sử dụng, bao gồm bản chính hoặc bản sao hợp pháp (sao lục, sao y bản chính); phải quản lý hồ sơ theo chế độ mật, không để mất, hư hỏng hồ sơ.

(5) Trong trường hợp tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì sau 02 năm kể từ ngày có quyết định tạm đình chỉ, nếu chưa có tình tiết mới làm căn cứ phục hồi việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì cơ quan thụ lý được nộp lưu hồ sơ. Quyết định tạm

định chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thay thế quyết định kết thúc. Sau khi nộp lưu, cơ quan thụ lý phải thường xuyên rà soát, khi phát hiện có tình tiết mới cần xem xét thì được rút hồ sơ đã nộp lưu để phục hồi việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Cấp trưởng hoặc Cấp phó thuộc cơ quan khác trong CAND được giao tiến hành một số hoạt động điều tra ký chứng thực (sao lục, sao y bản chính), đóng dấu cơ quan mình vào bản sao tài liệu;

(6) Các tài liệu làm căn cứ cho việc khởi tố vụ án trong các trường hợp khác nhau thường có các văn bản tài liệu như sau:

- Đối với vụ án hình sự được khởi tố qua việc xác minh giải quyết nguồn tin về tội phạm, phải có các tài liệu sau:

- + Đơn, thư tố giác, tin báo về tội phạm (của công dân, của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, trên các phương tiện thông tin đại chúng); báo cáo tiếp nhận nguồn tin về tội phạm (của cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận, phân loại, giải quyết...)

- + Quyết định phân công cho cấp phó, cán bộ điều tra giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm;

- + Biên bản ghi lời khai người tố giác, tin báo về tội phạm, người bị tố giác, bị hại, người làm chứng, đương sự.

- + Các tài liệu về kết quả kiểm tra, xác minh giải quyết nguồn tin về tội phạm.

- Đối với vụ án hình sự được khởi tố (giải quyết vụ việc có dấu hiệu tội phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện theo quy định tại Điều 151 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) qua công tác khám nghiệm hiện trường và điều tra ban đầu, thường có các tài liệu sau:

- + Biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; bản ảnh; biên bản khám nghiệm phương tiện;

- + Biên bản ghi lời khai của người biết việc, người bị hại, người bị tố giác về tội phạm, người có liên quan đến vụ việc xảy ra;

- + Văn bản yêu cầu xác định về chuyên môn và bản trả lời kết quả.

7. Công tác chuyển giao hồ sơ, chế độ thông tin, báo cáo và tiêu chí phân loại vụ cháy

7.1. Công tác chuyển giao hồ sơ

- Vụ cháy do Cơ quan điều tra ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, Quyết định hủy bỏ Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định đình chỉ điều tra hoặc Quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy thì chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Thông tư số 88/2024/TT-BCA;

- Khi chuyển giao hồ sơ phải thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của Bộ Công an về công tác hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

7.2. Chế độ thông tin

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có kết quả giải quyết, Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải có thông báo bằng văn bản gửi Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ biết;

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có kết quả giải quyết, Cơ quan điều tra các cấp chủ trì xác minh, giải quyết vụ cháy theo thẩm quyền sau khi kết thúc điều tra phải thông báo kết quả giải quyết bằng văn bản cho cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cùng cấp để phục vụ công tác thống kê, báo cáo về vụ cháy theo quy định.

7.3. Trường hợp chưa thống nhất về các dấu hiệu được coi là dấu hiệu của tội phạm hoặc dấu hiệu vi phạm hành chính giữa cơ quan chuyển giao và cơ quan tiếp nhận hồ sơ để điều tra, giải quyết vụ cháy thì cơ quan thụ lý hồ sơ có trách nhiệm báo cáo cấp trên trực tiếp của mình để xin ý kiến chỉ đạo.

7.4. Chế độ báo cáo

Công an các địa phương thực hiện chế độ thống kê, báo cáo và gửi về Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

- Hàng tháng thống kê số liệu xác minh, giải quyết vụ cháy theo Mẫu số 11 và Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 88/2024/TT-BCA;

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm theo quy định tại Thông tư số 66/2022/TT-BCA ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chế độ báo cáo trong Công an nhân dân.

PHẦN THỨ BA
TOÀN VĂN LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN,
CỨU HỘ VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 55/2024/QH15

LUẬT

PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; lực lượng, phương tiện, bảo đảm điều kiện hoạt động và quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cháy* là phản ứng hóa học có tỏa nhiệt, phát ra ánh sáng hoặc khói, gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại về người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng đến kinh tế, môi trường, an ninh, trật tự.

2. *Phòng cháy* là tổng hợp các hoạt động, biện pháp, giải pháp để hạn chế, loại trừ nguyên nhân, điều kiện, nguy cơ xảy ra cháy nhằm bảo đảm an toàn, giảm thiểu thiệt hại do cháy gây ra.

3. *Chữa cháy* là tổng hợp các hoạt động chống cháy lan, dập tắt đám cháy và các hoạt động khác để giảm thiểu thiệt hại do cháy gây ra.

4. *Tai nạn, sự cố* là tình huống quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại về người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân cần phải cứu nạn, cứu hộ.

5. *Cứu nạn* là hoạt động cứu người thoát khỏi nguy hiểm đang đe dọa đến tính mạng, sức khỏe trong các vụ cháy, tai nạn, sự cố và hoạt động tìm kiếm nạn nhân.

6. *Cứu hộ* là hoạt động cứu phương tiện, tài sản thoát khỏi nguy hiểm trong các vụ cháy, tai nạn, sự cố.

7. *Cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy* (sau đây gọi là cơ sở) là nhà, công trình, địa điểm được sử dụng để ở, sản xuất, kinh doanh, hoạt động thương mại, làm việc hoặc mục đích khác, được xây dựng, hoạt động theo quy định của pháp luật, thuộc danh mục do Chính phủ quy định. Trong một cơ quan, tổ chức có thể có một hoặc nhiều cơ sở; trong một cơ sở có thể có một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức.

8. *Cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ* là cơ sở có nguy cơ cháy, nổ cao thuộc danh mục do Chính phủ quy định.

9. *Hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ* là hàng hóa có chứa các chất, vật phẩm có nguy cơ cháy, nổ ở dạng khí, dạng lỏng hoặc dạng rắn mà khi quản lý, vận chuyển, sử dụng có khả năng gây cháy, nổ, làm nguy hại đến tính mạng, sức khỏe con người, gây thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng đến môi trường, an ninh, trật tự, thuộc danh mục do Chính phủ quy định.

10. *Phương tiện giao thông có yêu cầu về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy* (sau đây gọi là phương tiện giao thông) là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện thủy nội địa, tàu biển được sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải để vận tải hành khách, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; trường hợp là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vận tải hành khách thì phải trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe).

11. *Người đứng đầu cơ sở* là người chịu trách nhiệm trước pháp luật trong tổ chức thực hiện, duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở, bao gồm: người đại diện theo pháp luật của cơ sở hoặc người được giao trực tiếp quản lý cơ sở; chủ hộ gia đình trực tiếp sử dụng nhà ở đối với nhà ở là cơ sở thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.

12. *Lực lượng dân phòng* là lực lượng do chính quyền địa phương thành lập để thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (sau đây gọi chung là tổ dân phố).

13. *Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở* là lực lượng kiêm nhiệm do người đứng đầu cơ sở thành lập để thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở.

14. *Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành* là lực lượng chuyên trách hoặc kiêm nhiệm do người đứng đầu cơ sở thành lập để thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại một số cơ sở có

nguy hiểm về cháy, nổ.

15. *Khu vực chữa cháy* là khu vực được giới hạn trong một phạm vi nhất định, ở đó diễn ra các hoạt động chữa cháy của các lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật.

16. *Khu vực cứu nạn, cứu hộ* là khu vực được giới hạn trong một phạm vi nhất định, ở đó diễn ra các hoạt động cứu nạn, cứu hộ của các lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật.

17. *Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy* là việc xem xét, đánh giá sự tuân thủ các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng đối với thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trong dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông.

18. *Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy* là việc kiểm tra, đối chiếu thực tế thi công dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định.

19. *Kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy* là việc cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông.

20. *Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ* là cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phục vụ quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các mục đích khác; được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

21. *Cơ quan quản lý chuyên ngành* là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một lĩnh vực nhất định liên quan đến phòng cháy, chữa cháy, bao gồm: cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan đăng kiểm.

22. *Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy* bao gồm mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình, hệ thống cung cấp nước, hệ thống giao thông và hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

Điều 3. Áp dụng pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng, trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

3. Trường hợp sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh đã được ban bố tình trạng khẩn cấp, ban bố cấp độ phòng thủ dân sự thì hoạt động cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp, pháp luật về phòng thủ dân sự, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Bảo đảm ngân sách nhà nước, cơ sở, vật chất, phương tiện, thiết bị hiện đại, nguồn nhân lực, chế độ, chính sách, các điều kiện hoạt động cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong mọi tình huống.

2. Huy động, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Đầu tư, xây dựng hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu tại những nơi bố trí đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3. Đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm nguồn nhân lực trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và nguồn nhân lực thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu, kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy.

4. Bố trí lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với từng địa bàn cơ sở; khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân xây dựng, tham gia, duy trì các mô hình an toàn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cộng đồng.

5. Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, đầu tư, xây dựng, chuyển giao hệ thống, phương tiện, thiết bị phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ cơ quan nhà nước thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật căn cứ vào tính chất, mức độ đóng góp.

Điều 5. Nguyên tắc phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế thì hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu

nạn, cứu hộ được thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại hoặc yêu cầu đối ngoại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế.

2. Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3. Chủ động phòng ngừa, lấy phòng ngừa là chính; kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót về phòng cháy, chữa cháy và có biện pháp khắc phục; xác định phòng cháy, phòng ngừa tai nạn, sự cố là nhiệm vụ thường xuyên.

4. Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện cần thiết để kịp thời chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

5. Thống nhất chỉ huy, điều hành, phát huy vai trò của lực lượng, phương tiện, hậu cần tại chỗ khi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố; ưu tiên cứu người, cứu tài sản; mọi nguồn nước, chất chữa cháy phải được ưu tiên sử dụng cho chữa cháy.

6. Ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

7. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

8. Bảo đảm tính nhân đạo, công bằng, bình đẳng giới trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 6. Báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ

1. Người phát hiện cháy, tình huống cứu nạn, cứu hộ thì báo ngay cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gần nhất.

2. Thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ được thực hiện bằng hiệu lệnh, điện thoại hoặc tín hiệu từ thiết bị truyền tin báo cháy hoặc báo trực tiếp cho cơ quan, lực lượng quy định tại khoản 1 Điều này.

Số điện thoại báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ được quy định thống nhất trong cả nước là 114.

3. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được tin báo phải thông tin ngay cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền để giải quyết.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Bộ Công an là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất thực hiện quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Bộ Quốc phòng, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại địa phương. Tại huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Luật này.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động, sinh sống trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Công dân từ đủ 18 tuổi trở lên, đủ sức khỏe có trách nhiệm tham gia vào Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành hoặc Đội dân phòng khi có yêu cầu.

3. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

b) Thành lập, duy trì hoạt động Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở hoặc Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành theo quy định tại Điều 37 của Luật này hoặc phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý;

c) Ban hành hoặc tham mưu người có thẩm quyền ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý về việc thực hiện quy định, nội quy, biện pháp, yêu cầu và duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

đ) Xây dựng, tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định hoặc đề xuất người có thẩm quyền quyết định trang bị, duy trì tính năng sử dụng của phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; khắc phục hậu quả do cháy, tai nạn, sự cố gây ra;

g) Lập, quản lý hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý; khai báo, cập nhật dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy;

h) Thực hiện nhiệm vụ khác về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật.

4. Chủ phương tiện giao thông có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

b) Ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, giám sát cá nhân thuộc phạm vi quản lý về việc thực hiện quy định, nội quy, biện pháp, yêu cầu và duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Trang bị, duy trì tính năng sử dụng của phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; khắc phục hậu quả do cháy, tai nạn, sự cố gây ra;

đ) Xây dựng, tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện nhiệm vụ khác về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật.

5. Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư xây dựng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trong việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thẩm định, thi công, giám sát thi công, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

6. Chủ hộ gia đình trực tiếp sử dụng nhà ở mà không phải là người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Luật này;

b) Tuyên truyền, đôn đốc, nhắc nhở thành viên khác trong gia đình thực hiện pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục kịp thời nguy cơ gây

cháy, nổ, tai nạn, sự cố;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật.

7. Cá nhân có trách nhiệm sau đây:

a) Chấp hành quy định, nội quy, biện pháp, yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Tìm hiểu kiến thức về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và kỹ năng thoát nạn, sử dụng dụng cụ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thông dụng;

c) Bảo đảm an toàn trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất dễ cháy, nổ;

d) Phát hiện, ngăn chặn nguy cơ trực tiếp gây cháy, nổ và các hành vi vi phạm quy định an toàn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong điều kiện, khả năng cho phép;

đ) Tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi được cơ quan, người có thẩm quyền huy động; chấp hành yêu cầu, quyết định của người chỉ huy chữa cháy, người chỉ huy cứu nạn, cứu hộ khi tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

8. Trách nhiệm về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với trường hợp thuê, mượn, ở nhờ nhà ở được quy định như sau:

a) Người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ nhà ở có trách nhiệm tuyên truyền, đôn đốc, nhắc nhở người thuê, mượn, ở nhờ thực hiện quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Người thuê, mượn, ở nhờ nhà ở có trách nhiệm theo quy định tại khoản 6 Điều này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người cho thuê, mượn, ở nhờ nhà ở.

Trường hợp thuê, mượn, ở nhờ nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh thì người thuê, mượn, ở nhờ còn có trách nhiệm bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy theo quy định tại Điều 21 của Luật này.

9. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 50 của Luật này có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi quản lý.

10. Chính phủ quy định chi tiết điểm c và điểm g khoản 3, điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Điều 9. Trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Công an tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật và kỹ năng phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ vào nội dung đào tạo lái xe.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ vào chương trình giảng dạy và bảo đảm điều kiện thực hiện trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học phù hợp với từng cấp học, ngành học.

5. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, có hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục phù hợp với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

6. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật, hướng dẫn kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Xây dựng, thực tập các phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông quy định tại khoản 2 Điều 22 của Luật này có trách nhiệm tổ chức xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ của cơ sở, phương tiện giao thông trong phạm vi quản lý.

2. Cơ quan Công an có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ;

b) Tổ chức xây dựng, thực tập phương án cứu nạn, cứu hộ đối với các tình huống tai nạn, sự cố quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này cần huy động lực lượng, phương tiện của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Người đứng đầu cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Công an trong xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Công an xây dựng, thực tập phương án cứu nạn, cứu hộ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trong phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc phương án cứu nạn, cứu hộ do cơ quan Công an xây dựng có trách nhiệm bố trí lực lượng, người, phương tiện tham gia thực tập phương án.

5. Cơ quan Quân sự, Biên phòng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp cơ quan Công an tổ chức xây dựng, diễn tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc phạm vi quản lý.

6. Chính phủ quy định về nội dung, thời gian thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ.

Điều 11. Kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy

1. Đối tượng kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy bao gồm:

- a) Cơ sở quy định tại khoản 7 Điều 2 của Luật này;
- b) Nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh;
- c) Phương tiện giao thông quy định tại khoản 10 Điều 2 của Luật này;
- d) Công trình xây dựng trong quá trình thi công.

2. Nội dung kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy bao gồm:

a) Việc thực hiện trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông theo quy định;

b) Việc bảo đảm và duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình xây dựng trong quá trình thi công, nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh, phương tiện giao thông, cơ sở theo quy định tại các điều 19, 20, 21, 22 và 23 của Luật này; việc thực hiện, duy trì giải pháp kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy đối với các cơ sở quy định tại khoản 6 Điều 55 của Luật này.

3. Thẩm quyền kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy được quy định như sau:

- a) Người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông, chủ

đầu tư tự tổ chức kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan đăng kiểm, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này; quy định trình tự, thủ tục kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy.

Điều 12. Ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Ngày 04 tháng 10 hằng năm là “Ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ”.

Điều 13. Hợp tác quốc tế về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện hợp tác quốc tế về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Việc hợp tác quốc tế về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm những nguyên tắc sau đây:

a) Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

b) Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế hợp tác về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Mở rộng, phát triển đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; phối hợp tìm kiếm, cứu nạn; đầu tư, xây dựng hạ tầng, công trình phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Ưu tiên hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Nội dung hợp tác quốc tế về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Trao đổi thông tin, học tập, tham khảo kinh nghiệm về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

b) Hỗ trợ chữa cháy, tìm kiếm, cứu nạn;

c) Đào tạo, huấn luyện, diễn tập, đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Xây dựng hạ tầng, công trình phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

đ) Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan giúp Chính phủ đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện hợp tác quốc tế về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 14. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cố ý gây cháy, nổ, tai nạn, sự cố hoặc kích động, xúi giục, dụ dỗ người khác gây cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại về người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng đến kinh tế, môi trường, an ninh, trật tự.

2. Xúc phạm, đe dọa, cản trở, chống đối lực lượng thực hiện nhiệm vụ và người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, những nhiễu, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Lợi dụng việc tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Làm giả, làm sai lệch kết quả thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

6. Báo cháy giả; báo tình huống cứu nạn, cứu hộ giả.

7. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hàng hóa, chất, vật phẩm nguy hiểm về cháy, nổ.

8. Chuyên đổi, bổ sung công năng sử dụng công trình, hạng mục công trình không bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

9. Kinh doanh phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có chất lượng không đúng với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

10. Chiếm đoạt, hủy hoại, cố ý làm hư hỏng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tự ý thay đổi, di chuyển, che khuất phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, biển báo, biển chỉ dẫn đã được trang bị theo quy định; cản trở lối thoát nạn; làm mất tác dụng của lối thoát nạn, đường thoát nạn, ngăn cháy lan.

11. Lấn chiếm, bố trí vật cản gây cản trở hoạt động của phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới.

Chương II

PHÒNG CHÁY

Điều 15. Yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn

Khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp và các khu chức năng theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phải có giải pháp, thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng cấp độ quy hoạch và được quy định như sau:

1. Quy hoạch chung phải có nội dung phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy;
2. Quy hoạch phân khu đô thị, khu chức năng có yêu cầu lập quy hoạch phân khu phải có:
 - a) Nguồn nước và phương án tổ chức mạng lưới cấp nước chữa cháy;
 - b) Mạng lưới giao thông phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
 - c) Vị trí, quy mô của trụ sở đơn vị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong khu vực lập quy hoạch;
3. Quy hoạch chi tiết đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp và các khu chức năng phải có:
 - a) Đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống bảo đảm cho xe chữa cháy và phương tiện chữa cháy cơ giới triển khai hoạt động;
 - b) Nguồn nước chữa cháy từ bồn, bể, ao, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo hoặc hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;
 - c) Nguồn điện phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy;
 - d) Địa điểm cho đơn vị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm diện tích xây dựng và yêu cầu đã được xác định tại quy hoạch quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;
4. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn chỉ phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp và các khu chức năng khi bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;
5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 16. Yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy khi lập, điều chỉnh dự án

đầu tư xây dựng công trình, thiết kế công trình, cải tạo, thay đổi công năng sử dụng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông

1. Khi lập, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế công trình, cải tạo, thay đổi công năng sử dụng công trình quy định tại khoản 7 Điều 2 của Luật này và xây dựng công trình tạm theo quy định của pháp luật về xây dựng phải có giải pháp, thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với công năng, đặc điểm của công trình và bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Khoảng cách phòng cháy, chữa cháy;
- b) Đường bộ, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- c) Giải pháp thoát nạn;
- d) Dự kiến bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
- đ) Giải pháp chống khói;
- e) Hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy;
- g) Phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

2. Khi sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông phải có giải pháp, thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của phương tiện giao thông và bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
- b) Giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy cho hệ thống cung cấp năng lượng, nhiên liệu và động cơ;
- c) Hệ thống, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí, chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ;
- d) Phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

Điều 17. Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

1. Việc thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình và phương tiện giao thông, trừ công trình tạm theo quy định của pháp luật về xây dựng được quy định như sau:

- a) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 16 của Luật này đối với báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng không thuộc diện thẩm định dự án của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy

và chữa cháy;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 16 của Luật này đối với dự án thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình và thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Cơ quan đăng kiểm tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 16 của Luật này khi thực hiện thẩm định thiết kế theo quy định của pháp luật về đăng kiểm đối với phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

d) Cơ quan Công an tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều 16 của Luật này đối với báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của công trình thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; tổ chức thẩm định nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 của Luật này đối với phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

đ) Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 16 của Luật này đối với thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của công trình không thuộc diện phải thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an; tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều 16 của Luật này đối với thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của công trình không thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an.

2. Công trình thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi điều chỉnh thiết kế mà làm thay đổi một trong các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này hoặc trong quá trình sử dụng mà thay đổi công năng hoặc cải tạo làm thay đổi điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy phải thực hiện điều chỉnh thiết kế, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Việc điều chỉnh thiết kế, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 17 của Luật này.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông chỉ được tổ chức thi công xây dựng, cải tạo công trình, hạng mục công trình và sản xuất,

lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này; quy định danh mục công trình, phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan đăng kiểm; quy định nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; quy định trách nhiệm phối hợp trong thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 18. Nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

1. Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông có trách nhiệm tổ chức thi công, nghiệm thu công trình, phương tiện giao thông theo thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm định; chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông, đơn vị thi công có trách nhiệm bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong suốt quá trình thi công công trình, phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình, phương tiện giao thông theo các quy định sau đây:

a) Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy từng phần, từng giai đoạn, từng hạng mục, từng hệ thống và nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng công trình;

b) Đối với các bộ phận của công trình, bộ phận phương tiện giao thông bị che khuất thì phải nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy trước khi tiến hành các bước thi công tiếp theo;

c) Quyết định việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy từng phần công trình, từng hạng mục công trình trong trường hợp phần công trình, hạng mục công trình đó đủ điều kiện vận hành độc lập, bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình, phương tiện giao thông.

4. Công trình, phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy sau khi tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

phải được cơ quan quản lý chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; chỉ được đưa công trình, phần công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông vào khai thác, sử dụng sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

5. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy được quy định như sau:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy trước khi đưa công trình, phần công trình, hạng mục công trình vào sử dụng đối với công trình, phần công trình, hạng mục công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trước đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 của Luật này và thuộc đối tượng phải kiểm tra công tác nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Cơ quan đăng kiểm tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trước đó theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 của Luật này khi kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Cơ quan Công an tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình, phần công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông đã được cơ quan Công an thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trước đó theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 của Luật này.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này; quy định nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; quy định trách nhiệm phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 19. Phòng cháy đối với công trình xây dựng trong quá trình thi công

1. Công trình xây dựng trong quá trình thi công phải bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

a) Có nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với tính chất, đặc điểm của công trình xây dựng;

b) Có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn theo quy định;

c) Trang bị phương tiện hoặc hệ thống phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của công trình xây dựng theo quy định về an toàn trong

thi công xây dựng;

d) Có phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, đơn vị thi công công trình xây dựng có trách nhiệm thực hiện, duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 20. Phòng cháy đối với nhà ở

1. Nhà ở không thuộc loại hình quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

a) Lắp đặt, sử dụng thiết bị điện bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 của Luật này;

b) Bố trí bếp đun nấu, nơi thờ cúng, đốt vàng mã bảo đảm an toàn; không để vật, chất dễ cháy, nổ gần nguồn lửa, nguồn nhiệt.

2. Nhà ở không thuộc loại hình quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này phải bảo đảm các điều kiện về chữa cháy, thoát nạn sau đây:

a) Có phương tiện phòng cháy, chữa cháy phù hợp với khả năng, điều kiện thực tế để sẵn sàng chữa cháy, thoát nạn;

b) Bố trí, duy trì lối thoát nạn, lối ra khẩn cấp hoặc lối đi bảo đảm việc thoát nạn.

3. Nhà ở có quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật hoặc trong quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó.

4. Nhà ở trong danh mục cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật này.

5. Đối với nhà ở tại thành phố trực thuộc trung ương thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy thì phải trang bị bình chữa cháy, thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy theo lộ trình do Chính phủ quy định.

Đối với nhà ở tại khu vực khác thì khuyến khích trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương xác định khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy.

6. Lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm hướng dẫn việc kết nối thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy khi có yêu cầu.

Điều 21. Phòng cháy đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh

1. Nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

- a) Các điều kiện an toàn về phòng cháy quy định tại Điều 20 của Luật này;
- b) Có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn theo quy định;
- c) Khu vực sản xuất, kinh doanh hàng hóa có nguy cơ cháy, nổ phải có giải pháp ngăn cách hoặc ngăn cháy với khu vực để ở.

2. Nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

- a) Các điều kiện an toàn về phòng cháy quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Không bố trí chỗ ngủ trong khu vực sản xuất, kinh doanh;
- c) Có phương tiện báo cháy, giải pháp thông gió, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí nguy hiểm về cháy, nổ phù hợp với công năng, đặc điểm của nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ;
- d) Khu vực sản xuất, kinh doanh hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ phải được ngăn cháy với lối thoát nạn của khu vực để ở.

Điều 22. Phòng cháy đối với phương tiện giao thông

1. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ vận tải hành khách, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ khi tham gia giao thông phải bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

- a) Có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn theo quy định;
- b) Thực hiện các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này.

2. Phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện thủy nội địa, tàu biển vận tải hành khách, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

- a) Điều kiện an toàn về phòng cháy theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật về hàng hải;
- b) Điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;
- c) Phương tiện giao thông thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phải có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn

bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành;

d) Có phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Phương tiện giao thông được sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy chỉ được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường khi có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

4. Phương tiện giao thông thủy của tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài khi tham gia hoạt động đường thủy nội địa Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Chủ sở hữu, thuyền trưởng, trưởng tàu, người điều khiển phương tiện giao thông trong phạm vi quản lý có trách nhiệm bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình hoạt động của phương tiện giao thông.

Điều 23. Phòng cháy đối với cơ sở

1. Cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

a) Có nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với từng loại hình cơ sở;

b) Trang bị phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

c) Trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy; khai báo, cập nhật dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo lộ trình do Chính phủ quy định;

d) Thực hiện các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 16 của Luật này;

đ) Có phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

e) Thành lập lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở hoặc lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành theo quy định tại Điều 37 của Luật này hoặc phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong phạm vi một cơ sở phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

a) Có nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với tính chất hoạt động của cơ quan, tổ chức;

b) Bảo đảm an toàn trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất dễ cháy, nổ trong phạm vi quản lý;

c) Cử người tham gia lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở hoặc lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện, duy trì điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý.

Điều 24. Phòng cháy trong lắp đặt, sử dụng điện cho sinh hoạt, sản xuất

1. Trong lắp đặt, sử dụng điện cho sinh hoạt phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

a) Chấp hành quy định về an toàn trong sử dụng điện cho sinh hoạt theo quy định của pháp luật về điện lực;

b) Đơn vị bán lẻ điện khi đấu nối điện sinh hoạt phải tư vấn việc lắp đặt, sử dụng đối với hệ thống, thiết bị điện để bảo đảm an toàn về phòng cháy;

c) Việc lắp đặt, sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện trong nhà phải bảo đảm yêu cầu về an toàn điện theo quy định của pháp luật; thường xuyên kiểm tra, kịp thời sửa chữa, thay thế dây dẫn điện, thiết bị điện không bảo đảm an toàn về phòng cháy;

d) Chỉ được sử dụng thiết bị sạc điện cho xe động cơ điện bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; nơi sạc điện cho xe động cơ điện trong nhà phải có giải pháp bảo đảm an toàn về phòng cháy; khu vực sạc điện cho xe động cơ điện tập trung trong nhà còn phải có giải pháp ngăn cháy và trang bị phương tiện chữa cháy phù hợp, bảo đảm tiêu chuẩn.

2. Trong lắp đặt, sử dụng điện cho sản xuất phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy sau đây:

a) Chấp hành quy định về an toàn trong sử dụng điện cho sản xuất theo quy định của pháp luật về điện lực và quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Thiết bị điện được sử dụng trong môi trường nguy hiểm về cháy, nổ phải là thiết bị chuyên dụng theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, thiết bị điện có trách nhiệm tư vấn, cung cấp thông tin về chất lượng, thông số kỹ thuật của sản phẩm, thiết bị điện phù hợp với mục đích sử dụng.

4. Đơn vị bán lẻ điện có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn về bảo đảm an toàn sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn sử dụng điện theo quy định của pháp luật về điện lực.

Chương III

CHỮA CHÁY

Điều 25. Trách nhiệm chữa cháy

1. Người phát hiện cháy, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gần nơi xảy ra cháy có trách nhiệm tham gia chữa cháy trong điều kiện, khả năng cho phép.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên có trách nhiệm tổ chức chữa cháy thuộc phạm vi quản lý; huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản theo thẩm quyền tham gia chữa cháy theo đề nghị của người chỉ huy chữa cháy.

3. Cơ quan y tế, điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, giao thông và cơ quan, tổ chức, đoàn thể khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp tham gia chữa cháy ngay khi có yêu cầu của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền hoặc người chỉ huy chữa cháy; điều động người và phương tiện thuộc phạm vi quản lý đến nơi xảy ra cháy để tham gia, hỗ trợ chữa cháy khi được huy động.

4. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi nhận được tin báo cháy thuộc phạm vi quản lý hoặc nhận được mệnh lệnh, quyết định huy động phải kịp thời đến chữa cháy.

5. Lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm tổ chức bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ khu vực chữa cháy; tham gia chữa cháy; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lực lượng, phương tiện đi chữa cháy được lưu thông nhanh nhất.

6. Ủy ban nhân dân địa phương giáp ranh với địa phương nơi xảy ra cháy có trách nhiệm huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy khi người chỉ huy chữa cháy đề nghị.

7. Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác trực sẵn sàng chữa cháy, tổ chức chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

8. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về trách nhiệm chữa cháy đối với công trình, cơ sở, phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng phục vụ mục đích quân sự, quốc phòng; phối hợp với Bộ Công an tổ chức chữa cháy đối với công trình lưỡng dụng theo quy định của Chính phủ.

Điều 26. Huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy

1. Khi có cháy thì lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đều có thể được huy động để tham gia chữa cháy; trường hợp cần thiết, người chỉ huy chữa cháy đề nghị cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam bố trí lực lượng, người, phương tiện để hỗ trợ, giúp đỡ chữa cháy.

2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được huy động tham gia chữa cháy có trách nhiệm bố trí ngay lực lượng, người, phương tiện, tài sản để tham gia chữa cháy.

3. Phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được huy động tham gia chữa cháy phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc chữa cháy; trường hợp bị mất, hư hỏng, bị thiệt hại do việc huy động trực tiếp gây ra thì được bồi thường.

Người có thẩm quyền quyết định huy động có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường. Mức bồi thường và việc chi trả bồi thường được thực hiện như đối với người có tài sản trưng dụng theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

4. Lực lượng, người được huy động làm nhiệm vụ chữa cháy được ưu tiên khi đi trên các phương tiện giao thông công cộng.

5. Thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và người đứng đầu cơ quan, tổ chức được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý của mình; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi cả nước;

c) Giám đốc Công an cấp tỉnh và Trưởng Công an cấp huyện được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý của mình; Bộ trưởng Bộ Công an được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi cả nước.

6. Chính phủ quy định thủ tục huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản để chữa cháy; việc huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của Quân đội để tham gia chữa cháy.

Điều 27. Nguồn nước chữa cháy

1. Nguồn nước chữa cháy lấy từ trụ nước chữa cháy thuộc hệ thống cấp nước tập trung, hệ thống cấp nước chữa cháy, bồn, bể, ao, hồ, sông, suối, kênh hoặc nguồn nước sẵn có khác.

2. Trên hệ thống cấp nước tập trung bố trí các trụ nước chữa cháy theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm yêu cầu cấp nước phục vụ chữa cháy. Chi phí sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung do cơ quan Công an sử dụng để chữa cháy và thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được chi trả từ ngân sách nhà nước.

3. Tại khu vực bồn, bể, ao, hồ, sông, suối, kênh trong đô thị, khu dân cư tập trung bố trí các điểm, bến để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy.

4. Chính phủ quy định trách nhiệm đầu tư, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy; đầu tư, quản lý các điểm, bến để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy.

Điều 28. Người chỉ huy chữa cháy

1. Người có chức vụ cao nhất của lực lượng Công an nhân dân được phân công chỉ huy chữa cháy có mặt tại nơi xảy ra cháy là người chỉ huy chữa cháy.

2. Trường hợp tại nơi xảy ra cháy, lực lượng Công an nhân dân chưa đến thì người chỉ huy chữa cháy được quy định như sau:

a) Cháy tại cơ sở thì người đứng đầu cơ sở là người chỉ huy chữa cháy; trường hợp người đứng đầu cơ sở vắng mặt thì Đội trưởng Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở hoặc Đội trưởng Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành hoặc người được ủy quyền là người chỉ huy chữa cháy;

b) Cháy phương tiện giao thông đang lưu thông thì người chỉ huy phương tiện, chủ phương tiện là người chỉ huy chữa cháy; trường hợp người chỉ huy phương tiện, chủ phương tiện vắng mặt thì người điều khiển phương tiện là người chỉ huy chữa cháy;

c) Cháy tại thôn, tổ dân phố không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người chỉ huy chữa cháy; trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố vắng mặt thì Đội trưởng

Đội dân phòng hoặc người được ủy quyền là người chỉ huy chữa cháy.

3. Người chỉ huy chữa cháy thuộc lực lượng Công an nhân dân thực hiện quyền chỉ huy bằng mệnh lệnh, chịu trách nhiệm về quyết định của mình và có các quyền sau đây:

- a) Sử dụng lực lượng, phương tiện của cơ quan Công an thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy;
- b) Huy động theo thẩm quyền hoặc đề nghị người có thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia chữa cháy theo quy định của pháp luật;
- c) Xác định, quyết định khu vực chữa cháy, các biện pháp chữa cháy, việc sử dụng địa hình, địa vật lân cận để chữa cháy;
- d) Cấm người và phương tiện không có nhiệm vụ vào khu vực chữa cháy;
- đ) Quyết định việc di chuyển, phá dỡ chướng ngại vật, tài sản để cứu nạn, cứu hộ, ngăn chặn nguy cơ cháy lan theo quy định của pháp luật.

4. Người chỉ huy chữa cháy quy định tại khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm về quyết định của mình và có các quyền sau đây:

- a) Sử dụng lực lượng, phương tiện thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy;
- b) Đề nghị người có thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia chữa cháy theo quy định của pháp luật;
- c) Quyết định việc di chuyển, phá dỡ chướng ngại vật, tài sản để cứu nạn, cứu hộ, ngăn chặn nguy cơ cháy lan theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Khắc phục hậu quả vụ cháy

1. Khắc phục hậu quả vụ cháy bao gồm các hoạt động sau đây:

- a) Tổ chức cấp cứu ngay người bị nạn; cứu trợ, giúp đỡ người bị thiệt hại ổn định đời sống;
- b) Thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, trật tự, an toàn xã hội;
- c) Phục hồi kịp thời hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động khác.

2. Người đứng đầu cơ sở, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có cơ sở bị cháy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, chủ phương tiện giao thông có phương tiện bị cháy, chủ hộ gia đình có nhà bị cháy có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này trong điều kiện, khả năng cho phép.

Điều 30. Bảo vệ hiện trường, điều tra vụ cháy

1. Cơ quan Công an có trách nhiệm tổ chức bảo vệ hiện trường vụ cháy, khám nghiệm hiện trường vụ cháy, điều tra vụ cháy theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nơi xảy ra cháy có trách nhiệm tham gia bảo vệ hiện trường vụ cháy, cung cấp thông tin xác thực về vụ cháy cho cơ quan Công an.

Điều 31. Chữa cháy trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và nhà ở của thành viên các cơ quan này

1. Lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Việt Nam khi được phép vào trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và nhà ở của thành viên các cơ quan này để chữa cháy thì phải tuân theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Việt Nam có trách nhiệm chống cháy lan bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và nhà ở của thành viên các cơ quan này.

Chương IV CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 32. Tình huống cứu nạn, cứu hộ

1. Tình huống cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Cứu nạn, cứu hộ trong đám cháy;

b) Cứu nạn, cứu hộ trong tình huống tai nạn, sự cố bao gồm: có người đuối nước; sập, đổ nhà, công trình, cây cối; tai nạn, sự cố do phương tiện, thiết bị gây ra; sạt lở đất, đá; tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; các tai nạn, sự cố khác khi có yêu cầu;

c) Tìm kiếm nạn nhân.

2. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chủ trì thực hiện hoạt động cứu nạn, cứu hộ trong các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này; phối hợp thực hiện hoạt động cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố khác, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Trách nhiệm cứu nạn, cứu hộ

1. Người phát hiện tình huống cứu nạn, cứu hộ, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gần nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố tham gia cứu nạn, cứu hộ trong điều kiện, khả năng cho phép.

2. Cơ quan y tế, điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, giao thông và cơ quan, tổ chức, đoàn thể khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp tham gia cứu nạn, cứu hộ ngay khi có yêu cầu của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền hoặc người chỉ huy cứu nạn, cứu hộ; điều động người và phương tiện thuộc phạm vi quản lý đến nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố để tham gia, hỗ trợ cứu nạn, cứu hộ khi được huy động.

3. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi nhận được tin báo tai nạn, sự cố cần phải cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý hoặc nhận được mệnh lệnh, quyết định huy động phải kịp thời đến cứu nạn, cứu hộ.

4. Lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm tổ chức bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ khu vực cứu nạn, cứu hộ; tham gia cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lực lượng, phương tiện đi cứu nạn, cứu hộ được lưu thông nhanh nhất.

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tham gia cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý.

6. Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác trực sẵn sàng cứu nạn, cứu hộ, tổ chức cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

Điều 34. Người chỉ huy cứu nạn, cứu hộ

1. Khi xảy ra cháy cần phải cứu nạn, cứu hộ, người chỉ huy chữa cháy thuộc lực lượng Công an nhân dân là người chỉ huy cứu nạn, cứu hộ.

2. Khi xảy ra tai nạn, sự cố cần phải cứu nạn, cứu hộ, người có chức vụ cao nhất của lực lượng Công an nhân dân được phân công chỉ huy cứu nạn, cứu hộ có mặt tại nơi xảy ra tai nạn, sự cố là người chỉ huy cứu nạn, cứu hộ đối với các tai nạn, sự cố quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này.

3. Người chỉ huy cứu nạn, cứu hộ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện quyền chỉ huy bằng mệnh lệnh, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình và có các quyền sau đây:

a) Sử dụng lực lượng, phương tiện của cơ quan Công an thuộc phạm vi quản lý tham gia cứu nạn, cứu hộ;

b) Huy động theo thẩm quyền hoặc đề nghị người có thẩm quyền huy động

lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

c) Xác định, quyết định khu vực cứu nạn, cứu hộ, phương án và việc sử dụng địa hình, địa vật lân cận để cứu nạn, cứu hộ;

d) Cấm người và phương tiện không có nhiệm vụ vào khu vực cứu nạn, cứu hộ;

đ) Quyết định việc di chuyển, phá dỡ chướng ngại vật, tài sản trong phạm vi cứu nạn, cứu hộ để cứu người, cứu tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Khi người chỉ huy cứu nạn, cứu hộ thuộc lực lượng Công an nhân dân chưa có mặt tại nơi xảy ra tai nạn, sự cố thì người đứng đầu cơ sở, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nơi xảy ra tai nạn, sự cố sử dụng lực lượng, người, phương tiện thuộc phạm vi quản lý thực hiện cứu nạn, cứu hộ và tham gia hỗ trợ, khắc phục tai nạn, sự cố.

Điều 35. Huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia cứu nạn, cứu hộ

1. Khi có tình huống cứu nạn, cứu hộ thì lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đều có thể được huy động để tham gia cứu nạn, cứu hộ; trường hợp cần thiết, người chỉ huy cứu nạn, cứu hộ đề nghị cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam bố trí lực lượng, người, phương tiện để hỗ trợ, giúp đỡ cứu nạn, cứu hộ.

2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được huy động tham gia cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm bố trí ngay lực lượng, người, phương tiện, tài sản để tham gia cứu nạn, cứu hộ.

3. Phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được huy động tham gia cứu nạn, cứu hộ phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc cứu nạn, cứu hộ; trường hợp bị mất, hư hỏng, bị thiệt hại do việc huy động trực tiếp gây ra thì được bồi thường.

Người có thẩm quyền quyết định huy động có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường. Mức bồi thường và việc chi trả bồi thường được thực hiện như đối với người có tài sản trưng dụng theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

4. Lực lượng, người được huy động làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ được ưu tiên khi đi trên các phương tiện giao thông công cộng.

5. Thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia

cứu nạn, cứu hộ được quy định như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh được quyền huy động lực lượng, phương tiện của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý của mình;

c) Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh và Trưởng Công an cấp huyện được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý của mình.

6. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia cứu nạn, cứu hộ.

Chương V

XÂY DỰNG, BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG, NHIỆM VỤ CỦA LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 36. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
2. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở.
3. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.
4. Lực lượng dân phòng.

Điều 37. Thành lập, quản lý lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành và lực lượng dân phòng

1. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở được thành lập, quản lý và bố trí thành Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở; lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành được thành lập, quản lý và bố trí thành Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.

2. Cơ sở đã thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành thì không phải thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở.

3. Lực lượng dân phòng được thành lập ở một hoặc một số thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc tại huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã theo quy định sau đây:

- a) Được bố trí thành Đội dân phòng;

b) Căn cứ tình hình, yêu cầu bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng Đội dân phòng cần thành lập, số lượng thành viên Đội dân phòng tại thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

d) Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm c khoản này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Đội dân phòng và từng thành viên Đội dân phòng;

đ) Ưu tiên thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tham gia Đội dân phòng;

e) Tại thôn, tổ dân phố đã công nhận Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bổ nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự là Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng.

4. Chính phủ quy định cơ sở phải thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, cơ sở phải thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành; tổ chức, hoạt động và chế độ bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành, lực lượng dân phòng.

Điều 38. Nhiệm vụ của lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành và lực lượng dân phòng

1. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành và lực lượng dân phòng thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Đề xuất người có thẩm quyền ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý;

b) Thực hiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi, nhiệm vụ được phân công và tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi được huy động.

2. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành và lực lượng dân phòng

tham gia thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- a) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; xây dựng phong trào quần chúng tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- b) Xây dựng phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an, chuẩn bị lực lượng, người, phương tiện tham gia thực tập phương án;
- c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện

1. Phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện là việc cá nhân tự nguyện đăng ký với Công an cấp xã nơi cư trú để thường xuyên tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Cá nhân tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Trong trường hợp cần thiết, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đề nghị Công an cấp xã huy động cá nhân đã tình nguyện đăng ký để tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Nhà nước có chính sách khuyến khích người dân đăng ký tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 40. Xây dựng, bố trí lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an nhân dân được tổ chức, bố trí và quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Nhà nước xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; ưu tiên nguồn lực phát triển lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; đào tạo, bồi dưỡng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tinh thông về pháp luật, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3. Cơ quan, tổ chức và công dân Việt Nam có trách nhiệm tham gia xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 41. Nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch, quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; hướng dẫn xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ.

4. Thực hiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

5. Thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo thẩm quyền.

6. Hướng dẫn xây dựng lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; hướng dẫn thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; hướng dẫn trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

7. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

8. Thống kê, tổng hợp dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

9. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện quản lý hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

11. Thực hiện một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và pháp luật về tổ chức điều tra hình sự.

12. Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

13. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về Công an nhân dân và quy định khác của pháp luật có liên quan.

14. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này.

Chương VI

PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 42. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Nhà nước trang bị cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, các lực lượng khác trong Công an nhân dân phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các phương tiện, thiết bị cần thiết khác bảo đảm đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong mọi tình huống.

2. Người đứng đầu cơ sở quyết định hoặc đề xuất người có thẩm quyền quyết định trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng.

4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 43. Quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được trang bị.

2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã trang bị để sẵn sàng báo cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 44. Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy

1. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy sản xuất, lắp ráp trong nước trước khi lưu thông trên thị trường phải bảo đảm về chất lượng, đúng với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm,

hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy nhập khẩu phải đúng với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam. Trường hợp giữa Việt Nam và các quốc gia, vùng lãnh thổ thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của nhau được thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Chính phủ quy định việc cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy; danh mục phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy.

Chương VII

BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 45. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

- a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;
- c) Người đứng đầu cơ sở;
- d) Thành viên Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở; thành viên Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành; thành viên Đội dân phòng;
- đ) Người được phân công thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở; người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở;
- e) Người làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc với chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ;
- g) Người điều khiển phương tiện, người làm việc trên phương tiện giao thông quy định tại khoản 10 Điều 2 của Luật này;
- h) Người đã đăng ký tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn,

cứu hộ tình nguyện;

i) Đối tượng khác có nhu cầu.

2. Nội dung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

- a) Quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- b) Kiến thức, kỹ năng về phòng cháy;
- c) Kiến thức, kỹ năng về chữa cháy;
- d) Kiến thức, kỹ năng thoát nạn, cứu nạn;
- đ) Các nội dung khác phù hợp với từng đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và cơ sở đào tạo về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện việc huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Bộ trưởng Bộ Công an quy định về huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này; quy định thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; quy định chế độ, chính sách cho người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 46. Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Người được huy động, người tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không thuộc lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ khi tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có thành tích thì được khen thưởng, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù theo quy định của pháp luật.

3. Người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bị tai nạn, bị thương, chết thì được hưởng chế độ theo quy định sau đây:

- a) Người đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thì được chi trả chế độ từ quỹ bảo hiểm theo quy định của pháp luật;
- b) Người chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị tai nạn, bị thương thì được hỗ trợ thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh; trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã

hội nếu bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa thì được xét trợ cấp tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động; nếu chết thì thân nhân được hưởng chế độ tiền tuất, tiền mai táng phí;

c) Người bị thương, chết khi thực hiện nhiệm vụ thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để công nhận là liệt sĩ và hưởng các quyền theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 3 Điều này.

Điều 47. Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu và chế độ, chính sách đối với lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được trang bị trang phục, phù hiệu, cấp hiệu theo quy định của pháp luật về Công an nhân dân và được trang bị trang phục chuyên dùng để thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được hưởng chế độ, chính sách sau đây:

a) Chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về Công an nhân dân;
b) Chế độ bồi dưỡng khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ; khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Chế độ dinh dưỡng đặc thù khi huấn luyện, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ và trực tiếp chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Chế độ theo danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật;

đ) Sĩ quan, hạ sĩ quan điều khiển, vận hành phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được hưởng chế độ, chính sách như sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ theo pháp luật về Công an nhân dân.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 48. Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của cơ sở thuộc danh mục cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của cơ sở không thuộc danh mục cơ sở phải mua bảo hiểm

cháy, nổ bắt buộc.

3. Chính phủ quy định danh mục cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; mức trích nộp, chế độ quản lý, sử dụng nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 49. Nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trích lại cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- c) Đóng góp tự nguyện, tài trợ bằng tiền, hiện vật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài;
- d) Hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai và các quỹ hợp pháp khác;
- đ) Nguồn tài chính huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn tài chính bảo đảm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chính phủ quy định chi tiết điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 50. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Nhà nước bảo đảm ngân sách để đầu tư cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; ưu tiên phân bổ nguồn lực trong kế hoạch tài chính 5 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trong nhiệm vụ chi ngân sách quốc phòng và an ninh hằng năm của Ủy ban nhân dân các cấp phải có nội dung bảo đảm cho công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Trong trường hợp cấp bách được sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Nhà nước cấp ngân sách cho lực lượng Công an nhân dân, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các đơn vị khác thụ hưởng ngân

sách nhà nước để phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được sử dụng cho các nhiệm vụ sau đây:

- a) Đầu tư, trang bị, xây dựng, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- b) Hoạt động của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và lực lượng dân phòng;
- c) Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;
- d) Các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khác theo quy định của pháp luật.

5. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước chi cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 51. Khuyến khích đầu tư cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế đầu tư, đóng góp, tài trợ cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong nước được hưởng các ưu đãi về tín dụng, đất đai, khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Hoạt động khoa học và công nghệ, hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy

1. Hoạt động khoa học và công nghệ trong phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ,

ứng dụng công nghệ số, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế đầu tư, tài trợ, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Ưu tiên kết hợp, ứng dụng kết quả đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ vào đầu tư sản xuất, phát triển công nghệ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy do lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ quản lý, khai thác, vận hành theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều này; quy định việc cập nhật, khai báo dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan

1. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 Điều 10 của Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 60/2020/QH14 và Luật số 18/2023/QH15 như sau:

“d) Hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.”.

2. Thay thế từ “thẩm duyệt” bằng từ “thẩm định” tại điểm c khoản 3 Điều 56 và khoản 4 Điều 82 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14.

3. Sửa đổi, bổ sung các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 33 của Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 như sau:

“c) Công trình xây dựng thuộc diện phải thẩm duyệt hoặc thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy nhưng được tổ chức thi công khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt hoặc văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành;

d) Công trình thi công không đúng theo thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đã được thẩm duyệt hoặc thẩm định;

đ) Công trình xây dựng, phần công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành mà đã đưa vào hoạt động;”.

Điều 54. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 40/2013/QH13 và Luật số 30/2023/QH15 hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 55 của Luật này.

3. Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

4. Việc trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy theo lộ trình quy định tại khoản 5 Điều 20 và điểm c khoản 1 Điều 23 của Luật này được thực hiện chậm nhất từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

Điều 55. Quy định chuyển tiếp

1. Hồ sơ giải quyết các thủ tục liên quan đến phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa giải quyết xong thì được tiếp tục giải quyết theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 40/2013/QH13 và Luật số 30/2023/QH15.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông đã được cơ quan Công an cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa được chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 40/2013/QH13 và Luật số 30/2023/QH15.

3. Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn,

cứu hộ đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì có giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trong chứng nhận đó.

4. Cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho đến thời hạn theo lộ trình do Chính phủ quy định.

5. Cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành đã có quy định về giải pháp xử lý của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành và phải hoàn thành việc khắc phục các yêu cầu bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

6. Cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy và không có khả năng khắc phục theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại thời điểm đưa vào hoạt động đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này thì thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân loại, lập, công bố danh sách cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy và không có khả năng khắc phục theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại thời điểm đưa vào hoạt động đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành trên địa bàn quản lý; quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy;

b) Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật về xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an quy định về phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và giải pháp kỹ thuật nâng cao an toàn phòng cháy, chữa cháy cho các công trình không bảo đảm yêu cầu phòng cháy, chữa cháy thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Người đứng đầu cơ sở căn cứ hiện trạng kiến trúc, kết cấu, công năng, thiết bị, dây chuyền sản xuất để trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy phù hợp và lựa chọn giải pháp kỹ thuật tương ứng quy định tại điểm b khoản này để tăng cường giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy; tổ chức khắc phục theo các giải pháp kỹ thuật đã lựa chọn, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện, báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý trực tiếp về phòng

cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ sau khi hoàn thành việc khắc phục và phải duy trì giải pháp kỹ thuật đã áp dụng trong suốt quá trình hoạt động;

d) Đối với cơ sở không thể áp dụng được giải pháp kỹ thuật theo quy định tại điểm b khoản này thì phải chuyển đổi công năng phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của cơ sở;

đ) Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nội dung quy định tại khoản này.

7. Cơ sở, phương tiện giao thông, hộ gia đình và cá nhân không bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy đang bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 40/2013/QH13 và Luật số 30/2023/QH15.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(đã ký)

Trần Thanh Mẫn

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 105/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH**Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành****Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

- Khoản 7, khoản 8 Điều 2 về danh mục cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy, danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.
- Điều 7 về nội dung quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong thực hiện quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
- Khoản 10 Điều 8 về ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; việc lập, quản lý hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; việc khai báo, cập nhật dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
- Khoản 6 Điều 10 về nội dung, thời gian thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ.
- Khoản 4 Điều 11 về nội dung, thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy.

6. Khoản 5 Điều 15 về yêu cầu phòng cháy, chữa cháy khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn.

7. Khoản 4 Điều 17 về việc thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông; việc điều chỉnh thiết kế, thay đổi công năng, cải tạo; danh mục công trình, phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; trách nhiệm phối hợp trong thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

8. Khoản 6 Điều 18 về tổ chức thi công, nghiệm thu công trình, phương tiện giao thông; bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy trong quá trình thi công; nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; trách nhiệm phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

9. Khoản 5 Điều 20 về lộ trình phải trang bị bình chữa cháy, thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

10. Điểm c khoản 1 Điều 23 về lộ trình trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy; lộ trình khai báo, cập nhật dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

11. Khoản 8 Điều 25 về việc Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Công an tổ chức chữa cháy đối với công trình lưỡng dụng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

12. Khoản 6 Điều 26 về thủ tục huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản để chữa cháy; việc huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của Quân đội để tham gia chữa cháy.

13. Khoản 4 Điều 27 về trách nhiệm đầu tư, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy; đầu tư, quản lý các điểm, bến đỗ xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy.

14. Khoản 6 Điều 35 về thủ tục huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia cứu nạn, cứu hộ.

15. Khoản 4 Điều 37 về thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành; tổ chức, hoạt động và chế độ bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng phòng

cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành, lực lượng dân phòng.

16. Khoản 5 Điều 39 về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện.

17. Khoản 3 Điều 44 về việc cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy; danh mục phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy.

18. Khoản 5 Điều 45 về nội dung, thẩm quyền, thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; chế độ, chính sách cho người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

19. Khoản 4 Điều 46 về chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không thuộc lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bị tai nạn, bị thương, chết.

20. Khoản 3 Điều 48 về danh mục cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; mức trích nộp, chế độ quản lý, sử dụng nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

21. Khoản 3 Điều 49 về đóng góp tự nguyện, tài trợ bằng tiền, hiện vật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; việc hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

22. Khoản 7 Điều 50 về ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

23. Khoản 5 Điều 52 về hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy; việc cập nhật, khai báo dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

24. Khoản 4 và điểm đ khoản 6 Điều 55 về quy định chuyên tiếp về kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; lộ trình xử lý cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy và không có khả năng khắc phục theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại thời điểm đưa vào hoạt động đến trước ngày Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Phụ lục

Ban hành kèm theo Nghị định này các phụ lục sau đây:

1. Phụ lục I: Danh mục cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy.
2. Phụ lục II: Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ.
3. Phụ lục III: Danh mục công trình, phương tiện giao thông thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy do cơ quan quản lý chuyên ngành thẩm định.
4. Phụ lục IV: Danh mục phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy.
5. Phụ lục V: Danh mục phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy thuộc diện cấp giấy phép lưu thông.
6. Phụ lục VI: Mức phí bảo hiểm và mức khấu trừ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.
7. Phụ lục VII: Danh mục cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.
8. Phụ lục VIII: Các biểu mẫu.

Chương II

PHÒNG CHÁY

Điều 3. Nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở gồm các nội dung cơ bản sau:
 - a) Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất dễ cháy, nổ;
 - b) Quy định việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
 - c) Quy định nội dung cần thực hiện khi có cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra.
2. Nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với phương tiện giao thông gồm các nội dung cơ bản sau:
 - a) Các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;
 - b) Quy định việc bố trí, sắp xếp hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trên phương tiện giao thông.
3. Người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông ban hành hoặc tham mưu người có thẩm quyền ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải phù hợp với tính chất, đặc điểm hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông và được phổ biến, niêm yết ở vị trí dễ thấy.

Điều 4. Hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở gồm các tài liệu sau:

- a) Phiếu thông tin của cơ sở theo Mẫu số PC01 kèm theo Nghị định này;
- b) Nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- c) Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành đối với công trình thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;
- d) Quyết định thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở hoặc Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành hoặc văn bản phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở; thông báo kết quả huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- đ) Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo Mẫu số PC06 kèm theo Nghị định này;
- e) Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an;
- g) Biên bản tự kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy của cơ sở theo Mẫu số PC02 kèm theo Nghị định này;
- h) Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo Mẫu số PC04 kèm theo Nghị định này;
- i) Giấy Chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;
- k) Bản vẽ hoàn công hệ thống, hạng mục liên quan đến phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;
- l) Thông báo kết quả xác minh, giải quyết vụ cháy của cơ quan Công an (nếu có);
- m) Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực tiếp quản lý cơ sở;
- n) Biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt

động, phục hồi hoạt động của người có thẩm quyền, văn bản kiến nghị về phòng cháy, chữa cháy của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực tiếp quản lý cơ sở (nếu có);

o) Văn bản thể hiện việc phân công người thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở (nếu có).

2. Người đứng đầu cơ sở lập, quản lý, cập nhật hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan quản lý chuyên ngành lập hồ sơ quản lý về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở thuộc diện quản lý theo quy định sau:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng lập hồ sơ quản lý về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý gồm các tài liệu quy định tại các điểm h, k, m, n và điểm o khoản 1 Điều này;

b) Cơ quan Công an lập hồ sơ quản lý về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý gồm các tài liệu quy định tại các điểm a, h, k, l, m, n và điểm o khoản 1 Điều này, các tài liệu khác theo quy định về công tác hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ quản lý về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý gồm các tài liệu quy định tại các điểm a, h, k, l, m, n và điểm o khoản 1 Điều này.

4. Tài liệu có trong hồ sơ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được lưu trữ dưới dạng tài liệu giấy hoặc tài liệu điện tử hoặc kết hợp tài liệu giấy và tài liệu điện tử theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Tài liệu quy định tại các điểm g, h, i, l và điểm n khoản 1 Điều này được lưu trữ tối thiểu 05 năm kể từ năm lập, ban hành.

Điều 5. Yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy khi lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Quy hoạch chung phải thể hiện định hướng phát triển trục giao thông, tuyên truyền dẫn cấp nước, tuyên thông tin viễn thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy và mạng lưới trụ sở đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Quy hoạch chung phải thể hiện các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này đối với khu vực thuộc phạm vi quy hoạch chung nhưng không có yêu cầu lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Quy hoạch phân khu đô thị, khu chức năng được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phải thể hiện các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và vị trí ô đất, quy mô dự kiến bố trí các trụ sở đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm bán kính phục vụ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

3. Quy hoạch chi tiết đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp, khu chức năng khác được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phải bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy được quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 3 Điều 15 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; diện tích xây dựng của trụ sở đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 6. Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Công trình thuộc đối tượng phải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng và thuộc Phụ lục III kèm theo Nghị định này phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Việc thực hiện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trong báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và thời gian trả kết quả thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được tích hợp, lồng ghép với quá trình thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và trả kết quả thẩm định theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Đối với công trình thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình được nộp đồng thời hồ sơ thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an.

2. Nội dung thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy:

a) Khoảng cách phòng cháy, chữa cháy giữa các công trình, hạng mục công trình trong cùng lô đất; khoảng cách phòng cháy, chữa cháy từ công trình, hạng mục công trình đến công trình tiếp giáp hoặc ranh giới khu đất; khoảng cách phòng

cháy, chữa cháy từ công trình, hạng mục công trình đến các đối tượng tiếp giáp theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Đường, bãi đỗ, vị trí, lối vào để tiếp cận và tổ chức các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Lối thoát nạn, đường thoát nạn, thang bộ thoát nạn, thang máy chữa cháy, lối ra khẩn cấp, lối ra mái, gian lánh nạn;

d) Bậc chịu lửa phù hợp với quy mô, công năng của công trình; giải pháp phân chia khoang cháy; bố trí mặt bằng, công năng, hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ, các bộ phận, cấu kiện, hệ thống kỹ thuật trong công trình để hạn chế, ngăn chặn sự hình thành, phát triển và lan truyền của đám cháy;

đ) Giải pháp chống khói gồm: phương án thoát khói cho nhà, gian phòng; hệ thống cung cấp không khí bảo vệ chống khói cho giếng thang máy, buồng thang bộ, khoang đệm;

e) Trường hợp thẩm định thiết kế điều chỉnh hoặc cải tạo thì nội dung xem xét, đánh giá chỉ trong phạm vi điều chỉnh, cải tạo.

3. Nội dung về phòng cháy và chữa cháy trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:

a) Nội dung về phòng cháy và chữa cháy được thể hiện trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng bao gồm: danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng, loại, cấp công trình sử dụng trong việc tính toán; bảng tổng hợp kết quả tính toán các tiêu chí đánh giá về an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phương án dự kiến bậc chịu lửa; phương án đề xuất giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; phương án đề xuất thoát khói cho nhà, gian phòng và hệ thống cung cấp không khí bảo vệ chống khói; bản vẽ thiết kế thể hiện các nội dung về kích thước, thông số kỹ thuật và vật liệu chủ yếu được sử dụng gồm tổng mặt bằng công trình hoặc bản vẽ phương án tuyến công trình đối với công trình xây dựng theo tuyến, mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt công trình hoặc các bản vẽ theo yêu cầu chuyên ngành thể hiện kích thước, thông số kỹ thuật của công trình, sơ đồ nguyên lý về hệ thống phòng cháy và chữa cháy, các bản vẽ khác theo yêu cầu của công trình; thuyết minh về giải pháp thiết kế đáp ứng yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy khi có yêu cầu theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Nội dung về phòng cháy và chữa cháy được thể hiện trong thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở bao gồm: danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng, loại, cấp công trình sử dụng trong việc tính toán; kết quả tính toán chi tiết, đầy đủ các cấu kiện, bộ phận của công trình đảm bảo yêu cầu về ngăn cháy, chống cháy lan và bảng tính kèm theo; bảng tổng hợp kết quả tính toán thể hiện tiêu chí đánh giá an toàn phòng cháy và chữa cháy gồm các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và điểm đ khoản 1 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bản vẽ thiết kế xây dựng về phòng cháy và chữa cháy phải thể hiện được các nội dung về kích thước, thông số kỹ thuật và vật liệu được sử dụng, đảm bảo đủ điều kiện để đánh giá đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Các trường hợp phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi điều chỉnh thiết kế hoặc thay đổi công năng, cải tạo trong quá trình sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

a) Thay đổi vị trí, diện tích xây dựng của công trình làm giảm khoảng cách phòng cháy, chữa cháy đến các đối tượng khác;

b) Giảm kích thước đường, bãi đỗ phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ làm thay đổi khả năng tiếp cận của phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới đến công trình;

c) Giảm bậc chịu lửa của nhà, công trình, khoang cháy;

d) Tăng số tầng; tăng diện tích xây dựng dẫn đến thay đổi yêu cầu về giải pháp phân chia khoang cháy;

đ) Thay đổi loại, vị trí thang bộ thoát nạn; giảm số lượng lối thoát nạn của tầng, khoang cháy, công trình;

e) Thay đổi phân khu các chức năng sử dụng chính bên trong công trình;

g) Trang bị bổ sung hệ thống hút khói, hệ thống cung cấp không khí bảo vệ chống khói; thay đổi phương án thoát khói.

5. Việc kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo nội dung quy định tại điểm a khoản 5 Điều 18 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được thực hiện trong quá trình kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trình tự, thủ tục, thẩm

quyền kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện cùng trình tự, thủ tục, thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình có thể nộp đồng thời hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an. Cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này.

Điều 7. Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan đăng kiểm

1. Phương tiện giao thông thuộc Phụ lục III kèm theo Nghị định này phải được cơ quan đăng kiểm thực hiện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Việc thực hiện thẩm định thiết kế và thời gian trả kết quả thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được tích hợp, lồng ghép với quá trình thực hiện đăng kiểm và trả kết quả đăng kiểm theo quy định của pháp luật về đăng kiểm.

Đối với phương tiện giao thông thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này, chủ phương tiện giao thông được nộp đồng thời hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an và hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế phương tiện giao thông của cơ quan đăng kiểm.

2. Cơ quan đăng kiểm kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với các phương tiện giao thông đã được thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo nội dung quy định tại điểm b khoản 5 Điều 18 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan đăng kiểm thực hiện cùng trình tự, thủ tục, thẩm quyền kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về đăng kiểm.

Chủ phương tiện giao thông được nộp đồng thời hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an và hồ sơ đề nghị kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của cơ quan đăng kiểm. Cơ quan đăng kiểm chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an kiểm tra

công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này.

Điều 8. Thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông

1. Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình tự thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều 17 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này không thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng. Kết quả thực hiện thẩm định nội dung quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo Mẫu số PC13 kèm theo Nghị định này.

Trường hợp điều chỉnh thiết kế trong quá trình thi công xây dựng, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình phải lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh và tổ chức thẩm định thiết kế điều chỉnh trước khi tiếp tục thi công. Kết quả thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là căn cứ để chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình phê duyệt thiết kế xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

a) Nội dung, trình tự tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy công trình xây dựng, phương tiện giao thông của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đăng kiểm;

b) Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình xây dựng phải được thể hiện bằng văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo Mẫu số PC18 kèm theo Nghị định này;

c) Hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và điểm đ khoản 1 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng;

d) Hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 2 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng kiểm;

đ) Hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung quy định tại điểm e và điểm g khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này bao gồm:

a) Văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy kèm theo hồ sơ đã được đóng dấu thẩm định của cơ quan Công an; hồ sơ thiết kế điều chỉnh đã được phê duyệt của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình (nếu có); văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình;

b) Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy (nếu có);

c) Biên bản nghiệm thu từng phần và nghiệm thu tổng thể hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy;

d) Bản vẽ hoàn công hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy;

đ) Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống liên quan đến phòng cháy và chữa cháy của công trình, phương tiện giao thông.

Điều 9. Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an

1. Công trình, phương tiện giao thông quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an, trừ công trình tạm theo quy định của pháp luật về xây dựng, công trình thuộc dự án thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư, công trình thuộc các cơ sở quốc phòng hoạt động phục vụ mục đích quân sự, lương dụng và phương tiện giao thông được các cơ sở quốc phòng chế tạo hoặc hoán cải chuyên dùng cho hoạt động quân sự.

2. Nội dung thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bao gồm việc trang bị, bố trí, lắp đặt theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cụ thể như sau:

a) Hệ thống báo cháy; thiết bị báo cháy độc lập;

b) Hệ thống chữa cháy; bình chữa cháy; phương tiện chữa cháy cơ giới;

c) Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn;

d) Phương tiện, dụng cụ phá dỡ thô sơ; mặt nạ lọc độc và mặt nạ phòng độc cách ly;

đ) Hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy bao gồm: thiết bị bảo vệ và nguồn điện cấp cho hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống hút khói, hệ thống cung cấp không khí bảo vệ chống khói, thang máy chữa cháy, màn ngăn cháy, rèm ngăn cháy, cửa ngăn cháy;

e) Trường hợp thẩm định thiết kế điều chỉnh hoặc cải tạo thì nội dung xem xét, đánh giá chỉ trong phạm vi điều chỉnh, cải tạo.

3. Các trường hợp phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an khi công trình có điều chỉnh thiết kế hoặc trong quá trình sử dụng mà thay đổi công năng hoặc cải tạo làm thay đổi điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được quy định cụ thể như sau:

a) Thay đổi nguyên lý báo cháy của hệ thống báo cháy hoặc thay đổi nguyên lý chữa cháy, chất chữa cháy của hệ thống chữa cháy; thay đổi thông số kỹ thuật của máy bơm chữa cháy;

b) Thay thế, trang bị bổ sung hệ thống báo cháy hoặc hệ thống chữa cháy.

4. Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy:

a) Đối với thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công công trình trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở: văn bản đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC11 kèm theo Nghị định này; giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình hoặc văn bản về chủ trương đầu tư, xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công thể hiện những nội dung quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình;

b) Đối với thiết kế kỹ thuật phương tiện giao thông: văn bản đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC11 kèm theo Nghị định này; hồ sơ thiết kế kỹ thuật thể hiện những nội dung yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ giấy và phải có xác nhận của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông và đơn vị tư vấn thiết kế. Trường hợp hồ sơ giấy thì

giấy tờ, tài liệu là bản chính hoặc bản chụp kèm theo bản chính để bộ phận tiếp nhận hồ sơ đối chiếu.

Thông tin về thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản này khi đã được kết nối, chia sẻ, cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải khai thác trực tuyến để giải quyết mà không được yêu cầu người đề nghị cung cấp hồ sơ giấy.

5. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều này thông qua một trong các hình thức sau: trực tiếp; thông qua dịch vụ bưu chính; trực tuyến qua cổng dịch vụ công.

Người được cơ quan, tổ chức cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền; xuất trình căn cước hoặc căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng;

b) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện theo các quy định sau:

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: tiếp nhận hồ sơ khi đủ thành phần và hợp lệ theo quy định bằng giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ bằng phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ.

Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: tiếp nhận hồ sơ khi đủ thành phần và hợp lệ theo quy định bằng giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì phải có phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và gửi ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ trước đó.

Trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công: tiếp nhận và thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận.

6. Xử lý hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy:

a) Đối với công trình thuộc dự án không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp ứng tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công, thời hạn thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

không quá 10 ngày từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với các công trình còn lại không quá 06 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

b) Đối với phương tiện giao thông, thời hạn thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy không quá 06 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

c) Cơ quan Công an có trách nhiệm ban hành văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC12 kèm theo Nghị định này đối với hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đạt yêu cầu và đóng dấu theo Mẫu số PC14 kèm theo Nghị định này vào hồ sơ thiết kế đã được thẩm định và trả lại cho chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông. Văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là bản điện tử, bản giấy; bản giấy được cấp trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc theo yêu cầu khi nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công.

Trường hợp nội dung trong hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy không đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật thì cơ quan Công an có văn bản trả lời, nêu rõ lý do và trả lại hồ sơ cho chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông để hoàn thiện.

7. Bộ trưởng Bộ Công an quy định thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an.

Điều 10. Kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an

1. Hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

a) Văn bản đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC15 kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông kèm theo các biên bản nghiệm thu hoàn thành;

c) Bản vẽ hoàn công hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

Hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này là hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ giấy và phải có xác nhận của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông. Trường hợp hồ sơ giấy thì giấy tờ, tài liệu là bản chính hoặc bản chụp kèm theo bản chính để bộ phận tiếp nhận hồ sơ đối chiếu.

2. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan đã thẩm định trước đó thông qua một trong các hình thức sau: trực tiếp; thông qua dịch vụ bưu chính; trực tuyến qua cổng dịch vụ công.

Người được cơ quan, tổ chức cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền; xuất trình căn cước hoặc căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng;

b) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện theo các quy định sau:

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: tiếp nhận hồ sơ khi đủ thành phần và hợp lệ theo quy định bằng giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ bằng phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết.

Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: tiếp nhận hồ sơ khi đủ thành phần và hợp lệ theo quy định bằng giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì phải có phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết và gửi ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ trước đó.

Trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công: tiếp nhận và thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận.

3. Xử lý hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan Công an có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu và lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số PC16 kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông qua biên bản kiểm tra, cơ quan Công an có trách nhiệm ban hành văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC17 kèm theo Nghị định này nếu kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đạt yêu cầu theo nội dung quy định tại khoản 4 Điều này. Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là bản điện tử, bản giấy; bản giấy được cấp trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc theo yêu cầu khi nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công.

Trường hợp kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu không đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật thì cơ quan Công an có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

4. Nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

a) Kiểm tra việc nghiệm thu của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này đối với phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy;

b) Tổ chức kiểm tra, thử nghiệm xác suất về tình trạng hoạt động của phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy được lắp đặt tại công trình, phương tiện giao thông.

Điều 11. Trách nhiệm phối hợp trong thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Cơ quan quản lý chuyên ngành trong công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nội dung sau:

1. Tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm khi có yêu cầu để phục vụ công tác thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan đăng kiểm chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình, phương tiện giao thông trong quá trình kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường khi chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông đề nghị cơ quan quản lý chuyên ngành đồng thời kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo trình tự sau:

a) Cơ quan chủ trì thành lập đoàn kiểm tra, thông báo cho chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông và cơ quan, đơn vị có liên quan về thời gian, nội dung, thành phần đoàn kiểm tra;

b) Cơ quan Công an cử cán bộ phối hợp tham gia đoàn kiểm tra và lập biên bản theo Mẫu số PC16 kèm theo Nghị định này;

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan đăng kiểm thông báo kết quả kiểm tra cho chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đăng kiểm; cơ quan Công an thông báo kết quả kiểm tra theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định này.

Điều 12. Trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ phương tiện, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư xây dựng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình:

a) Lập, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế công trình, cải tạo, thay đổi công năng sử dụng công trình bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, phù hợp với quy hoạch được phê duyệt và các quy định khác của pháp luật về xây dựng; tuân thủ việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

b) Thực hiện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án, công trình theo quy định;

c) Tổ chức thi công, giám sát thi công theo đúng thiết kế đã được thẩm định về phòng cháy và chữa cháy;

d) Thực hiện, duy trì điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

đ) Tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án, công trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu; phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

e) Cung cấp hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình cho đơn vị quản lý, vận hành khi đưa công trình vào sử dụng.

2. Trách nhiệm của người quyết định đầu tư:

a) Tổ chức thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án, công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này;

b) Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Bố trí kinh phí phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng.

3. Trách nhiệm của chủ phương tiện giao thông:

a) Khi sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông phải đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổ chức giám sát việc sản xuất, lắp

ráp, đóng mới, hoán cải theo đúng thiết kế đã được thẩm định về phòng cháy và chữa cháy;

b) Thực hiện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

c) Tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu; phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

4. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn thiết kế:

a) Cung cấp sản phẩm thiết kế công trình, phương tiện giao thông phải đảm bảo theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy và chịu trách nhiệm về chất lượng của sản phẩm thiết kế;

b) Thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông.

5. Trách nhiệm của đơn vị giám sát thi công:

a) Tổ chức giám sát thi công theo đúng thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm định;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình trong việc thực hiện các nội dung về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về hoạt động tư vấn giám sát trong phạm vi của hợp đồng ký kết với chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình;

c) Tham gia nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

6. Trách nhiệm của đơn vị thi công xây dựng công trình, sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải phương tiện giao thông:

a) Thi công theo đúng thiết kế đã được thẩm định;

b) Có biện pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy thuộc phạm vi thi công;

c) Lập hồ sơ hoàn công, hồ sơ nghiệm thu, chuẩn bị các tài liệu và điều kiện để phục vụ công tác nghiệm thu và tham gia nghiệm thu công trình, phương tiện giao thông.

Điều 13. Nội dung, thẩm quyền kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy

1. Nội dung kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong việc:

a) Thực hiện trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của người đứng đầu cơ sở bao gồm: trách nhiệm trong việc thực hiện quy định tại các điểm

a, b, c, đ, e, g và điểm h khoản 3 Điều 8 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý về việc thực hiện quy định, nội quy, biện pháp, yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

b) Thực hiện trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của chủ phương tiện giao thông bao gồm: trách nhiệm trong việc thực hiện quy định tại các điểm a, b, d, đ và điểm e khoản 4 Điều 8 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý về việc thực hiện quy định, nội quy, biện pháp, yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Trang bị phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy, nguồn nước chữa cháy theo quy định;

d) Duy trì hoạt động các phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy; nguồn nước chữa cháy;

đ) Lắp đặt, duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy; khai báo, cập nhật dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định;

e) Duy trì điều kiện an toàn phòng cháy trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất dễ cháy, nổ;

g) Duy trì khoảng cách phòng cháy, chữa cháy, đường, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

h) Duy trì giải pháp thoát nạn, ngăn cháy, chống cháy lan, chống khói;

i) Duy trì hệ thống, thiết bị phát hiện sự cố rò rỉ chất khí, chất lỏng nguy hiểm về cháy, nổ;

k) Duy trì giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy cho hệ thống cung cấp năng lượng, nhiên liệu và động cơ;

l) Chấp hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

m) Duy trì các biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn;

n) Thực hiện trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của chủ hộ gia đình trực tiếp sử dụng nhà ở, người thuê, mượn, ở nhờ nhà ở theo quy định tại khoản 6 và khoản 8 Điều 8 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- o) Duy trì lối thoát nạn, lối ra khẩn cấp hoặc lối đi bảo đảm việc thoát nạn;
- p) Duy trì giải pháp ngăn cách hoặc ngăn cháy của khu vực sản xuất, kinh doanh hàng hóa có nguy hiểm về cháy, nổ với khu vực để ở.

2. Thẩm quyền kiểm tra:

a) Cơ quan Công an theo phân cấp tổ chức kiểm tra:

Kiểm tra định kỳ 01 năm một lần đối với cơ sở thuộc nhóm 1 quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, công trình xây dựng trong quá trình thi công thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách, tàu thủy lưu trú du lịch có sức chở người từ 50 người trở lên quy định tại mục 16 Phụ lục III kèm theo Nghị định này; kiểm tra định kỳ 02 năm một lần đối với cơ sở thuộc nhóm 2 quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến phòng cháy, chữa cháy theo quy định hoặc theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền đối với: cơ sở quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này; phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách, tàu thủy lưu trú du lịch có sức chở người từ 50 người trở lên quy định tại mục 16 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.

Nội dung kiểm tra định kỳ, đột xuất: đối với cơ sở theo quy định tại các điểm a, c, d và điểm đ khoản 1 Điều này; đối với công trình xây dựng trong quá trình thi công thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại các điểm c, d, l và điểm m khoản 1 Điều này; đối với phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách, tàu thủy lưu trú du lịch có sức chở người từ 50 người trở lên quy định tại mục 16 Phụ lục III kèm theo Nghị định này theo quy định tại các điểm b, c, d, l và điểm m khoản 1 Điều này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức kiểm tra:

Kiểm tra định kỳ 01 năm một lần đối với cơ sở thuộc nhóm 1 quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này, 02 năm một lần đối với cơ sở thuộc nhóm 2 quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định hoặc khi có yêu cầu phối hợp để phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự

của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở thuộc Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Nội dung kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định tại điểm g và điểm h khoản 1 Điều này;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra:

Kiểm tra định kỳ 03 năm một lần đối với cơ sở thuộc Phụ lục I, trừ cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có đơn khiếu nại, tố cáo về vi phạm pháp luật liên quan đến phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định hoặc theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền đối với: nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; cơ sở thuộc Phụ lục I, trừ cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Nội dung kiểm tra định kỳ, đột xuất theo quy định tại các điểm a, c, d, đ, g, h và điểm n khoản 1 Điều này;

d) Bộ Xây dựng phân công cơ quan đăng kiểm thực hiện kiểm tra đối với phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện thủy nội địa, tàu biển, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ quy định tại khoản 10 Điều 2 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo thời hạn về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, đăng kiểm tàu biển, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Nội dung kiểm tra theo quy định tại các điểm c, d, i và điểm k khoản 1 Điều này;

đ) Người đứng đầu cơ sở tự tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Nội dung kiểm tra thường xuyên theo quy định tại các điểm d, e, h và điểm l khoản 1 Điều này; nội dung kiểm tra định kỳ theo quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, l và điểm m khoản 1 Điều này;

e) Chủ phương tiện giao thông tự tổ chức kiểm tra thường xuyên đối với phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý. Nội dung kiểm tra theo quy định tại các điểm c, d, i, k, l và điểm m khoản 1 Điều này;

g) Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình tự tổ chức kiểm tra thường xuyên đối với công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý. Nội dung kiểm tra theo quy định tại các điểm c, d, l và điểm m khoản 1 Điều này;

h) Chủ hộ gia đình trực tiếp sử dụng nhà ở, người thuê, mượn, ở nhờ nhà ở tự tổ chức kiểm tra thường xuyên đối với nhà ở thuộc phạm vi quản lý. Nội dung kiểm tra theo quy định tại điểm c và điểm d về trang bị phương tiện, duy trì hoạt động của phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và quy định tại điểm e và điểm o khoản 1 Điều này.

Đối với nhà ở thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, ngoài kiểm tra các nội dung quy định nêu trên thì còn phải kiểm tra việc duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy;

i) Chủ hộ gia đình có nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh, người thuê, mượn, ở nhờ nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh tự tổ chức kiểm tra thường xuyên đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý. Nội dung kiểm tra theo quy định tại điểm c và điểm d về trang bị phương tiện, duy trì hoạt động của phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và quy định tại các điểm đ, e, i, o và điểm p khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định thẩm quyền kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Công an.

Điều 14. Trình tự, thủ tục kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy

1. Người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ hộ gia đình, người thuê, mượn, ở nhờ nhà ở quyết định thời gian, phạm vi và hình thức ghi nhận kết quả tự kiểm tra thường xuyên đối với cơ sở, phương tiện giao thông, công trình xây dựng trong quá trình thi công, nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhưng không quá 01 tháng một lần.

2. Người đứng đầu cơ sở hoặc người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở kiểm tra định kỳ: 06 tháng một lần đối với cơ sở thuộc Phụ lục II kèm theo Nghị định này, 01 năm một lần đối với các cơ sở còn lại thuộc Phụ lục I kèm theo Nghị định này, kết thúc kiểm tra lập biên bản theo Mẫu số PC02 kèm theo Nghị định này. Gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy của cơ sở theo Mẫu số PC04 kèm theo Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực tiếp quản lý hoặc cập nhật thông tin, dữ liệu trên hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng

cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy trước ngày 15 tháng 6 và trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

3. Cơ quan Công an theo phân cấp tổ chức kiểm tra định kỳ đối với công trình xây dựng thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế hoặc thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình thi công, phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách, tàu thủy lưu trú du lịch có sức chở người từ 50 người trở lên quy định tại mục 16 Phụ lục III kèm theo Nghị định này thuộc phạm vi quản lý; chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra định kỳ về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc Phụ lục II kèm theo Nghị định này thuộc phạm vi quản lý theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, cơ quan Công an theo phân cấp xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ của năm kế tiếp đối với cơ sở, công trình, phương tiện thuộc phạm vi quản lý. Thông báo cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để lấy ý kiến về thời gian, nội dung, phương pháp, thành phần tham gia Đoàn kiểm tra định kỳ đối với cơ sở thuộc Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

b) Cơ quan chủ trì thành lập Đoàn kiểm tra hoặc phân công cán bộ thực hiện kiểm tra và gửi văn bản thông báo về thời gian, nội dung và thành phần tham gia kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra trước 03 ngày làm việc;

c) Trưởng đoàn hoặc cán bộ được phân công giới thiệu thành phần, nội dung, phương pháp và phân công thành viên trong đoàn thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy theo thẩm quyền tương ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định này;

d) Kết thúc kiểm tra phải lập biên bản theo Mẫu số PC03 kèm theo Nghị định này; trường hợp đối tượng kiểm tra không ký biên bản thì ghi rõ lý do vào biên bản kiểm tra.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra định kỳ về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở trong phạm vi quản lý theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, xây dựng kế hoạch kiểm tra của năm kế tiếp đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý;

b) Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra hoặc phân công cán bộ thực hiện kiểm tra và gửi văn bản thông báo về thời gian, nội dung và thành phần tham gia Đoàn kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra trước 03 ngày làm việc;

c) Trưởng đoàn hoặc cán bộ được phân công giới thiệu thành phần, nội dung, phương pháp và phân công thành viên trong đoàn thực hiện kiểm tra về phòng

cháy, chữa cháy theo thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định này;

d) Kết thúc kiểm tra phải lập biên bản theo Mẫu số PC03 kèm theo Nghị định này; trường hợp đối tượng kiểm tra không ký biên bản thì ghi rõ lý do vào biên bản kiểm tra.

5. Trường hợp kiểm tra đột xuất về phòng cháy, chữa cháy, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định này thực hiện việc kiểm tra theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra hoặc phân công cán bộ thực hiện kiểm tra đột xuất; trường hợp cán bộ được phân công thực hiện kiểm tra phải có giấy giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra;

b) Khi thực hiện kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra hoặc cán bộ được phân công giới thiệu thành phần, thông báo rõ lý do, thời gian, nội dung, hình thức kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra hoặc người đại diện của đối tượng được kiểm tra;

c) Đoàn kiểm tra hoặc cán bộ được phân công kiểm tra thực hiện kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy đối với nội dung có dấu hiệu vi phạm, đơn khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền;

d) Kết thúc kiểm tra phải lập biên bản theo Mẫu số PC03 kèm theo Nghị định này, trường hợp đối tượng được kiểm tra không ký biên bản thì ghi rõ lý do vào biên bản kiểm tra.

6. Cơ quan đăng kiểm kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy theo trình tự, thủ tục của pháp luật chuyên ngành về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, đăng kiểm tàu biển, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

7. Người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông, chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo nội dung kiểm tra đã được thông báo hoặc cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ kiểm tra đột xuất, trực tiếp làm việc hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật cho người thuộc phạm vi quản lý làm việc với cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra.

Chương III

CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 15. Nội dung phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ

1. Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở do người đứng đầu cơ sở tổ chức xây dựng và phê duyệt theo Mẫu số PC06 kèm theo Nghị định này bảo đảm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cơ sở: tên cơ sở, địa chỉ, họ và tên người đứng đầu cơ sở, số điện thoại liên hệ, thống kê lực lượng, phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại chỗ của cơ sở, nguồn nước phục vụ chữa cháy trong và ngoài cơ sở, chất chữa cháy;

b) Tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc, tai nạn, sự cố; sơ đồ thể hiện đường, lối thoát nạn, vị trí trụ, bể, điểm, bến để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước chữa cháy, vị trí bố trí phương tiện, thiết bị báo cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo từng khu vực, hạng mục công trình trong cơ sở;

c) Số điện thoại của các cơ quan cần thông báo khi có tình huống cháy, tai nạn, sự cố xảy ra;

d) Giả định tình huống cháy, tai nạn, sự cố xảy ra trong và ngoài giờ làm việc tại khu vực, hạng mục, công trình có nguy hiểm về cháy, nổ trong cơ sở; dự kiến việc sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ, tổ chức thoát nạn, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với từng tình huống cháy, tai nạn, sự cố;

đ) Những vấn đề cần lưu ý để bảo đảm an toàn cho người, phương tiện khi tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với chất, hàng hoá nguy hiểm về cháy, nổ được bảo quản, sử dụng trong cơ sở gồm: khả năng gây nổ, phát sinh khói, khí độc, nguy cơ hình thành môi trường nguy hiểm nổ gây sập đổ công trình.

2. Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của phương tiện giao thông do chủ phương tiện giao thông tổ chức xây dựng và phê duyệt theo Mẫu số PC07 kèm theo Nghị định này bảo đảm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về phương tiện giao thông: loại phương tiện, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện, số điện thoại liên hệ, thống kê lực lượng, phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trên phương tiện giao thông;

b) Tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc của phương tiện, hàng hoá được vận tải trên phương tiện; sơ đồ thể hiện lối thoát nạn, vị trí bố trí phương tiện, thiết bị báo cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo từng khu vực trên phương tiện giao thông;

c) Số điện thoại của cơ quan quản lý trực tiếp phương tiện;

d) Giả định một số tình huống cháy, tai nạn, sự cố xảy ra; dự kiến việc sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ, tổ chức thoát nạn, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với từng tình huống cháy, tai nạn, sự cố;

đ) Những vấn đề cần lưu ý để bảo đảm an toàn cho người, phương tiện tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với phương tiện, hàng hoá nguy hiểm về cháy, nổ vận tải trên phương tiện gồm: khả năng gây nổ, phát sinh khói, khí độc.

3. Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an do cơ quan Công an theo phân cấp tổ chức xây dựng và phê duyệt đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ theo Mẫu số PC08 kèm theo Nghị định này bảo đảm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cơ sở: tên cơ sở, địa điểm hoạt động, người đứng đầu cơ sở, số điện thoại liên hệ, thống kê lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại chỗ của cơ sở, giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy trong và ngoài cơ sở;

b) Sơ đồ thể hiện đường, lối thoát nạn, vị trí bố trí phương tiện, thiết bị chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vị trí trụ, bể, điểm, bển lấy nước chữa cháy theo từng khu vực, hạng mục công trình trong cơ sở;

c) Tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc, tai nạn, sự cố;

d) Số điện thoại của các cơ quan: Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã nơi xây dựng phương án, điện lực, y tế, cấp nước, giao thông, môi trường; lực lượng, người cần huy động để tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

đ) Giả định tình huống cháy phức tạp nhất và các tình huống cháy, tình huống tai nạn, sự cố có thể xảy ra, diễn biến của đám cháy, tai nạn, sự cố theo các giai đoạn khác nhau;

e) Dự kiến việc huy động và sử dụng lực lượng, phương tiện, tổ chức chỉ huy, chiến thuật, biện pháp kỹ thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các công việc phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với từng giai đoạn của mỗi tình huống cháy, tai nạn, sự cố được giả định.

4. Phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an đối với từng tình huống quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ do cơ quan Công an theo phân cấp tổ chức xây dựng và phê duyệt theo Mẫu số PC09 kèm theo Nghị định này bảo đảm các nội dung sau đây:

a) Đặc điểm tình huống tai nạn, sự cố, yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực giả định xảy ra tai nạn, sự cố;

b) Giả định tình huống, diễn biến tai nạn, sự cố;

c) Dự kiến huy động, sử dụng lực lượng, phương tiện, tổ chức chỉ huy, áp dụng phương pháp, biện pháp, kỹ thuật, chiến thuật cứu nạn, cứu hộ và các công việc phục vụ cứu nạn, cứu hộ phù hợp với tình huống tai nạn, sự cố.

5. Người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông, cơ quan Công an có thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm tổ chức cập nhật, bổ sung, chỉnh lý phương án đã xây dựng khi có thay đổi một trong những nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này.

6. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cơ quan có thẩm quyền xây dựng, phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an.

Điều 16. Thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ

1. Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông được thực tập như sau:

a) Thực tập định kỳ ít nhất một lần trong năm; có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống giả định khác nhau trong một lần, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống được giả định trong phương án theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định này lần lượt được thực tập;

b) Thực tập đột xuất khi có yêu cầu của người hoặc cơ quan có thẩm quyền đề bảo đảm về an toàn phòng cháy và chữa cháy bảo vệ các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức tại địa phương;

c) Kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải được thể hiện trong báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo Mẫu số PC04 kèm theo Nghị định này hoặc cập nhật trên hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

2. Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an được thực tập theo kế hoạch do người có thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trong phương án phê duyệt.

Trước thời điểm tổ chức thực tập ít nhất 05 ngày, cơ quan Công an thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở và cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được huy động trong phương án về nội dung, thời gian, địa điểm thực tập để phối hợp, tham gia thực tập phương án.

3. Phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an được thực tập theo kế hoạch do người có thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trong phương án phê duyệt.

Trước thời điểm tổ chức thực tập ít nhất 05 ngày, cơ quan Công an thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được huy động trong phương án về nội dung, thời gian, địa điểm thực tập để phối hợp, tham gia thực tập phương án.

Điều 17. Thủ tục huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản để tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản thuộc phạm vi quản lý để tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bằng văn bản hoặc lời nói; trường hợp huy động bằng lời nói thì sau 05 ngày phải thể hiện bằng văn bản theo Mẫu số PC10 kèm theo Nghị định này và gửi cho đơn vị, cá nhân được huy động.

Khi huy động bằng lời nói, người có thẩm quyền huy động phải xưng rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, địa chỉ, số điện thoại liên lạc, nêu rõ căn cứ huy động và yêu cầu về người, phương tiện, tài sản cần huy động, thời gian, địa điểm tập kết và nhiệm vụ phải tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Người có thẩm quyền quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 26 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện việc huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản thuộc phạm vi quản lý để tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bằng văn bản hoặc mệnh lệnh; trường hợp huy động bằng mệnh lệnh thì ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải thể hiện bằng văn bản theo Mẫu số PC10 kèm theo Nghị định này và gửi cho đơn vị, cá nhân được huy động.

Điều 18. Huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của quân đội tham gia chữa cháy; tổ chức chữa cháy tại công trình lưỡng dụng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng

1. Lực lượng, người, phương tiện, tài sản của quân đội khi không phục vụ nhiệm vụ khẩn cấp đều có thể được huy động để tham gia chữa cháy.

2. Thẩm quyền, thủ tục huy động:

a) Khi cần huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của quân đội để tham gia chữa cháy, người có thẩm quyền huy động quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đề nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị quân đội trực tiếp quản lý người, phương tiện, tài sản phối hợp tham gia chữa cháy;

b) Việc huy động được thực hiện bằng văn bản hoặc lời nói; trường hợp huy động bằng lời nói thì sau 05 ngày phải thể hiện bằng văn bản theo Mẫu số PC10 kèm theo Nghị định này và gửi cho đơn vị, cá nhân được huy động.

3. Người chỉ huy đơn vị quân đội khi được huy động tham gia chữa cháy của người có thẩm quyền phải chấp hành hoặc báo cáo ngay lên cấp có thẩm quyền để tổ chức thực hiện.

4. Lực lượng, người, phương tiện, tài sản của quân đội được huy động để tham gia chữa cháy mà bị mất, hư hỏng, thiệt hại do việc huy động trực tiếp gây ra thì được bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

5. Khi xảy ra cháy tại công trình, cơ sở quốc phòng sử dụng lưỡng dụng cho mục đích dân sự, sử dụng lưỡng dụng đồng thời cho cả mục đích quân sự, quốc phòng và mục đích dân sự:

a) Lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền vào công trình, cơ sở bị cháy để chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã phê duyệt mà không cần có yêu cầu hoặc sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc người được ủy quyền thay mặt người đứng đầu đơn vị quản lý công trình, cơ sở;

b) Người đứng đầu cơ sở bị cháy có trách nhiệm tổ chức, phối hợp với lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ để chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của người chỉ huy chữa cháy thuộc lực lượng Công an nhân dân có mặt tại nơi xảy ra cháy;

c) Đơn vị quản lý cơ sở bị cháy phải cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu, tình hình về vụ cháy và những vấn đề khác có liên quan đến công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho người chỉ huy chữa cháy; đồng thời, cử người thông thạo địa hình, nắm vững đặc điểm của cơ sở xảy ra cháy để phối hợp, hướng dẫn các biện pháp đảm bảo an toàn cho lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Việc chỉ huy chữa cháy thực hiện theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 19. Đầu tư, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy, điểm, bển để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ phòng cháy, chữa cháy

1. Đầu tư lắp đặt, xây dựng trụ nước chữa cháy, điểm, bển để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ phòng cháy, chữa cháy:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức đầu tư lắp đặt, xây dựng trụ nước chữa cháy trên hệ thống cấp nước tập trung, điểm, bển để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy tại các bể, ao, hồ, sông, suối, kênh tại khu dân cư trong đô thị và nông thôn bảo đảm theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật và đã được phê duyệt trong quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.

Kinh phí đầu tư được lấy từ ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy được quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, chủ đầu tư hạ tầng khu chức năng theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm lắp đặt, xây dựng trụ nước chữa cháy trên hệ thống cấp nước tập trung, điểm, bển để xe chữa cháy, máy bơm nước chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy tại các bể, ao, hồ, sông, suối, kênh tại khu vực do mình đầu tư.

Kinh phí đầu tư được tính vào tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, hạ tầng khu chức năng.

2. Quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy trên hệ thống cấp nước tập trung, điểm, bển để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy:

a) Ủy ban nhân dân các cấp hoặc cơ quan, tổ chức được giao quản lý có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra, duy trì hoạt động của trụ

nước chữa cháy, các điểm, bến để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy được đầu tư, xây dựng tại khu dân cư trong đô thị và nông thôn trên địa bàn;

b) Chủ đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc cơ quan, tổ chức được chủ đầu tư giao quản lý có trách nhiệm quản lý, bảo trì, bảo dưỡng các trụ nước chữa cháy trên hệ thống cấp nước tập trung, điểm, bến để xe chữa cháy, máy bơm nước chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy tại các bể, ao, hồ, sông, suối, kênh tại khu đô thị, khu chức năng; kiểm tra, duy trì hoạt động của trụ nước chữa cháy, điểm, bến lấy nước phục vụ chữa cháy.

Chương IV

XÂY DỰNG, BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG

PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 20. Thành lập, tổ chức, hoạt động và chế độ bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm thành lập và duy trì hoạt động Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm tại các cơ sở sau đây:

- a) Khu công nghiệp, cụm công nghiệp có tổng diện tích từ 75 ha trở lên;
- b) Cơ sở chế biến khí đốt có công suất từ 10 triệu m³ khí/ngày trở lên;
- c) Kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ có tổng dung tích từ 100.000 m³ trở lên;
- d) Nhà máy dệt có công suất từ 25 triệu m²/năm trở lên;
- đ) Nhà máy nhiệt điện có tổng công suất từ 600 MW trở lên; nhà máy thủy điện có tổng công suất từ 1.000 MW trở lên;
- e) Bến cảng biển thuộc công trình cấp I trở lên theo quy định của pháp luật về xây dựng và có xuất, nhập chất nổ, chất khí, lỏng, rắn dễ cháy thuộc danh mục hàng hóa nguy hiểm;
- g) Nhà máy lọc dầu; nhà máy hóa dầu; nhà máy lọc, hóa dầu;
- h) Cảng hàng không;
- i) Nhà máy điện hạt nhân.

2. Cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này, trừ cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này có từ 20 người

thường xuyên làm việc trở lên phải thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở. Việc thành lập và duy trì hoạt động Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở do người đứng đầu cơ sở thực hiện.

Cơ sở có dưới 20 người thường xuyên làm việc tại cơ sở thì không yêu cầu thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở nhưng phải phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bằng văn bản.

3. Cơ quan, tổ chức quản lý, vận hành nhiều cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này được thành lập một Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành tại một cơ sở khi địa điểm bố trí xe chữa cháy của Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành bảo đảm bán kính phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đến vị trí xa nhất của các cơ sở không vượt quá 03 km, cơ sở còn lại phải thành lập Tổ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.

4. Cơ sở có nhiều phân xưởng, bộ phận làm việc độc lập hoặc làm việc theo ca thì mỗi bộ phận, phân xưởng, mỗi ca làm việc có trên 100 người thường xuyên làm việc phải thành lập 01 Tổ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở hoặc Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.

5. Bố trí lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở:

a) Cơ sở có từ 20 người đến 50 người thường xuyên làm việc thì bố trí tối thiểu 10 người tham gia Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, trong đó có 01 Đội trưởng, 01 Đội phó;

b) Cơ sở có trên 50 người đến 100 người thường xuyên làm việc thì bố trí tối thiểu 15 người tham gia Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, trong đó có 01 Đội trưởng và 02 Đội phó;

c) Cơ sở có trên 100 người thường xuyên làm việc thì bố trí tối thiểu 25 người tham gia Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, trong đó có 01 Đội trưởng và 03 Đội phó;

d) Tổ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở được bố trí tối thiểu 05 người, trong đó có 01 Tổ trưởng;

đ) Cơ sở có nhiều cơ quan, tổ chức cùng hoạt động thì các cơ quan, tổ chức đó phải cử người tham gia Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở do người đứng đầu cơ sở thành lập.

6. Cơ sở thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều này phải bố trí số lượng người bảo đảm đáp ứng yêu cầu vận hành phương tiện chữa cháy cơ giới được trang bị và triển khai các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở nhưng không được thấp hơn số lượng tối thiểu quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 5 Điều này.

7. Chế độ hoạt động của Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành:

a) Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành của khu công nghiệp, cụm công nghiệp có tổng diện tích từ 75 ha trở lên, kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ có tổng dung tích từ 100.000 m³ đến dưới 500.000 m³, nhà máy dệt có công suất từ 25 triệu m²/năm trở lên, nhà máy nhiệt điện có tổng công suất từ 600 MW đến dưới 1.200 MW và nhà máy thủy điện có tổng công suất từ 1.000 MW trở lên được hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Thành viên trong ca trực đang thực hiện các nhiệm vụ khác tại cơ sở khi nhận được báo động phải khẩn trương di chuyển ngay đến vị trí để phương tiện và triển khai các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Người được phân công điều khiển xe chữa cháy phải trực tại địa điểm bố trí xe chữa cháy;

b) Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành của cơ sở quy định tại các điểm b, e, g, h và điểm i khoản 1 và khoản 3 Điều này, kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ có tổng dung tích từ 500.000 m³ trở lên, nhà máy nhiệt điện có tổng công suất từ 1.200 MW trở lên hoạt động theo chế độ chuyên trách. Thành viên trong ca trực được phân công trực theo xe chữa cháy, tàu chữa cháy phải trực tại khu vực quy định.

8. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm ban hành quyết định thành lập, quy chế hoạt động, phân công Đội trưởng, Đội phó, Tổ trưởng của Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành. Cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở bảo đảm kinh phí, trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm địa điểm, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu

nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.

Điều 21. Tổ chức, hoạt động, chế độ bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng dân phòng

1. Lực lượng dân phòng được hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và được bố trí thành Đội dân phòng, gồm các thành viên: Đội trưởng, Đội phó và Đội viên.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thành lập Đội dân phòng, quyết định bổ nhiệm Đội trưởng, Đội phó, công nhận Đội viên Đội dân phòng, bảo đảm kinh phí, nơi làm việc, bảo đảm việc huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, trang bị phương tiện, các điều kiện cần thiết và duy trì hoạt động của Đội dân phòng.

3. Đội dân phòng được trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thành viên Đội dân phòng được bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.

4. Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp trực tiếp quản lý về tổ chức, hoạt động, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, phân công, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của Đội dân phòng.

Điều 22. Phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện

1. Cá nhân tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện đăng ký bằng văn bản với Công an cấp xã nơi cư trú theo Mẫu số PC05 kèm theo Nghị định này.

2. Công an cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận văn bản đăng ký, xem xét, thông báo cho cá nhân đã đăng ký trước đó về việc tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện và lập danh sách gửi cơ quan, đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trực tiếp quản lý địa bàn.

3. Cá nhân tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện chịu sự điều hành, hướng dẫn, phân công, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của Công an cấp xã, cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; được sử dụng trang thiết bị bảo hộ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với nội dung đăng ký tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; được tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Người sử dụng lao động có trách nhiệm đề cá nhân là người lao động thuộc phạm vi quản lý đã đăng ký tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện được tham gia huấn luyện,

bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có thông báo của cơ quan Công an.

Khuyến khích cá nhân tự bảo đảm thiết bị bảo hộ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi tình nguyện tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Chính sách khuyến khích cá nhân gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện:

a) Được hưởng bồi dưỡng, hỗ trợ khi tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bằng mức bồi dưỡng, hỗ trợ đối với người được huy động, người tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ quy định tại Điều 32 của Nghị định này;

b) Khi tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ mà bị tai nạn, bị thương, bị chết thì được hưởng chế độ như chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ mà bị tai nạn, bị thương, bị chết quy định tại Điều 33 và Điều 34 của Nghị định này.

5. Cá nhân đã đăng ký tình nguyện tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được huy động tham gia các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với nội dung đăng ký.

Khi chấm dứt tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện, cá nhân phải thông báo cho Công an cấp xã nơi đã đăng ký trước đó.

Chương V

PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ; CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ VÀ TRUYỀN TIN BÁO CHÁY

Điều 23. Cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy

1. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy theo danh mục quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này trước khi lưu thông trên thị trường phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này cấp giấy phép lưu thông.

Đối với các phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không thuộc Phụ lục V kèm theo Nghị định này phải tuân thủ các quy định về quản lý chất

lượng, nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy (sau đây viết gọn là hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu thông):

a) Đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy được sản xuất, lắp ráp trong nước: văn bản đề nghị cấp giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy theo Mẫu số PC20 kèm theo Nghị định này; kết quả thử nghiệm đúng với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chứng nhận xuất xưởng; tài liệu kỹ thuật của phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy (nếu có);

b) Đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy nhập khẩu: văn bản đề nghị cấp giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy theo Mẫu số PC20 kèm theo Nghị định này; chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm đúng với tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ do tổ chức thử nghiệm nước ngoài đã được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 thực hiện có chứng chỉ công nhận tổ chức thử nghiệm; chứng nhận xuất xứ; tài liệu kỹ thuật của phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy (nếu có).

Trường hợp không có kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm nước ngoài thì được sử dụng kết quả thử nghiệm do tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

c) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu thông là hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ giấy. Trường hợp hồ sơ giấy thì giấy tờ, tài liệu là bản chính hoặc bản chụp kèm theo bản chính để bộ phận tiếp nhận hồ sơ đối chiếu.

Thông tin về thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản này khi đã được kết nối, chia sẻ, cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu

chuyên ngành thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải khai thác trực tuyến đề giải quyết mà không được yêu cầu người đề nghị cung cấp hồ sơ giấy.

3. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu thông:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này thông qua một trong các hình thức sau: trực tiếp; trực tuyến qua cổng dịch vụ công; thông qua dịch vụ bưu chính.

Người được cơ quan, tổ chức, cá nhân cử đến liên hệ nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền; xuất trình căn cước hoặc căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng;

b) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện theo các quy định sau:

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: tiếp nhận hồ sơ khi đủ thành phần và hợp lệ theo quy định bằng giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ bằng phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết.

Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: tiếp nhận hồ sơ khi đủ thành phần và hợp lệ theo quy định bằng giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì phải có phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết và gửi ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ trước đó.

Trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công: tiếp nhận và thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận.

4. Xử lý hồ sơ và cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu theo Mẫu số PC21 kèm theo Nghị định này (sau đây viết gọn là giấy phép lưu thông). Giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy là bản điện tử, bản giấy; bản giấy được cấp trong trường hợp nộp hồ sơ trực

tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc theo yêu cầu khi nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công. Trường hợp không cấp giấy phép lưu thông phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Giấy phép lưu thông được cấp cho mẫu phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu theo mẫu đã được cấp giấy phép thì được phép lưu thông trên thị trường.

Tổ chức, cá nhân không phải làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy nếu mẫu phương tiện, vật liệu, cấu kiện có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật do cùng một đơn vị sản xuất, lắp ráp hoặc do cùng tổ chức, cá nhân nhập khẩu đúng với mẫu phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông trước đó.

5. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy được cấp giấy phép lưu thông thực hiện quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa và thể hiện trên nhãn hàng hóa số giấy phép lưu thông, tên cơ quan cấp giấy phép lưu thông để phục vụ việc quản lý, kiểm tra chất lượng hàng hóa khi lưu thông trên thị trường.

6. Thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy:

a) Giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ do cơ quan Công an được phân cấp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện cấp phép;

b) Giấy phép lưu thông đối với vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy do cơ quan chuyên môn về xây dựng được phân cấp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện cấp phép.

7. Việc cấp giấy phép lưu thông thay thế việc công bố hợp chuẩn, hợp quy theo quy định của pháp luật.

Đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu cấu kiện ngăn cháy, chống cháy thuộc diện phải kiểm tra về chất lượng hàng hóa khi nhập khẩu, cơ quan, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu cấu kiện ngăn cháy, chống cháy thực hiện việc

kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu bằng việc kê khai các thông tin theo Mẫu số PC19 kèm theo Nghị định này và cam kết chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đúng với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam.

Nội dung kê khai các thông tin của phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu cấu kiện ngăn cháy, chống cháy nhập khẩu được gửi kèm theo tờ khai hải quan. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu cấu kiện ngăn cháy, chống cháy sau khi thực hiện kê khai hải quan, được phép thông quan hàng hóa và thực hiện thủ tục cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu cấu kiện ngăn cháy, chống cháy nhập khẩu.

8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy trước khi lưu thông phương tiện, vật liệu, cấu kiện có trách nhiệm khai báo trên phần mềm khai báo của hệ thống Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý chuyên ngành các thông tin: tên, địa chỉ đơn vị sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy; tên, ký, mã hiệu, thông số kỹ thuật, số lượng, nơi sản xuất, năm sản xuất của phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy; số giấy phép lưu thông, tên cơ quan cấp giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu cấu kiện ngăn cháy, chống cháy phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin khai báo.

Trường hợp chưa có Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý chuyên ngành thì thực hiện khai báo thông tin nêu trên bằng văn bản gửi cơ quan quản lý chuyên ngành đã cấp giấy phép lưu thông cho phương tiện, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy để cập nhật và theo dõi.

9. Thu hồi giấy phép lưu thông trong các trường hợp sau đây:

a) Đã bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra chất lượng đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy lưu thông trên thị trường không đúng với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài đã cam kết, công bố;

b) Đã được cấp giấy phép lưu thông nhưng phát hiện hồ sơ bị làm giả, giấy phép lưu thông được cấp không đúng thẩm quyền.

10. Cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép lưu thông thì không được thực hiện việc lưu thông hoặc tiếp tục lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy trên thị trường.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi giấy phép lưu thông phải giao nộp giấy phép cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp trước đó để thu hồi và có trách nhiệm xử lý đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy đang lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

11. Thẩm quyền kiểm tra chất lượng, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động thử nghiệm đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy:

a) Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp đơn vị trực thuộc có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra chất lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ lưu thông trên thị trường sau khi được cấp giấy phép, đơn vị trực thuộc có thẩm quyền chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động thử nghiệm phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về kiểm tra nhà nước và đánh giá sự phù hợp chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn trong sản xuất, nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công an.

Thông tin về đơn vị được giao thực hiện việc kiểm tra chất lượng, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động thử nghiệm phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được đăng tải, thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;

b) Bộ trưởng Bộ Xây dựng phân cấp đơn vị trực thuộc có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra chất lượng vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy lưu thông trên thị trường sau khi được cấp giấy phép, đơn vị trực thuộc có thẩm quyền chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động thử nghiệm vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

Thông tin về đơn vị được giao thực hiện việc kiểm tra chất lượng, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động thử nghiệm vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy được đăng tải, thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng.

12. Đơn vị được phân cấp quy định tại khoản 11 Điều này thực hiện việc kiểm tra, có nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Việc xử lý vi phạm về chất lượng đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 24. Hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy

1. Hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy bao gồm:

a) Các thiết bị (máy chủ, thiết bị phần cứng, hệ thống kết nối) trang bị tại cơ quan Công an;

b) Thiết bị truyền tin báo cháy để kết nối thông tin báo cháy từ hệ thống hoặc thiết bị báo cháy của cơ sở, nhà ở đến hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy;

c) Phần mềm khai báo, tiếp nhận, lưu trữ, xử lý thông tin, dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy do Bộ Công an xây dựng, quản lý thống nhất trên toàn quốc, bảo đảm yêu cầu về an ninh, an toàn thông tin mạng, bảo mật thông tin; dữ liệu thu thập từ Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phục vụ công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự là tài liệu nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân do Bộ Công an thống nhất quản lý. Bộ Công an đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị cung cấp dịch vụ truyền tin báo cháy bảo đảm các yêu cầu về an ninh, an toàn, bảo mật, công nghệ để cung ứng dịch vụ truyền tin báo cháy trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ an ninh thường xuyên.

3. Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ là cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Bộ Công an xây dựng, quản lý. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Tên cơ sở, năm đưa vào hoạt động, địa chỉ, tên người đứng đầu cơ sở, tên cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý, lĩnh vực, ngành nghề hoạt động, hình thức đầu tư; quy mô, tính chất hoạt động của các hạng mục công trình; thông tin về phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được trang bị tại cơ sở (số lượng; chủng loại; tình trạng hoạt động; thời hạn bảo trì, bảo dưỡng; vị trí bố trí, lắp đặt); thông tin lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ sở; thông tin về đường giao thông, nguồn nước trong cơ sở phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; thông tin liên quan đến việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (công tác tuyên truyền, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; công tác tự kiểm tra; việc chấp hành các kiến nghị, quyết định xử lý vi phạm về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ quan có thẩm quyền; việc thực hiện quy định về phòng cháy, chữa cháy trong đầu tư xây dựng, phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ); tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố của cơ sở; những thay đổi của cơ sở có liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; báo cáo trực tuyến công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ sở; các thông tin khác có liên quan đến hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở;

b) Thông tin hệ thống giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; vị trí, địa điểm, lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của các đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành và các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an; thông tin về công tác nghiệp vụ của lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; văn bản quy phạm pháp luật và các thông tin khác phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời, duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng để phục vụ quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và an ninh, trật tự; thực hiện kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và cơ sở dữ liệu khác theo quy định của pháp luật.

Việc kết nối, truyền dẫn thông tin, dữ liệu quy định tại điểm a khoản 3 Điều này với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy phải bảo đảm yêu cầu về an ninh, an toàn và bảo mật theo quy định.

Điều 25. Đầu tư, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy

1. Đầu tư hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy:

a) Hệ thống, thiết bị, phần mềm tiếp nhận, lưu trữ, xử lý thông tin, dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy trong Công an được đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

b) Người đứng đầu cơ sở thuộc Phụ lục I kèm theo Nghị định này phải trang bị, duy trì hoạt động và tự chi trả chi phí duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy, cập nhật dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy;

c) Chủ hộ gia đình có nhà ở tại thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm duy trì hoạt động và tự chi trả chi phí duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy kết nối đến hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy;

d) Đơn vị cung cấp dịch vụ truyền tin báo cháy có trách nhiệm xây dựng giải pháp, đầu tư hệ thống công nghệ, phần mềm phục vụ kết nối từ thiết bị truyền tin báo cháy tại cơ sở, nhà ở đến hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy bảo đảm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy định của Bộ Công an.

2. Quản lý, khai thác, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy:

a) Hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy do lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ quản lý, khai thác, vận hành thống nhất từ trung ương đến địa phương. Bộ Công an quyết định việc phân cấp, phân quyền quản lý, khai thác, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy;

b) Đơn vị cung cấp dịch vụ truyền tin báo cháy có trách nhiệm: duy trì, nâng cấp giải pháp công nghệ, vận hành, kết nối truyền tin báo cháy hoạt động liên tục, thông suốt; có trung tâm hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến hoạt động thường xuyên, liên

tục; phân loại tin báo cháy, tin báo sự cố kịp thời, chính xác; hỗ trợ quản lý, khai báo, cập nhật Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 26. Khai báo, cập nhật dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Cơ sở quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này có trách nhiệm khai báo, cập nhật thông tin của cơ sở quy định tại điểm a khoản 3 Điều 24 của Nghị định này vào phần mềm khai báo của hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy theo hướng dẫn của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Bộ Công an và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã khai báo.

2. Khai báo dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở:

a) Việc khai báo lần đầu được thực hiện trong thời gian không quá 03 ngày từ ngày cơ sở hoàn thành việc trang bị, kết nối thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy;

b) Trường hợp cơ sở có thay đổi thông tin so với thông tin đã khai báo trước đó thì trong thời gian không quá 03 ngày phải hoàn thành việc cập nhật những thông tin thay đổi vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy;

c) Đối với thông tin, dữ liệu liên quan đến phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã được kết nối, chia sẻ từ hệ thống dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác thì không phải khai báo, cập nhật.

3. Lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm khai báo, cập nhật thông tin dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 24 của Nghị định này vào phần mềm khai báo của hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy theo hướng dẫn của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Bộ Công an.

Điều 27. Trách nhiệm, lộ trình trang bị, kết nối thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy

1. Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy đối với nhà ở tại

thành phố trực thuộc trung ương thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy quy định tại khoản 5 Điều 20 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo lộ trình sau:

a) Chậm nhất đến ngày 01 tháng 01 năm 2026, Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương phải hoàn thành việc phân loại, lập và công bố danh sách khu vực, nhà ở thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn quản lý;

b) Chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2027, Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương phải hoàn thành việc trang bị và kết nối thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy đối với nhà ở tại thành phố trực thuộc trung ương quy định tại khoản 5 Điều 20 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2027, người đứng đầu cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy thuộc danh mục quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này phải hoàn thành việc trang bị và kết nối thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

Chương VI

BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 28. Nội dung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

b) Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Trách nhiệm của cá nhân trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Nhiệm vụ của lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

đ) Nhiệm vụ của lực lượng dân phòng trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

e) Quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có liên quan trực tiếp đến điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông.

2. Kiến thức, kỹ năng về phòng cháy bao gồm:

a) Nguyên nhân cháy, nguyên nhân vụ cháy; biện pháp phòng cháy;

b) Phòng cháy trong sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt; phòng cháy trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển, sử dụng hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ;

c) Quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Nội dung, phương pháp kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy; tính năng, phương pháp vận hành, sử dụng phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy.

3. Kiến thức, kỹ năng về chữa cháy bao gồm:

a) Biện pháp chữa cháy; chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy;

b) Thực hành kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị chữa cháy.

4. Kiến thức, kỹ năng về thoát nạn, cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Biện pháp cứu nạn, cứu hộ; chiến thuật, kỹ thuật cứu nạn, cứu hộ;

b) Kiến thức, kỹ năng về thoát nạn, cứu người bị nạn, sơ cấp cứu người bị nạn;

c) Thực hành kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị cứu nạn, cứu hộ.

5. Nội dung huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với từng đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ theo các nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, thành viên Đội dân phòng được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ theo các nội dung quy định tại điểm c và điểm đ khoản 1, các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều này;

c) Người đứng đầu cơ sở được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ theo các nội dung quy định tại các điểm b, c, d và điểm e khoản 1, các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều này;

d) Thành viên Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, thành viên Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành, người được phân công thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ theo các nội dung quy định tại các điểm c, d và điểm e khoản 1, các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều này;

đ) Người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ theo các nội dung quy định tại các điểm c, d và điểm e khoản 1, các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều này;

e) Người làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc với chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ, người điều khiển phương tiện, người làm việc trên phương tiện giao thông quy định tại khoản 10 Điều 2 của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ theo các nội dung quy định tại các điểm b, c và điểm e khoản 1, các khoản 2 khoản 3 và khoản 4 Điều này;

g) Người đã đăng ký tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện, đối tượng khác được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ theo các nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này.

6. Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp đơn vị trực thuộc xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 29. Thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, thành viên Đội dân phòng, người đứng đầu cơ sở, người được phân công thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở, người làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ hoặc thường xuyên tiếp xúc với chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ, người điều khiển phương tiện, người làm việc trên phương tiện giao thông quy định tại khoản 10 Điều 2 của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đối tượng khác có nhu cầu:

a) Huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tối thiểu 08 giờ và không quá 12 giờ;

b) Bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tối thiểu 04 giờ và không quá 08 giờ.

2. Thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thành viên Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở:

a) Huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tối thiểu 16 giờ và không quá 24 giờ;

b) Bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tối thiểu 04 giờ và không quá 08 giờ.

3. Thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở, thành viên Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành, người đã đăng ký tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện:

a) Huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tối thiểu 24 giờ và không quá 32 giờ;

b) Bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tối thiểu 08 giờ và không quá 12 giờ.

4. Huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được thực hiện định kỳ 05 năm một lần; bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được thực hiện định kỳ hằng năm.

Điều 30. Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý và bảo đảm kinh phí để tổ chức thực hiện.

2. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cơ quan, đơn vị có thẩm quyền và việc tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 31. Chế độ, chính sách cho người tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Thành viên Đội dân phòng, thành viên Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, thành viên Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành, người được phân công thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được hưởng tiền bồi dưỡng theo quy định sau:

a) Đối với thành viên Đội dân phòng mỗi ngày được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,6 ngày lương tối thiểu vùng;

b) Đối với thành viên Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, thành viên Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành, người được phân công thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở mỗi ngày được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,3 ngày lương tối thiểu vùng;

c) Trong thời gian tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương và các chế độ khác đang được đơn vị quản lý trực tiếp chi trả; được bố trí nơi ăn, nơi nghỉ, thanh toán tiền tàu, xe đi, về;

d) Cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản này có trách nhiệm chi trả tiền bồi dưỡng.

2. Các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, e và điểm g khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được hưởng chế độ như sau:

a) Đối với người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trả nguyên lương, các khoản phúc lợi, phụ cấp, công tác phí, chế độ, chính sách đang được chi trả theo chế độ hiện hành; được bố trí nơi ăn, nơi nghỉ, thanh toán tiền tàu, xe đi, về và được tính vào kinh phí chi hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị cử người tham gia tập huấn;

b) Đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu

hộ được hưởng chế độ như sau: được bố trí nơi ăn, nơi nghỉ, thanh toán tiền tàu, xe đi, về và do đơn vị quản lý trực tiếp chi trả, được tính vào chi phí quản lý sản xuất, kinh doanh; trong thời gian tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ được trả tiền lương và các chế độ khác đang được đơn vị trực tiếp quản lý chi trả.

3. Ngày lương tối thiểu vùng được xác định bằng mức lương tối thiểu vùng theo tháng áp dụng đối với người lao động làm việc trên địa bàn do Chính phủ quy định tại thời điểm thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chia cho 26 ngày.

Điều 32. Bồi dưỡng, hỗ trợ đối với người được huy động, người tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Người không thuộc lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi được huy động, khi tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được hưởng tiền bồi dưỡng như sau:

a) Nếu thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ dưới 02 giờ được hưởng tiền bồi dưỡng tối thiểu bằng 0,3 ngày lương tối thiểu vùng;

b) Nếu thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ từ 02 giờ đến dưới 04 giờ được hưởng tiền bồi dưỡng tối thiểu bằng 0,45 ngày lương tối thiểu vùng;

c) Nếu thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ từ 04 giờ trở lên hoặc chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nhiều ngày thì cứ 04 giờ được hưởng tiền bồi dưỡng tối thiểu bằng 0,6 ngày lương tối thiểu vùng. Nếu tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ vào ban đêm từ 22 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau thì được tính gấp hai lần theo cách tính trên.

2. Cấp nào có thẩm quyền huy động thì cấp đó trực tiếp chi trả tiền bồi dưỡng cho cá nhân được huy động thuộc phạm vi quản lý.

Trường hợp người tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không thuộc trường hợp huy động thì do Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả từ ngân sách nhà nước.

3. Cách tính ngày lương tối thiểu vùng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định này.

Điều 33. Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương

1. Chế độ hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh:

Người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong thời gian được huy động, tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu

hộ nếu bị tai nạn, bị thương thì được hỗ trợ thanh toán chi phí khám, chữa bệnh và hỗ trợ tiền ăn hàng ngày trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện bằng mức hỗ trợ cho tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Trợ cấp theo mức suy giảm khả năng lao động:

Đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bị tai nạn, bị thương làm suy giảm khả năng lao động thì được chi trả trợ cấp một lần hoặc trợ cấp hàng tháng, trợ cấp phục vụ theo mức suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa. Mức trợ cấp bằng mức trợ cấp một lần hoặc trợ cấp hàng tháng, trợ cấp phục vụ đối với người lao động bị suy giảm khả năng lao động tương đương với mức bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động mà không hoàn toàn do lỗi của chính người này gây ra theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3. Hồ sơ giải quyết chế độ:

a) Đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh: đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh của người được hỗ trợ chế độ bị tai nạn, bị thương hoặc người đại diện hợp pháp theo Mẫu số PC21 kèm theo Nghị định này; hóa đơn thu tiền; giấy ra viện.

Thông tin về thành phần hồ sơ quy định tại điểm này khi đã được kết nối, chia sẻ, cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải khai thác trực tuyến để giải quyết mà không được yêu cầu người đề nghị cung cấp hồ sơ giấy;

b) Đối với trường hợp đề nghị trợ cấp theo mức suy giảm khả năng lao động: đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo Mẫu số PC22 kèm theo Nghị định này; giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi điều trị tai nạn đối với trường hợp điều trị nội trú hoặc giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị cấp; biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh và tương đương trở lên.

4. Trình tự giải quyết:

a) Người đề nghị được hưởng chế độ hoặc người đại diện hợp pháp chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này và nộp Ủy ban nhân dân cấp xã theo một trong các hình thức sau: trực tiếp; thông qua dịch vụ bưu chính; trực tuyến qua cổng dịch vụ công.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ có trách nhiệm hướng dẫn ngay để hoàn thiện;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thẩm định và ra quyết định chi trả kinh phí hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh, trợ cấp cho người bị tai nạn, bị thương.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

5. Kinh phí để thực hiện chi trả chế độ, chính sách quy định tại Điều này do ngân sách địa phương bảo đảm.

Điều 34. Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết

1. Người chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc người đã hưởng bảo hiểm xã hội một lần bị chết do tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc bị chết trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn khi tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thì thân nhân tổ chức mai táng được hỗ trợ chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh, chi trả tiền tuất, tiền mai táng phí như sau:

a) Thân nhân được trợ cấp tiền tuất một lần bằng mức trợ cấp một lần khi chết do tai nạn lao động theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động hoặc trợ cấp tiền tuất hằng tháng bằng mức trợ cấp tiền tuất hằng tháng đối với người đang tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Điều kiện hưởng trợ cấp tiền tuất một lần hoặc trợ cấp tiền tuất hằng tháng phải đảm bảo điều kiện về thân nhân như quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với người đang tham gia bảo hiểm xã hội;

b) Thân nhân tổ chức mai táng được chi trả tiền mai táng phí. Mức tiền chi trả bằng mức trợ cấp mai táng đối với người đang tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

c) Trường hợp bị chết trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn khi tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, thân nhân được hỗ trợ chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 33 Nghị định này.

2. Hồ sơ giải quyết chế độ trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí: đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí theo Mẫu số PC22 kèm theo Nghị định này; giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử.

Thông tin về thành phần hồ sơ quy định tại điểm này khi đã được kết nối, chia sẻ, cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải khai thác trực tuyến để giải quyết mà không được yêu cầu người đề nghị cung cấp hồ sơ giấy.

3. Trình tự giải quyết:

a) Thân nhân người đã chết đề nghị được hưởng chế độ hoặc người đại diện hợp pháp chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này và nộp Ủy ban nhân dân cấp xã theo một trong các hình thức sau: trực tiếp; thông qua dịch vụ bưu chính; trực tuyến qua cổng dịch vụ công.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ có trách nhiệm hướng dẫn ngay để hoàn thiện;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thẩm định và ra quyết định chi trả chế độ, chính sách.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

4. Kinh phí để thực hiện chi trả chế độ, chính sách quy định tại Điều này do ngân sách địa phương bảo đảm.

Điều 35. Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

1. Cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định này phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của cơ sở, trừ cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phục vụ mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh, trật tự. Khuyến khích các cơ sở khác mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

Đối với cơ sở có tài sản thuộc danh mục bí mật nhà nước, tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý nhà nước thì doanh nghiệp cung cấp bảo hiểm phải bảo đảm các yêu cầu về an ninh, an toàn, bảo mật trong quá trình cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

2. Mức trích nộp từ doanh nghiệp bảo hiểm triển khai bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong năm tài chính là 2% tổng số phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc thực tế thu được của các hợp đồng bảo hiểm gốc trong năm tài chính trước liền kề.

3. Việc quản lý nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm

cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và quy định pháp luật có liên quan.

4. Nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc được sử dụng cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ như sau:

a) Chi hỗ trợ mua sắm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: tối đa không quá 65% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính. Việc mua sắm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Chi hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc: tối đa không quá 15% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính. Nội dung và mức chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

c) Chi hỗ trợ lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, điều tra, xử lý vụ cháy, huấn luyện nghiệp vụ về chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thực hiện kiểm tra, giám sát việc tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các cơ sở: tối đa không quá 15% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính. Nội dung chi, mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành;

d) Chi hỗ trợ khen thưởng thành tích của tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia, phối hợp trong công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ: tối đa không quá 5% số tiền thực tế thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc của các doanh nghiệp bảo hiểm trong năm tài chính.

Điều 36. Đóng góp tự nguyện, tài trợ bằng tiền, hiện vật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Tiền, hiện vật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài đóng góp tự nguyện, tài trợ cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu

nạn, cứu hộ phải sử dụng đúng với mục đích quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Trường hợp có thỏa thuận, đề nghị về mục đích sử dụng, mức chi cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thì việc quản lý, sử dụng thực hiện theo thỏa thuận, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ và phù hợp với mục đích sử dụng cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Tiếp nhận, quản lý hiện vật, nguồn tài chính do cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài đóng góp tự nguyện, tài trợ cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ như sau:

a) Nguồn tài chính bằng tiền được gửi vào tài khoản của Bộ Công an mở tại Kho bạc Nhà nước và được tổng hợp đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Nguồn tài chính là hiện vật, sau khi thực hiện xác lập sở hữu toàn dân được giao cho cơ quan Công an được thụ hưởng quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật về quản lý tài sản công và quy định của pháp luật có liên quan. Việc xác lập sở hữu toàn dân thực hiện theo quy định của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Thông tin về đóng góp tự nguyện, tài trợ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài được cung cấp và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an và Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện, tài trợ có thỏa thuận không công bố thông tin;

d) Nguồn tài chính từ việc vận động, tiếp nhận các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn các trường hợp do sự cố thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ.

3. Bộ Công an căn cứ thực tế nguồn tài chính từ đóng góp tự nguyện, tài trợ và yêu cầu thực tiễn quyết định về mức chi cho các nội dung liên quan đến hoạt động phòng cháy và chữa cháy quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

4. Bộ Công an chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn tài chính từ đóng góp tự nguyện, tài trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 37. Hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Hàng năm, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng có liên quan đề xuất mức hỗ trợ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai để sử dụng chi bảo đảm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định này mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn tài chính hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 38. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Dự phòng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước được sử dụng để chi cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong các trường hợp cấp bách sau đây:

a) Khi xảy ra thảm họa theo quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự dẫn đến cháy, nổ;

b) Hỗ trợ, khắc phục hậu quả cháy, nổ quy định tại điểm a khoản này.

2. Nội dung chi cho hoạt động của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Đảm bảo chế độ, chính sách cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

b) Hoạt động nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; diễn tập, thực tập phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo kế hoạch hàng năm được Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt;

c) Đào tạo, huấn luyện, tổ chức và tham gia hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

d) Mua sắm, trang bị thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các tài sản khác phục vụ hoạt động của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

đ) Xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa (trừ các công trình được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển) công trình chuyên dụng, doanh trại, trụ sở làm việc của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã được trang bị;

e) Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ; đối ngoại và hợp tác quốc tế; huy động tiềm lực khoa học và công nghệ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

g) Các nhiệm vụ chi khác cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ quy định tại Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Trường hợp nội dung chi cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trùng với nội dung chi quy định tại Nghị định số 165/2016/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Nội dung chi ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

b) Hoạt động của Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành thuộc cơ quan, tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước;

c) Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

d) Xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

đ) Các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khác theo quy định của pháp luật.

4. Nội dung chi của ngân sách địa phương cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Hoạt động thường xuyên của lực lượng dân phòng; hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng;

b) Mua sắm phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật; xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tổ chức hoạt động của trung tâm giáo dục cộng đồng về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy đối với nhà ở tại thành phố trực thuộc trung ương thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

đ) Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

e) Chi trả bồi thường đối với trường hợp phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị mất, hư hỏng, bị thiệt hại khi tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quyết định huy động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp;

g) Đầu tư xây dựng, lắp đặt, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy trên hệ thống cấp nước tập trung, điểm, bến để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy lấy nước phục vụ chữa cháy tại các bể, ao, hồ, sông, suối, kênh;

h) Chi cho hoạt động cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy;

i) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

k) Diễn tập, thực tập phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo kế hoạch của địa phương;

l) Thực hiện chính sách khuyến khích cá nhân tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tình nguyện;

m) Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chi hỗ trợ một số hoạt động của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ quy định tại khoản 2 Điều này;

n) Các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 39. Nội dung quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
3. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
4. Đào tạo, xây dựng lực lượng, trang bị, quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
5. Bảo đảm điều kiện cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
6. Thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; thực hiện bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc gắn với hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
7. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thống kê, tổng hợp, xây dựng hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.
8. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; điều tra giải quyết vụ cháy.
9. Cấp phép trước khi lưu thông trên thị trường đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
10. Hợp tác quốc tế về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trên phạm vi toàn quốc.
2. Đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân.

4. Hướng dẫn, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

5. Tổ chức xây dựng chương trình, tài liệu về huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phân cấp, chỉ đạo, hướng dẫn việc huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

6. Thực hiện công tác quản lý về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc Phụ lục II kèm theo Nghị định này; phân cấp cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền thực hiện quản lý, kiểm tra, thanh tra về phòng cháy, chữa cháy; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi thẩm quyền.

7. Phân cấp cơ quan, đơn vị Công an thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định về thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và quy định việc thực hiện các nội dung này trong lực lượng Công an nhân dân.

8. Thực hiện chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phân cấp cơ quan, đơn vị Công an có thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

9. Thực hiện công tác điều tra, xử lý vụ cháy và xử lý vi phạm quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

10. Quy định việc tiếp nhận, xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ, chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tổ chức trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và triển khai hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phân cấp cơ quan, đơn vị Công an xây dựng, phê duyệt, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ.

11. Xây dựng và tổ chức thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, doanh trại, trụ sở làm việc, trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn trang bị, quản lý, bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

12. Xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổ chức đào tạo cán bộ chuyên môn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

13. Tổ chức việc nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

14. Thực hiện thống kê nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tổ chức sơ kết, tổng kết công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

15. Tổ chức hệ thống thông tin quản lý, chỉ huy điều hành hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

16. Trình Chính phủ về việc tham gia các tổ chức quốc tế, ký kết hoặc tham gia các điều ước quốc tế về hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thực hiện các hoạt động quốc tế liên quan đến hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo thẩm quyền.

17. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, lĩnh vực quản lý của mình có trách nhiệm:

a) Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo thẩm quyền;

b) Chỉ đạo tổ chức quản lý, hướng dẫn về công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Bố trí kinh phí cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Quốc phòng:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở, công trình, khu quân sự, phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng phục vụ mục đích quân sự, quốc phòng và công trình quốc phòng sử dụng lưỡng dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; trường hợp xét thấy cần thiết, Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Công an hướng dẫn áp dụng các quy định trong nước hoặc quốc

tế về bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với dự án, công trình quân sự, quốc phòng;

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc phạm vi quản lý chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an và cơ quan có liên quan xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với công trình quốc phòng sử dụng lưỡng dụng.

3. Bộ Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an quy định về giải pháp kỹ thuật nâng cao an toàn phòng cháy, chữa cháy cho các cơ sở, công trình không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy và không có khả năng khắc phục theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại thời điểm đưa vào hoạt động đến trước ngày Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có hiệu lực thi hành thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc lĩnh vực quản lý quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn, các quy hoạch thuộc phạm vi quản lý gắn với quy hoạch hạ tầng về phòng cháy và chữa cháy bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn;

d) Phân cấp cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông đối với vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy;

đ) Kiểm tra cơ quan chuyên môn về xây dựng trong việc tổ chức thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy cùng với kiểm tra việc tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, kiểm tra công tác nghiệm thu dự án, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

e) Quy định việc phân cấp quản lý, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc Phụ lục II kèm theo Nghị định này, phương tiện giao thông do cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Phối hợp với Bộ Công an xây dựng nội dung kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện việc tích hợp, lồng ghép kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ vào chương trình giảng dạy. Chủ trì ban hành văn bản quy định các điều kiện bảo đảm việc giảng dạy, trang bị kiến thức, thực hành các kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp phù hợp với từng cấp học, ngành học.

5. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang bộ trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán chi hằng năm để thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; tổng hợp việc phân bổ nguồn lực trong kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của các bộ, ngành, địa phương;

b) Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, chương trình, dự án đầu tư công do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư để đầu tư xây dựng cơ sở, sản xuất, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của Luật Đầu tư công; tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện.

6. Bộ Ngoại giao:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an trong công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và nhà ở của thành viên các cơ quan này; đăng tải thông tin về những tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ huy động để tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

b) Thông báo cho Bộ Công an về trụ sở của cơ quan lãnh sự của những nước ký kết với Việt Nam hiệp định lãnh sự, trụ sở cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc, trụ sở cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên Chính phủ ngoài hệ thống Liên hợp quốc, các đoàn thể của tổ chức quốc tế mà lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Việt Nam chỉ được phép vào để chữa cháy khi có yêu cầu hoặc có sự đồng ý của người đứng đầu hoặc người được ủy quyền của các cơ quan đó; thông báo cho Bộ Công an về nhà ở của viên chức lãnh sự không phải là công dân Việt Nam hoặc không phải là người

thường trú tại Việt Nam mà trong hiệp định lãnh sự giữa Việt Nam và nước cử lãnh sự có quy định lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Việt Nam chỉ được phép vào để chữa cháy khi có yêu cầu hoặc có sự đồng ý của những người đó.

7. Bộ Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an quy định về giải pháp kỹ thuật nâng cao an toàn phòng cháy, chữa cháy cho các cơ sở, công trình không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy và không có khả năng khắc phục theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại thời điểm đưa vào hoạt động đến trước ngày Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có hiệu lực thi hành thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc lĩnh vực quản lý quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị bán lẻ điện tư vấn việc lắp đặt, sử dụng đối với hệ thống, thiết bị điện để bảo đảm an toàn về phòng cháy khi đấu nối điện sinh hoạt;

d) Chỉ đạo thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra về bảo đảm an toàn sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn sử dụng điện theo quy định của pháp luật về điện lực;

đ) Kiểm tra cơ quan chuyên môn trực thuộc trong việc tổ chức thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy cùng với kiểm tra việc tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, kiểm tra công tác nghiệm thu dự án, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; quy định việc phân cấp quản lý, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở do cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện.

8. Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an quy định về giải pháp kỹ thuật nâng cao an toàn phòng cháy, chữa cháy cho các cơ sở, công trình không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy và không có khả năng khắc phục theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại thời điểm đưa vào hoạt động đến trước ngày Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có hiệu lực thi hành thuộc thẩm quyền quản lý sau khi thống nhất với Bộ Xây dựng;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc lĩnh vực quản lý quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Kiểm tra cơ quan chuyên môn trực thuộc trong việc tổ chức thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy cùng với kiểm tra việc tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, kiểm tra công tác nghiệm thu dự án, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; quy định việc phân cấp quản lý, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở do cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện.

9. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan thông tin, truyền thông tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

10. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cho các nhà mạng viễn thông định kỳ tổ chức gửi tin nhắn cho các thuê bao di động để khuyến cáo, cảnh báo và hướng dẫn các kỹ năng phòng ngừa, xử lý các tình huống cháy, nổ, tai nạn, sự cố theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ngân sách nhà nước; chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

11. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam:

a) Tăng cường thời lượng, ưu tiên bố trí khung giờ tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy, thoát hiểm, thoát nạn, cảnh báo nguy cơ cháy;

b) Mở chuyên mục tuyên truyền thường xuyên về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ vào các khung giờ khán giả dễ theo dõi.

Điều 42. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ở địa phương và có nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Ban hành các quy định về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại địa phương theo thẩm quyền quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại địa phương; xử lý vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo thẩm quyền;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; chỉ đạo thành lập và duy trì điều kiện hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ lồng ghép với các trung tâm học tập cộng đồng; chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này;

d) Đầu tư ngân sách cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

đ) Bảo đảm điều kiện về thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ, đường giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy;

e) Bảo đảm kinh phí trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy đối với nhà ở tại thành phố trực thuộc trung ương thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy;

g) Quy hoạch địa điểm, đề xuất cấp đất và xây dựng doanh trại cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

h) Chỉ đạo việc xây dựng và thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ cần huy động nhiều lực lượng, phương tiện tham gia;

i) Chỉ đạo tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả vụ cháy;

k) Kiểm tra cơ quan chuyên môn trực thuộc trong việc tổ chức thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy cùng với kiểm tra việc tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, kiểm tra công tác nghiệm thu dự án, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ở địa phương và có nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; quản lý, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với nhà ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh, cơ sở thuộc Phụ lục I, trừ cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này; xử lý vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo thẩm quyền;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Tổ chức quản lý Đội dân phòng;

d) Đầu tư kinh phí cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả vụ cháy.

Điều 43. Lộ trình xử lý đối với các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có hiệu lực thi hành

1. Chậm nhất đến ngày 01 tháng 01 năm 2026, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thành việc phân loại, lập và công bố danh sách cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và không có khả năng khắc phục theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại thời điểm đưa vào hoạt động đến trước ngày Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có hiệu lực thi hành trên địa bàn quản lý.

2. Chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2026, các bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật về xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Công an thực hiện quy định tại điểm b khoản 6 Điều 55 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3. Chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2028, cơ sở thuộc danh sách công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này phải hoàn thành các nội dung quy định tại điểm c khoản 6 Điều 55 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Đối với cơ sở không thể áp dụng được giải pháp kỹ thuật tương ứng do các bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ban hành thì sau ngày 01 tháng 7 năm 2028 phải chuyển đổi công năng phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của cơ sở.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng, Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ, Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa, Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 4 như sau:

“b) Đối với bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc: Cơ sở thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy nhưng chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an, cơ quan chuyên môn về xây dựng;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 23 như sau:

“a) Nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động, sản xuất, kinh doanh;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 24 như sau:

“1. Số tiền bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc tối thiểu là giá trị tính thành tiền theo giá thị trường của các tài sản quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm.

Đối với các tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị định này được bảo hiểm phù hợp thời gian lưu trữ hàng hóa, vật tư tại cơ sở.”;

d) Bãi bỏ cụm từ “Căn cứ vào mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm được điều chỉnh tăng hoặc giảm phí bảo hiểm tối đa 25% tính trên phí bảo hiểm” tại khoản 1 Điều 26;

đ) Thay thế cụm từ “Trong mọi trường hợp, mức phí bảo hiểm không được thấp hơn mức phí bảo hiểm tương ứng với 1.000 tỷ đồng nhân (x) 75% tỷ lệ phí bảo hiểm quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.” quy định tại khoản 2 Điều 26 bằng cụm từ “Trong mọi trường hợp, tỷ lệ phí bảo hiểm không được thấp hơn 75% tỷ lệ phí bảo hiểm tối thiểu quy định tại khoản 1 Mục I Phụ lục II kèm theo Nghị định này.”;

e) Thay cụm từ “biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy” bằng cụm từ “biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy” tại khoản 3 Điều 28 và khoản 3 Điều 29;

g) Bãi bỏ khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 31;

h) Thay thế Phụ lục II kèm theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP bằng Phụ lục VI kèm theo Nghị định này.

2. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP như sau:

“d) Chi hỗ trợ các hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 5 như sau:

“b) Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp có tổng mức đầu tư không quá 20 tỷ đồng (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất), trừ dự án đầu tư xây dựng công trình di sản văn hoá thực hiện theo pháp luật về di sản văn hoá và các trường hợp phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi xây dựng mới, thay đổi công năng, cải tạo trong quá trình sử dụng theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;”;

b) Bãi bỏ cụm từ “hoặc pháp luật về phòng cháy chữa cháy” tại điểm c khoản 6 Điều 19;

c) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 2 Điều 23 như sau:

“đ) Khi điều chỉnh thiết kế thuộc trường hợp phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.”;

d) Thay thế cụm từ “kết quả thực hiện thủ tục phòng cháy, chữa cháy theo quy định;” tại điểm a khoản 5 Điều 46 bằng cụm từ “Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 5 Điều 43 Nghị định này;”;

đ) Bổ sung cụm từ “hoặc Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 5 Điều 43 Nghị định này;” vào sau cụm từ “đối tượng có yêu cầu thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy” tại điểm b khoản 2 Điều 52.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 161/2024/NĐ-CP:

a) Bãi bỏ khoản 1 Điều 14 và Điều 19;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 như sau:

“3. Bộ Công Thương tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5, loại 8, loại 9 theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này (trừ hóa chất bảo vệ thực vật và quy định tại khoản 2 Điều này).”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau:

“1. Quản lý danh mục hàng hóa nguy hiểm đối với loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5, loại 8, loại 9, các loại xăng dầu, khí đốt và các hóa chất nguy hiểm, các hóa chất độc nguy hiểm còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 23 như sau:

“3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành có liên quan tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa nguy hiểm loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5, loại 8, loại 9, các loại xăng dầu, khí đốt và các hóa chất nguy hiểm, các hóa chất độc nguy hiểm còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 23 như sau:

“4. Quy định loại hàng hóa nguy hiểm thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5, loại 8, loại 9 khi vận chuyển bắt buộc phải có người áp tải.”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 Điều 31 như sau:

“3. Bộ Công Thương tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5, loại 8, loại 9 theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này (trừ hóa chất bảo vệ thực vật và quy định tại khoản 2 Điều này).”;

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 31 như sau:

“Điều 26. Bộ Công Thương

1. Quản lý danh mục hàng hóa nguy hiểm đối với loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5, loại 8, loại 9, các loại xăng dầu, khí đốt và các hóa chất nguy hiểm, các hóa chất độc nguy hiểm còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.

2. Quản lý hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và tổ chức thực hiện việc cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trong phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Nghị định này.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành có liên quan tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa nguy hiểm loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5, loại 8, loại 9, các loại xăng dầu, khí đốt và các hóa chất nguy hiểm, các hóa chất độc nguy hiểm còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.

4. Quy định loại hàng hóa nguy hiểm thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 5, loại 8, loại 9 khi vận chuyển bắt buộc phải có người áp tải.

5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan trong công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo thẩm quyền. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động huấn luyện an toàn hàng hóa nguy hiểm theo thẩm quyền.”.

5. Bãi bỏ khoản 1 Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 34/2024/NĐ-CP.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP như sau:

“a) Bộ Công Thương tổ chức cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1, loại 2, loại 3, loại 4, loại 9 quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này (trừ hóa chất bảo vệ thực vật và quy định tại điểm b khoản 2 Điều này);”.

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Các Nghị định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 46 của Nghị định này:

a) Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

b) Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

c) Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

d) Nghị định số 78/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2011 quy định việc phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ Quốc phòng trong tổ chức thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở quốc phòng.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu trong Nghị định này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì nội dung dẫn chiếu trong Nghị định này cũng được điều chỉnh và thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 46. Quy định chuyển tiếp

1. Việc cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy, quản lý, sử dụng tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026. Danh mục phương tiện phòng cháy và chữa cháy và việc kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại Điều 38 và Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 và Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

2. Đối với công trình không thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP đã được cơ quan quản lý xây dựng thẩm định, cấp giấy phép xây dựng hoặc đã tổ chức thi công, nếu thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này thì chủ đầu tư tiếp tục thi công, nghiệm thu và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với công trình.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình, phương tiện giao thông đã được cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy mà chưa được chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thì việc nghiệm thu, kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP. Trường hợp

điều chỉnh thiết kế trong quá trình thi công thì việc thẩm duyệt điều chỉnh được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP. Thời hạn xử lý hồ sơ đề nghị thẩm duyệt điều chỉnh, kiểm tra kết quả nghiệm thu thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 9, khoản 3 Điều 10 Nghị định này.

4. Đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP khi hết thời hạn thì thực hiện huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Nghị định này; cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Nghị định số 50/2024/NĐ-CP thì sau 05 năm kể từ ngày được cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ phải thực hiện huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Nghị định này.

5. Xử lý đối với cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình đang bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình đã bị tạm đình chỉ hoạt động khi hết thời hạn tạm đình chỉ mà không khắc phục hoặc không thể khắc phục thì bị đình chỉ hoạt động; việc đình chỉ hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP;

b) Việc phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình đã bị tạm đình chỉ hoạt động, đình chỉ hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

Điều 47. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và TKN;
- Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

[đã ký]

Phạm Minh Chính

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH**Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực
phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;**Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bao gồm: hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước khác liên quan đến lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ mà không quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực đó để xử phạt.

3. Đối với các hành vi vi phạm về phòng cháy, chữa cháy rừng thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Trường hợp các hành vi vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy rừng không được quy định tại Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành

chính trong lĩnh vực lâm nghiệp thì thực hiện xử phạt theo quy định tại Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi lãnh thổ, vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp;

b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và các đơn vị phụ thuộc Hợp tác xã;

c) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư gồm: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài (trừ cá nhân) và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

d) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Thương mại;

đ) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

e) Cơ quan nhà nước;

g) Đơn vị sự nghiệp;

h) Ban Quản trị nhà chung cư hoạt động theo mô hình ban quản trị, có tư cách pháp nhân;

i) Tổ chức được giao trực tiếp quản lý cơ sở theo quy định tại Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

k) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định.

3. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Các hình thức xử phạt chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Các hình thức xử phạt bổ sung trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính);

c) Tước quyền sử dụng văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy từ 06 tháng đến 12 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Các biện pháp khác được quy định cụ thể tại Nghị định này.

4. Thủ tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung:

a) Người có thẩm quyền ra quyết định, cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Người có thẩm quyền ra quyết định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a khoản này phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép đó.

5. Trường hợp văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy được cấp dưới dạng điện tử hoặc thể hiện dưới hình thức thông điệp dữ liệu thì cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện tạm giữ, tước trên môi trường điện tử theo quy định nếu đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin. Việc tạm giữ, tước quyền sử dụng được cập nhật trạng thái trên cơ sở dữ liệu, căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử và ứng dụng thông tin điện tử khác theo quy định.

Điều 4. Mức phạt tiền trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với cá nhân đến 50.000.000 đồng. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt được áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân.

3. Hộ gia đình, hộ kinh doanh vi phạm các quy định của Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm hành chính.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ là 01 năm.

2. Thời hạn sử dụng kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để xác định cá nhân, tổ chức vi phạm được tính từ thời điểm phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật của cá nhân, tổ chức ghi nhận được kết quả cho đến hết ngày cuối cùng của thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Quá thời hạn nêu trên mà người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt theo quy định thì kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp không còn giá trị sử dụng. Trường hợp cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hạn sử dụng kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

3. Thời điểm để tính thời hiệu phạt vi phạm hành chính được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;

c) Đối với các hành vi vi phạm được phát hiện thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được tính từ thời điểm phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật ghi nhận hành vi vi phạm.

4. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này trong một số trường hợp cụ thể được quy định như sau:

a) Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 18 Nghị định này được tính từ ngày bàn giao công trình, phần công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông theo quy định;

b) Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Nghị định này được tính từ ngày công trình, phần công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông chấm dứt hoạt động.

5. Người có thẩm quyền xử phạt căn cứ các hồ sơ tài liệu có liên quan để xác định thời điểm tính thời hiệu xử phạt theo đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 6. Vi phạm quy định về tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi làm hỏng băng rôn, khẩu hiệu, pa nô, áp phích, tranh ảnh tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các đối tượng quy định tại Điều 8 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hằng năm cho đối tượng quy định tại các điểm c, d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng đối tượng quy định tại các điểm d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nhưng chưa được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Buộc tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về ban hành, niêm yết nội quy, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không đủ nội dung theo quy định hoặc không phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông;

b) Niêm yết nội quy, biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không đúng vị trí quy định.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì nội quy, biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã được niêm yết.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành hoặc không niêm yết nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 8. Vi phạm quy định về thành lập, tổ chức quản lý Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành; phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành không bảo đảm số người theo quy định;

b) Cơ quan, tổ chức hoạt động trong cơ sở không cử người tham gia Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy có dưới 20 người thường xuyên làm việc;

b) Không bố trí địa điểm trực chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.

3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí lực lượng, phương tiện của Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành trực chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hằng ngày.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.

Điều 9. Vi phạm quy định hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không đủ tài liệu trong hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không lập hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 10. Vi phạm quy định kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không xuất trình hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phục vụ kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy;

b) Gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy của cơ sở không đúng thời hạn;

c) Không thực hiện yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại văn bản kiến nghị đề cơ sở khắc phục những tồn tại, hạn chế.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không bố trí người có thẩm quyền, trách nhiệm làm việc với người có thẩm quyền kiểm tra sau khi đã nhận được thông báo kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy;

b) Không gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy của cơ sở.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện tự kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy định kỳ.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không chấp hành việc đình chỉ có thời hạn tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của người có thẩm quyền;

b) Không chấp hành quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

Điều 11. Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt mà không bảo đảm khoảng cách an toàn về phòng cháy theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt ở những khu vực có quy định cấm;

b) Hàn, cắt kim loại mà không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

3. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi để xảy ra cháy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 12. Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy trong lắp đặt, sử dụng điện

1. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi lắp đặt, sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện, thiết bị đóng ngắt, bảo vệ không bảo đảm an toàn phòng cháy.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì thiết bị điện phòng nổ đã được trang bị, lắp đặt.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị, lắp đặt, sử dụng thiết bị điện phòng nổ.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không có giải pháp ngăn cháy đối với khu vực sạc điện cho xe động cơ điện tập trung trong nhà;

b) Không có hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy;

c) Không duy trì nguồn điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

5. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này khi để xảy ra cháy nhưng không quá mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện giải pháp ngăn cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 13. Vi phạm quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong lắp đặt, kiểm tra, bảo trì hệ thống tiếp địa, chống sét

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không kiểm tra, bảo trì định kỳ hệ thống tiếp địa, chống sét.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Lắp đặt hệ thống tiếp địa, chống sét không bảo đảm theo quy định;

b) Không duy trì hệ thống tiếp địa, chống sét đã được lắp đặt.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không lắp đặt hệ thống tiếp địa, chống sét cho nhà, công trình.

4. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này khi để xảy ra cháy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 14. Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quản lý, bảo quản, sử dụng chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Sắp xếp hoặc bố trí chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ không bảo đảm theo quy định;

b) Bảo quản chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ vượt quá số lượng, khối lượng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bảo quản hoặc sử dụng chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ không đúng nơi quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi để hình thành môi trường nguy hiểm cháy, nổ có chỉ số nguy hiểm cháy, nổ vượt quá giới hạn dưới của giới hạn nồng độ bắt cháy.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ trái phép chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng trái phép chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này khi để xảy ra cháy nhưng không quá mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại các khoản 4 và khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc giảm số lượng, khối lượng chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc di chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ đúng nơi quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy trong sản xuất,

kinh doanh chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không duy trì thiết bị phát hiện rò rỉ chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ đã được trang bị, lắp đặt;

b) Không duy trì thiết bị, hệ thống chống tĩnh điện đã được trang bị, lắp đặt.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không trang bị, lắp đặt thiết bị phát hiện rò rỉ chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ;

b) Không trang bị, lắp đặt thiết bị, hệ thống chống tĩnh điện.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) San, chiết, nạp chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ không đúng nơi quy định;

b) San, chiết, nạp chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ sang thiết bị chứa không đúng chủng loại hoặc không phù hợp với loại chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất hoặc kinh doanh trái phép chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này khi để xảy ra cháy nhưng không quá mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm tại khoản 4 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định trong vận chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối hành vi sắp xếp, bố trí chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trên phương tiện vận chuyển không bảo đảm an toàn phòng cháy.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không duy trì các điều kiện an toàn về phòng cháy của phương tiện giao thông khi vận chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ;

b) Vận chuyển hàng hóa khác cùng với chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ mà không được phép trên cùng một phương tiện giao thông;

c) Chở người không có nhiệm vụ trên phương tiện giao thông vận chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thực hiện các điều kiện bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy khi bốc, dỡ, bơm, chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ ra khỏi phương tiện giao thông;

b) Không duy trì các biện pháp an toàn phòng cháy cho thiết bị, đường ống chuyển chất khí, chất lỏng dễ cháy, nổ;

c) Bốc, dỡ, bơm, chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ tại địa điểm không bảo đảm an toàn phòng cháy.

4. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 2, các khoản 1 và khoản 3 Điều này khi để xảy ra cháy nhưng không quá mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc duy trì các điều kiện an toàn về phòng cháy của phương tiện giao thông khi vận chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc duy trì các biện pháp an toàn phòng cháy cho thiết bị, đường ống chuyển chất khí, chất lỏng dễ cháy, nổ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

c) Buộc bốc, dỡ, bơm, chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ tại địa điểm bảo đảm an toàn phòng cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc không đúng mức phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định đối với cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

b) Nộp từ 50% đến dưới 100% tổng số tiền được trích cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nộp dưới 50% tổng số tiền được trích cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy từ bảo

hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc nhóm 2 theo quy định của pháp luật về Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc nhóm 1 theo quy định của pháp luật về Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Không nộp tiền được trích cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định.

Điều 18. Vi phạm quy định về thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Chuyển đổi, bổ sung công năng hoặc cải tạo công trình, hạng mục công trình trong quá trình sử dụng thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành;

b) Hoán cải phương tiện giao thông trong quá trình sử dụng thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình hoặc sản xuất, lắp ráp, đóng mới phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đưa công trình, phần công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông đã được thẩm duyệt thiết kế hoặc thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy vào khai thác, sử dụng khi chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đưa công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy vào sử dụng, hoạt động khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

5. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này khi để xảy ra cháy nhưng không quá mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 19. Hành vi vi phạm về lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đưa phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy vào lưu thông không có nhãn hoặc có nhãn ghi không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi đưa phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy vào lưu thông không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công bố áp dụng.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi một trong những hành vi sau đây:

a) Kinh doanh, đưa phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy vào lưu thông khi chưa được cấp phép;

b) Sử dụng hồ sơ, tài liệu sai sự thật để đề nghị cấp giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều này;

b) Buộc thu hồi phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về trang bị, lắp đặt phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi trang bị phương tiện chữa cháy thông dụng, dụng cụ phá dỡ thô sơ không bảo đảm theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị, lắp đặt phương tiện chữa cháy thông dụng, dụng cụ phá dỡ thô sơ.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi trang bị, lắp đặt phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn không bảo đảm theo quy định.

4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối hành vi trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành không bảo đảm theo quy định.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị, lắp đặt phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.

8. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Trang bị, lắp đặt thiết bị thuộc hệ thống báo cháy không bảo đảm theo quy định;

b) Trang bị, lắp đặt thiết bị thuộc hệ thống chữa cháy không bảo đảm theo quy định.

9. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy;

b) Không trang bị, lắp đặt hệ thống chữa cháy;

c) Không trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới.

10. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi quy định tại các khoản 2, 5, 6 và khoản 7 Điều này khi để xảy ra cháy nhưng không quá mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

11. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 9 Điều này.

12. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trang bị phương tiện chữa cháy thông dụng, dụng cụ phá dỡ thô sơ đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc trang bị, lắp đặt phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này;

c) Buộc trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành đối với hành vi vi phạm tại khoản 4 Điều này;

d) Buộc trang bị, lắp đặt hệ thống báo cháy đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 8 Điều này;

đ) Buộc trang bị, lắp đặt hệ thống chữa cháy đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 8 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tự ý di chuyển, che khuất phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã được trang bị, lắp đặt.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì đủ số lượng hoặc không bảo đảm chất lượng của phương tiện chữa cháy thông dụng, dụng cụ phá dỡ thô sơ đã được trang bị, lắp đặt.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không duy trì hoạt động của phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn đã được trang bị, lắp đặt;

b) Không duy trì hoạt động của thiết bị báo cháy cục bộ đã được trang bị, lắp đặt.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không duy trì hoạt động của thiết bị thuộc hệ thống báo cháy đã được trang bị, lắp đặt;

b) Không duy trì hoạt động của thiết bị thuộc hệ thống chữa cháy đã được trang bị, lắp đặt.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không đưa phương tiện chữa cháy cơ giới vào trực chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không duy trì hoạt động của hệ thống báo cháy đã được trang bị, lắp đặt;

b) Không duy trì hoạt động của hệ thống chữa cháy đã được trang bị, lắp đặt.

7. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi quy định tại các khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này khi để xảy ra cháy nhưng không quá mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc duy trì đủ số lượng, bảo đảm chất lượng phương tiện chữa cháy thông dụng, dụng cụ phá dỡ thô sơ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc duy trì phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

d) Buộc duy trì thiết bị báo cháy cục bộ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

đ) Buộc duy trì hệ thống báo cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, điểm a khoản 6 Điều này;

e) Buộc duy trì hệ thống chữa cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4, điểm b khoản 6 Điều này.

Điều 22. Vi phạm quy định về bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không bảo dưỡng định kỳ phương tiện chữa cháy thông dụng hoặc thiết bị báo cháy cục bộ;

b) Bảo quản, bảo dưỡng định kỳ hệ thống báo cháy không bảo đảm nội dung theo quy định;

c) Bảo quản, bảo dưỡng định kỳ hệ thống chữa cháy không bảo đảm nội dung theo quy định;

d) Bảo dưỡng định kỳ phương tiện chữa cháy cơ giới không bảo đảm nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không bảo dưỡng định kỳ phương tiện chữa cháy cơ giới.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không bảo dưỡng định kỳ hệ thống báo cháy;

b) Không bảo dưỡng định kỳ hệ thống chữa cháy.

Điều 23. Vi phạm quy định về thông gió, chống khói

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Trang bị, lắp đặt thiết bị thuộc hệ thống thông gió thoát khói không bảo đảm theo quy định;

b) Trang bị, lắp đặt thiết bị thuộc hệ thống tạo áp suất dư cho khu vực cần chống nhiễm khói không bảo đảm theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không duy trì thông gió tự nhiên hoặc không duy trì hệ thống thông gió thoát khói đã được trang bị, lắp đặt;

b) Không duy trì hệ thống tạo áp suất dư cho khu vực cần chống nhiễm khói đã được trang bị, lắp đặt;

c) Không duy trì giải pháp thông gió cho khu vực sản xuất, bảo quản, kinh doanh, sử dụng chất, hàng hóa nguy hiểm cháy, nổ đã được trang bị, lắp đặt.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không có giải pháp thông gió cho khu vực sản xuất, bảo quản, kinh doanh, sử dụng chất, hàng hóa nguy hiểm cháy, nổ.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không có giải pháp thông gió tự nhiên hoặc không có giải pháp thông gió thoát khói;

b) Không trang bị, lắp đặt hệ thống tạo áp suất dư cho khu vực phải trang bị, lắp đặt.

5. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này khi để xảy ra cháy nhưng không quá mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trang bị, lắp đặt hệ thống thông gió thoát khói đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc trang bị, lắp đặt hệ thống tạo áp suất dư đối với hành vi vi phạm quy

định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc duy trì giải pháp thông gió, hệ thống thông gió thoát khói đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

d) Buộc duy trì hệ thống tạo áp suất dư đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về thoát nạn trong phòng cháy và chữa cháy

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Lắp gương trên đường thoát nạn;

b) Cửa đi trên lối ra thoát nạn không mở theo chiều thoát nạn.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi để vật tư, hàng hóa, phương tiện giao thông, vật dụng, thiết bị khác cản trở lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không duy trì cửa đi đã được lắp đặt trên lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn;

b) Khóa cửa đi lắp đặt trên lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không duy trì lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn của gian phòng, khu vực;

b) Không có đủ lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn của gian phòng, khu vực.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không duy trì lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn của nhà, công trình;

b) Không có đủ lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn của nhà, công trình.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tháo gương trên đường thoát nạn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc mở cửa theo chiều thoát nạn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc di chuyển vật tư, hàng hóa, phương tiện giao thông, vật dụng, thiết bị khác đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Buộc duy trì cửa đi trên lối thoát nạn, đường thoát nạn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về ngăn cháy

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi để vật tư, hàng hóa, phương tiện giao thông, vật dụng, thiết bị khác không bảo đảm khoảng cách phòng cháy, chữa cháy.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì bộ phận ngăn cháy đã được thi công, lắp đặt, trừ hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không dọn sạch chất dễ cháy nằm trong hành lang an toàn tuyến ống dẫn dầu mỏ, khí đốt và sản phẩm dầu mỏ;

b) Lắp đặt ống dẫn khí cháy, chất lỏng cháy khu vực không được phép hoặc không bảo đảm an toàn phòng cháy.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không duy trì khoảng cách phòng cháy, chữa cháy giữa các nhà và công trình;

b) Không có bộ phận ngăn cháy, trừ hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không có hoặc không duy trì tường ngăn cháy hoặc vách ngăn cháy hoặc sàn ngăn cháy.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng nhà, công trình không bảo đảm khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy.

7. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều này khi để xảy ra cháy nhưng không quá mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc di chuyển vật tư, hàng hóa, phương tiện giao thông, vật dụng, thiết bị khác bảo đảm khoảng cách phòng cháy, chữa cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc duy trì bộ phận ngăn cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều này;

c) Buộc duy trì khoảng cách phòng cháy chống cháy đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phạt tiền 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những

hành vi sau đây:

- a) Xây dựng phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông không bảo đảm nội dung theo quy định;
- b) Không cập nhật, bổ sung hoặc không chỉnh lý phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông;
- c) Không phê duyệt hoặc phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông không đúng thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không thực tập hết các tình huống trong phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông;
- b) Không bố trí đủ lực lượng hoặc phương tiện thuộc phạm vi quản lý tham gia thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an khi được người có thẩm quyền huy động.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không phối hợp xây dựng phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an theo yêu cầu của cơ quan Công an có thẩm quyền;
- b) Không phối hợp tham gia thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an theo yêu cầu của cơ quan Công an có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, phương tiện giao thông.

Điều 27. Vi phạm quy định về chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tự ý vào khu vực chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi không được phép của người có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không chấp hành mệnh lệnh hoặc quyết định huy động tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của người có thẩm quyền;
- b) Không tổ chức thực hiện khắc phục hậu quả vụ cháy trong điều kiện, khả năng cho phép.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi ngăn cản hoặc cản trở việc thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Lấn chiếm hoặc bố trí vật cản gây cản trở hoạt động của phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới;
- b) Cố ý báo cháy giả hoặc cố ý báo tình huống cứu nạn, cứu hộ giả;
- c) Không báo cháy hoặc báo tình huống cứu nạn, cứu hộ.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Cản trở lực lượng và phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- b) Lợi dụng việc tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ để xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì đường giao thông cho phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoạt động.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc duy trì đường giao thông cho phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoạt động đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Khai báo không đầy đủ thông tin của cơ sở vào Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định;
- b) Khai báo không đầy đủ thông tin của phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy vào Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý chuyên ngành khi lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không cập nhật thông tin khi cơ sở có thay đổi so với thông tin đã khai báo trước đó vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy;
- b) Không chi trả chi phí duy trì hoạt động của thiết bị truyền tin báo cháy để kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không khai báo thông tin của phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy vào Cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý

chuyên ngành khi lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy theo quy định.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không khai báo thông tin của cơ sở vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cố ý ngắt kết nối hoặc không khắc phục các hư hỏng dẫn đến làm mất khả năng kết nối của thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không trang bị, lắp đặt thiết bị truyền tin báo cháy;
- b) Không kết nối thiết bị truyền tin báo cháy với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy theo quy định.

Chương III **THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN** **VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

Điều 29. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này bao gồm:

1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 30, 31, 32, 33, 34, 35 và Điều 36 Nghị định này.

2. Công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan đăng kiểm được giao nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ quy định tại Nghị định này.

3. Thanh tra viên được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra chuyên ngành hoặc thanh tra theo đoàn thanh tra.

Điều 30. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy từ 06 tháng đến 12 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 31. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an của khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy từ 06 tháng đến 12 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy từ 06 tháng đến 12 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy từ 06 tháng đến 12 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 32. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này

có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Đoàn trưởng Đoàn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy từ 06 tháng đến 12 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 33. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm lâm

1. Trạm trưởng Trạm Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Hạt trưởng Hạt Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm vùng, Đội trưởng Đội Kiểm lâm đặc nhiệm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 34. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm ngư

1. Kiểm ngư viên đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư vùng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư vùng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 35. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát,

Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 36. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh Thanh tra Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Chánh Thanh tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy từ 06 tháng đến 12 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 37. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định từ Điều 6 đến Điều 28 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 30 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Người có thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 26 và Điều 28; tại các khoản 2, 3, 5, 6 và điểm b khoản 4 Điều 12; khoản 4 Điều 13; khoản 6 và khoản 7 Điều 14; khoản 5 và khoản 6 Điều 15; khoản 7 và khoản 8 Điều 25; tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 6 Điều 27 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 31 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 7, 14, 15, 16, 21; tại các điểm a, c khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 20 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 32 Nghị định này trong phạm vi, lĩnh vực mình quản lý và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Người có thẩm quyền xử phạt của Kiểm lâm có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6, 7, 10, 11, 20, 21, 22, 25 và Điều 27 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 33 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Người có thẩm quyền xử phạt của Kiểm ngư có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành

vi phạm hành chính quy định tại Điều 11, 16, 20, 21 và Điều 22 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 34 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

6. Người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 16 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 35 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

7. Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 6 đến Điều 28 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 36 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

8. Việc phối hợp giữa các cơ quan khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định tại Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, năng lượng nguyên tử

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 71 Điều 2 như sau:

“4. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 75 Điều 2 như sau:

“6. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng,

chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có quyền:”.

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bãi bỏ mục 3 của Chương II Nghị định số [144/2021/NĐ-CP](#) ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xảy ra và kết thúc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện nhưng chưa hết thời hiệu xử phạt hoặc đang xem xét, giải quyết khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý.

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng vẫn đang diễn ra khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này để xử lý.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định về xử phạt vi phạm hành chính tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt để giải quyết.

Điều 41. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

[daky]

Phạm Minh Chính

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2).

BỘ CÔNG AN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2025/TT-BCA

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cụ thể:

1. Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bao gồm:

a) Khoản 4 Điều 42 về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành, lực lượng dân phòng;

b) Khoản 3 Điều 43 về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân).

2. Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, bao gồm:

a) Khoản 7 Điều 9 về thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an;

b) Khoản 3 Điều 13 về thẩm quyền kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Công an;

c) Khoản 6 Điều 15 về thẩm quyền xây dựng, phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an;

d) Khoản 6 Điều 23 về thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

đ) Khoản 6 Điều 28 và khoản 2 Điều 30 về huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 2. Phụ lục

Ban hành kèm theo Thông tư này các phụ lục:

1. Phụ lục I: Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.

2. Phụ lục II: Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới.

3. Phụ lục III: Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy thông dụng, phương tiện cứu người, phương tiện, thiết bị phục vụ cứu nạn, cứu hộ, chất chữa cháy, phương tiện, thiết bị thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Phụ lục IV: Bảo quản, bảo dưỡng trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân phục vụ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

5. Phụ lục V: Bảo quản, bảo dưỡng thiết bị báo cháy độc lập, thiết bị thuộc hệ thống báo cháy, thiết bị thuộc hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn, thiết bị thuộc hệ thống chữa cháy, đèn, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn.

6. Phụ lục VI: Các biểu mẫu.

Chương II

TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ CHO LỰC LƯỢNG DÂN PHÒNG, LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ CƠ SỞ, LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ CHUYÊN NGÀNH

Điều 3. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng

1. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng theo danh mục, số lượng quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Căn cứ yêu cầu bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và khả năng bảo đảm ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể trang bị thêm số lượng, thêm loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương tiện, thiết bị cần thiết khác cho lực lượng dân phòng để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 4. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành

1. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành theo danh mục, số lượng quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Người đứng đầu cơ sở quyết định hoặc đề xuất người có thẩm quyền quyết định trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Căn cứ yêu cầu bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở, người đứng đầu cơ sở quyết định hoặc đề xuất người có thẩm quyền quyết định trang bị thêm số lượng, thêm loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương tiện, thiết bị cần thiết khác cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý để thực hiện nhiệm vụ.

3. Kinh phí bảo đảm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành quy định tại khoản 8 Điều 20 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Kinh phí bảo đảm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành thuộc cơ quan, tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước do ngân sách nhà nước bảo đảm và thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương III

QUẢN LÝ, BẢO QUẢN, BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 5. Địa điểm, nơi quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được quản lý, bảo quản tại nhà, kho, bến, âu thuyền, bến cảng hoặc địa điểm khác do người có thẩm quyền quyết định và phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

a) Nhà, kho để phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải có mái che, tường bao quanh, bảo đảm khô ráo, thoáng khí, sạch sẽ, bảo đảm an ninh, trật tự, có hệ thống thiết bị chiếu sáng, được trang bị phương tiện chữa cháy thông dụng;

b) Bến, âu thuyền, bến cảng để phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy.

2. Xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, máy bơm chữa cháy phải được để trong nhà, kho; tàu chữa cháy, xuồng, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải được neo đậu tại bến, bến cảng, địa điểm khác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy. Các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khác phải được để ở địa điểm, nơi đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này hoặc để trong các khoang chứa phương tiện của xe chữa

cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tàu chữa cháy, xuồng, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bảo đảm sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Các phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa sử dụng phải được bảo quản trong nhà, kho hoặc địa điểm, nơi quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với từng loại phương tiện.

Điều 6. Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều này và do người đứng đầu cơ sở quyết định về thời gian, địa điểm thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng phù hợp với từng loại phương tiện, hướng dẫn của nhà sản xuất (nếu có), bảo đảm phương tiện sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Đối với phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới, mặt nạ phòng độc cách ly được bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên hằng ngày hoặc trong và sau mỗi lần sử dụng.

2. Trường hợp phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định về việc bảo quản, bảo dưỡng thì thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó.

3. Nội dung bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định tại các Phụ lục II, III, IV và Phụ lục V kèm theo Thông tư này và theo hướng dẫn của nhà sản xuất (nếu có).

4. Kết thúc việc bảo quản, bảo dưỡng, người được phân công quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải ghi kết quả bảo quản, bảo dưỡng vào Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 01 Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ là tài liệu trong hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo quy định.

Điều 7. Thống kê, báo cáo công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Việc thống kê, báo cáo công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được lồng ghép trong Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo Mẫu số PC04 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, bảo đảm các nội dung sau:

1. Kết quả thực hiện việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng (số lượng, chất lượng, chủng loại, nội dung bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã trang bị).

2. Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền về việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (nếu có).

3. Đề xuất, kiến nghị giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 8. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, cá nhân trong quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở:

a) Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổ chức cho cán bộ, nhân viên, người lao động thuộc phạm vi quản lý học tập, biết sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trang bị;

c) Phân công, xác định cụ thể trách nhiệm của người được phân công quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

đ) Bảo đảm kinh phí phục vụ công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi quản lý.

2. Chủ hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tự bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã trang bị để bảo đảm sử dụng được phương tiện khi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố.

Chương IV

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ QUẢN LÝ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ CỦA CƠ QUAN CÔNG AN

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an

1. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Công trình thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp

luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

b) Công trình thuộc dự án có công trình cấp đặc biệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Công trình trụ sở, nhà làm việc của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, công trình thuộc dự án có công trình cấp I khi có đề nghị của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình;

d) Công trình xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

đ) Công trình dân dụng có chiều cao phòng cháy và chữa cháy trên 150 m;

e) Công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp thuộc danh mục theo quy định của pháp luật về xây dựng;

g) Công trình sử dụng công nghệ, thiết bị, hệ thống phòng cháy và chữa cháy mà Việt Nam chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình, phương tiện giao thông, cụ thể:

a) Công trình quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP trên địa bàn quản lý, trừ các công trình quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Phương tiện giao thông quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, có đăng ký kinh doanh hoặc sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải trên địa bàn quản lý;

c) Công trình trên địa bàn quản lý đã được Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy mà trong quá trình sử dụng thay đổi công năng hoặc cải tạo làm thay đổi điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Thẩm quyền quản lý, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Công an

Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh quản lý về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở, công trình, phương tiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ quy định tại Mục 1 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Thẩm quyền xây dựng, phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an

Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Sau khi phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an được phê duyệt, đơn vị trực tiếp xây dựng phương án có trách nhiệm xây dựng Phiếu chiến thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 02 Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chủ trì, phối hợp với trường Đại học Phòng cháy chữa cháy và đơn vị liên quan xây dựng khung chương trình, biên soạn tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phát hành đến Công an các đơn vị, địa phương.

2. Thẩm quyền huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Cơ sở đào tạo về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ: huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cho đối tượng quy định tại điểm b khoản này khi có đề nghị; bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP khi có đề nghị;

b) Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho đối tượng quy định tại các điểm c, d, đ, e, g và điểm i khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa

cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc cơ quan Đảng, nhà nước ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty khi có đề nghị, trừ người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP do cơ sở đào tạo về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ huấn luyện và thành viên Đội dân phòng;

c) Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh: huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi có đề nghị, trừ người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP do cơ sở đào tạo về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ huấn luyện; bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi có đề nghị.

Trường hợp khi có đề nghị tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho cá nhân là đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, thành viên Đội dân phòng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã thì Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã để tổ chức thực hiện.

3. Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đăng ký với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định tại điểm a hoặc điểm c khoản 2 Điều này để tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều này để tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

c) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm: bố trí địa điểm, nơi tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng để thuận tiện về thời

gian, đi lại cho đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng; thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, kiểm tra và có văn bản thông báo kết quả huấn luyện, bồi dưỡng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đăng ký, có tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Các Thông tư sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này:
 - a) Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
 - b) Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 55/2024/TT-BCA ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2020/TT-BCA ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân; Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành; Thông tư số 82/2021/TT-BCA ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Thông tư số 06/2022/TT-BCA ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân;
 - c) Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và

chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

d) Thông tư số 32/2024/TT-BCA ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

3. Tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 149/2020/TT-BCA và việc quản lý, sử dụng, in, phát hành tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 32/2024/TT-BCA được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quy chế về quản lý, sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý với các nội dung: nguyên tắc quản lý, sử dụng phương tiện; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, thành viên Đội dân phòng trong việc trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện; điều kiện, trách nhiệm của người được phân công quản lý kho, nơi bảo quản phương tiện; các nội dung khác có liên quan.

3. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Đề nghị Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Công an trong việc quản lý, kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện

phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan, tổ chức do bộ, ngành, địa phương mình quản lý.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C07.

BỘ TRƯỞNG

(đã ký)

Đại tướng Lương Tam Quang

BỘ CÔNG AN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2025/TT-BCA

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

THÔNG TƯ**Quy định về nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy,
cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;**Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11
năm 2024;**Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Công an;**Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy,
chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu
nạn, cứu hộ;**Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định nhiệm vụ công tác
phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ về nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân, bao gồm:

1. Khoản 7 Điều 25 về công tác trực sẵn sàng chữa cháy, tổ chức chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

2. Khoản 6 Điều 33 về công tác trực sẵn sàng cứu nạn, cứu hộ, tổ chức cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

3. Khoản 6 Điều 41 về hướng dẫn xây dựng lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; hướng dẫn thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; hướng dẫn quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Khoản 4 Điều 45 về huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác trong Công an nhân dân.

5. Điểm b khoản 2 Điều 47 về chế độ bồi dưỡng khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ; khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Công an các đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Phụ lục

Ban hành kèm theo Thông tư này các phụ lục:

1. Phụ lục I: Hồ sơ trình ký về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
2. Phụ lục II: Biểu mẫu sử dụng trong thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân.

Chương II

CÔNG TÁC TRỰC SẴN SÀNG CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ VÀ TỔ CHỨC CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 4. Trực chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phân công 01 lãnh đạo phòng, 01 cán bộ thuộc Phòng Công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trực tại Trung tâm Thông tin chỉ huy của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Phòng Cảnh sát phòng cháy,

chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) phân công 01 lãnh đạo Phòng, 01 chỉ huy Đội Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trực tại trụ sở đơn vị.

3. Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông phân công 01 chỉ huy cấp đội trực tại trụ sở đơn vị.

Điều 5. Trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ

1. Trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ 24/24 giờ và được chia thành các ca trực. Giám đốc Công an cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế về lực lượng quyết định chia ca trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ bảo đảm nguyên tắc mỗi ca trực tại bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ phải bố trí tối thiểu 02 cán bộ, chiến sĩ.

2. Bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ bố trí tại:

- a) Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh (nếu có);
- b) Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- c) Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông;
- d) Địa điểm khác do cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ được tiếp nhận: qua Hệ thống tổng đài tiếp nhận cuộc gọi từ số điện thoại 113, 114, 115; số điện thoại của các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy; ứng dụng báo cháy; người dân báo trực tiếp; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Nội dung thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ cần tiếp nhận:

- a) Họ, tên, số điện thoại hoặc địa chỉ của người báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ;
- b) Địa chỉ, thời gian phát hiện cháy, tai nạn, sự cố;
- c) Loại hình xảy ra cháy, tai nạn, sự cố; quy mô đám cháy, tai nạn, sự cố; số lượng, tình trạng người bị mắc kẹt trong đám cháy, tai nạn, sự cố; nguy cơ cháy lan và các thông tin khác liên quan đến đám cháy, tai nạn, sự cố.

5. Trường hợp thông tin về vụ cháy, tai nạn, sự cố không thuộc phạm vi địa bàn được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, cán bộ, chiến sĩ trực tại bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ:

a) Báo ngay cho đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ địa bàn đó;

b) Báo cáo chỉ huy đơn vị để huy động lực lượng, phương tiện đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nếu khoảng cách từ nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố đến đơn vị mình gần hơn đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc sẵn sàng tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu chi viện, hỗ trợ.

6. Trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ:

a) Quản lý và sử dụng thành thạo các thiết bị thông tin liên lạc, hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy;

b) Tiếp nhận, ghi chép đầy đủ thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ vào Sổ tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 08 Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

7. Cán bộ, chiến sĩ trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ khi tiếp nhận thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 6. Tiếp nhận, xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ

1. Cán bộ, chiến sĩ trực tại Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh khi tiếp nhận thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ thực hiện như sau:

a) Trường hợp tại Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh đã được trang bị hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy, ứng dụng báo cháy:

Khi tiếp nhận qua hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy, ứng dụng báo cháy: thao tác trên hệ thống để huy động ngay đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gần nhất đi làm nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thông báo cho Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp xã nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố và các đơn vị nghiệp vụ có liên quan để tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm an ninh, trật tự, điều tiết giao thông, bảo vệ hiện trường, điều tra nguyên nhân vụ cháy, cơ quan y tế để cấp cứu người bị nạn (nếu có), cơ quan điện lực để cắt điện nơi xảy ra cháy, đơn vị cấp nước để phục vụ chữa cháy, cơ quan, đơn vị khác tham gia, hỗ trợ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

Khi tiếp nhận qua Hệ thống tổng đài tiếp nhận cuộc gọi từ số điện thoại 113, 114, 115: thao tác trên hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy để xác định địa điểm nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố và thực hiện các nội dung nêu trên;

b) Trường hợp tại Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh chưa được trang bị hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy, việc tiếp nhận thông tin báo cháy qua Hệ thống tổng đài tiếp nhận cuộc gọi từ số điện thoại 113, 114, 115:

Xác định rõ địa chỉ, địa điểm nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố, báo cáo trực chỉ huy đơn vị, huy động đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gần nhất đi làm nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo mệnh lệnh của người chỉ huy; thông báo cho Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp xã nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố và các đơn vị nghiệp vụ có liên quan để tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm an ninh, trật tự, điều tiết giao thông, bảo vệ hiện trường, điều tra nguyên nhân vụ cháy, cơ quan y tế để cấp cứu người bị nạn (nếu có), cơ quan điện lực để cắt điện nơi xảy ra cháy, đơn vị cấp nước để phục vụ chữa cháy và cơ quan, đơn vị khác tham gia, hỗ trợ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

2. Cán bộ, chiến sĩ trực tại Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi tiếp nhận thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ thực hiện như sau:

a) Trường hợp tiếp nhận thông tin từ Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh: báo cáo chỉ huy ca trực; theo dõi, nắm tình hình, nhận và truyền đạt lệnh huy động lực lượng, phương tiện đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của chỉ huy ca trực khi có yêu cầu;

b) Trường hợp tiếp nhận thông tin qua hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy, ứng dụng báo cháy (nếu Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh chưa được trang bị hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy): báo cáo trực chỉ huy đơn vị, nhận và truyền đạt lệnh huy động lực lượng, phương tiện đi làm nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; thông báo cho Công an cấp xã nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố và các đơn vị nghiệp vụ có liên quan để tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm an ninh, trật tự, điều tiết giao thông, bảo vệ hiện trường, điều tra nguyên nhân vụ cháy, cơ quan y tế để cấp cứu người bị nạn (nếu

có), cơ quan điện lực để cắt điện nơi xảy ra cháy, đơn vị cấp nước để phục vụ chữa cháy, cơ quan, đơn vị khác tham gia, hỗ trợ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo yêu cầu của người có thẩm quyền;

c) Tiếp nhận thông tin qua số điện thoại 114 hoặc qua số điện thoại từ Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông:

Trường hợp có hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy: thao tác trên hệ thống để xác định địa điểm nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố và thực hiện các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Trường hợp chưa có hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy: báo cáo chỉ huy ca trực; theo dõi, nắm tình hình, nhận và truyền đạt lệnh huy động lực lượng, phương tiện đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của chỉ huy đơn vị khi có yêu cầu;

d) Tiếp nhận thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ do người dân trực tiếp đến báo:

Trường hợp có hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy: thao tác trên hệ thống để xác định địa điểm nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố và thực hiện các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Trường hợp chưa có hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy: báo cáo chỉ huy ca trực; theo dõi, nắm tình hình, nhận và truyền đạt lệnh huy động lực lượng, phương tiện đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của chỉ huy đơn vị khi có yêu cầu;

đ) Chuyển phiếu chiến thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đi thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (khi đơn vị thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được bố trí cùng địa điểm với bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ).

3. Cán bộ, chiến sĩ trực tại Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông khi tiếp nhận thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ, thực hiện như sau:

a) Tiếp nhận qua số điện thoại của đơn vị hoặc người dân trực tiếp đến báo:

Trường hợp có hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy: thao tác trên hệ thống để xác định địa điểm nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố; nhanh chóng báo cáo chỉ huy đơn vị, đồng thời phát lệnh

báo động lực lượng, phương tiện của đơn vị đi làm nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; báo cáo về Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Trường hợp chưa có hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy: nhanh chóng báo cáo chỉ huy đơn vị, đồng thời phát lệnh báo động lực lượng, phương tiện của đơn vị đi làm nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; báo cáo về Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Tiếp nhận qua hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy, ứng dụng báo cháy: phát lệnh báo động lực lượng, phương tiện của đơn vị đi làm nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, đồng thời báo cáo về Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Chuyển phiếu chiến thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đi thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Cán bộ, chiến sĩ trực tiếp nhận thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này có trách nhiệm duy trì việc tiếp nhận, xử lý thông tin và giữ liên lạc thường xuyên với chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại hiện trường; tổng hợp tình hình, báo cáo theo quy định.

Điều 7. Trục sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được trang bị phải bố trí trục sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Đối với phương tiện bảo quản trong kho thì phải có kế hoạch sẵn sàng sử dụng khi có lệnh huy động.

Phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được bố trí trục sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm hoạt động bình thường, sắp xếp gọn gàng, bảo đảm an toàn, thuận lợi để kịp thời triển khai đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; các thiết bị bố trí theo phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải đủ cơ số và sắp xếp đúng vị trí theo thiết kế của nhà sản xuất.

2. Cán bộ, chiến sĩ trục sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bố trí tối thiểu 02 tổ trực tương ứng với đội hình chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ bản để vận hành, sử dụng các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đưa vào trực, cụ thể:

a) Xe chữa cháy bố trí 01 tổ trực gồm 06 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có 01 chỉ huy, 01 cán bộ, chiến sĩ điều khiển, vận hành phương tiện;

b) Ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bố trí 01 tổ trực gồm 07 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có 01 chỉ huy, 01 cán bộ, chiến sĩ điều khiển, vận hành phương tiện;

c) Xuồng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bố trí 01 tổ trực gồm 04 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có 01 chỉ huy, 01 cán bộ, chiến sĩ điều khiển, vận hành phương tiện;

d) Tàu chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, căn cứ tính năng, tác dụng của phương tiện và thiết kế của nhà sản xuất để bố trí 01 tổ trực gồm 01 chỉ huy, 01 cán bộ, chiến sĩ điều khiển, vận hành phương tiện và số lượng cán bộ, chiến sĩ phù hợp.

3. Trách nhiệm của người trực chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Nắm vững nhiệm vụ, quyền hạn của người chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật, các nguyên tắc, phương pháp, biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án, kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, quân số trực, khả năng thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ, số lượng, chủng loại, tính năng, tác dụng của các loại phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

b) Tổ chức giao, nhận ca trực và kiểm tra trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng, phương tiện trong ca trực;

c) Tổ chức các hoạt động khác của đơn vị theo chương trình, kế hoạch công tác.

4. Trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Phải thường xuyên có mặt tại trụ sở đơn vị, sử dụng trang phục thống nhất trong giờ làm việc hành chính; khi có lệnh báo động phải nhanh chóng mặc đầy đủ trang phục chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và thiết bị bảo hộ cá nhân, lên phương tiện trực, ngồi đúng vị trí được phân công và nổ máy sẵn sàng xuất phát, chờ lệnh của người chỉ huy.

Thời gian cán bộ, chiến sĩ lên phương tiện và nổ máy sẵn sàng xuất phát kể từ khi có lệnh báo động: đối với xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ không quá 90 giây; đối với tàu chữa cháy, xuồng, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (trừ tàu chữa cháy trên biển) không quá 180 giây;

b) Nắm vững nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong ca trực; thuần thục các kỹ thuật cá nhân, đội hình chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; sử dụng thành thạo phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được giao quản lý trong ca trực; cán bộ, chiến sĩ điều khiển phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về giao thông và bảo đảm an toàn cho cán bộ, chiến sĩ trên đường đi làm nhiệm vụ;

c) Kiểm tra tình trạng hoạt động và bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hằng ngày, trước, trong và sau mỗi lần sử dụng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được giao quản lý, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng.

Trường hợp phát hiện phương tiện không sử dụng được hoặc cần bổ sung, thay thế phải báo cáo ngay chỉ huy ca trực để khắc phục kịp thời hoặc đề xuất ngay người có thẩm quyền khắc phục kịp thời;

d) Trong thời gian tham gia các hoạt động huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm sẵn sàng đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có lệnh;

đ) Tham gia giao, nhận ca trực đầy đủ theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ khác được chỉ huy, cấp trên giao.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế về lực lượng, phương tiện, quyết định chia ca trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo nguyên tắc sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật trực 01 ngày thì được nghỉ 01 ngày tiếp theo.

Điều 8. Tổ chức các hoạt động trong ca trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Thời gian của ca trực tính từ thời điểm bắt đầu làm việc của ngày hôm trước đến thời điểm bắt đầu làm việc của ngày hôm sau. Việc bàn giao ca trực được thực hiện khi kết thúc ca trực hằng ngày, cụ thể như sau:

a) Chỉ huy ca trực trước tập hợp, kiểm tra quân số, báo cáo, nhận xét tình hình, kết quả các mặt công tác trong ca trực; bàn giao ca trực cho chỉ huy ca trực sau;

b) Chỉ huy ca trực sau tiếp nhận ca trực, phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, chiến sĩ trong ca trực;

c) Cán bộ, chiến sĩ trong ca trực kiểm tra số lượng, vị trí và tình trạng hoạt động của các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trực theo nhiệm vụ được chỉ huy ca trực giao;

d) Việc bàn giao giữa hai ca trực phải ghi vào Sổ giao, nhận ca trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Thông tư này;

đ) Trong thời gian đang bàn giao ca trực mà nhận được tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ: ca trực trước thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, việc trực tại đơn vị do ca trực sau đảm nhiệm. Sau khi kết thúc nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thì tiếp tục tổ chức bàn giao ca trực theo quy định tại các điểm a, b, c và điểm d khoản này.

2. Trong thời gian trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải tổ chức huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc họp rút kinh nghiệm vụ cháy, vụ cứu nạn, cứu hộ hoặc thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ cho cán bộ, chiến sĩ theo chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trường hợp tổ chức huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ ở bên ngoài đơn vị thì phải duy trì thông tin liên lạc thông suốt với bộ phận trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ của đơn vị để kịp thời huy động lực lượng, phương tiện đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Sau khi huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, thực tập phương án phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ hoặc sau khi đi làm nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ về đến đơn vị, chỉ huy đơn vị phải tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung nhiên liệu, nước, chất chữa cháy bảo đảm phương tiện luôn ở trạng thái trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

Điều 9. Huy động lực lượng, phương tiện đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Sau khi nhận được thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ, chỉ huy ca trực phải đánh giá tình huống cháy, tai nạn, sự cố và ra lệnh huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm xử lý tình huống một cách nhanh chóng, kịp thời; trường hợp huy động xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ chữa cháy thì không được ít hơn 02 xe.

Trường hợp xét thấy cần phải huy động lực lượng, phương tiện của các cơ quan, tổ chức và đơn vị khác tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thì chỉ huy ca trực phải báo cáo cấp có thẩm quyền để thực hiện theo quy định.

2. Khi đang trên đường đến nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố, chỉ huy ca trực đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm:

a) Thường xuyên giữ liên lạc để cập nhật thông tin, tình hình diễn biến của đám cháy, tai nạn, sự cố từ bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ của đơn vị mình, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh (nếu có);

b) Kịp thời báo cáo chỉ huy cấp trên trực tiếp khi gặp khó khăn; đồng thời, tìm cách khắc phục khó khăn để đưa lực lượng, phương tiện đến nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố bảo đảm an toàn và nhanh nhất;

c) Khi gặp đám cháy hoặc tai nạn, sự cố khác thì chỉ huy đơn vị đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ căn cứ tính chất, mức độ vụ việc có quyền quyết định để lại một phần lực lượng, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nhưng phải báo cáo chỉ huy cấp trên trực tiếp hoặc thông báo cho bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ của đơn vị biết để huy động bổ sung lực lượng, phương tiện đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Khi nhận được thông tin đám cháy đã được dập tắt hoặc tai nạn, sự cố đã được xử lý, khắc phục xong từ cán bộ, chiến sĩ trực tại bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ của đơn vị, chỉ huy đơn vị đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải báo cáo chỉ huy cấp trên trực tiếp biết và tiếp tục cử một phần lực lượng, phương tiện phù hợp đến hiện trường để nắm thông tin vụ việc theo quy định.

Điều 10. Trình sát đám cháy, tai nạn, sự cố

1. Khi đến nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố, nếu diễn biến của đám cháy, tai nạn, sự cố không phức tạp, người chỉ huy có thể trực tiếp quan sát để quyết định các biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp. Trường hợp xét thấy đám cháy, tai nạn, sự cố có diễn biến phức tạp thì người chỉ huy phải thành lập tổ trình sát có tối thiểu từ 03 cán bộ, chiến sĩ trở lên để tổ chức trình sát đám cháy, tai nạn, sự cố. Khi cần phải tiến hành trình sát nhiều hướng, nhiều khu vực khác nhau, người chỉ huy cần thành lập nhiều tổ trình sát để nắm tình hình. Trường hợp cần thiết, người chỉ huy có thể yêu cầu người am hiểu tình hình khu vực xảy ra cháy, tai nạn, sự cố tham gia giúp tổ trình sát thực hiện nhiệm vụ.

2. Nhiệm vụ của tổ trình sát:

a) Tại đám cháy cần xác định: số lượng, vị trí, tình trạng của người bị nạn; biện pháp và khả năng cứu người bị nạn; các yếu tố nguy hiểm từ đám cháy có thể đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người bị nạn cũng như lực lượng tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; các chất cháy chủ yếu, nguy cơ cháy lan và khả năng phát triển của đám cháy; vị trí, khu vực cần triển khai lực lượng, phương tiện để cứu người, cứu tài sản, ngăn chặn cháy lan; khả năng sử dụng phương tiện chữa cháy hiện có của cơ sở và các nguồn nước trong, ngoài cơ sở có thể phục vụ

chữa cháy; những dấu vết, vật chứng liên quan đến đám cháy (nếu có) để phục vụ việc xác định nguyên nhân xảy ra cháy;

b) Tại hiện trường tai nạn, sự cố cần xác định: số lượng, vị trí, tình trạng của người bị nạn, phương tiện, tài sản đang bị đe dọa bởi các yếu tố nguy hiểm; đường vào, ra nơi xảy ra tai nạn, sự cố; các yếu tố nguy hiểm có thể đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người bị nạn, của lực lượng cứu nạn, cứu hộ; vị trí thích hợp để bố trí các phương tiện, thiết bị cứu nạn, cứu hộ; các biện pháp cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; những dấu vết, vật chứng liên quan đến tai nạn, sự cố (nếu có) để phục vụ việc xác định nguyên nhân xảy ra tai nạn, sự cố.

3. Căn cứ vào tình hình, diễn biến của đám cháy, tai nạn, sự cố và lực lượng, phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hiện có, người chỉ huy có thể quyết định đồng thời việc tổ chức trinh sát và triển khai lực lượng, phương tiện để cứu người, cứu tài sản, khống chế và dập tắt đám cháy.

4. Việc tổ chức trinh sát đám cháy, hiện trường tai nạn, sự cố phải thực hiện thường xuyên, liên tục từ khi đến nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố cho đến khi kết thúc nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

5. Cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ trinh sát đám cháy, hiện trường tai nạn, sự cố có trách nhiệm nắm vững và thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này; phải mang theo thiết bị bảo hộ cá nhân và các phương tiện, thiết bị chuyên dùng; kịp thời triển khai các biện pháp khẩn cấp cứu người, cứu tài sản, khống chế và dập tắt các điểm cháy nếu điều kiện cho phép; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong suốt quá trình trinh sát cho người chỉ huy.

Điều 11. Triển khai chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Triển khai chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại đám cháy:

a) Căn cứ tình hình, diễn biến của đám cháy, kết quả trinh sát, người chỉ huy tổ chức triển khai lực lượng, phương tiện vào các vị trí đã xác định để cứu người bị nạn, quyết định việc di chuyển, phá dỡ chướng ngại vật, tài sản trong phạm vi cứu nạn, cứu hộ để cứu người, cứu tài sản; áp dụng các biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy để ngăn nguy cơ cháy lan, khống chế, dập tắt đám cháy;

b) Việc bố trí, triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm: phát huy cao nhất khả năng, tác dụng của các phương tiện; tập trung nhanh chóng vào hướng tấn công chính và những nơi cần thiết khác; có khả

năng cơ động để không bị ngọn lửa bao vây và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khác.

2. Triển khai cứu nạn, cứu hộ tại nơi xảy ra tai nạn, sự cố:

a) Căn cứ tình hình thực tế, kết quả trinh sát hiện trường, người chỉ huy phải nhanh chóng triển khai đội hình, bố trí phương tiện, thiết bị cứu nạn, cứu hộ phù hợp vào vị trí đã được xác định, quyết định phương pháp, biện pháp để nhanh chóng đưa người, phương tiện bị nạn ra khỏi nơi nguy hiểm;

b) Tùy theo tình hình, diễn biến, đặc điểm hiện trường tai nạn, sự cố, khả năng hoạt động của phương tiện, thiết bị cứu nạn, cứu hộ, người chỉ huy quyết định việc áp dụng biện pháp, kỹ thuật cứu nạn, cứu hộ, việc di chuyển, phá dỡ chướng ngại vật, tài sản (nếu có) để cứu nạn, cứu hộ.

3. Cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm: triển khai các phương tiện, dụng cụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ vào vị trí theo mệnh lệnh của người chỉ huy; thực hiện các biện pháp cứu người, cứu tài sản, ngăn cháy lan, khống chế và dập tắt đám cháy; tuyệt đối tuân thủ các biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Khi đang tổ chức triển khai chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ mà người được phân công chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có chức vụ cao hơn có mặt thì việc giao quyền, ủy quyền chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được thực hiện như sau:

a) Người chỉ huy đang thực hiện nhiệm vụ phải báo cáo tình hình, diễn biến của đám cháy, tai nạn, sự cố, kết quả triển khai và chuyển giao quyền chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho người được phân công chỉ huy có chức vụ cao hơn hoặc nhận ủy quyền tiếp tục chỉ huy;

b) Người chỉ huy có chức vụ cao hơn có thể ủy quyền cho người chỉ huy đang thực hiện nhiệm vụ tiếp tục thực hiện công tác chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về kết quả chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Trong trường hợp phải rời khỏi nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố để thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, người chỉ huy đang thực hiện nhiệm vụ phải giao quyền thực hiện nhiệm vụ chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho người có thẩm quyền phù hợp và phải thông báo cho bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin của đơn vị.

Điều 12. Kết thúc chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Sau khi đám cháy đã được dập tắt hoặc tai nạn, sự cố đã được xử lý, người chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra lại hiện trường vụ cháy, tai nạn, sự cố trước khi quyết định kết thúc hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

b) Báo cáo ngay tình hình, kết quả tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho chỉ huy cấp trên trực tiếp quản lý;

c) Tổ chức bàn giao người bị nạn, tài sản cứu được (nếu có);

d) Phân công cán bộ, chiến sĩ tham gia phối hợp bảo vệ, khám nghiệm hiện trường và điều tra nguyên nhân vụ cháy, tai nạn, sự cố theo quy định;

đ) Quyết định kết thúc hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tổ chức kiểm tra quân số, thu hồi phương tiện trở về đơn vị trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Khi về đến đơn vị, chỉ huy đơn vị đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm tổ chức bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bố trí trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

3. Tổ chức rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

Điều 13. Tổ chức rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố

1. Tổ chức họp rút kinh nghiệm đối với vụ cháy cấp I được thực hiện chậm nhất sau 03 ngày từ ngày kết thúc hoạt động chữa cháy. Việc rút kinh nghiệm được chỉ huy chữa cháy thực hiện trong cuộc họp giao ban hằng ngày của đơn vị và có thể kết hợp rút kinh nghiệm nhiều vụ cháy cấp I khác nhau trong một lần họp nhưng phải bảo đảm đầy đủ nội dung đối với từng vụ việc.

2. Tổ chức họp rút kinh nghiệm theo chuyên đề riêng đối với vụ tai nạn, sự cố phức tạp, có người bị nạn, có huy động lực lượng, phương tiện của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị, vụ cháy cấp II, III, IV, V được thực hiện chậm nhất sau 12 ngày từ ngày kết thúc hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại trụ sở đơn vị hoặc địa điểm do người chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc người chỉ huy cấp trên trực tiếp quản lý quyết định, cụ thể như sau:

a) Lãnh đạo Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm: vụ cháy cấp IV, V; vụ cháy, vụ tai nạn, sự cố có huy động từ 03 đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tham gia trở lên;

b) Chỉ huy Đội Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ), Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông chủ trì họp rút

kinh nghiệm vụ cháy cấp II, III, vụ tai nạn, sự cố trên địa bàn được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Việc tổ chức họp rút kinh nghiệm theo chuyên đề riêng thực hiện như sau:

a) Trong thời gian 03 ngày làm việc từ ngày kết thúc hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, người chủ trì họp rút kinh nghiệm quy định tại khoản 2 Điều này phải tổ chức xây dựng kế hoạch và thông báo cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan về thời gian, địa điểm họp rút kinh nghiệm;

b) Nội dung rút kinh nghiệm vụ cháy, tai nạn, sự cố gồm: đánh giá kết quả thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chủ hộ gia đình, chủ phương tiện giao thông, cá nhân trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với địa bàn, cơ sở xảy ra cháy, tai nạn, sự cố; trách nhiệm chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân được huy động tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; việc triển khai các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Chậm nhất sau 03 ngày làm việc từ khi kết thúc cuộc họp, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đánh giá, chấm điểm kết quả công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và báo cáo kết quả rút kinh nghiệm toàn diện vụ cháy, vụ tai nạn, sự cố theo Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Thông tư này về Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Việc tổ chức rút kinh nghiệm vụ cháy, vụ tai nạn, sự cố phải được ghi vào Sổ theo dõi công tác rút kinh nghiệm vụ cháy, Sổ theo dõi công tác rút kinh nghiệm vụ tai nạn, sự cố theo Mẫu số 11, Mẫu số 12 Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ trực tiếp nhận và xử lý thông tin, trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Nơi trực tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

a) Phương tiện, thiết bị thông tin liên lạc phục vụ tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm hoạt động thông suốt, liên tục;

b) Hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy được kết nối đến các cơ sở thuộc diện quản lý theo quy định

(nếu có); máy in; máy tính để tra cứu những thông tin cần thiết liên quan đến cơ sở, khu vực xảy ra cháy, tai nạn, sự cố và các cơ quan, tổ chức, cơ sở có lực lượng, phương tiện có thể huy động tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Có danh bạ điện thoại của lãnh đạo, chỉ huy các cấp và các đơn vị có liên quan cần liên hệ phục vụ công tác thông tin chỉ huy, huy động các lực lượng tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Có Sổ tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 08 Phụ lục II kèm theo Thông tư này;

đ) Có thiết bị hoặc dụng cụ phát tín hiệu báo động đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

e) Có nơi để các trang thiết bị phục vụ công tác chỉ huy, phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an, phiếu chiến thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

g) Có thiết bị chiếu sáng dự phòng và phương tiện, thiết bị khác phục vụ công tác tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ.

2. Địa điểm, nơi nghỉ của cán bộ, chiến sĩ trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải được bố trí ở vị trí dễ nhận tín hiệu báo động, có phòng sinh hoạt chung, tủ để treo quần áo chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chuyên dùng, thiết bị giặt và sấy khô phù hợp đối với quần áo chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; việc bố trí phải bảo đảm cho cán bộ, chiến sĩ lên phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nhanh chóng, an toàn.

3. Nhà, kho, bến, bến cảng để phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm thuận lợi cho cán bộ, chiến sĩ tiếp cận, lên phương tiện đi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 15. Bảo đảm điều kiện phục vụ tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Bảo đảm thông tin liên lạc trong chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ huy, điều hành các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại hiện trường phải bảo đảm thông suốt đến các đơn vị, bộ phận, khu vực sau: các đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; các đơn vị tham gia hỗ trợ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố; các khu vực chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an cấp tỉnh (nếu có); bộ phận tiếp nhận và xử lý thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ của Phòng Cảnh sát phòng

cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông;

b) Cán bộ, chiến sĩ được phân công làm nhiệm vụ thông tin liên lạc có trách nhiệm truyền đạt chính xác, kịp thời mệnh lệnh từ người chỉ huy đến chỉ huy các đơn vị tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tổng hợp, theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị cho người chỉ huy.

2. Bảo đảm hậu cần, y tế phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Hậu cần phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ gồm: nhiên liệu, vật tư, chất chữa cháy, phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trang phục, thiết bị bảo hộ cá nhân, nhu yếu phẩm cần thiết cho cán bộ, chiến sĩ trong suốt quá trình chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

b) Y tế phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ gồm: thuốc và các vật tư y tế cần thiết; các điều kiện phục vụ sơ, cấp cứu người bị nạn, chăm sóc sức khỏe cán bộ, chiến sĩ trong quá trình tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Bảo đảm an ninh, trật tự tại nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố:

a) Công an cấp xã nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố có trách nhiệm: tham gia bảo đảm an ninh, trật tự, điều tiết giao thông xung quanh khu vực xảy ra cháy, tai nạn, sự cố; bảo vệ hiện trường vụ cháy, tai nạn, sự cố ngay sau khi các hoạt động chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ kết thúc;

b) Các đơn vị Công an khác có trách nhiệm tham gia bảo đảm an ninh, trật tự, điều tiết giao thông xung quanh khu vực nơi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố và tham gia hỗ trợ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu.

Điều 16. Kiểm tra trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Việc kiểm tra trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được thực hiện thường xuyên, định kỳ, đột xuất như sau:

a) Kiểm tra thường xuyên đối với quân số, phương tiện thường trực được thực hiện hằng ngày trong ca trực;

b) Kiểm tra định kỳ theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều này. Khi tiến hành kiểm tra định kỳ phải thông báo trước 03 ngày làm việc cho đơn vị được kiểm tra về thời gian, nội dung, thành phần đoàn kiểm tra;

c) Kiểm tra đột xuất có thể kiểm tra toàn bộ hoặc một số nội dung quy định tại khoản 3 Điều này. Việc kiểm tra đột xuất không cần phải thông báo trước.

2. Thẩm quyền kiểm tra công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tổ chức kiểm tra đột xuất công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi cả nước khi cần thiết;

b) Công an cấp tỉnh tổ chức kiểm tra đột xuất công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý khi cần thiết;

c) Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tổ chức kiểm tra định kỳ công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ 03 tháng một lần; tổ chức kiểm tra đột xuất công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý khi cần thiết;

d) Đội Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ), Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực, Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông tổ chức kiểm tra thường xuyên công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi quản lý;

đ) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền kiểm tra quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này khi kiểm tra định kỳ, đột xuất phải ban hành và công bố quyết định về việc kiểm tra công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

3. Nội dung kiểm tra công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Kiểm tra thời gian cán bộ, chiến sĩ lên phương tiện và nổ máy sẵn sàng xuất phát kể từ khi có lệnh báo động theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 Thông tư này;

b) Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ theo quy định tại điểm b khoản 3 và điểm a, điểm b khoản 4 Điều 7 Thông tư này; triển khai đội hình chữa cháy, đội hình cứu nạn, cứu hộ theo tình huống giả định;

c) Kiểm tra số lượng, tình trạng hoạt động của các phương tiện trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; mức nhiên liệu, mức nước và lượng chất chữa cháy của các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới; việc thực hiện quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 31 Thông tư này;

d) Kiểm tra các điều kiện bảo đảm phục vụ công tác trực tiếp nhận và xử lý thông tin, trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

4. Đơn vị được kiểm tra phải chuẩn bị đầy đủ nội dung theo yêu cầu kiểm tra và bố trí người có thẩm quyền, trách nhiệm để làm việc với đoàn kiểm tra.

5. Việc đánh giá, thông báo kết quả kiểm tra được thực hiện như sau:

a) Sau khi kết thúc kiểm tra định kỳ, đột xuất, đoàn kiểm tra thực hiện: tổ chức họp đánh giá ưu, khuyết điểm, rút kinh nghiệm công tác tổ chức trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của đơn vị được kiểm tra; lập biên bản kiểm tra công tác trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Thông tư này; thông báo kết quả kiểm tra đến đơn vị được kiểm tra, các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện và báo cáo cấp trên quản lý trực tiếp. Đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm lưu biên bản kiểm tra theo quy định;

b) Sau khi kết thúc kiểm tra thường xuyên, chỉ huy ca trực ghi nội dung, kết quả kiểm tra vào Sổ giao, nhận ca trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Thông tư này và báo cáo trực chỉ huy cấp trên.

Chương III

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN; HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 17. Xây dựng lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân

1. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu cho lãnh đạo Bộ Công an về xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong mọi tình huống.

2. Yêu cầu nghiệp vụ đối với cán bộ được phân công thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, cán bộ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Đội trưởng, Phó Đội trưởng, cán bộ thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công phụ trách, thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra

công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy phải có trình độ đại học trở lên ngành phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; có thời gian thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân tối thiểu 03 năm; có kết quả kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đạt yêu cầu còn giá trị sử dụng.

3. Yêu cầu nghiệp vụ đối với cán bộ được phân công thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy:

a) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, cán bộ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công phụ trách, thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy phải có trình độ đại học trở lên ngành phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; có thời gian thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân tối thiểu 03 năm; có kết quả kiểm tra nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đạt yêu cầu còn giá trị sử dụng;

b) Đội trưởng, Phó Đội trưởng, cán bộ thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công phụ trách, thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy phải có trình độ trung cấp trở lên ngành phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc trình độ đại học trở lên nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật và đã qua bồi dưỡng pháp luật, nghiệp vụ Công an nhân dân; có thời gian thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân tối thiểu 01 năm; có kết quả kiểm tra nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đạt yêu cầu còn giá trị sử dụng;

c) Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an, cán bộ Công an cấp xã được phân công phụ trách, thực hiện công tác tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy hằng năm.

4. Yêu cầu nghiệp vụ đối với cán bộ được phân công thực hiện công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Cán bộ được phân công thực hiện công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ là Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên hoặc cán bộ có thời gian thực hiện công tác nghiên cứu, tham mưu, hướng dẫn về nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tối thiểu 03 năm;

b) Cán bộ được phân công thực hiện công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy là Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa hoặc giảng viên khoa chuyên ngành chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Cán bộ được phân công thực hiện công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an cấp tỉnh là Phó Đội trưởng trở lên phụ trách công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc cán bộ được giao chuyên trách về huấn luyện có thời gian tham mưu, hướng dẫn, thực hiện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tối thiểu 03 năm.

Điều 18. Đối tượng bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Đối tượng bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

a) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công phụ trách, dự kiến phân công phụ trách công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

b) Cán bộ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công, dự kiến phân công thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

c) Đội trưởng, Phó Đội trưởng, cán bộ thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công, dự kiến phân công thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

2. Đối tượng bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy:

a) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công, dự kiến phân công phụ trách công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy;

b) Cán bộ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công, dự kiến phân công thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy;

c) Đội trưởng, Phó Đội trưởng, cán bộ thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được phân công, dự kiến phân công phụ trách, thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy;

d) Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an, cán bộ Công an cấp xã được phân công, dự kiến phân công phụ trách, thực hiện công tác tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Đối tượng huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Đội trưởng, Phó Đội trưởng các đội: Đội Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực; Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông;

c) Cán bộ được phân công thực hiện công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Cán bộ, chiến sĩ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

đ) Cán bộ, chiến sĩ điều khiển, vận hành xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tàu chữa cháy, xuồng, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Các trường hợp được miễn, hoãn bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Trường hợp được miễn: cán bộ, chiến sĩ đang trong thời gian điều trị bệnh hiểm nghèo; bệnh trong danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của pháp luật; trong thời gian công tác biệt phái; đang học tập trung tại học viện, trường trong và ngoài ngành Công an từ 12 tháng trở lên; phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi;

b) Trường hợp được hoãn: cán bộ, chiến sĩ bị ốm, đau, nghỉ đột xuất, đi công tác có xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc được lãnh đạo đơn vị cho nghỉ vào thời điểm huấn luyện, bồi dưỡng. Các trường hợp được hoãn phải tham gia huấn luyện, bồi dưỡng bổ sung trong kỳ tiếp theo đối với các nội dung chưa thực hiện;

c) Cán bộ, chiến sĩ đã tham gia huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nâng cao được miễn tham gia huấn luyện định kỳ trong năm đó.

Điều 19. Nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy bao gồm:

- a) Quy định của pháp luật về các nội dung liên quan đến công tác phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư xây dựng;
- b) Quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy;
- c) Công tác nghiệp vụ cơ bản, hồ sơ nghiệp vụ phục vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
- d) Quy trình và nội dung thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
- đ) Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư xây dựng;
- e) Các quy định khác của pháp luật có liên quan đến công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

2. Nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy bao gồm:

- a) Quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
- b) Quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy;
- c) Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- d) Công tác nghiệp vụ cơ bản; công tác hồ sơ nghiệp vụ phục vụ quản lý về phòng cháy, chữa cháy đối với địa bàn, cơ sở;
- đ) Quy trình và nội dung thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy; xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; điều tra, giải quyết vụ cháy;
- e) Các quy định khác của pháp luật có liên quan đến công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy.

3. Nội dung huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

a) Lý thuyết: kỹ thuật cá nhân, đội hình, chiến thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phổ biến nội dung phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ; công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

b) Lý thuyết công tác chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

c) Thực hành huấn luyện thể lực;

d) Thực hành kỹ thuật cá nhân chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

đ) Thực hành đội hình chữa cháy, đội hình cứu nạn, cứu hộ;

e) Thực hành chiến thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

g) Thực hành sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

h) Bổ túc tay lái cho cán bộ, chiến sĩ điều khiển, vận hành xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tàu chữa cháy, xuồng, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Công an các đơn vị, địa phương căn cứ tài liệu do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ biên soạn và ban hành để xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương.

Điều 20. Thời gian bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy hằng năm cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Thông tư này tối thiểu 08 giờ; đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 18 Thông tư này tối thiểu 16 giờ.

2. Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy hằng năm cho đối tượng quy định tại điểm a và điểm d khoản 2 Điều 18 Thông tư này tối thiểu 08 giờ; đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 18 Thông tư này tối thiểu 16 giờ.

3. Huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Huấn luyện thường xuyên được thực hiện hằng ngày trong ca trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (trừ ngày nghỉ lễ, tết) tại trụ sở đơn vị Cảnh sát

phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng quy định tại các điểm b, d và điểm đ khoản 3 Điều 18 Thông tư này theo nội dung quy định tại các điểm c, d và điểm g khoản 3 Điều 19 Thông tư này. Kết quả huấn luyện được ghi vào Sổ theo dõi công tác huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 09 Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Trường hợp cán bộ, chiến sĩ đã thực hiện nhiệm vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ từ 02 giờ trở lên vào ban đêm (từ 22 giờ đêm hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau) thì được miễn tham gia huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong ngày hôm sau;

b) Huấn luyện định kỳ được thực hiện tập trung tại trụ sở của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc trung tâm huấn luyện của Công an cấp tỉnh (trong trường hợp Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ không đáp ứng được điều kiện huấn luyện cần thiết):

Định kỳ một năm một lần cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 Thông tư này với thời gian tối thiểu là 24 giờ (08 giờ lý thuyết, 16 giờ thực hành) theo nội dung quy định tại các điểm a, b và điểm e khoản 3 Điều 19 Thông tư này; đối tượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 18 Thông tư này với thời gian tối thiểu là 56 giờ (16 giờ lý thuyết, 40 giờ thực hành) theo nội dung quy định tại các điểm a, b, đ, e và điểm g khoản 3 Điều 19 Thông tư này.

Định kỳ 06 tháng một lần cho các đối tượng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 18 Thông tư này với thời gian tối thiểu là 120 giờ (16 giờ lý thuyết, 104 giờ thực hành) theo nội dung quy định tại các điểm a, đ, e và điểm g khoản 3 Điều 19 Thông tư này; đối tượng quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 18 Thông tư này với thời gian tối thiểu 120 giờ (08 giờ lý thuyết, 08 giờ bỏ túi tay lái, 104 giờ thực hành) theo nội dung quy định tại các điểm a, đ, e, g và điểm h khoản 3 Điều 19 Thông tư này;

c) Huấn luyện nâng cao được thực hiện tập trung tại trung tâm huấn luyện của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an:

Định kỳ 01 năm một lần cho đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 18 Thông tư này với thời gian tối thiểu 56 giờ theo nội dung quy định tại các điểm a, c, d, e và điểm g khoản 3 Điều 19 Thông tư này.

Định kỳ 02 năm một lần cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 Thông tư này với thời gian tối thiểu là 24 giờ theo nội dung quy định tại các điểm a, b và điểm e khoản 3 Điều 19 Thông tư này; đối tượng quy định tại

điểm b khoản 3 Điều 18 Thông tư này với thời gian tối thiểu là 40 giờ theo nội dung quy định tại các điểm a, b, e và điểm g khoản 3 Điều 19 Thông tư này.

Điều 21. Thẩm quyền bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy hằng năm cho đối tượng quy định điểm a và điểm b khoản 1 Điều 18 Thông tư này;

b) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy hằng năm cho đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 18 Thông tư này;

c) Tổ chức huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 3 Điều 18 Thông tư này.

2. Công an cấp tỉnh:

a) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy hằng năm cho các đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Thông tư này thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy hằng năm cho các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 18 Thông tư này thuộc phạm vi quản lý;

c) Tổ chức huấn luyện định kỳ nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng quy định tại các điểm a, b, d và điểm đ khoản 3 Điều 18 Thông tư này thuộc phạm vi quản lý.

3. Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tổ chức huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho các đối tượng quy định tại các điểm b, d và điểm đ khoản 3 Điều 18 Thông tư này thuộc phạm vi quản lý.

Điều 22. Kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 18 đã được bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư này được tham gia kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

2. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Thành lập Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. Chủ tịch Hội đồng là Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo, cán bộ các đơn vị nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm: tổ chức xây dựng quy chế, đề kiểm tra phù hợp với đối tượng, nội dung đã bồi dưỡng; tổ chức kiểm tra; chấm điểm bài kiểm tra;

b) Tổ chức kiểm tra cho đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 18 Thông tư này sau khi đã được bồi dưỡng theo quy định; tổ chức kiểm tra cho đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Thông tư này sau khi nhận được đề nghị của Công an cấp tỉnh; thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm, danh sách cán bộ tham gia kiểm tra;

c) Thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra chậm nhất 15 ngày từ ngày kiểm tra. Kết quả kiểm tra đạt yêu cầu của cán bộ có giá trị 05 năm từ ngày có thông báo;

d) Căn cứ Thông báo kết quả kiểm tra, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xem xét, quyết định phân công hoặc tiếp tục phân công Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, cán bộ thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc phạm vi quản lý bảo đảm yêu cầu nghiệp vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này. Không phân công phụ trách, thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với trường hợp có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

3. Công an cấp tỉnh:

a) Hằng năm, rà soát, lập danh sách các đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Thông tư này đã được bồi dưỡng, đề nghị Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

b) Căn cứ Thông báo kết quả kiểm tra của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ để xem xét phân công hoặc tiếp tục phân công Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Đội trưởng, Phó Đội trưởng, cán bộ thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy thuộc

phạm vi quản lý bảo đảm yêu cầu nghiệp vụ quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này. Không phân công phụ trách, thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với trường hợp có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

Điều 23. Kiểm tra nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy

1. Đối tượng quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 2 Điều 18 Thông tư này đã được bồi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này được tham gia kiểm tra nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy.

2. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Thành lập Hội đồng kiểm tra nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy. Chủ tịch Hội đồng là Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo, cán bộ các đơn vị nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm: tổ chức xây dựng quy chế, đề kiểm tra phù hợp với đối tượng, nội dung đã bồi dưỡng; tổ chức kiểm tra; chấm điểm bài kiểm tra;

b) Tổ chức kiểm tra cho đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 18 Thông tư này sau khi đã được bồi dưỡng theo quy định; tổ chức kiểm tra cho đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Thông tư này sau khi nhận được đề nghị của Công an cấp tỉnh; thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm, danh sách cán bộ tham gia kiểm tra;

c) Thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra chậm nhất 15 ngày từ ngày kiểm tra. Kết quả kiểm tra đạt yêu cầu của cán bộ có giá trị 05 năm từ ngày có thông báo;

d) Căn cứ Thông báo kết quả kiểm tra, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ xem xét, quyết định phân công hoặc tiếp tục phân công Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng phụ trách, cán bộ thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy thuộc phạm vi quản lý bảo đảm yêu cầu nghiệp vụ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 Thông tư này. Không phân công phụ trách, thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với trường hợp có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

3. Công an cấp tỉnh:

a) Hằng năm, rà soát, lập danh sách đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Thông tư này đã được bồi dưỡng, đề nghị Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tổ chức kiểm tra nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy;

b) Căn cứ Thông báo kết quả kiểm tra của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ để xem xét, quyết định phân công hoặc tiếp tục phân công Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Đội trưởng, Phó Đội trưởng phụ trách, cán bộ thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy thuộc phạm vi quản lý bảo đảm yêu cầu nghiệp vụ quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 17 Thông tư này. Không phân công phụ trách, thực hiện công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy đối với trường hợp có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

Điều 24. Kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư này sau khi huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư này phải tham gia kiểm tra kết quả huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Chủ tịch Hội đồng là Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo, cán bộ các đơn vị nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm: tổ chức xây dựng quy chế, đề kiểm tra phù hợp với đối tượng, nội dung đã huấn luyện; tổ chức kiểm tra; chấm điểm bài kiểm tra;

b) Tổ chức kiểm tra cho đối tượng quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 3 Điều 18 Thông tư này sau khi kết thúc huấn luyện nâng cao theo quy định;

c) Thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra chậm nhất 05 ngày làm việc từ ngày kiểm tra. Kết quả kiểm tra là một trong các tiêu chí để nhận xét, đánh giá, phân loại cán bộ hằng năm.

3. Công an cấp tỉnh:

a) Thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả huấn luyện định kỳ nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Chủ tịch Hội

đồng là đại diện Ban Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo, cán bộ các đơn vị chức năng có liên quan thuộc Công an cấp tỉnh.

Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm: tổ chức xây dựng quy chế, đề kiểm tra phù hợp với đối tượng, nội dung đã huấn luyện; tổ chức kiểm tra; chấm điểm bài kiểm tra;

b) Tổ chức kiểm tra cho đối tượng quy định tại các điểm a, b, d và điểm đ khoản 3 Điều 18 Thông tư này sau khi kết thúc huấn luyện định kỳ theo quy định;

c) Thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra chậm nhất 05 ngày làm việc từ ngày kiểm tra. Kết quả kiểm tra là một trong các tiêu chí để nhận xét, đánh giá, phân loại đối với cá nhân hàng năm;

d) Tổng hợp kết quả huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và báo cáo theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Thông tư này gửi về Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

a) Tổ chức đánh giá kết quả huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với đối tượng quy định tại các điểm b, d và điểm đ khoản 3 Điều 18 Thông tư này thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổng hợp kết quả công tác huấn luyện thường xuyên nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và báo cáo theo quy định.

Điều 25. Kinh phí tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Kinh phí tổ chức bồi dưỡng, tổ chức kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy được bố trí trong dự toán kinh phí thường xuyên của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp tỉnh hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Kinh phí tổ chức bồi dưỡng, tổ chức kiểm tra nghiệp vụ công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được bố trí trong dự toán kinh phí thường xuyên của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp tỉnh hoặc nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc sử dụng cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

3. Hằng năm, căn cứ kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành, Công an các đơn vị, địa phương lập dự toán, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách hằng năm của Công an các đơn vị, địa phương.

Chương IV

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ; QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 26. Quy trình thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

Việc thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Quy trình thực hiện cụ thể như sau:

1. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện theo các quy định như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:

Hồ sơ đầy đủ thành phần và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và trả Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính:

Hồ sơ đầy đủ thành phần và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và ghi thông tin vào Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và gửi Giấy tiếp nhận hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân qua dịch vụ bưu chính.

Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân qua dịch vụ bưu chính.

Hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân qua dịch vụ bưu chính;

c) Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công:

Hồ sơ đầy đủ thành phần và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và thông báo tiếp nhận giải quyết hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn của cổng dịch vụ công.

Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết thì không tiếp nhận, thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối tiếp nhận hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn của cổng dịch vụ công.

2. Bàn giao hồ sơ:

a) Đối với hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính theo quy định, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ lập và ghi đầy đủ thông tin vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 05 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP, báo cáo và bàn giao hồ sơ đến người có thẩm quyền tiếp nhận và xử lý theo quy trình;

b) Đối với hồ sơ được tiếp nhận qua cổng dịch vụ công, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền tiếp nhận và xử lý theo quy trình.

3. Phân công thực hiện giải quyết hồ sơ:

Người được phân công phụ trách công tác thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy giao cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bằng Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 05 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

trong trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phân công trực tiếp trên cổng dịch vụ công.

4. Thực hiện giải quyết hồ sơ:

a) Cán bộ được phân công trực tiếp giải quyết hồ sơ có trách nhiệm nghiên cứu, đối chiếu hồ sơ đã tiếp nhận với các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy và dự thảo văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC12 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, văn bản thông báo nộp phí thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (nếu có), báo cáo lãnh đạo, chỉ huy có thẩm quyền xem xét, duyệt trong trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và điểm g mục 1 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c, d và điểm đ mục 1 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Trường hợp không đạt yêu cầu thì dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy có thẩm quyền xem xét, duyệt. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, e và điểm g mục 1 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c và điểm e mục 1 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

b) Lãnh đạo, chỉ huy được phân công giải quyết hồ sơ trình người có thẩm quyền xem xét, duyệt, ký các văn bản được nêu tại điểm a khoản này;

c) Sau khi văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được ký duyệt, bộ phận được giao nhiệm vụ thực hiện lấy số, đóng dấu văn bản, đóng dấu “ĐÃ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY” theo Mẫu số PC14 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP vào hồ sơ thiết kế và bàn giao văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy kèm theo hồ sơ được đóng dấu và văn bản thông báo nộp phí thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (nếu có) hoặc văn bản trả lời kèm theo hồ sơ đã nộp trước đó cho bộ phận một cửa trong trường hợp hồ sơ tiếp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. Trường hợp thực hiện trên cổng dịch vụ công thì chuyển bộ phận một cửa.

d) Bộ phận một cửa thực hiện trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Trường hợp nhận kết quả trên cổng dịch vụ công, bộ phận một cửa gửi thông báo kết quả giải quyết hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn của cổng dịch vụ công. Gửi văn bản giấy kết

quả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đã đăng ký trước đó (trường hợp có đăng ký nhận bản giấy kết quả qua dịch vụ bưu chính, chi phí gửi tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả).

5. Cán bộ trực tiếp giải quyết hồ sơ thực hiện một số nhiệm vụ sau:

a) Phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ tiếp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính thì hồ sơ số hóa bao gồm thuyết minh, bản vẽ thiết kế được đóng dấu “ĐÃ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY”);

b) Lập và lưu trữ hồ sơ thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định về hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

Điều 27. Quy trình kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Việc kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Quy trình thực hiện cụ thể như sau:

1. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện theo các quy định như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:

Hồ sơ đầy đủ thành phần và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính:

Hồ sơ đầy đủ thành phần và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và ghi thông tin vào Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 kèm theo Thông

tư số 01/2018/TT-VPCP và gửi Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, cá nhân qua dịch vụ bưu chính.

Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân qua dịch vụ bưu chính.

Hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân qua dịch vụ bưu chính;

c) Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công:

Hồ sơ đầy đủ thành phần và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và thông báo tiếp nhận giải quyết hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn của cổng dịch vụ công.

Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết thì không tiếp nhận, thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối tiếp nhận hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn của cổng dịch vụ công.

2. Bàn giao hồ sơ:

a) Đối với hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính theo quy định, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ lập và ghi đầy đủ thông tin vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 05 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP, báo cáo và bàn giao hồ sơ đến người có thẩm quyền tiếp nhận và xử lý theo quy trình;

b) Đối với hồ sơ được tiếp nhận qua cổng dịch vụ công, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền tiếp nhận và xử lý theo quy trình.

3. Phân công thực hiện giải quyết hồ sơ:

Người được phân công phụ trách công tác kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy giao cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bằng Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 05 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP trong trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phân công trực tiếp trên cổng dịch vụ công.

4. Thực hiện giải quyết hồ sơ:

a) Cán bộ được phân công trực tiếp giải quyết hồ sơ có trách nhiệm đề xuất nội dung, thời gian, thành phần đoàn kiểm tra, dự thảo kế hoạch kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, dự thảo văn bản thông báo cho chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông và các đơn vị có liên quan, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy có thẩm quyền xem xét, duyệt.

Trường hợp chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông đề nghị cơ quan quản lý chuyên ngành đồng thời kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP thì thực hiện theo kế hoạch kiểm tra của cơ quan chủ trì. Cán bộ được phân công trực tiếp giải quyết hồ sơ có trách nhiệm đề xuất thành phần tham gia phối hợp và dự thảo văn bản thông báo cho cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc cơ quan đăng kiểm và các đơn vị có liên quan, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy có thẩm quyền xem xét, duyệt;

b) Lãnh đạo, chỉ huy được phân công giải quyết hồ sơ trình người có thẩm quyền xem xét, duyệt, ký các văn bản quy định tại điểm a khoản này;

c) Sau khi kế hoạch kiểm tra, văn bản thông báo được ký duyệt, bộ phận được giao nhiệm vụ thực hiện lấy số, đóng dấu văn bản, bàn giao cho bộ phận một cửa và thông báo cho chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình, chủ phương tiện giao thông và cơ quan, đơn vị có liên quan;

d) Khi thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, cán bộ thực hiện các công việc: giới thiệu thành phần đoàn kiểm tra, thông báo nội dung, kế hoạch kiểm tra liên quan đến công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình, phương tiện giao thông có yêu cầu về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy; tiến hành kiểm tra các nội dung theo quy định và lập biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC16 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP;

đ) Căn cứ biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, cán bộ trực tiếp giải quyết hồ sơ dự thảo văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC17 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy có thẩm quyền xem xét, duyệt trong trường hợp đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, d và điểm e mục 2 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c và điểm d mục 2 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Trường hợp không đạt yêu cầu thì dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy có thẩm quyền xem xét, duyệt. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, đ và điểm e mục 2 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c và điểm đ mục 2 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

e) Lãnh đạo, chỉ huy được phân công giải quyết hồ sơ trình người có thẩm quyền xem xét, duyệt, ký các văn bản được nêu tại điểm đ khoản này;

g) Sau khi văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời được ký duyệt, bộ phận được giao nhiệm vụ thực hiện lấy số, đóng dấu văn bản và bàn giao cho bộ phận một cửa;

h) Bộ phận một cửa thực hiện trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Trường hợp nhận kết quả trên cổng dịch vụ công, bộ phận một cửa gửi thông báo kết quả giải quyết hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn của cổng dịch vụ công. Gửi văn bản giấy kết quả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đã đăng ký trước đó (trường hợp có đăng ký nhận bản giấy kết quả qua dịch vụ bưu chính, chi phí gửi tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả).

5. Cán bộ trực tiếp giải quyết hồ sơ thực hiện một số nhiệm vụ sau:

a) Phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP;

b) Lập và lưu trữ hồ sơ kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định về hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

Điều 28. Quy trình kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy

Việc kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Công an do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13, khoản 3 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Quy trình thực hiện cụ thể như sau:

1. Kiểm tra định kỳ đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ:

a) Tổ chức rà soát, lập danh sách các cơ sở thuộc Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý dự kiến tổ chức kiểm tra định kỳ của năm kế tiếp; xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra trước ngày 15 tháng 12 hằng năm;

b) Gửi thông báo cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để thống nhất về thời gian, nội dung, phương pháp, thành phần tham gia đoàn kiểm tra theo tháng hoặc theo quý;

c) Ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra, văn bản thông báo về thời gian, nội dung, thành phần tham gia kiểm tra;

d) Gửi văn bản thông báo cho đối tượng được kiểm tra và thành viên đoàn kiểm tra theo quy định;

đ) Tổ chức kiểm tra:

Trưởng đoàn giới thiệu thành phần, nội dung, phương pháp kiểm tra, phân công thành viên trong đoàn thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy theo thẩm quyền tương ứng.

Thành viên đoàn tiến hành kiểm tra theo phân công; kết thúc kiểm tra, tổng hợp kết quả kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số PC03 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện hành vi vi phạm về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, trưởng đoàn kiểm tra phân định trách nhiệm xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 5 năm 2025 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Kiểm tra định kỳ đối với phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách, tàu thủy lưu trú du lịch có sức chở người từ 50 người trở lên:

a) Tổ chức rà soát, lập danh sách phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách, tàu thủy lưu trú du lịch có sức chở người từ 50 người trở lên thuộc phạm vi quản lý dự kiến tổ chức định kỳ của năm kế tiếp; xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra trước ngày 15 tháng 12 hằng năm;

b) Ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra hoặc phân công cán bộ thực hiện kiểm tra, văn bản thông báo về thời gian, nội dung, thành phần kiểm tra;

c) Gửi văn bản thông báo cho đối tượng được kiểm tra;

d) Trưởng đoàn hoặc cán bộ được phân công kiểm tra giới thiệu thành phần, nội dung, phương pháp kiểm tra; phân công thành viên đoàn thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy (nếu có);

đ) Thành viên đoàn hoặc cán bộ được phân công tiến hành kiểm tra theo phân công; kết thúc kiểm tra, tổng hợp kết quả kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số PC03 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện hành vi vi phạm về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, thực hiện xử lý đối với hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

3. Kiểm tra định kỳ đối với công trình xây dựng trong quá trình thi công thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

a) Tổ chức rà soát, lập danh sách các công trình xây dựng trong quá trình thi công thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy thuộc phạm vi quản lý;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại các điểm b, c, d và điểm đ khoản 2 Điều này.

4. Kiểm tra đột xuất:

a) Ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra hoặc ký giấy giới thiệu phân công cán bộ thực hiện kiểm tra;

b) Trưởng đoàn kiểm tra hoặc cán bộ được phân công kiểm tra giới thiệu thành phần, thông báo rõ lý do, thời gian, nội dung, hình thức kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra hoặc người đại diện của đối tượng được kiểm tra;

c) Đoàn kiểm tra hoặc cán bộ được phân công kiểm tra thực hiện kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy đối với nội dung có dấu hiệu vi phạm, đơn khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự của cơ quan có thẩm quyền;

d) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.

5. Nhiệm vụ sau khi kết thúc kiểm tra định kỳ, đột xuất:

a) Trưởng đoàn hoặc cán bộ được phân công thực hiện kiểm tra báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp về kết quả kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy bằng văn bản theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Thông tư này kèm theo: biên bản kiểm tra; quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp xử phạt không lập biên bản, biên bản vi phạm hành chính (nếu có);

b) Lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp quản lý có trách nhiệm xem xét kết quả kiểm tra và chỉ đạo đơn vị, cán bộ thực hiện thủ tục xử phạt vi phạm hành chính theo quy định, ban hành văn bản kiến nghị đối tượng kiểm tra khắc phục sơ hở, thiếu sót, vi phạm về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (nếu có);

c) Cán bộ được phân công cập nhật, bổ sung tài liệu vào hồ sơ quản lý về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với cơ sở quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Điều 29. Quy trình cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy

Việc cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ và Điều 38 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy. Quy trình thực hiện cụ thể như sau:

1. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện theo các quy định như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:

Hồ sơ đầy đủ thành phần và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.

Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính:

Hồ sơ đầy đủ thành phần và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và ghi thông tin vào Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và gửi Giấy tiếp nhận hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân qua dịch vụ bưu chính.

Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân qua dịch vụ bưu chính.

Hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 kèm theo

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân qua dịch vụ bưu chính;

c) Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công:

Hồ sơ đầy đủ thành phần và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và thông báo tiếp nhận hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn của cổng dịch vụ công.

Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết thì không tiếp nhận, thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối tiếp nhận hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn của cổng dịch vụ công.

2. Bàn giao hồ sơ:

a) Đối với hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính theo quy định, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ lập và ghi đầy đủ thông tin vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP, báo cáo và bàn giao hồ sơ đến người có thẩm quyền tiếp nhận và xử lý theo quy trình;

b) Đối với hồ sơ được tiếp nhận qua cổng dịch vụ công, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền tiếp nhận và xử lý theo quy trình.

3. Phân công thực hiện giải quyết hồ sơ:

Người được phân công phụ trách công tác cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy giao cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bằng Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP trong trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phân công trực tiếp trên cổng dịch vụ công.

4. Thực hiện giải quyết hồ sơ:

a) Cán bộ được phân công trực tiếp giải quyết hồ sơ có trách nhiệm nghiên cứu, đối chiếu hồ sơ đã tiếp nhận với các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy và dự thảo giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC29 kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và

Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy, văn bản thông báo chi phí in tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy có thẩm quyền xem xét, duyệt trong trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c, d và điểm e mục 3 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b, c và điểm d mục 3 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Trường hợp không đạt yêu cầu thì dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy có thẩm quyền xem xét, duyệt. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, d và điểm e mục 3 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b và điểm d mục 3 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

b) Lãnh đạo, chỉ huy được phân công giải quyết hồ sơ trình người có thẩm quyền xem xét, duyệt, ký các văn bản được nêu tại điểm a khoản này;

c) Sau khi giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy, văn bản thông báo chi phí in tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản trả lời được ký duyệt chuyên cho văn thư cấp số, đóng dấu văn bản theo quy định và bàn giao cho bộ phận một cửa;

d) Bộ phận một cửa thực hiện trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Trường hợp nhận kết quả trên cổng dịch vụ công, bộ phận một cửa gửi thông báo kết quả giải quyết hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn của cổng dịch vụ công. Gửi văn bản giấy kết quả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đã đăng ký trước đó (trường hợp có đăng ký nhận bản giấy kết quả qua dịch vụ bưu chính, chi phí gửi tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả).

5. Cán bộ trực tiếp giải quyết hồ sơ thực hiện một số nhiệm vụ sau:

a) Phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP;

b) Lập và lưu trữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định về hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

Điều 30. Quy trình cấp giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Việc cấp giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP. Quy trình thực hiện cụ thể như sau:

1. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện theo các quy định như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:

Hồ sơ đầy đủ thành phần và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và ghi thông tin vào Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.

Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính:

Hồ sơ đầy đủ thành phần và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và ghi thông tin vào Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và gửi Giấy tiếp nhận hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân qua dịch vụ bưu chính.

Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân qua dịch vụ bưu chính.

Hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì không tiếp nhận hồ sơ, ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân qua dịch vụ bưu chính;

c) Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công:

Hồ sơ đầy đủ thành phần và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và thông báo tiếp nhận giải quyết hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn của cổng dịch vụ công.

Hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hoặc chưa hợp lệ hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết thì không tiếp nhận, thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc

từ chối tiếp nhận hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn của công dịch vụ công.

2. Bàn giao hồ sơ:

a) Đối với hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính theo quy định, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ lập và ghi đầy đủ thông tin vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP, báo cáo và bàn giao hồ sơ đến người có thẩm quyền tiếp nhận và xử lý theo quy trình;

b) Đối với hồ sơ được tiếp nhận qua công dịch vụ công, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền tiếp nhận và xử lý theo quy trình.

3. Phân công thực hiện giải quyết hồ sơ:

Người được phân công phụ trách công tác cấp giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ giao cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bằng Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP trong trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phân công trực tiếp trên công dịch vụ công.

4. Thực hiện giải quyết hồ sơ:

a) Cán bộ được phân công trực tiếp giải quyết hồ sơ có trách nhiệm nghiên cứu, đối chiếu nội dung kết quả thử nghiệm phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các tài liệu có trong hồ sơ với các quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; báo cáo lãnh đạo, chỉ huy có thẩm quyền xem xét, duyệt trong trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, c và điểm đ mục 4 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b và điểm c mục 4 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Trường hợp không đạt yêu cầu thì dự thảo văn bản trả lời, nêu rõ lý do, báo cáo lãnh đạo, chỉ huy có thẩm quyền xem xét, duyệt. Thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm a, b, d và điểm đ mục 4 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thành phần hồ sơ trình ký quy định tại các điểm b và điểm d mục 4 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

b) Lãnh đạo, chỉ huy được phân công thực hiện hồ sơ trình người có thẩm quyền xem xét, duyệt, ký các văn bản được nêu tại điểm a khoản này;

c) Sau khi giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hoặc văn bản trả lời được ký duyệt chuyển cho văn thư cấp sổ, đóng dấu văn bản theo quy định và bàn giao cho bộ phận một cửa;

d) Bộ phận một cửa thực hiện trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Trường hợp nhận kết quả trên cổng dịch vụ công, bộ phận một cửa gửi thông báo kết quả giải quyết hồ sơ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn của cổng dịch vụ công. Gửi văn bản giấy kết quả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đã đăng ký trước đó (trường hợp có đăng ký nhận bản giấy kết quả qua dịch vụ bưu chính, chi phí gửi tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả).

5. Cán bộ trực tiếp giải quyết hồ sơ thực hiện một số nhiệm vụ sau:

a) Phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP;

b) Lập và lưu trữ hồ sơ cấp giấy phép lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định về hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

Điều 31. Quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải được quản lý, bảo quản, bảo dưỡng để sẵn sàng sử dụng.

2. Chế độ, nội dung, địa điểm, nơi quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và quy định sau đây:

a) Phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới, mặt nạ phòng độc cách ly, thiết bị dò tìm người, máy phân tích nồng độ hóa chất, máy đo cường độ phóng xạ, bộ đàm được bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên hằng ngày và do cán bộ, chiến sĩ được giao quản lý, sử dụng thực hiện;

b) Kết thúc việc bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới phải ghi đầy đủ nội dung vào Sổ theo dõi hoạt động của phương tiện theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hằng năm, Công an cấp tỉnh báo cáo Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ về tình hình quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo các nội dung cơ bản sau:

a) Thực trạng công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng (số lượng, chất lượng, chủng loại, nội dung bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được trang bị);

b) Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

c) Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Chương V

CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG KHI THỰC HIỆN HUẤN LUYỆN, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ; THỰC TẬP PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ VÀ PHƯƠNG ÁN CỨU NẠN, CỨU HỘ; KHI CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 32. Nguyên tắc áp dụng chế độ bồi dưỡng

1. Khi áp dụng chế độ bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải căn cứ vào các tài liệu sau:

a) Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với: việc tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; việc thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ;

b) Văn bản xác nhận của người có thẩm quyền cho cán bộ, chiến sĩ về thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Chế độ bồi dưỡng khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, khi thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 33. Đối tượng được hưởng chế độ bồi dưỡng

1. Cán bộ, chiến sĩ quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 18 Thông tư này khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

2. Cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa và cứu nạn, cứu hộ khi thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn,

cứu hộ của cơ quan Công an có huy động nhiều lực lượng, phương tiện của cơ quan, tổ chức.

3. Cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 34. Thời gian tính hưởng chế độ bồi dưỡng

1. Cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi thực hiện huấn luyện định kỳ, huấn luyện nâng cao, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 20 Thông tư này được hưởng chế độ bồi dưỡng theo số ngày thực tế huấn luyện, bồi dưỡng nhưng không quá 30 (ba mươi) ngày trong một năm.

2. Cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an có huy động nhiều lực lượng, phương tiện của cơ quan, tổ chức được hưởng chế độ bồi dưỡng theo số ngày thực tế thực tập.

3. Cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được hưởng chế độ bồi dưỡng theo thời gian thực tế chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Thời gian để tính chế độ bồi dưỡng như sau:

a) Thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ liên tục dưới 04 giờ được tính là 0,5 ngày;

b) Thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ liên tục từ 04 giờ đến dưới 08 giờ được tính là 01 ngày;

c) Thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ liên tục từ 08 giờ trở lên thì khoảng thời gian chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tiếp theo được tính tương ứng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Điều 35. Cách tính chế độ bồi dưỡng

1. Mức tiền bồi dưỡng được hưởng khi thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được tính theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Mức tiền bồi dưỡng} \\ \text{được hưởng} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{hệ số} \\ 0,1 \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Mức lương} \\ \text{cơ sở} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Số ngày thực tế huấn luyện,} \\ \text{bồi dưỡng} \end{array} \right)$$

Mức lương cơ sở thực hiện theo quy định của Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng

đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Khi mức lương cơ sở có thay đổi thì thực hiện theo quy định về mức lương mới.

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn A, thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong thời gian 30 ngày, mức tiền bồi dưỡng được hưởng như sau:

Tiền bồi dưỡng được hưởng = $0,1 \times 2.340.000 \times 30 = 7.020.000$ đồng;

2. Mức tiền bồi dưỡng được hưởng khi thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an có huy động nhiều lực lượng, phương tiện của cơ quan, tổ chức được tính theo công thức sau:

$$\left(\begin{matrix} \text{Mức tiền bồi dưỡng} \\ \text{được hưởng} \end{matrix} \right) = \left(\begin{matrix} \text{hệ số} \\ 0,2 \end{matrix} \right) \times \left(\begin{matrix} \text{Mức lương} \\ \text{cơ sở} \end{matrix} \right) \times \left(\begin{matrix} \text{Số ngày thực tế} \\ \text{thực tập phương án} \end{matrix} \right)$$

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn A, thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong thời gian 05 ngày, mức tiền bồi dưỡng được hưởng như sau:

Tiền bồi dưỡng được hưởng = $0,2 \times 2.340.000 \times 5 = 2.340.000$ đồng.

3. Mức tiền bồi dưỡng được hưởng khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được tính theo công thức sau:

$$\left(\begin{matrix} \text{Mức tiền bồi dưỡng} \\ \text{được hưởng} \end{matrix} \right) = \left(\begin{matrix} \text{hệ số} \\ 0,3 \end{matrix} \right) \times \left(\begin{matrix} \text{Mức lương} \\ \text{cơ sở} \end{matrix} \right) \times \left(\begin{matrix} \text{Số ngày thực tế chữa cháy,} \\ \text{cứu nạn, cứu hộ} \end{matrix} \right)$$

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn A, thuộc lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong thời gian 02 giờ, mức tiền bồi dưỡng được hưởng như sau:

Tiền bồi dưỡng được hưởng = $0,3 \times 2.340.000 \times 0,5 = 351.000$ đồng.

Điều 36. Nguồn kinh phí chi trả chế độ bồi dưỡng

1. Kinh phí chi trả chế độ bồi dưỡng quy định tại Thông tư này được bố trí trong kinh phí thường xuyên của Công an các đơn vị, địa phương hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Hằng năm, Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện chế độ bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư này, tổng hợp vào dự toán chi hoạt động thường xuyên năm của đơn vị, địa phương và báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và Tài chính). Cục Kế hoạch và Tài chính có trách nhiệm tổng hợp vào dự toán chi hoạt động thường xuyên năm của Bộ Công an gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Các Thông tư sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:
 - a) Thông tư số 139/2020/TT-BCA ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác thường trực sẵn sàng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân;
 - b) Thông tư số 140/2020/TT-BCA ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về triển khai các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân;
 - c) Thông tư số 141/2020/TT-BCA ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân;
 - d) Thông tư số 82/2021/TT-BCA ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
 - đ) Thông tư số 06/2022/TT-BCA ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân;
 - e) Thông tư số 02/2023/TT-BCA ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân;
 - g) Thông tư số 55/2024/TT-BCA ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2020/TT-BCA ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân; Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành; Thông tư số 82/2021/TT-BCA ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Thông tư số

06/2022/TT-BCA ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân.

Điều 38. Quy định chuyển tiếp

1. Kết quả kiểm tra nghiệp vụ công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của Thông tư số 82/2021/TT-BCA và Thông tư số 141/2020/TT-BCA đạt yêu cầu của Đội trưởng, Phó Đội trưởng, cán bộ còn thời hạn được tiếp tục sử dụng đến khi hết hạn và là căn cứ để phân công cán bộ thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy.

2. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đang được phân công phụ trách, thực hiện công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ mà chưa được bồi dưỡng, kiểm tra nghiệp vụ theo quy định tại Thông tư này thì được tiếp tục phụ trách, thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy nhưng không quá 12 tháng từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, tổ chức việc tích hợp số điện thoại báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ 114, số điện thoại tiếp nhận tin báo về an ninh, trật tự 113 và số điện thoại 115 vào chung Hệ thống tổng đài tiếp nhận cuộc gọi từ số điện thoại 113, 114, 115 theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Tổ chức bố trí Hệ thống tổng đài tiếp nhận tin báo tại Trung tâm Thông tin chỉ huy bảo đảm có thể tích hợp tính năng hiển thị số điện thoại gọi đến, ghi âm, chặn cuộc gọi, lưu trữ cuộc gọi đến và thuận lợi trong phân loại, xử lý tin báo, kết nối nhanh chóng tin báo với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

c) Phân công, bố trí cán bộ, chiến sĩ, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý tin báo tại Trung tâm Thông tin chỉ huy bảo đảm thống nhất, hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ, tin báo về an ninh, trật tự trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

d) Chỉ đạo việc phối hợp, trao đổi thông tin phục vụ chỉ huy, điều hành, giải quyết các vụ việc về an ninh, trật tự, vụ việc cháy, nổ, tai nạn, sự cố giữa Trung tâm Thông tin chỉ huy với Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp xã, cơ quan y tế và các đơn vị có liên quan.

3. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, tổ chức, cơ sở, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C07.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang